

Hồi ký Henry S. Olcott Tập I



NGUYỄN HỮU KIỆT dịch

HỒI KÝ
CỦA H. S. OLCOTT

CÓ HỘI TRƯỞNG

**HỘI THÔNG THIÊN HỌC THẾ GIỚI (THEOSOPHICAL
SOCIETY)**

Chuyển thể ebook Lâm Văn Kiệt 09/2011

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG MỘT - CUỘC GẶP GỠ ĐẦU TIÊN GIỮA HAI
NHÀ SÁNG LẬP

I.

II.

III.

IV.

CHƯƠNG HAI - VÀI NÉT ĐẶC THÙ CỦA BÀ BLAVATSKY

I.

II.

III.

CHƯƠNG BA - THỬ THÁCH

I.

II.

III.

CHƯƠNG BỐN - NHẢY VÀO VÒNG CHIẾN

I.

CHƯƠNG NĂM - SỰ LỢI HẠI CỦA VẤN ĐỀ ĐỒNG CỐT

I.

II.

III.

IV.

V.

CHƯƠNG SÁU - SỰ THÀNH LẬP HỘI THÔNG THIÊN
HỌC THẾ GIỚI

I.

II.

III.

IV.

CHƯƠNG BẢY - VÉN MÀN ISIS18

I.

II.

CHƯƠNG TÁM - MỘT VÀI GIẢ THUYẾT

I.

GIẢ THUYẾT THỨ BẢY

II.

GIẢ THUYẾT THỨ SÁU

III.

GIẢ THUYẾT THỨ NĂM

CHƯƠNG CHÍN - MỘT KHÍ CỤ ĐẶC BIỆT

I.

II.

III.

CHƯƠNG MƯỜI - NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐỐI NGHỊCH

I.

II.

III.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT - HỘI QUÁN THÔNG THIÊN HỌC TẠI NEW YORK

I.

II.

III.

CHƯƠNG MƯỜI HAI - PHÓNG ẢNH

CHƯƠNG MƯỜI BA - XUẤT HỒN

CHƯƠNG MƯỜI BỐN - MỘT ĐỊNH LUẬT HUYỀN BÍ

PHỤ LỤC

Ghi chú

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử những tổ chức công ích và cơ quan tinh thần, phần nói về nguồn gốc và những bước thăng trầm của Hội Thông Thiên Học quả thật là độc đáo. Dù xét theo quan điểm thiện cảm hay thù nghịch, vẫn phải thừa nhận một điều thật lạ lùng là một tổ chức như thế đã có thể xuất hiện và tồn tại, và chẳng những có thể chịu đựng được những đòn va chạm công kích như nó đã tiếp nhận, mà lại càng phát triển mạnh mẽ hơn theo hướng tỷ lệ thuận với những hành vi bất chính và những đòn hiểm ác của những kẻ đối nghịch.

Một số nhà phê bình cho rằng sự kiện ấy chứng tỏ một sự gia tăng lòng tin của con người, và một trạng thái tín ngưỡng bất an mở màn cho sự suy thoái rất ráo của đức tin theo những đường lối bảo thủ của phương Tây.

Một số người khác nhìn thấy nơi sự tiến bộ của phong trào Thông Thiên Học dấu hiệu của sự chấp nhận trên quy mô rộng lớn toàn cầu những tư tưởng triết học phương Đông, có tác dụng tăng cường và nới rộng lòng ưu ái, thông cảm của nhân loại trên phương diện tinh thần.

Một sự thật hiển nhiên không thể chối cãi là, cho đến cuối năm 1894, sau chỉ có 19 năm hoạt động, Hội đã cấp chứng thư chánh thức cho 394 Phân hội hoạt động ở rất nhiều nước trên thế giới.

Theo các tài liệu thống kê chánh thức, sự tấn công liên tục và bất chính của Hội Khảo cứu tâm linh (Society for Psychical Research) và của các nhà truyền giáo Tô Cách Lan nhằm vào Hội trong năm 1884, mà người ta nghĩ là sẽ tiêu diệt Hội Thông Thiên Học, nhưng chỉ đem lại kết quả là làm cho Hội càng tăng thêm sự thịnh vượng và công dụng hữu ích lên gấp bội phần. Lý do giản dị là, dù cho những điều sai sót, lầm lỗi của cá nhân các nhà lãnh đạo có thể bị phơi bày, nhưng mục đích tốt lành của Hội vẫn không thể mảy may bị bài bác hay phản đối.

Muốn tiêu diệt Hội Thông Thiên Học, trước hết người ta phải chứng minh rằng những mục đích của Hội là có hại cho nền hạnh phúc cộng đồng, hay những giáo lý do các nhà lãnh đạo Hội phổ biến là tai hại và nguy hiểm.

Nhưng vì không thể chứng minh được những điều đó, nên thế giới phải nhìn nhận Hội Thông Thiên Học như một sự kiện lớn, một tổ chức vĩ đại, không thể lên án hay tuyên dương chỉ vì những giá trị hay điều làm lỗi của cá nhân những người đại diện cho Hội.

Những người ngoài Hội đã bắt đầu nhận xét một sự thật. Một trong những ký giả tên tuổi đương thời là ông W. T. Stead có viết trong tạp chí Borderland rằng, bây giờ không ai cần biết những tố giác giả trá lừa bịp của bọn Coulomb và Hội Khảo cứu tâm linh đưa ra chống lại bà Blavatsky có thật hay không, nhưng những kẻ thù ác hiểm nhất cũng không thể phủ nhận ưu điểm của bà là đã ảnh hưởng đến tư tưởng triết học cận đại đến một mức độ phi thường, bằng cách phổ biến những triết thuyết cao siêu của phương Đông. Điều này cũng đúng với nhiều vị lãnh đạo của Hội, vì họ cũng như bà, đã truyền bá những giáo lý cổ truyền của phương Đông qua sự trung gian của Hội Thông Thiên Học.

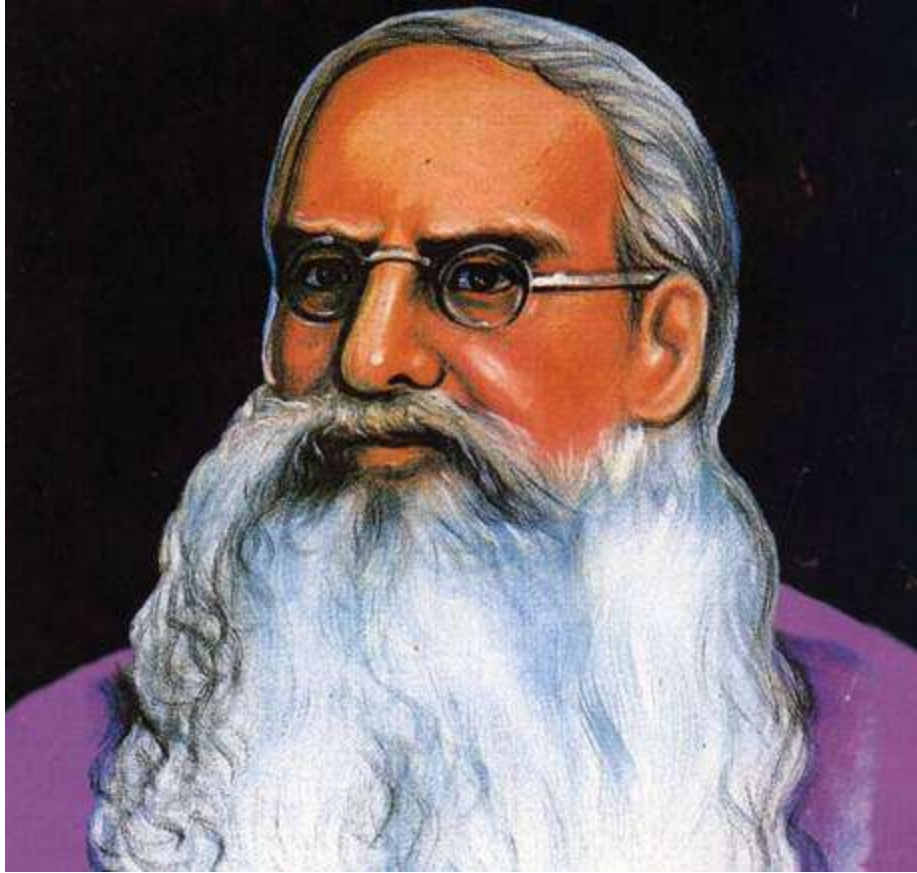
Tổ chức siêu việt này, được khai sinh từ một cuộc họp mặt thông thường nơi một phòng khách ở New York vào năm 1875, đã tự tạo cho mình một thành tích lớn lao đến mức phải được bao gồm trong mọi sử liệu chân thật của thời đại chúng ta.

Sự phát triển của Hội đã được tạo ra bởi một nội lực xuất phát từ bên trong hơn là do kết quả của một khả năng quản trị và tiên kiến khôn ngoan sắc sảo. Và vì nó có liên hệ chặt chẽ với những cố gắng cá nhân của hai nhà sáng lập là bà Blavatsky và tôi, nên tập hồi ký này có thể là một điều hữu ích cho các sử gia tương lai, vì nó ghi lại một cách chính xác và ngắn gọn những sự kiện lịch sử cần thiết cho thế hệ mai sau.

“Gulistan”

Otacamund, 1895.

H. S. OLCOTT



ĐẠI TÁ H. S. OLCOTT
CÓ HỘI TRƯỞNG
HỘI THÔNG THIÊN HỌC THẾ GIỚI

CHƯƠNG MỘT -

CUỘC GẶP GỠ ĐẦU TIÊN

GIỮA HAI NHÀ SÁNG LẬP

I.

Vì tập hồi ký này ghi lại lịch sử của Hội Thông Thiên Học Thế Giới, nên tôi phải kể lại từ đầu, và tường thuật cuộc gặp gỡ giữa hai nhà sáng lập Hội.

Câu chuyện cũng rất bình thường, tôi đã mở lời: “Xin bà cho phép,” và quẹt một cây diêm cho bà *Blavatsky* hút thuốc để mượn dịp làm quen. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi bắt đầu bằng một làn khói thuốc, nhưng nó đã bùng cháy lên thành một ngọn lửa thiêng trường cửu muôn đời.

Những sự việc đưa đến cuộc gặp gỡ này cũng khá ly kỳ, như tôi sẽ trình bày sau đây. Một ngày vào tháng 7 năm 1874, tôi đang ngồi tại văn phòng luật sư để nghiên cứu một vụ kiện quan trọng, liên quan đến Tòa Đô chính *New York*. Bỗng nhiên tôi chợt nghĩ rằng từ nhiều năm nay tôi đã không chú ý đến phong trào Thần linh học. Tôi không hiểu tại sao trí óc tôi lại liên tưởng từ vụ kiện nọ đến phong trào này. Dù sao, tôi cũng đã bước ra phố để mua một tờ nhật báo “*Banner of Light*”. Trong đó tôi thấy có bài tường thuật về hiện tượng hồn ma hiện hình xảy ra tại một nông trại gần thị trấn *Chittenden*, thuộc tiểu bang *Vermont*, cách *New York* khoảng vài trăm dặm.

Tôi liền nghĩ rằng, nếu quả thật người ta có thể nhìn thấy, sờ mó và nói chuyện được với những thân nhân đã chết nhưng bằng cách nào đó đã hiện hình tạm thời trước mắt người thế gian, thì đây quả là một sự kiện tối quan trọng đối với khoa vật lý học hiện đại.

Tôi bèn quyết định đến quan sát ngay tại chỗ. Tôi đã đến tận nơi xem xét các hiện tượng, và thấy rằng câu chuyện quả là có thật, tôi bèn ở lại đó thêm ba ngày.

Khi trở về *New York*, tôi viết một bài tường thuật sự kiện và nêu những nhận xét của mình, rồi gửi cho tờ báo *New York Sun*¹. Bài báo của tôi được các báo trên thế giới in lại và phổ biến khắp nơi, vì tính cách hấp dẫn và quan trọng của những việc đã xảy ra.

Kế đó, vị chủ bút báo *Daily Graphic* đề nghị tôi hãy trở lại *Chittenden* để viết phóng sự với một họa sĩ cùng đi để vẽ hình ảnh, và mở một cuộc điều tra quan sát tường tận vấn đề này. Việc này làm cho tôi thích thú đến mức tôi thu xếp ngay mọi việc của văn phòng, và ngày 17 tháng 9 năm đó tôi trở lại nông trại của gia đình *Eddy* một lần nữa.

Tôi lưu trú tại ngôi nhà đầy bí ẩn đó trong ba tháng, và hằng ngày tôi thu thập được những kinh nghiệm vô cùng kỳ dị. Trong thời gian đó, tôi viết bài đăng trên báo *Daily Graphic* mỗi tuần hai lần, có kèm theo những bức vẽ các hồn ma hiện hình do tôi và người họa sĩ, ông *Kappes*, đã nhìn thấy tận mắt cùng với khoảng 40 quan khách đến viếng. Chính những bài tường thuật của tôi trên báo đã lôi cuốn bà *Blavatsky* đến *Chittenden*, và do đó chúng tôi mới quen biết nhau.

Tôi còn nhớ rõ ngày đầu tiên chúng tôi gặp nhau, dường như chỉ mới hôm qua. Đến bữa ăn trưa tại nông trại *Eddy*, tôi và họa sĩ *Kappes* vừa bước vào phòng ăn thì thấy nơi bàn ăn đã có hai người phụ nữ. Đó là bà *Blavatsky* và bạn của bà, một phụ nữ người *Canada*. Hôm ấy bà mặc một cái áo màu đỏ, nổi bật giữa những y phục tầm thường của người chung quanh. Khuôn mặt vuông và rộng với đôi mắt tinh anh biểu lộ một tinh thần cương nghị và dũng cảm, đầy hào khí, biểu lộ nam tính nhiều hơn là nữ tính làm cho bà có một phong độ, cốt cách khác thường so với những gương mặt bình dị của số đông du khách đến viếng, những người thuộc đủ mọi thành phần luôn luôn tới lui không ngớt để xem các hiện tượng dị kỳ.

Đứng trước ngưỡng cửa, tôi nói nhỏ vào tai ông *Kappes*: “Này, anh hãy nhìn bà kia xem, có lạ không?”

Kế đó, tôi đi thẳng lại chỗ bàn ăn, chọn một ghế ngồi đối diện với bà để có dịp thực tập về khoa tướng số, như tôi vẫn có thói quen xem tướng diện mỗi khi gặp những nhân vật mà tôi chú ý.

Hai bà khách lạ nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Nghe giọng nói sành âm điệu và ngôn ngữ lưu loát trôi chảy của bà, tôi đoán ngay rằng nếu bà không phải là một người Pháp chính cống ở *Paris* thì ít nhất cũng phải là một học giả uyên thâm Pháp ngữ.

Sau bữa ăn trưa, hai bà bước ra ngoài. Bà *Blavatsky* vắn một điều thuốc lá, tôi bèn bật diêm quẹt cho bà đốt thuốc để lấy cớ mở đầu câu chuyện. Vì tôi mở lời bằng một câu tiếng Pháp: “*Vous permettez, Madame*” nên chúng tôi liền nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp luôn. Bà hỏi tôi đến đây từ bao giờ, và tôi có cảm tưởng ra sao về việc này? Bà nói chính bà cũng rất thích thú về những hiện tượng đó và đã đến *Chittenden* do những bài báo bà đã đọc trong tờ *Daily Graphic*. Dân chúng thích những loạt bài phóng sự đó đến nỗi chỉ một giờ sau khi phát hành báo đã bán hết sạch, và bà đã phải trả một đô-la để mua lại một tờ từ người khác.

Bà nói: “Tôi rất do dự trước khi đến đây, vì tôi sợ sẽ gặp Đại tá *Olcott*.”

Tôi hỏi: “Thưa bà, tại sao bà lại sợ gặp ông ta?” “Bởi vì tôi sợ ông ta sẽ viết về tôi trên mặt báo!” Tôi liền bảo bà hãy yên lòng về việc đó, vì tôi chắc rằng Đại tá *Olcott* sẽ không nói gì đến bà trong các bài báo nếu bà không muốn như vậy. Rồi tôi tự giới thiệu.

Ngay tức khắc chúng tôi trở nên hai người bạn thân. Mỗi người trong chúng tôi đều cảm thấy dường như chúng tôi cùng chung một thành phần xã hội, cùng thuộc về thế giới tự do tư tưởng và gần gũi với nhau hơn so với những người khác trong số quan khách. Đó chính là sự đồng thanh đồng khí về phương diện tâm linh, một sự thông cảm giữa hai tâm hồn chứ không phải sự hấp dẫn giữa nam và nữ tính.

Kể từ lúc mới quen cho đến mãi về sau, không một người nào trong chúng tôi có ý nghĩ rằng bạn mình là một người khác phái. Chúng tôi chỉ xem nhau như bạn, và chỉ có thể thôi, không hơn không kém. Thảng hoặc một đôi khi cũng có những kẻ xấu miệng nói rằng giữa chúng tôi chắc có một cảm tình sâu đậm hơn, cũng như họ đã từng vu khống bà *Blavatsky* là tình nhân của những người đàn ông khác. Nhưng không một người quang minh chính đại nào có thể tin như thế sau khi đã được gần gũi quen biết bà

một thời gian để có dịp nhận xét tính chất và tác phong đặc biệt vô nữ tính của bà.

Sau cuộc gặp gỡ và làm quen, chúng tôi nói chuyện về những hiện tượng quái gở ở nông trại *Eddy* và ở những nơi khác. Tôi được biết bà đã từng đi du lịch nhiều nơi, thấy biết nhiều điều bí ẩn, huyền diệu và gặp gỡ nhiều bậc danh sư trong giới Huyền môn. Nhưng lúc đầu bà tuyệt nhiên không nói gì đến các vị chân sư bên Tây Tạng và những quyền năng của bà.

Bà nói về về khuynh hướng duy vật của phong trào Thần linh học bên Mỹ, vốn quá chú trọng đến những hiện tượng vật chất hữu hình mà không biết gì đến những khía cạnh triết lý siêu hình.

Bà có một phong độ, tư cách rất duyên dáng và hấp dẫn, những sự bình phẩm chỉ trích của bà về người và vật rất độc đáo và linh hoạt. Bà tìm cách biết những ý nghĩ, quan niệm của tôi về các vấn đề tâm linh, và lấy làm thích thú mà nhận thấy rằng tôi có những tư tưởng phù hợp theo khuynh hướng Huyền môn mà bà đang theo đuổi.

Bà nói chuyện không phải với tư cách một đạo gia thâm nhuần đạo lý phương Đông, mà với tư cách của một nhà Thần linh học uyên bác. Về phần tôi, hồi ấy tôi chưa biết hay hầu như không biết gì về triết học Đông phương, và lúc đầu bà rất tế nhị giữ im lặng không nói gì đến vấn đề ấy.

Những buổi lên đàn của *William Eddy*, đồng tử chính của gia đình này, diễn ra hằng đêm trong một căn phòng rộng trên lầu. Ông *William* và người em trai là *Horatia* đều là những nông dân siêng năng cần cù làm việc; người em lo việc đồng áng, còn người anh lo việc bếp núc, dọn bữa ăn cho các quan khách hằng ngày tấp nập đến từ khắp nơi trên đất nước Hoa Kỳ. Họ là những nông dân nghèo, thất học, và có nhiều thành kiến, đôi khi lại cau có, gắt gỏng đối với những du khách tự nhiên không mời mà đến.

Mỗi buổi chiều, đồng tử *William Eddy* ngồi trong phòng tôi để đợi các hiện tượng xảy ra. Khi y vừa bước vào phòng, người ta kéo tấm màn che qua một bên thì từ bên trong bước ra một bóng ma hiện hình một người đàn ông, đàn bà hoặc trẻ con, như một pho tượng biết cử động, tạm thời đông

đặc và chắc nịch, nhưng trong giây phút liền tan biến mất dạng trước mắt mọi người.

Trước ngày bà *Blavatsky* đến đây, những bóng ma hiện hình đều là những người da đỏ, người Mỹ hay người Âu, họ hàng thân thuộc của những khách đến viếng. Nhưng kể từ buổi đầu tiên khi bà vừa đến, thì những bóng ma thuộc nhiều quốc tịch khác đã xuất hiện trước mắt chúng tôi. Trong số đó, có một thanh niên người xứ *Causase*, một người lái buôn Hồi giáo ở *Tiflis*, một cô thôn nữ Nga, và nhiều hình bóng khác.

Một buổi tối, chúng tôi được thấy một người kỵ mã Thổ Nhĩ Kỳ đeo gươm cong, súng ngắn và cầm giáo dài; rồi một nhà phù thủy châu Phi hình thù dị hợm, góm ghiếc, đầu đội chiếc mũ cắm bốn cái sừng dê có gắn lục lạc đồng; và một nhà quý tộc châu Âu mặc triều phục với huy hiệu Nữ thánh Anna. Bà *Blavatsky* nhận ra được ông này là người chú của bà.

Sự hiện hình của những vong linh ấy trong phòng lên đàn của những người nông dân nghèo và thất học, không hề có đủ tiền bạc để mua sắm những trang phục sơn khấu, và dù có mua sắm được cũng không có sự hiểu biết, kinh nghiệm để sử dụng những thứ trang phục đó, là một bằng chứng rõ rệt trước mắt người xem, rằng những hiện tượng ấy là có thật. Đồng thời, những buổi lên đàn này cho thấy rằng sự có mặt của bà *Blavatsky* toát ra một sức hấp dẫn lạ lùng làm cho những nhân vật kỳ lạ xuất hiện từ các cõi vô hình.

Mãi rất lâu về sau này tôi mới được biết rằng bà đã sử dụng quyền năng phương thuật sai khiến các linh hồn để tạo nên những hiện tượng đó.

Trong thời gian ở *Chittenden*, bà *Blavatsky* có kể cho tôi nghe nhiều chuyện về cuộc đời dĩ vãng của bà, trong đó có việc bà đã từng gia nhập nhóm phụ nữ chí nguyện từng chinh theo *Garibaldi*² trong trận đánh đẫm máu ở *Mentana*.³

Để chứng minh chuyện này, bà cho tôi xem cánh tay trái của bà bị những vết gươm chém gãy xương ở hai chỗ, vai phải có một viên đạn vẫn còn nằm nguyên trong thịt, và một viên đạn nữa trong bắp chân. Bà cũng chỉ cho tôi xem một cái sẹo ngay phía dưới trái tim, do một nhát đâm bằng vũ khí

nhọn. Vết thương này hơi nứt ra một ít trong khi bà ở tại *Chittenden* và sở dĩ bà cho tôi xem là để hỏi ý kiến tôi về cách chữa trị sao cho mau lành.

Bà còn kể cho tôi nghe nhiều chuyện phiêu lưu mạo hiểm đầy thú vị khác nữa, trong số đó có chuyện nhà phù thủy Phi Châu đội mũ cấm sừng dê có gắn lục lạc đồng mà bà đã từng gặp khi ông ta trở tài nghệ ở miền thượng du Ai Cập nhiều năm về trước.

Bà *Blavatsky* cố gắng giải thích cho tôi hiểu rằng những hiện tượng vừa kể không phải là bằng chứng về sự kiểm chế đồng tử bởi các vong linh người chết. Bà nói rằng, nếu những hiện tượng đó có thật, thì điều đó phải hiểu là vía của người đồng tử đã xuất ra ngoài thể xác và khoác lấy mọi hình thể đa hình đa dạng, nhưng tôi không tin như thế. Tôi lý luận rằng những hình bóng xuất hiện ra đó thật khác biệt nhau quá xa về vóc dáng, bề cao, tác phong và điệu bộ, nên không thể nói đó là vía của người đồng tử, và như vậy đó phải là vong linh những người chết hiện hình thật sự như mọi người đều thấy.

Sự tranh luận của chúng tôi đôi khi rất sôi nổi, vì hồi đó tôi chưa được biết nhiều về tính chất cơ giãn của thể vía con người để hiểu được lập luận chính xác của bà, còn về lý thuyết Ảo ảnh ảo giác (*Maya*) của phương Đông thì hồi đó tôi không biết gì cả. Tuy nhiên, nhờ vậy mà bà mới biết rõ bản chất của tôi là không chấp nhận bất cứ điều gì nếu chỉ căn cứ trên niềm tin mà không có đủ lý do vững chắc.

Chúng tôi càng hiểu nhau hơn với thời gian qua, và đến lúc chia tay, chúng tôi tạm biệt nhau như hai người bạn tốt sẵn sàng tiếp tục tình thân hữu đã bắt đầu một cách vui vẻ tốt đẹp trong những ngày vừa qua.

II.

Tháng 11 năm 1874, sau khi đã hoàn tất cuộc khảo sát về những hiện tượng tâm linh ở nông trại *Eddy*, tôi trở về *New York* và đến viếng bà *Blavatsky* tại địa chỉ mà bà đã cho tôi trước khi chia tay. Tại đây, bà đã cho tôi xem vài hiện tượng cơ bút, gõ nhịp, xoay bàn, phần nhiều là do tác động của một vong linh khuất mặt tự xưng danh là “*John King*”.

Đó là một cái tên quen thuộc với những người thường đi tham dự những buổi lên đàn hồi giữa thế kỷ 18 ở khắp nơi trên thế giới. Vong linh ấy tự giới thiệu mình là *Sir Henry Morgan*, một hiệp sĩ kiêm hải tặc sống ở Anh quốc cách đây vài thế kỷ. Y đã hiện hình một phần cho tôi xem mặt và đầu có quần khăn, trong khi tôi xúc tiến cuộc điều tra về những đồng tử *Holmes* ở *Philadelphia* cùng với bà *Blavatsky* và vài nhân vật khác ít lâu sau đó. Y có một lối viết dị kỳ và sử dụng lối văn Anh cổ xưa cũng rất lạ.

Hồi đó, tôi tin chắc đó là *John King* thật, vì mọi sự đã được chứng minh rõ ràng về thành tích và con người của y. Nhưng bây giờ, sau khi thấy rõ quyền năng của bà *Blavatsky* trong việc tạo nên ảo giác và sai khiến âm binh, tôi mới biết rằng *John King* chỉ là một vong linh mạo danh và lừa phỉnh mà bà sử dụng như một hình nộm để sai khiến và dùng làm một phương tiện để chỉ dẫn cho tôi học hỏi thêm về khoa Huyền môn.

Nói tóm lại, các hiện tượng đều có thật, nhưng không phải do vong linh người chết thực hiện, mà chỉ là do sự trợ giúp của một tinh linh ngũ hành.⁴

Bà vẫn duy trì cái ảo giác đó đối với tôi trong nhiều tháng, và tôi đã chứng kiến nhiều hiện tượng huyền linh khác được cho là do tác động của *John King*, chẳng hạn như một loạt các hiện tượng xảy ra tại tư gia của các đồng tử *Holmes* và của chính bà *Blavatsky* như đã kể trên.

Trước hết, y là một cá tính riêng biệt có tên *John King*. Kế đó, y là *John King* như một người đưa tin và nhận lệnh của các vị chân sư hiện sống trên thế gian. Và sau cùng, đó chỉ là một tinh linh do bà *Blavatsky* sử dụng để thực hiện các phép thuật lạ kỳ.

Không ai phủ nhận rằng trong thời gian đầu tiên ở Mỹ, bà *Blavatsky* tự xưng là một nhà Thần linh học, nhiệt liệt bênh vực khoa Thần linh học và các đồng tử, chống lại những kẻ đả kích gồm các giới học giả nông cạn, nửa mùa. Những thư từ và bài viết của bà đăng trên các báo chí Anh và Mỹ chứa đựng nhiều bằng chứng về việc ấy. Trong một bức thư gửi đăng trên tạp chí *Spiritualist* ngày 13 tháng 12 năm 1874, bà viết như sau:

“Nhu tình trạng hiện nay, tôi chỉ làm bồn phận trước hết đối với khoa Thần linh học mà tôi bênh vực đến mức tối đa, chống lại những đòn công

kích xuyên tạc của các giới thiên cận đội lốt khoa học; và kể đó là đối với hai đồng tử cô thế bị vu khống...

“Nhưng tôi phải thú nhận rằng thật sự tôi không tin là mình đã giúp ích được gì cho khoa Thần linh học... Tôi cảm thấy một nỗi buồn thấm thía mà nhìn nhận điều ấy, vì tôi bắt đầu nghĩ rằng sự việc thật là vô phương cứu vãn. Tôi đã chiến đấu cho chân lý từ hơn mười lăm năm nay; vì mục đích sưu tầm và phổ biến chân lý, tôi đã đi khắp mọi nơi, từ các vùng núi non tuyết phủ của xứ Caucase đến những vùng đồng cát ở lưu vực sông Nil. Vì mục đích đó, tôi đã rời khỏi gia đình, từ bỏ cuộc đời ấm êm nhưng lựa trong một xã hội văn minh để đi lang thang khắp nơi trên thế giới.v.v...

“Hai đồng tử cô thế” mà bà nói trong thư tức là hai ông bà *Holmes*, mà tôi vẫn đánh giá rất thấp về hạnh kiểm cũng như về thành tích bất hảo. Tuy nhiên, trước sự có mặt của bà *Blavatsky*, và dưới những điều kiện thử thách gắt gao do tôi thực hiện tại nhà ông bà *Holmes*, tôi đã chứng kiến tận mắt một loạt những hiện tượng đồng tử thỏa đáng và chân thật nhất không thể chối cãi.

Hồi đó, tôi đã ngờ rằng cái quyền năng tạo ra những hiện tượng đó là của bà *Blavatsky*, chứ nếu chỉ có hai ông bà *Holmes* thì có lẽ tôi đã thấy những trò giả mạo, hoặc là không có gì. Bây giờ, lục soát lại những tài liệu cũ, tôi tìm thấy bản văn kiện sau đây do chính tay bà viết và hiển nhiên là với ý định sẽ được công bố sau khi bà từ trần:

THÔNG ĐIỆP QUAN TRỌNG

“Tôi rất tiếc mà nói rằng tôi phải đứng về phe các nhà Thần linh học trong vụ tố giác hai nhà đồng tử *Holmes*. Tôi phải cứu vãn tình thế, vì tôi được biệt phái từ Paris sang Mỹ để chứng minh sự thật của những hiện tượng thông linh, và vạch rõ sự sai lầm của giả thuyết cho rằng tất cả những hiện tượng thông linh chỉ là do tác động của vong hồn người chết. Nhưng tôi có thể làm gì tốt nhất? Tôi không muốn cho người ta biết rằng tôi có thể tạo ra các hiện tượng tùy ý muốn. Tôi được lệnh phải làm trái lại. Tuy nhiên, tôi phải duy trì đức tin nơi các hiện tượng đó trong lòng của những người từ óc duy vật để trở thành duy linh, nhưng nay vì có sự tố giác nhiều nhà đồng tử, nên họ đã quay trở về với thái độ hoài nghi của họ trước kia.

“Bởi vậy, tôi đã chọn lựa vài tín hữu cùng đi với tôi đến nhà ông bà Holmes, và với sự trợ giúp của chân sư M. và quyền năng của ngài, tôi đã làm cho những tinh linh John King và Katie King xuất hiện từ cõi vô hình, tạo nên những hiện tượng “hiện hình,” và làm cho các giới thông linh ở khắp nơi tưởng rằng đó là do khả năng đồng tử của bà Holmes tạo nên. Bà này đã trải qua một cơn hoảng sợ khủng khiếp, vì bà biết rằng lần này các vong linh đã hiện hình thật sự!

Tôi đã làm đúng hay sai? Thế gian chưa đủ chuẩn bị để hiểu rõ triết lý của khoa Huyền môn. Trước hết, họ hãy nhận định rằng có những sinh vật trong cõi vô hình, dù đó là tinh linh ngũ hành hay vong linh người chết; và con người có những quyền năng ẩn tàng khả dĩ làm cho họ trở thành một đáng thần tiên bất tử.

Sau khi tôi qua đời, có lẽ người ta sẽ nhận thức tấm lòng vô tư của tôi. Tôi đã phát nguyện nêu cao chân lý để giúp đỡ người đời trên đường tìm Đạo, và tôi sẽ giữ vẹn lời nguyện. Mặc cho người thế gian vu khống và phỉ báng tôi, họ có thể gọi tôi là đồng bóng, phù thủy, bịp bợm, hay là gì tùy ý. Một ngày kia, hậu thế sẽ có dịp biết tôi rõ hơn. Ôi! Thế gian đau khổ và tội lỗi, tôi biết làm sao hơn!”

Toàn thể vấn đề đã được giải bày một cách rõ ràng: khoa Pháp môn mà bà được lệnh đem truyền bá sang Mỹ để thay thế khoa Thần linh học Tây phương vốn nặng về phân hiện tượng cơ bút, là khoa Huyền môn của Đông phương, tức là nền Minh triết thiêng liêng, hay Brahma Vidya. Vì Tây phương chưa sẵn sàng chấp nhận khoa này, nên công việc đầu tiên được giao phó cho bà là bênh vực sự thật về các hiện tượng thông linh chống lại những thành kiến của khoa học duy vật và các giới liên hệ. Vấn đề cần thiết duy nhất của thời đại là chận đứng, đánh đổ óc hoài nghi duy vật và củng cố nền tảng tâm linh của mọi sinh hoạt tinh thần. Bởi vậy, khi bước vào vòng chiến, bà đứng về phe các nhà Thần linh học ở Mỹ, và tạm thời phát ngôn cò duy linh và nêu cao một lý tưởng chung với họ. Phải, hậu thế sẽ xét đoán bà một cách công bình!

III.

Tôi còn nhớ rõ phép thuật đầu tiên mà bà đã làm bằng cách sử dụng ý chí, ngay sau khi bà bắt đầu viết bộ sách “*Vén Màn Isis*”.⁵ Trong số những quan khách đến viếng nhà bà, có một nghệ sĩ người Ý, tạm gọi là ông B. (Signor B.).

Tôi đang ngồi với bà nơi phòng khách thì ông B. đến viếng. Trong câu chuyện trao đổi qua lại về các vấn đề của nước Ý, tình linh y thốt ra tên của một vị chân sư trong số những đáng cao cả nhất. Bà *Blavatsky* giật mình dường như bị điện giật, nhìn thẳng vào đôi mắt người khách lạ và nói bằng tiếng Ý:

“Có chuyện gì vậy? Tôi sẵn sàng.”

Người kia thản nhiên nói qua chuyện khác, và thảo luận về các vấn đề phương thuật, các nhà thuật sĩ và các đáng chân sư.

Khi ấy, ông B. đứng dậy mở cửa sổ, đưa tay khoát vài cái trên không khí bên ngoài, thì một con bướm trắng liền bay vào phòng và bay lượn trên trần nhà. Bà *Blavatsky* cười thoải mái vui vẻ và nói: “Khá đấy, nhưng tôi cũng làm được như vậy!”

Bà cũng đến chỗ cửa sổ, khoát tay vài cái tương tự, thì một con bướm trắng thứ nhì cũng liền bay vào phòng. Nó bay lên trần nhà, đuổi theo con bướm kia khắp quanh phòng, thỉnh thoảng hai con bướm lại đùa giỡn với nhau, rồi cùng bay đến một góc phòng thì cả hai đều biến mất ngay trước mắt chúng tôi.

Tôi hỏi việc ấy nghĩa là thế nào thì bà đáp: “Điều đó có nghĩa là ông B. có thể làm cho một tinh linh biến thành con bướm, và tôi cũng có thể làm y như vậy. Chỉ có thế thôi.”

Thì ra, hai con bướm chỉ là những vật giả tạo chứ vốn không có thật.

Tôi cũng nhớ những hiện tượng thần thông khác của bà, do việc sử dụng khả năng sai khiến âm binh.

Một đêm nọ chúng tôi làm việc soạn quyển sách của bà mãi đến khuya. Bữa cơm chiều hôm đó, tôi đã ăn vài món mặn, nên lúc một giờ khuya cảm

thấy rất khát nước, tôi nói:

“Chà! Bây giờ nếu có một chùm nho tươi mà ăn thì hay quá nhỉ?”

Bà đáp: “À, phải đấy. Ta hãy ăn nho đi.”

“Nhưng các tiệm đã đóng cửa từ lâu, làm sao mua được vào giờ này?”

“Không sao. Chúng ta cũng vẫn có nho ăn như thường.”

“Làm sao có, và lấy đâu ra?”

“Rồi ông sẽ thấy. Bây giờ ông hãy vặn bắc đèn thấp xuống.”

Tôi vặn thấp ngọn đèn hơi, nhưng lỡ tay vặn quá trớn làm đèn tắt. Bà nói: “Ông không cần làm vậy. Tôi chỉ muốn ông vặn nhỏ lại thôi! Ông hãy thấp lại đi.”

Tôi thấp đèn sáng trở lại và hạ bắc đèn thấp xuống chỉ còn ánh sáng lơ mờ. Bà kêu lên: “Kia kìa! Ông hãy nhìn xem!”

Và bà đưa tay chỉ cái kệ đựng sách trên vách trước mặt chúng tôi. Tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy treo lủng lẳng nơi hai đầu cái kệ có hai chùm nho tươi lớn, loại nho đen đã chín muồi, và chúng tôi lấy xuống ăn.

Tôi hỏi bà đã dùng phương pháp nào, thì bà nói đó là do tác động của vài loại tinh linh dưới quyền sai khiến của bà.

Về sau, bà còn có dịp tái diễn phép thuật ấy hai lần khác nữa để đem trái cây về cho chúng tôi ăn giải khát giữa đêm khuya, trong khi chúng tôi soạn bộ sách “*Vén Màn Isis*”.

IV.

Dần dần, bà *Blavatsky* nói cho tôi biết về sự hiện diện của các chân sư cùng những quyền năng của các ngài; và bằng vô số các hiện tượng huyền linh, bà cho tôi thấy bằng chứng về quyền năng của bà đối với những sức mạnh huyền bí trong thiên nhiên.

Trước hết, như đã nói ở trên, bà gán cho âm binh “*John King*” vai trò tác động lên các hiện tượng ấy, và chính nhờ sự trợ giúp của y mà lần đầu tiên tôi được tiếp xúc bằng thư từ với các chân sư. Tôi đã gìn giữ nhiều bức thư của các ngài, và ghi rõ ngày tháng nhận được những bức thư ấy.

Trong nhiều năm, cho đến ngày tôi rời *New York* để sang Ấn Độ, tôi được kết nạp vào hàng đệ tử dưới quyền của phân hội châu Phi trong Quần Tiên Hội.

Về sau, khi bà *Blavatsky* có một sự biến đổi huyền diệu về tâm linh và thể chất mà tôi không tiện nói ra, và cho đến nay vẫn không ai ngờ mặc dù họ được sự đối xử thân mật và hoàn toàn tin cậy của bà (như họ vẫn tưởng), tôi được chuyển sang phân hội Ấn Độ, dưới sự chăm sóc điều hành của một nhóm chân sư khác.

Từ xưa đến nay, trên khắp thế giới bao giờ cũng có một tổ chức vĩ đại và bí ẩn gồm các vị chân sư chăm lo dìu dắt sự tiến hóa của nhân loại. Tổ chức ấy được chia làm nhiều phần nhỏ, tùy theo nhu cầu của nhân loại trong những giai đoạn tuần tự tiến hóa khác nhau.

Trong một thế hệ, trung tâm điều hành của Quần Tiên Hội được đặt ở một nơi nhất định; vào một thế hệ khác, trung tâm ấy lại được đặt ở một nơi khác. Tuy vô hình nhưng tổ chức ấy cần thiết cho sự tiến bộ tâm linh của nhân loại, và quyền năng phối hợp của tổ chức ấy được duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác để trợ giúp những hành giả chiến đấu không ngừng trên con đường Đạo xa xôi diệu vợi đưa đến chân lý thiêng liêng.

Kẻ hoài nghi phủ nhận sự hiện diện của các đấng chân sư bởi vì họ không nhìn thấy hay nói chuyện được với các ngài, cũng không hề thấy lịch sử nói về sự can thiệp hữu vi của các ngài trong những biến cố của các quốc gia. Nhưng sự hiện diện của các ngài đã được nhìn nhận bởi hàng nghìn những bậc đạo gia chân tu của nhiều thế hệ liên tục, đã giải thoát khỏi sự ô nhiễm của thế gian để bước vào cảnh giới tâm linh huyền diệu.

Trong nhiều thời kỳ, các ngài đã từng giao tiếp thân mật với những người chỉ nguyện xả thân cầu Đạo, hoặc dành trọn cuộc đời phụng sự hiến dâng để đem lại hạnh phúc và tình thương cho muôn loài.

Vài người trong số đó, rất mực khiêm tốn và bề ngoài có vẻ kém hèn như chúng tôi là những người lãnh đạo phong trào Thông Thiên Học, đã có điểm phúc được sự ưu ái và chỉ giáo của các ngài. Vài người như bà *Blavatsky* và sư đệ *Damodar* đã được nhìn thấy các ngài trong những linh ảnh từ khi còn nhỏ. Những người khác đã gặp các ngài dưới những hình dáng nguy trang lạ lùng ở những nơi thật bất ngờ.

Tôi được bà *Blavatsky* giới thiệu cho các ngài qua nhân vật trung gian quen thuộc trong những kinh nghiệm trước đây: đó là vong linh mệnh danh “John King.” Y giúp tôi giao tiếp bằng phương tiện vô vi với bốn vị chân sư, trong số đó có một vị chân sư Ai Cập, một vị là đại diện của môn phái *Alexandrie*, một vị là chân sư *Venitien*, và một vị là hậu thân của một triết gia người Anh, tuy đã qua đời nhưng vẫn bất tử.

Chân Sư *Sérapis* (Ai Cập) là vị Sư Phụ đầu tiên của tôi. Ngài có một tác phong hào hùng, dũng cảm và đầy vẻ cương nghị của một người trội hẳn phần nam tính. Về sau, tôi được các chân sư cho biết rằng bà *Blavatsky* là một đệ tử trung kiên của các ngài, tuy rằng bà có những tính chất bất thường, làm cho bà khó dung hòa được với vài vị chân sư để có thể làm việc chung với các ngài. Điều này không lạ gì khi ta biết rằng mỗi người đều tiến hóa theo một Cung nhất định trong Thiên cơ. Họ có sự hòa hợp tâm linh với những linh hồn đồng Cung với mình, và có thể đối nghịch với những linh hồn thuộc về một Cung khác khi khoác lấy xác phàm để hoạt động trên cõi trần. Đó có lẽ cũng là lý do căn bản của mọi sự hòa hợp hay xung khắc giữa người này với người khác trên thế gian.

Dù sao, sự thật là có vài vị chân sư vẫn không thể làm việc với bà *Blavatsky*. Bà chỉ hợp tác được với những vị khác, mà tôi có liên hệ mật thiết trong những năm đầu của phong trào Thông Thiên Học thế giới.

Trong những chuyện tâm sự với nhau khi tôi đã đi khá sâu vào vấn đề để biết về Quân Tiên Hội và mối liên hệ của bà với tổ chức ấy, bà *Blavatsky* nói cho tôi biết rằng bà đã đến Paris từ năm trước (1873) với ý định ở lại đó ít lâu dưới sự bảo trợ của một người thân. Nhưng một ngày nọ bà nhận được mật lệnh của chân sư truyền cho bà phải đi ngay sang *New York* để chờ lệnh mới.

Qua ngày hôm sau, bà liền vượt biển với chỉ vừa đủ số tiền để mua vé tàu. Bà viết thư cho cha bà ở Nga, yêu cầu ông gửi tiền cho bà qua Lãnh sự quán Nga ở *New York*, nhưng vì phải chờ đợi một thời gian, và vì viên lãnh sự Nga từ chối không cho bà mượn trước, nên bà phải tìm việc làm để sống qua ngày.

Bà ngụ ở một trong những khu phố nghèo nàn nhất, là khu *Madison* của thành phố *New York*, và sống bằng nghề may thuê vá mướn cho một lão chủ tiệm tạp hóa người Do Thái rất tốt bụng. Bà luôn luôn nhắc đến người này với lòng biết ơn. Bà sống như vậy lây lất qua ngày, nhưng vẫn chưa nhận được tin gì và tương lai hoàn toàn mờ mịt. Nhưng năm sau, tháng 10 năm 1874, bà được mật lệnh đi đến *Chittenden* để gặp một người đồng môn sẽ cùng cộng tác với bà trong một công việc vĩ đại trong tương lai. Người ấy, ai ngờ đâu lại chính là... tôi!

Những bạn bè thân hữu của bà đều nhớ rõ câu chuyện mà bà đã kể cho họ nghe về sự lên đường ra đi bất ngờ của bà từ *Paris* sang *New York* theo mật lệnh của chân sư. Nhưng những người bạn ấy chỉ về sau mới được nghe bà kể lại, và những kẻ thù nghịch với bà có thể nói rằng đó chỉ là một việc mà bà mới nghĩ ra sau này; một chuyện giả dối được bịa đặt ra để cho ăn khớp với cái trò đùa ngộ nghĩnh mà bà ngụ ý tạo ra sau đó!

Tuy nhiên, trong khi tôi viết những trang này tại *Adyar* thì một việc tình cờ (hay ít ra cũng có vẻ như tình cờ) đã mang đến cho tôi một bằng chứng xác nhận sự việc trên.

Vừa đến lưu trú tại *Adyar*, tôi gặp bà *Anna Ballard*, một nữ ký giả lão thành người Mỹ và là hội viên kỳ cựu của Câu lạc bộ Báo chí *New York*. Do hoạt động nghề nghiệp, bà này đã từng đến phỏng vấn bà *Blavatsky* trong tuần lễ đầu tiên sau khi bà *Blavatsky* vừa đến đất Mỹ. Trong khi tiếp xúc với chúng tôi, giữa những câu chuyện mạn đàm khác kém quan trọng hơn, bà *Ballard* ngẫu nhiên nói cho tôi nghe hai chuyện, và tôi đã yêu cầu bà ghi chép lại cụ thể để làm tài liệu. Chuyện thứ nhất là khi bà đến viếng bà *Blavatsky* ở một ngôi nhà trọ nghèo nàn tại *New York*, bà *Blavatsky* có nói rằng bà từ già Paris thành linh và không có dự tính trước, do một quyết định đột xuất chỉ báo trước có một ngày; và chuyện thứ hai là bà *Blavatsky* đã từng viếng xứ Tây Tạng.

Dưới đây là lời tường thuật của bà *Anna Ballard*:

Adyar, 17 tháng 1, 1892

Kính gửi Đại tá Olcott,

Sự quen biết của tôi với bà Blavatsky lâu hơn là ông tưởng. Tôi gặp bà hồi tháng 7 năm 1873 tại New York, độ một tuần lễ sau khi bà vừa đến Mỹ. Hồi đó, tôi là phóng viên của nhật báo New York Sun, được chỉ định viết bài về một đề tài Nga. Khi tôi còn đang tìm tài liệu thì một người bạn cho tôi hay rằng có một phụ nữ Nga vừa nhập cảnh do chuyến tàu mới đến.

Tôi bèn tìm đến gặp bà, và từ đó bắt đầu một sự quen biết thân hữu kéo dài nhiều năm sau. Trong cuộc phỏng vấn đầu tiên của tôi, bà Blavatsky cho tôi biết rằng bà không hề có ý định rời Paris để sang Mỹ cho đến ngày cuối cùng trước khi bà xuống tàu, nhưng vì lý do gì bà ra đi và ai thúc hối bà đi gấp như vậy, thì bà không nói.

Tôi còn nhớ rõ bà nói với một vẻ sung sướng thích thú lộ ra mặt: “Tôi có ở bên Tây Tạng.” Hồi đó, tôi không hiểu tại sao bà lại cho đó là một vấn đề quan trọng, còn đặc biệt hơn những chuyến du hành ở Ai Cập, Ấn Độ và những nước khác mà bà đã kể chuyện cho tôi nghe, nhưng bà lại nói câu ấy với một vẻ mặt nghiêm trọng lạ thường. Bây giờ thì lẽ tất nhiên tôi hiểu ý bà muốn nói gì.

Ký tên: Anna Ballard

Độc giả sẽ nhận thấy rằng những sự việc mà bà *Blavatsky* đã kể cho người bạn đầu tiên này ở *New York* hồi 20 năm về trước đã xác nhận đúng đắn những gì mà từ đó về sau bà cũng đã thuật lại với một số đông người, về hai vấn đề quan trọng nhất trong lịch sử liên hệ giữa bà với hội Thông Thiên Học. Một là giai đoạn chuẩn bị của bà bên xứ Tây Tạng dưới sự chăm sóc của các đấng chân sư; và hai là cuộc hành trình đột xuất của bà sang Mỹ để tìm người bạn đồng môn có nghiệp duyên cùng hợp tác với bà để phát động phong trào Thông Thiên Học trên thế giới.

Hồi năm 1871, bà đã một lần thất bại khi dự tính thành lập một Tổ chức Tinh Thần tại *Cairo*, thủ đô Ai Cập, dựa trên nền tảng các hiện tượng thần linh. Vì không tìm được người có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo nên việc ấy không thành, thậm chí còn làm cho bà phải chịu nhiều sự chỉ trích và bực mình. Tuy nhiên, những phép thuật thần thông mà bà đã biểu diễn với sự trợ giúp của các vị chân sư Ai Cập và một vị chân sư khác mà về sau tôi có dịp tiếp xúc, đều là những hiện tượng vô cùng độc đáo. Việc ấy có vẻ như một sự hoang phí thần lực một cách vô ích, và cho thấy công trình này dường như thiếu sự hướng dẫn của thiêng liêng. Tôi không thể hiểu tại sao sự việc lại xảy ra như vậy.

Nói về hội Thông Thiên Học thì mọi sự diễn biến đều chỉ ra rằng có một lịch trình tiến hóa tuần tự, và bị chi phối bởi hoàn cảnh do tác động của những sức mạnh tương phản. Khi thì Hội sinh hoạt êm ái, điều hòa, khi thì phải trải qua những cơn sóng gió ồ ạt. Hội được thịnh vượng hay bị trầm trệ đều tùy nơi sự quản trị thông minh sáng suốt hay kém khôn ngoan của các nhà lãnh đạo. Tuy đường lối đại cương của Hội vẫn luôn được gìn giữ, phương châm hướng dẫn bao giờ cũng đồng nhất, nhưng chương trình sinh hoạt của Hội đôi khi được sửa đổi, nới rộng hay cải tiến một cách linh động, uyển chuyển tùy theo kiến thức và kinh nghiệm của mọi người.

Mọi sự đều chứng minh cho tôi thấy rằng phong trào Thông Thiên Học nói chung đã được các bậc chân sư chuẩn bị từ trước, nhưng mọi chi tiết đều để cho chúng ta thực hiện với sự cố gắng tối đa. Nếu chúng ta thất bại thì cái cơ hội quý báu mà nghiệp quả đã dành cho chúng ta sẽ rơi vào tay người khác, cũng như hiện nay tôi là người thừa kế những cơ hội lỡ làng mà nhóm tín hữu của bà *Blavatsky* đã bỏ dở không thực hiện được tại *Cairo* hồi năm 1871.

Thuở ban đầu, tôi không hề nghe bà *Blavatsky* nói gì ngụ ý rằng bà đã được cho biết trước, cho đến khi bà được lệnh đi đến *Chittenden* để gặp tôi, về việc chúng tôi sẽ cùng cộng tác với nhau trong tương lai, hay là về việc thành lập Hội Thông Thiên Học Thế giới. Chúng tôi chỉ nghe bà nói, như đã kể trên, rằng bà được phái từ *Paris* đi *New York* với mục đích truyền bá giáo lý Huyền môn, và trước khi chúng tôi gặp nhau, bà đã từng tham dự

những buổi lên đàn và tiếp xúc với các đồng tử, nhưng vẫn còn ản mặt chứ chưa hề được công chúng biết đến.

Tháng 5 năm 1875, với sự đồng ý của bà *Blavatsky*, tôi bắt tay vào việc tổ chức một nhóm thân hữu chuyên khảo cứu về khoa học huyền bí, lấy tên là Câu lạc bộ Huyền linh (*Miracle Club*). Trong một đoạn hồi ký về việc này, bà viết như sau:

“Đó là một dự tính theo lời dạy của chân sư T.B., được truyền đạt qua trung gian của tinh linh P., mệnh danh là John King. Chân sư dạy rằng phải bắt đầu cho công chúng biết sự thật về các hiện tượng và các đồng tử. Thế là cuộc pháp nạn của tôi sẽ bắt đầu! Tôi sẽ gặp phải sự chống đối của các nhà Thần linh học, thêm vào đó là sự thù nghịch của người Cơ đốc giáo và những kẻ hoài nghi. Ôi! Chân Sư M., ý muốn của sư phụ sẽ phải được thực hiện.

Blavatsky.”

Câu lạc bộ này được dự định sẽ hoạt động kín đáo giữa các thành viên, không thu nhận người ngoài, và thành viên cũng được yêu cầu không tiết lộ nơi hội họp. Bà viết thêm:

“Tất cả những hiện tượng thần linh, gồm cả các sự hiện hình, đều sẽ diễn ra dưới ánh sáng, và sẽ không sử dụng phòng tối.”

Theo lời bà nói như trên, thì *dường như* sẽ không có Hội Thông Thiên Học, nếu không có sự kiện là người đồng tử của Câu lạc bộ Huyền linh hoàn toàn suy thoái rồi rút lui và tôi đành bỏ dở không thể hoàn thành công việc ấy!

CHƯƠNG HAI - VÀI NÉT ĐẶC THÙ CỦA BÀ BLAVATSKY

I.

Trong Chương Một, chúng tôi có nói rằng bà *Blavatsky* được lệnh của chủ nhân phải rời *Paris* đi *New York* một cách đột ngột, do tin báo trước chỉ có một ngày, và khi đó bà chỉ có vừa đủ tiền để mua vé tàu.

Tôi còn nhớ một việc liên hệ đến chuyến đi ấy do bà thuật lại, việc ấy cũng biểu lộ một nét đặc biệt trong tính chất đa dạng của bà, ấy là tính hào sảng tự nhiên. Bà đã mua một vé tàu hạng nhất từ *Havre* đến *New York*, và khi ra bến, bà nhìn thấy một phụ nữ nhà quê ngồi bên vỉa hè ôm con khóc rất thảm thiết. Bà bước đến gần hỏi thì được biết rằng đó là một phụ nữ Đức định xuống tàu để sang gặp chồng bên Mỹ, nhưng bị một kẻ gian đã bán vé giả cho bà ta ở *Hambourg*. Thế là khi đến đây, bà ấy bị bơ vơ, lạc lõng, không tiền bạc và tứ cố vô thân nơi đất khách. Lẽ tự nhiên, công ty hàng hải cũng không giúp gì được.

Động lòng trắc ẩn, bà *Blavatsky* nói: “Chị hãy yên tâm, để tôi xem có cách nào giúp chị được không?” Kế đó, bà vận dụng tất cả mọi khả năng hùng biện, hết thuyết phục rồi đến quở trách người đại diện công ty, nhưng rốt cuộc vẫn không có kết quả. Sau cùng, vì bà không có đủ tiền để trợ giúp người phụ nữ bất hạnh ấy nên bà phải dùng đến hạ sách duy nhất là đổi vé “cabin” hạng nhất của bà thành vé hạng chót, nằm dưới hầm tàu, và dùng số tiền chênh lệch để mua vé hạng chót cho cả hai mẹ con người đàn bà tội nghiệp kia!

Những người thuộc loại “nề nếp,” “mực thước,” thường tỏ ra hoang mang kinh ngạc vì những cử chỉ ngang tàng ngạo ngỗ và thậm chí là cả những điều sùng bái, bất nhã của bà *Blavatsky*, nhưng tôi nghĩ rằng một cử chỉ hy sinh hào phóng như vậy cũng đủ làm nghiêng lệch đòn cân, và

quét sạch tất cả những gì gọi là bất lịch sự trong phép xã giao của người đời! Ai không tin, hãy thử xuống nằm dưới hầm tàu chở dân di trú một lần thì biết!

Trên đây có kể về trường hợp nữ ký giả *Ballard* đến gặp bà *Blavatsky* tại một ngôi nhà trọ nghèo nàn ở một khu phố bình dân của thành phố *New York* trong khi bà còn chờ đợi tiền nhà và phải làm việc may thuê vá mướn để sống tạm qua ngày. Đó là vào tháng 7 năm 1873. Tháng 10 năm ấy, bà nhận được một bức điện tín từ *Stavropol* (Nga) của cô em gái là *Elise*, báo tin phụ thân bà từ trần và có để lại cho bà một phần gia tài. Cô em cho biết rằng ngân phiếu một ngàn đồng rúp⁶ đã được gửi cho bà. Sau đó ít lâu, bà nhận được tiền và dời đến một khu phố khang trang lịch sự hơn, ở đường East 16th, công trường Irving, *New York*.

Chính ở địa chỉ này mà tôi đến gặp bà sau khi từ nông trại *Eddy* trở về. Tuy nhiên, số tiền ấy không ở với bà được lâu, vì như ông *Sinuett* đã nhận xét và ghi lại trong quyển sách của ông về tiểu sử của bà *Blavatsky* thì một mặt bà có thể chịu đựng một cách vô cùng nhẫn nhục những cơn nghèo túng và nghịch cảnh khó khăn, nhưng khi tiền bạc vừa đến tay bà, thì bà dường như lấy làm băn khoăn khổ sở trừ phi bà đem vứt quăng đi với cả hai tay bằng những phương tiện đại dột nhất.

Đó là một cuộc chung vốn làm ăn có ký hợp đồng để khai thác nông trại của một người tên là C. G. trong một kỳ hạn là ba năm. Trong bản hợp đồng có điều khoản qui định rằng bà *Blavatsky* sẽ bỏ ra số tiền một ngàn đô-la để chung vốn, tất cả những lợi tức thu hoạch được về hoa màu, rau trái, gà vịt, và những hoa lợi linh tinh khác sẽ được chia đều và mọi phí tổn cũng sẽ cùng gánh chịu đều nhau, v.v...

Điều mà người ta có thể tiên liệu trước đã xảy ra: bà *Blavatsky* đến ở tại nông trại, lợi tức đâu chẳng thấy, đâm ra tranh chấp, cãi lầy, rồi mắc nợ và vướng vào một vụ kiện mà rất lâu về sau các bạn bè thân hữu của bà mới giúp bà giải quyết xong. Thế là tan tành cái giấc mộng lợi tức của bà về rau trái, hoa màu, nuôi bò sữa, gà đẻ trứng, v.v...

Ba tháng sau đó, tôi mới gặp bà tại ngôi nhà có hồn ma hiện hình ở tại *Vermont, Chittenden*, và bánh xe nghiệp quả của chúng tôi mới bắt đầu

chuyển động. Những bài phóng sự của tôi đăng trên nhật báo *Daily Graphic* đã lôi cuốn đến *Chittenden* một vị lương y danh tiếng của thành phố *New York*, bác sĩ *Beard*. Khi trở về, ông ta đã viết một bài bình phẩm ngu xuẩn và khoác lác đăng trên báo, nói rằng những chuyện hồn ma hiện hình ở nông trại *Eddy* chỉ là những trò giả mạo, và y đã bị bà *Blavatsky* “cạo sát da” trong một bức thư trả lời nảy lửa gửi đến tòa soạn báo *Graphic*.

Bức thư của bà là một sự biện hộ can đảm và độc đáo bênh vực cho những đồng tử *Eddy* và sự thật của những hiện tượng xảy ra, làm cho bà đột nhiên vang dội tên tuổi khắp các giới kể từ đó trở về sau. Đây là lần đầu tiên mà quần chúng Mỹ được nghe tên tuổi bà liên quan đến những vấn đề huyền linh, và cuộc tranh luận với một bác sĩ nổi tiếng ở *New York* thời ấy là nguyên nhân chính làm cho bà được nổi danh một cách bất ngờ.

Hồi đó, bà luôn luôn phát ngôn với một giọng sôi nổi, hào hùng và vui nhộn trong tất cả mọi cuộc đàm thoại và trên diễn đàn ngôn luận, báo chí. Bà thu hút mọi người bằng cách nói chuyện linh động và ý nhị; xem thường những nghi thức xã giao giả dối của người đời, và gây ngạc nhiên trong các giới bằng những quyền năng thần bí của bà.

Bà thường rút trong cái kho tàng ký ức vô cùng dồi dào phong phú về những chuyện phiêu lưu mạo hiểm mà bà đã trải qua do kinh nghiệm bản thân, và trong kho kiến thức thâm sâu về khoa Huyền môn, mà theo chỗ tôi biết thì không ai có thể bì kịp trong số các nhân vật xuất hiện ở Mỹ thời bấy giờ.

Khi tôi đã kết thúc loạt bài phóng sự đăng trên báo *Daily Graphic* về các hiện tượng thần linh ở *Chittenden*, tôi bèn chuẩn bị in ra thành sách. Vào lúc này, bà *Blavatsky* cũng dời chỗ ở đến *Philadelphia*. Hồi đó, khoa Thần linh học đang trải qua một giai đoạn xuống dốc do hậu quả của việc đồng tử *Holmes* bị nhà bác học *Dale Owen*⁷ công khai tố giác là dối trá, bịp bợm. Những cơ quan ngôn luận của phong trào bị mất độc giả rất nhiều, những sách vở Thần linh học sáng giá nhất cũng không ai thèm đọc nên nằm mãi trong các nhà sách, không ai mua. Nhà xuất bản quyền sách của tôi bị dao động tinh thần đến nỗi tôi phải đề nghị với ông *Dale Owen* và bà đồng tử

Holmes mở một cuộc trắc nghiệm dài hạn dưới những điều kiện của tôi đưa ra để chúng tôi thực hiện những cuộc thử thách này tại nhà ông bà *Holmes*.

Sau đó, tôi đến *Havana*, tiểu bang *New York*, và chứng kiến những hiện tượng đồng tử thật kỳ diệu của bà *Compton*. Tất cả những cuộc khảo sát trên đây đều được tường thuật lại đầy đủ trong quyển sách của tôi nhan đề “Người về từ cõi âm” và sau cùng cũng được phát hành rộng rãi.

II.

Trong khi bà *Blavatsky* ở *Philadelphia*, tôi nhận lời mời của bà đến đó nghỉ vài ngày sau một thời gian làm việc mệt nhọc. Tôi định vắng nhà chỉ vài ngày thôi nên không dặn người nhà và văn phòng Luật chuyển thư từ cho tôi. Nhưng khi đến nơi tôi mới biết bà không muốn để tôi về sớm như vậy. Qua ngày hôm sau, tôi đến Bưu điện và yêu cầu họ đem chuyển thư từ của tôi đến địa chỉ của tôi đang ở, nếu có.

Khi đó, đã xảy ra một việc làm tôi ngạc nhiên, vì hồi đó tôi chưa được biết nhiều về những quyền năng thần thông của các chân sư và bà *Blavatsky*. Thậm chí cho đến bây giờ thì đối với tôi, những điều đó vẫn còn là một kỳ quan lạ lùng, dầu rằng tôi đã từng trải qua một thời kỳ kinh nghiệm lâu dài về các hiện tượng huyền linh.

Ngay chiều hôm đó, người đưa thư mang đến cho tôi vài bức thư gửi từ nước ngoài, trên phong bì ghi địa chỉ của tôi ở *New York*, có đóng dấu các trạm bưu điện xuất xứ nhưng *không có con dấu của Bưu điện thành phố New York!*

Bất chấp mọi nguyên tắc của ngành bưu điện, những bức thư đó đã được chuyển thẳng đến tay tôi ở *Philadelphia* mà không đi qua Bưu điện thành phố *New York!* Trong khi ở *New York* không ai có thể biết địa chỉ của tôi tại *Philadelphia* vì chính tôi cũng không biết khi tôi rời nhà ra đi!

Khi mở các phong thư, tôi thấy trong những lá thư đều có thêm những giòng chữ viết giống nhau, đúng là tuồng chữ trên những bức thư của các chân sư mà tôi đã nhận được ở *New York* trước đây. Những giòng chữ này được viết ở ngoài lề, hoặc ở những khoảng trống trong thư của những người

đang giao dịch với tôi. Những giòng chữ đó hoặc bình phẩm về tính hạnh hay ý đồ của các đương sự, hoặc là những lời khuyên có liên quan đến vấn đề học Đạo của tôi.

Sự việc kỳ lạ này mở màn cho một loạt những hiện tượng kỳ diệu khác nữa trong khoảng thời gian độ hai tuần tôi lưu lại *Philadelphia*. Phân tích những hiện tượng thần thông của bà *Blavatsky*, hoặc có liên quan đến bà, chúng tôi nhận thấy chúng có thể được chia làm nhiều loại, mà khả năng tạo nên những hiện tượng đó đòi hỏi một sự hiểu biết về những điều sau đây:

- Biết rõ những công năng rốt ráo của vật chất, mãnh lực kết cấu các nguyên tử, nhất là sự hiểu biết về tiềm năng của chất tinh quang hay khí tiên thiên (Aksha).

- Khả năng tác động của các tinh linh ngũ hành khi đặt dưới ý chí điều khiển của con người.

- Quyền năng sáng tạo của tư tưởng, có thể dùng thuật thôi miên tạo ra những ảo giác mắt thấy, tai nghe và xúc cảm những điều mà thật ra vốn không có.

- Khả năng phóng xuất hình ảnh hay chữ viết bằng sức mạnh của ý chí.

- Khả năng đọc được tư tưởng của người khác và thần nhãn nhìn thấy quá khứ vị lai.

- Khả năng thần giao cách cảm tùy ý với những nhân vật ngang hàng hoặc cao hơn mình về trình độ phát triển tâm linh.

- Khả năng đọc được ký ức của thiên nhiên, ẩn tàng trong chất tinh quang hay khí tiên thiên, trong đó chứa đựng tất cả những kho tàng hiểu biết của con người.

Hồi tưởng lại những nhận xét của tôi trong hai mươi năm qua, tôi nghĩ rằng tất cả những chuyện mà tôi đã từng kể, hay sẽ thuật lại trong quyển sách này, sẽ thuộc về một trong những loại kể trên.

Những kẻ hoài nghi chắc sẽ nói rằng sự phân loại như trên có vẻ độc đoán và những giả thuyết của tôi là hão huyền. Họ sẽ yêu cầu tôi chứng

minh sự thật về các tinh linh ngũ hành; về hiện tượng thần nhân; về sự chuyển di đồ vật xuyên qua không gian; về sức mạnh hấp dẫn và kết cấu các nguyên tử, v.v...

Nhưng tôi chỉ có thể thuật lại những điều mà tôi và nhiều người khác đã nhìn thấy, và thách đố những ai hoài nghi hãy tìm ra trong thiên nhiên bất cứ một định luật nào nằm ngoài những điều đã nêu trên để giải thích các sự kiện hiển nhiên không thể chối cãi. Còn nếu người ta cho rằng đó là phép lạ, hay ma thuật, thì tôi sẽ ngậm miệng, vì điều đó chặn đứng mọi cuộc tranh luận.

Tôi không tự hào có thể giải thích tất cả những hiện tượng thần thông của bà *Blavatsky*, vì việc ấy đòi hỏi một trình độ hiểu biết ít nhất cũng tương đương với bà, là điều mà tôi chưa bao giờ có được.

III.

Những ngày tôi trải qua ở *Philadelphia* đều bận rộn với việc học Đạo và chứng kiến những hiện tượng thần thông của bà *Blavatsky*. Ngoài ra, tôi còn có một số bạn bè thân hữu, và bà đã làm những phép thuật huyền linh này trước mặt những người ấy.

Trong số những phép thuật đó, tôi còn nhớ có lần bà làm cho một bức ảnh trên tường thành linh biến mất khỏi cái khung, và thay vào đó là bức chân dung hoạt họa của *John King*, trong khi một người trong số quan khách đang nhìn vào bức ảnh.

Dần dần, tôi được bà giảng giải cho nghe những lý thuyết của Huyền môn Đông phương về tinh thần và vật chất và về những vong linh trong cõi vô hình. Bà không bảo tôi từ bỏ giả thuyết Thần linh học mà chỉ ra cho tôi thấy và nhận định rằng, như một khoa học chân chính, khoa Thần linh học thật sự chỉ có thể có ở phương Đông, và những người tinh thông về khoa này chỉ có thể là những bậc đạo sư và đệ tử của các đạo phái Huyền môn Đông phương.

Với tấm lòng thành thật khách quan đối với các nhà Thần linh học, tôi phải nói rằng cho đến nay chưa có một lý thuyết khoa học nào được đưa ra

về những hiện tượng đồng tử mà phần đông họ đã chấp nhận. Và tôi cũng không thấy bằng chứng cụ thể nào chỉ ra rằng trong số những tín hữu Tây phương của phong trào này, có ai đã từng khám phá một phương pháp nào để có thể kêu gọi các vong linh xuất hiện hoặc tạo ra các hiện tượng tùy ý muốn. Không một người đồng tử nào mà tôi đã từng gặp hoặc nghe nói đến có được một bí quyết hay chân ngôn để thực hiện được những việc đó, vốn là những điều rất thông thường và quen thuộc từ nhiều thế hệ ở các xứ phương Đông.

Trong khi bà *Blavatsky* làm cho tôi và các bạn hữu tin rằng những hiện tượng xảy ra hầu như mỗi ngày đều là do tác động của vong linh *John King*, mạo nhận là vong hồn một hải tặc lừng danh khi xưa tên là *Sir H. Morgan*, và bà chỉ trợ giúp y với tư cách là một người trung gian hay phụ tá, bà *Blavatsky* đã làm nhiều hiện tượng chứng tỏ là bà có một bản lĩnh cao cường về phương thuật (*magic*).

Tôi xin kể một thí dụ, đồng thời cũng nói thêm rằng những phát minh khoa học lớn lao thường bắt nguồn từ việc tình cờ nhận xét những sự việc rất đổi thông thường, chẳng hạn như một trái táo rụng xuống đất đã giúp *Newton* khám phá luật hấp dẫn (*gravitation*); và việc nhìn thấy cái nắp thiếc nảy lên trên ấm nước đang sôi đã giúp *Denis Papin* tìm ra năng lực của hơi nước để phát minh động cơ hơi nước.

Ngày nọ, nhận thấy trong nhà thiếu khăn mặt để dùng, tôi mua vài cái khăn lớn đem về, và cắt ra làm độ một chục cái khăn nhỏ. Khi thấy bà *Blavatsky* định lấy ra dùng ngay mà không chịu viển các cạnh khăn lại cẩn thận, tôi mới phản đối lối sống thiếu ngăn nắp đó, và bà liền lấy kim chỉ ra may. Chưa kịp bắt đầu thì bỗng nhiên bà đá một cái dưới gầm bàn và nói với giọng giận dữ: “Đồ láo, đi ra!”

Tôi hỏi: “Cái gì vậy?”

Bà đáp: “Có gì đâu! Chỉ có một tinh linh nó kéo vạt áo tôi và muốn có một việc gì để làm!”

Tôi nói: “À, hay quá! Sao bà không đưa khăn cho nó may. Bà cần gì phải làm cho nhọc, vả lại bà cũng chẳng khéo tay gì lắm trong đường kim mũi

chỉ?”

Bà cười và mắng tôi chê bà may dở, nhưng cũng chưa chịu làm theo sự thỉnh cầu của kẻ khuấy mặt ở dưới gầm bàn, sẵn sàng trợ giúp một tay nếu có dịp. Sau cùng, nghe lời thuyết phục của tôi, bà bảo tôi hãy để khăn mặt và kim chỉ trong một cái tủ kiếng có khóa, và che màn lụa xanh ở phía tường bên kia. Tôi làm theo và trở lại tiếp tục ngồi nói chuyện với bà về đề tài lý thú duy nhất và bất tận của chúng tôi, là vấn đề khoa học huyền bí.

Sau độ mười lăm hay hai mươi phút, tôi nghe một tiếng động nhỏ giống như tiếng chuột kêu ở dưới gầm bàn, khi đó bà *Blavatsky* cho tôi biết rằng “nó” đã viền xong mấy cái khăn. Tôi bèn lại mở tủ và thấy mười hai cái khăn mặt đã viền xong, tuy rằng hơi vụng về, giống như của trẻ em mới tập may trong các lớp may nhi đồng. Thế là mấy cái khăn mặt đã được viền bìa thật sự không thể nghi ngờ, trong khi tủ đã khóa kín và bà *Blavatsky* không hề bèn mảng đến gần trong suốt thời gian đó. Lúc ấy vào độ bốn giờ chiều, giữa ánh sáng ban ngày. Chúng tôi chỉ có hai người trong phòng, không có người nào khác bước vào cho đến khi mọi việc đã xong!

Có lần trong khi chúng tôi đang ngồi nói chuyện ở phòng khách, bà *Blavatsky* thỉnh thoảng biến mất. Tôi đã từng trải nhiều kinh nghiệm về các hiện tượng huyền linh, nhưng việc này làm tôi ngạc nhiên và lo lắng. Sau khi đi lục soát khắp trong nhà mà không thấy gì, tôi trở lại phòng khách châm thuốc hút, và thử tìm hiểu điều bí mật này. Hồi đó là năm 1875, tức là nhiều năm trước khi khoa thôi miên được thí nghiệm và phổ biến, cho nên tôi không hề biết rằng lúc ấy tôi chỉ là một đối tượng thụ cảm, và bà *Blavatsky* chỉ làm che lấp thị giác của tôi để tôi không nhìn thấy bà trong khi bà vẫn có mặt tại chỗ!

Một lúc sau, bà xuất hiện trở lại nơi phòng khách, tôi mới hỏi nãy giờ bà đi đâu, thì bà cười và nói rằng vì bà có việc phải làm về phần “vô vi” nên bà đã tàng hình trong chốc lát. Nhưng tàng hình bằng cách nào thì bà không nói.

Bà cũng làm phép thuật đó trước mặt tôi và những người khác nhiều lần nữa, trước và sau khi chúng tôi sang Ấn Độ, nhưng tất cả những lần đó đều

xảy ra nhiều năm trước khi tôi được biết về khoa thôi miên, vốn là cách giải thích dễ dàng cho thuật tàng hình.

Như tôi đã có lần giải thích, thuật thôi miên của phương Đông còn vượt trội hơn nhiều so với phương Tây, vì trong trường hợp này, sự dẫn khởi để che lấp giác quan của người thụ cảm được thực hiện bằng tư tưởng trong âm thầm, chứ không cần phải truyền lệnh bằng giọng nói hay nhìn vào mắt. Vì thế, người thụ cảm không thể cảnh giác để chống lại sự thôi miên, và sự việc xảy ra tự nhiên trong khi y không hay biết gì cả.

Bà *Blavatsky* còn biểu diễn nhiều hiện tượng thần thông lạ lùng khác nữa. Tôi chỉ thuật lại vài sự việc đáng kể đã làm thỏa mãn lý trí và óc phê bình của tôi về sự thật của khoa huyền thuật phương Đông. Đó là thời kỳ mà tôi được biết bà *Blavatsky* như một bạn đồng môn, nên mối liên hệ giữa bà với tôi được thiết lập trên một cương vị hoàn toàn bình đẳng và mật thiết. Nhờ đó, tôi mới có thể nhận xét bà như một người thường, trước khi bà được các bạn đạo suy tôn gần như thần thánh. Những người này không được biết gì về những sở trường, sở đoản và tính chất rất cận nhân tình của bà.

Như tôi sẽ trình bày một cách trung thực, hình ảnh lý tưởng đã phai mờ của tác giả các bộ sách “Vén màn Isis” và “Giáo lý bí truyền” sẽ là hình ảnh của một người bằng xương bằng thịt; một người phụ nữ thật sự tuy có trội hẳn về phần nam tính, vẫn sống bình thường như mọi người khi thức tỉnh, nhưng lại đi vào một thế giới khác và giao tiếp với những nhân vật cao cả hơn trong giấc ngủ hay khi sử dụng nhãn quang siêu phàm; một cá tính đặc biệt hiện hữu trong một xác thân phụ nữ yếu đuối, “trong đó... một cơn giông tố luôn luôn gầm thét hầu như bất cứ lúc nào”. Đó là theo lời của một vị chân sư đã miêu tả tình trạng tâm linh và khí chất của bà. Một khí chất thật bất thường, biến đổi, đa dạng, nóng nảy, ồ ạt như giông bão, nó đòi hỏi ở kẻ đối diện một sự nhin nhục và tự chủ đến mức độ anh hùng nếu họ muốn sống chung và cộng tác với bà trên một tinh thần vô kỷ vị tha.

Nhưng dù sao người ta cũng không thể quên được bản lĩnh phương thuật cao cường và những phép thuật thần thông mà bà đã thực hiện, những bằng chứng dồn dập mà bà đã cho thấy về sự hiện diện của các đấng chân sư mà bà tuyệt đối phục tùng đến mức tự cảm thấy không xứng đáng để lau bụi

trên bàn chân các ngài, và công trình phụng sự hiến dâng khi người phụ nữ ngáo ngổ và ngang tàng ấy trở thành một bậc đạo sư phổ biến đạo lý cho đời và một nhà tiên phong cảm được soi đường cho người tầm Đạo.

Tất cả những điều đó, và những bộ sách Đạo mà bà để lại cho hậu thế, càng kết hợp để chứng minh tính chất vĩ đại của bà và làm cho tính khí ngang ngạnh bất thường của bà được xóa nhòa trong quên lãng, thậm chí bởi những người đã từng bị những điều ấy làm cho điều đứng khỏ sở nhiều nhất về phương diện tinh thần.

Bằng cách vạch rõ con đường Đạo cho hậu thế, bà đặt tất cả chúng ta dưới một gánh nặng nghĩa vụ đến mức người ta không thể có cảm nghĩ nào khác hơn là một sự biết ơn sâu xa đối với bà.



BÀ H. P. BLAVATSKY (1831 - 1891)

SÁNG LẬP VIÊN VÀ NHÀ LÃNH ĐẠO HỘI THÔNG THIÊN HỌC
THẾ GIỚI

CHƯƠNG BA - THỬ THÁCH

I.

Với ý định tường thuật theo thứ tự thời gian những sự việc từ thuở ban đầu của Hội Thông Thiên Học, gồm cả những ngày liên hệ ban sơ giữa bà *Blavatsky* với tôi, tôi thấy cần nói qua vài hiện tượng phóng bút của bà, mà tôi có ghi chép trong quyển “Người về từ cõi âm” như đã nói trước đây. Những hiện tượng của bà *Blavatsky* dường như do tác động của một vong linh mệnh danh là *John King*, vốn là linh hồn đã thoát xác của một tay hải tặc lừng danh xưa kia tên là *Henry de Morgan*, đã từng được Anh hoàng *Charles II* tấn phong tước hiệp sĩ.

Nhưng thật ra đó chỉ là một cái tên giả để tạm gọi những âm binh hay tinh linh dưới quyền sai khiến của bà *Blavatsky*. Trong một buổi họp nơi bà trú ngụ tại một khách sạn ở *Philadelphia* vào buổi tối 6 tháng 1 năm 1875, nhân dịp *John King* đang làm các hiện tượng lạ, tôi nói: “Nếu quả thật anh là một vong linh tốt lành như anh tự nhận, anh hãy thi thố một vài quyền năng của anh cho tôi xem. Chẳng hạn, anh hãy làm ra một bản sao bức thư tôi đang cất trong ví của tôi.”

Không ai để ý đến lời yêu cầu của tôi chiều hôm ấy, nhưng qua buổi tối sau hôm đó hai ngày, trong khi bà *Blavatsky* và tôi đang ngồi ở cạnh bàn làm việc, có những tiếng nhịp gõ rất lớn vang lên. Theo tiếng nhịp, tôi liền viết ra những nguyên âm chữ cái và đọc: “Ông vui lòng đưa cho tôi cuộn tự điển xuống dưới gầm bàn.”

Trên bàn lúc ấy có quyển tự điển Nga-Anh của bà *Blavatsky*, tôi bèn cầm lấy và đưa xuống gầm bàn theo lời yêu cầu. (Tôi chỉ đưa chứ không phải bỏ rơi xuống đất, dường như đưa cho một người khuất mặt nào đó ở dưới gầm bàn cầm lấy quyển tự điển dày cộm ấy.)

Kế đó, những tiếng nhíp gõ yêu cầu tôi đưa xuống một lọ keo dán và một con dao nhỏ chuốt viết chì. Những vật liệu này cũng được đưa xuống gầm bàn, và sau một quãng im lặng kéo dài độ một lúc, tiếng nhíp gõ báo hiệu “Đã xong!”

Chúng tôi thâm hồi cuốn tự điển, con dao và lọ keo, và nhận thấy trên một trang giấy rời trong quyển tự điển là một bản sao phóng bút của bức thư nói trên.

Bà *Blavatsky* giải thích tác dụng của con dao như sau: “Một phần rất nhỏ chất kim khí của lưỡi dao được chuyển thể thành chất khí và dùng để phóng ra những hàng chữ màu đen. Keo dán cũng được chuyển thành trạng thái chất khí, và có tác dụng gắn kết các nguyên tử kim khí trong cuộc thí nghiệm. Cái ví đựng bức thư vẫn ở trong túi áo của tôi từ khi tôi đến thành phố này cho đến đêm xảy ra sự việc. Độ nửa giờ trước đó, tôi có đặt nó lên cái kệ phía trên lò sưởi, ngay trước tầm mắt của tôi mỗi khi tôi ngẩng mặt nhìn lên từ quyển sách tôi đang đọc. Bà *Blavatsky* vẫn ngồi gần bên tôi ở cạnh bàn và đang chăm chú viết. Ngoài hai chúng tôi ra, không có một người nào khác trong phòng!

Khi tôi so sánh bức thư và bản sao, bằng cách đặt chồng hai tờ giấy lên nhau, thì thấy tuy chúng giống nhau nhưng không phải rập theo nhau từng chi tiết. Điều này lại càng làm cho hiện tượng phóng bút thêm phần thú vị.

II.

Trong thời gian ở *Philadelphia*, bà *Blavatsky* rất bận rộn công việc viết bài vở cho báo chí, trước hết nói về Thần linh học, và sau đó là về khoa Huyền môn của Đông phương. Việc phát hành quyển sách của tôi cũng đưa đến những kết quả quan trọng là gây nên những cuộc bình luận kéo dài trong báo giới Anh-Mỹ, trong đó bà *Blavatsky* và tôi đều có đóng góp nhiều bài viết và thiết lập những mối tình thân hữu thêm bền chặt với nhiều bạn Đạo. Qua giao dịch thư từ, chúng tôi đã giải bày với họ toàn bộ các vấn đề huyền học Đông phương và Tây phương.

Không bao lâu, chúng tôi đã nhận được rất nhiều thư từ khắp nơi trên thế giới, trong số đó có những người tìm hiểu nhờ giải đáp thắc mắc; cũng có

những kẻ đối nghịch gửi thư đê chống báng, đả kích; và những cảm tình viên gửi lời khen tặng và khích lệ.

Ông *Alexandre Aksakof*, thành viên Hội đồng Cố vấn của Nga hoàng và là một nhà Thần linh học rất hăng say, đã yêu cầu bà *Blavatsky* dịch quyển sách của tôi sang tiếng Nga, và chịu chi trả mọi phí tổn ấn loát, phát hành. Bà nhận lời. Sau khi bản dịch tiếng Nga này ra đời, tại St. Petersburg đã lưu hành một cuốn văn thư khen tặng với lời lẽ rất khả ái của giáo sư *N. A. Wagner*, một chuyên gia khoa học hàng đầu của trường Đại học Hoàng gia. Trong đó, giáo sư nhận xét rằng công việc điều tra sưu tầm của tôi về các hiện tượng thần linh đã được thực hiện “*đúng theo tất cả những điều kiện cần thiết của một cuộc khảo sát khoa học nghiêm chỉnh và thận trọng*”.

Đó là một chứng thư mà đương nhiên tôi cảm thấy rất lấy làm hãnh diện. Các nhà bác học *William Crookes*,⁸ *Alfred Wallace*⁹ của Anh và *Camille Flammarion*¹⁰ của Pháp cũng đã bày tỏ những cảm tình ưu ái rất nồng hậu và thân hữu.

Vài tháng sau đó, ông *C. C. Massey*, một người Anh, từ London sang Mỹ để kiểm chứng những lời tường thuật của tôi về các hiện tượng hồn ma hiện hình ở nông trại *Eddy* bằng cách đích thân quan sát tại chỗ. Chúng tôi thường xuyên tiếp xúc với nhau và đã thông cảm nhau đến mức nảy sinh một tình thân hữu đậm đà, một tình bạn thâm giao vẫn kéo dài mãi đến sau này.

Ngoài ra, tôi cũng có giao dịch bằng thư từ và kết thân với một người bạn khác là ông *Stainton Moses*, Tiến sĩ Văn khoa tốt nghiệp Đại Học Oxford, giáo sư văn chương và Anh ngữ tại trường Đại học London.¹¹

Tôi có gửi cho ông một quyển sách của tôi và chúng tôi đã trao đổi thư từ qua lại hầu như hằng tuần trong nhiều năm liên tiếp. Bức thư đầu tiên của ông ta thảo luận về những điều kiện và kết quả của hiện tượng đồng tử trong những buổi lên đàn. Ông lưu ý tôi đến sự kiện này, là:

“Sự có mặt của vài hạng người trong những buổi lên đàn gây chướng ngại trầm trọng và có khi làm tê liệt các hiện tượng. Nguyên nhân không phải lỗi tại họ hay là do một thái độ tinh thần gì đó (chẳng hạn như thiếu

đức tin, v.v...), mà là do bầu không khí chung quanh họ gây nên. Người đồng tử càng nhạy cảm bao nhiêu thì điều đó càng rõ rệt bấy nhiêu.”

Ông *Stainton Moses* còn viết tiếp:

“Sự có mặt của nhiều người bạn tôi làm cho mọi hiện tượng của tôi đều ngưng trệ, điều đó làm tôi rất bực mình nhưng tôi không làm sao sửa đổi được.”

Bàn về hiện tượng biến mất thể xác của người đồng tử (như trường hợp của bà *Compton*, được mô tả lại trong quyển sách của tôi), ông cho rằng đó là hiện tượng lạ kỳ nhất, mà ông không thể giải thích, nhưng ông tin rằng điều đó không lạ gì đối với các nhà thuật sĩ phương Đông.

Những gì tôi đã trình bày trong một chương trước về quyền năng che lấp thị giác của người khác bằng thuật thôi miên làm thay đổi thị giác của họ có thể giải thích được điều bí ẩn này và loại trừ nhiều quan niệm mê tín dị đoan khác, kể cả việc cho đó là ma thuật.

Thật không uổng công tôi đã viết quyển sách đó, vì nhờ nó mà tôi có được hai người bạn tâm giao trọn đời như *Stainton Moses* và *Massey*. Nhưng còn hơn thế nữa, nó đã thay đổi cuộc đời tôi và đánh dấu một giai đoạn lịch sử. Trong thời gian ông *Massey* lưu trú tại Mỹ, chúng tôi đã cùng nhau viếng thăm nhiều nhà đồng tử, và ông là một trong những người đầu tiên đã cùng bà *Blavatsky* và tôi thành lập Hội Thông Thiên Học Thế Giới vào khoảng cuối năm ấy (1875).

III.

Trước đây tôi có nói về *Signor B.*, một nghệ sĩ người Ý có phép thuật, đã có lần đến viếng bà *Blavatsky* tại *New York*. Một buổi tối mùa thu năm 1875, ngay sau khi thành lập Hội Thông Thiên Học, tôi đã chứng kiến hiện tượng lạ lùng của y, làm mưa bằng cách sai khiến những tinh linh trong không gian.

Đó là một đêm trăng tròn, bầu trời xanh biếc không có một cụm mây che. Y gọi bà *Blavatsky* và tôi ra ngoài lan-can, dặn tôi hãy bình tĩnh và hoàn toàn im lặng, dù bất cứ việc gì xảy ra. Kế đó, y lấy trong túi áo một tờ

giấy cứng độ bằng khổ tập học trò và đưa về phía mặt trăng. Trên một mặt giấy có vẽ bằng màu nước một số hình vuông vức, trong mỗi ô vuông có một con số dị kỳ, nhưng y không cho tôi cầm lấy hoặc xem xét.

Tôi đứng gần sau lưng y và có thể cảm thấy thân mình y cứng đờ như trong một cơn tập trung ý chí mãnh liệt. Độ một lát, y chỉ vào mặt trăng, rồi chúng tôi thấy những luồng mây đen từ vành trăng tuôn ra và bay về phía chân trời.

Tôi bất giác thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc, nhưng nhà phù thủy nắm chặt tay tôi với bàn tay cứng như sắt và ra hiệu cho tôi hãy im lặng. Luồng mây đen bay ra càng lúc càng nhanh và kéo ra càng dài. Nó lan dần thành hình rẽ quạt, và trong chốc lát đã có những đám mây đen khác xuất hiện rải rác trên nền trời mỗi chỗ một ít, rồi hợp thành khối và di chuyển rất nhanh. Nền trời đã trở nên u ám vì mây đen bao phủ, mặt trăng mất dạng và một cơn mưa đổ xuống khiến chúng tôi phải lui vào nhà. Không có sấm sét, cũng không có gió, mà chỉ có một cơn mưa rào được tạo nên trong vòng một khắc đồng hồ bởi con người kỳ bí ấy.

Khi chúng tôi đến gần ánh sáng của ngọn đèn, tôi nhận thấy gương mặt nhà phù thủy biểu lộ những nét rắn rỏi cương nghị như sắt thép và hai hàm răng nghiến chặt, giống như sắc thái người ta nhìn thấy trên gương mặt của những binh sĩ tác chiến ngoài mặt trận.

Quả thật vậy, y vừa mới chiến đấu và chinh phục những đạo binh tinh linh ngũ hành, một kỳ công đòi hỏi sự tận dụng tất cả nghị lực trong con người.

Signor B. không ở lại với chúng tôi lâu, mà hồi hả cáo từ ra về. Và vì đêm đã khuya nên tôi cũng lui về phòng riêng vài phút sau đó. Nền đá trên đường lộ đã trơn ướt vì mưa, không khí lạnh và ẩm.

Tôi vừa vào phòng ngồi hút thuốc thì nghe tiếng chuông reo, và khi ra mở cửa trước, tôi thấy *Signor B.* đứng trên ngưỡng cửa, gương mặt tái xanh và một phần đã kiệt sức. Y xin lỗi vì đã làm phiền tôi và xin một ly nước uống. Tôi mời y bước vào nhà.

Sau khi y đã uống nước và ngồi nghỉ một lát, chúng tôi mới nói chuyện về những vấn đề huyền học và câu chuyện kéo dài trong một lúc khá lâu. Tôi nhận thấy y sẵn sàng thảo luận về các vấn đề văn chương, nghệ thuật hay khoa học, nhưng lại vô cùng dè dặt khi nói về khoa Huyền môn và kinh nghiệm cá nhân của y trong việc phát triển tâm linh.

Tuy nhiên, y giải thích rằng tất cả những giống tinh linh ngũ hành đều có thể chịu sự kiểm chế của con người khi phát triển được những tiềm năng thiên phú của mình. Chừng đó, ý chí sẽ trở thành một sức mạnh vô địch làm cho tất cả những giống sinh vật thấp kém hơn, gồm cả các loại tinh linh ngũ hành, đều phải chịu khuất phục.

Signor B. nói rằng, sự thật là không hề có những luồng khói đen từ vàng trắng bay ra, đó chỉ là một ảo giác được tạo ra bởi sự tập trung tư tưởng của y trên mặt trăng. Nhưng quả thật tôi có nhìn thấy những đám mây đen xuất hiện trên nền trời trong sáng và nhìn thấy mưa rơi. Y lưu ý tôi sự kiện ấy để tôi suy gẫm.

Nhưng rồi y lại đưa ra một lời khuyên làm tôi rất ngạc nhiên. Tôi đã thấy y rất hòa thuận với bà *Blavatsky*, họ đã từng nói chuyện rất cởi mở và đầy tình thân hữu với nhau về các vấn đề thế sự cũng như về khoa học Huyền môn, và đã cùng so tài trong việc thực hiện các hiện tượng như hiện tượng hai con bướm trắng. Bởi vậy, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy y làm ra vẻ bí mật và cảnh giác tôi nên đoạn tuyệt mọi sự giao du thân mật với bà.

Y nói, bà là một phụ nữ độc ác, rất nguy hiểm, và sẽ đem tai họa đến cho tôi nếu tôi cứ tiếp tục mối liên hệ giữa tôi với bà. Y nói rằng y phải đến cảnh giác tôi điều ấy theo lệnh của một vị chân sư mà tôi đã từng nghe y nhắc đến thánh danh trong những câu chuyện với bà *Blavatsky* và tôi.

Tôi nhìn thẳng vào mặt y để thử dò xem có một ý nghĩa ẩn giấu gì chẳng trong những lời khuyên vô lý đó, và sau cùng tôi nói: “Thưa ông, tôi biết rằng đáng cao cả mà ông vừa nhắc đến quả có thật. Sau khi đã nhìn thấy ông thực hiện phép thuật vừa rồi. Tôi có đủ lý do để ngờ rằng ông có liên hệ với ngài hay với Quân tiên hội. Tôi cũng sẵn sàng tuân lệnh ngài cho dù phải hy sinh tính mạng tôi. Nhưng tôi yêu cầu ông hãy đưa ra một bằng chứng cụ thể để chứng minh một cách rõ ràng, tích cực và không thể nghi

ngờ, rằng bà *Blavatsky* là người phụ nữ ác độc như ông diễn tả, và chân sự muốn tôi phải chấm dứt mọi sự liên hệ với bà.”

Người phù thủy Ý do dự, nói lấp bắp vài lời vô nghĩa, và chuyển đề tài sang chuyện khác. Tuy y có thể kéo mây đen ra khỏi mặt trăng, y vẫn không thể gieo sự ngờ vực hắc ám vào lòng tôi đối với người bạn Đạo và người hướng dẫn tôi đi xuyên qua những ngõ ngách bí hiểm của khoa Huyền môn.

Sau đó tôi có kể lại sự việc này cho bà *Blavatsky* nghe! Bà mỉm cười nói rằng tôi đã vượt qua cuộc thử thách sơ đẳng đó một cách tốt đẹp, và viết vài chữ cho *Signor B.* khuyên ông ta hãy “quên đi con đường đến nhà bà”.

CHƯƠNG BỐN -

NHẢY VÀO VÒNG CHIẾN

I.

Những cuộc tranh luận và bút chiến mà các bài phóng sự và quyển sách của tôi đã gây ra trong các giới, trong đó bà *Blavatsky* và tôi đều có dự phần; sự tố giác và bênh vực các đồng tử *Holmes*; và những cuộc bình luận sôi nổi kéo dài về khoa Thần Linh Học trong báo giới Âu-Mỹ, đã đưa đến vài hậu quả thuận lợi, trong đó có hai điều quan trọng là:

1. Việc trình bày những quan niệm Huyền môn của Đông phương làm cho thế giới Tây phương phải chú ý;

2. Việc khai sinh ra Hội Thông Thiên Học thế giới. Sự thành lập Hội Thông Thiên Học không phải do phép màu của các chân sư theo những chuyện bịa đặt láo lếu, mà là kết quả tự nhiên của những giai đoạn diễn biến tuần tự, như độc giả sẽ thấy trong những thư từ mà chúng tôi viết cho các báo trong giai đoạn ban đầu, và có trích lục vài đoạn dưới đây. Những chi tiết có vẻ khô khan, nhưng có tầm mức quan trọng như những tài liệu lịch sử.

Như đã nói trước đây, sự công kích nhằm vào các đồng tử *Eddy* có tánh cách tự quảng cáo của Bác sĩ *Beard*, một lương y chuyên khoa chữa trị bằng điện ở *New York*, và sự tuyên bố dối trá rằng ông ta có thể tạo ra những hiện tượng đó “với những trang phục rẻ tiền chừng ba đô-la”, đã làm cho bà *Blavatsky* phẫn nộ đến mức đã “lột da sống” ông ta trong một bức thư trả lời nảy lửa đăng trên nhật báo *Graphic*, và thách đố ông ta đánh cuộc năm ngàn đô-la ăn thua với bà về sự việc trên.

Chính sự việc ấy đã làm cho quần chúng Mỹ lần đầu tiên biết đến tên tuổi bà. Lẽ tự nhiên đã có sự liên kết thành hai nhóm đối lập nhau: nhóm Thần linh học và các đồng tử theo về phe bà *Blavatsky*. Còn những kẻ

chống đối, nhất là các nhà bác học có khuynh hướng duy vật, thì đứng về phía những người ủng hộ Bác sĩ *Beard*.

Kẻ thủ lợi trong cuộc tranh chấp này lại chính là ông *Beard*, vì đó là một mảnh khoe có tác dụng quảng cáo cho tên tuổi ông và khoa điện y của ông với kết quả vượt hơn mong đợi.

Các nhật báo Mỹ đều bình luận về bức thơ khiêu khích nẩy lửa của bà *Blavatsky* chống lại Bác sĩ *Beard*. Bà cũng đã trả lời phỏng vấn của các báo, do đó tên tuổi của bà càng vang dội khắp nơi khi cuộc tranh luận càng kéo dài.

Như đã nói trước đây, bà đứng trên lập trường của một nhà Thần linh học, không những tin tưởng mà còn *biết rõ* rằng những trí lực “*nhiếp*” vào các đồng tử để giáng ngôn hoặc giáng bút, thực hiện các hiện tượng hữu hình, và hiện hình toàn diện hoặc cục bộ, chẳng hạn như chỉ hiện có những gương mặt, bàn tay hoặc bàn chân, hay những phần khác trong thân mình, tất cả đều là do tác động của những vong hồn người chết, không hơn không kém.

Về sau, bà *Blavatsky* cho tôi biết rằng sự bộc phát của những hiện tượng thông linh ở khắp nơi chính là do Quân tiên hội phát động như một phương tiện để trợ giúp cơ tiến hóa. Như vậy, những hoạt động cơ bút, đồng tử, không thể bị xem là tuyệt đối bất hảo như vài nhà Thông thiên học cực đoan đã tuyên bố, vì theo chỗ tôi biết về các đáng chân sư thì người ta không thể quan niệm rằng các ngài lại dùng một phương tiện hoàn toàn bất hảo, cho dù là vì lợi ích nhân loại.

Trong số báo *Daily Graphic* mà bà *Blavatsky* gửi đăng bức thư phản bác Bác sĩ *Beard*, cũng có đăng tiểu sử của bà do chính bà cung cấp theo yêu cầu của tòa soạn. Bà viết:

... “Năm 1858, tôi trở về Paris và có dịp làm quen với nhà Thần linh học Daniel Home... Ông này đã cải hóa tôi theo Thần linh học... Sau đó tôi trở về Nga và cải hóa cha tôi theo Thần linh học.”

Trong một bài báo bên vực các nhà đồng tử *Holmes* chống lại những kẻ đả kích, bà nói về Thần linh học như “*tín ngưỡng của chúng tôi*” hay “*lý*

tưởng của chúng tôi”; và ở một chỗ khác, bà viết:

“Nếu những người theo Thần linh học chúng tôi bị người ta chê cười, nhạo báng, chế giễu, châm chọc, thì ít nhất chúng tôi cũng phải được biết lý do tại sao?”

Trong số báo *Spiritual Scientist* (Khoa học Tâm linh) ra ngày 8 tháng 3 năm 1875, bà nói có vài khuynh hướng cho rằng mặc dầu tính cách chân thật thiêng liêng của khoa Thần linh học và giáo lý của những vị bảo trợ vô hình (những vong linh khuất mặt của những lên đàn), một số nhà Thần Linh Học đã không biết tận dụng cơ hội đó để học lấy bài học vô tư và công bằng.

Đó là một việc làm rất can đảm, đầy hào khí, hoàn toàn biểu lộ cá tính của bà khi bà nhảy vào vòng chiến vì bất cứ lý tưởng nào mà bà đảm nhận như chánh nghĩa của mình. Như đã nói trước đây, chính vì lòng yêu tự do và chánh nghĩa mà bà đã cùng với một nhóm phụ nữ chiến đấu trong hàng ngũ của nhà ái quốc *Garibaldi* và mạo hiểm lao mình vào trận đánh ác liệt ở *Mentana*. Bây giờ, khi thấy cần phải bênh vực lý tưởng tâm linh để chiến đấu chống lại khuynh hướng duy vật cực đoan thì bà chấp nhận cả sự ô nhiễm khi phải tiếp xúc với bọn đồng tử giả mạo, với những loại âm binh bất hảo, hay với phe vô luân trong giới Thần linh học chủ trương tự do luyến ái và thoát ly gia đình.

Không một điều bất lợi nào trong những sự việc kể trên làm cho bà do dự, dù chỉ trong thoáng chốc, khi bà thấy cần đứng vào hàng ngũ của phái Thần linh học để chống lại những kẻ duy vật cực đoan. Đường lối của bà có thể bị một số người lên án, ngôn ngữ của bà có thể bị xem là hoàn toàn đồng ý và chấp nhận khuynh hướng Thần linh học mà về sau chính bà sẽ lên tiếng công kích thậm tệ không tiếc lời. Nhưng nếu lấy công tâm mà xét đoán, người ta phải nhận định rõ tình trạng xã hội của thời bấy giờ.

Người ta phải nhận định rõ kiến thức sâu rộng của bà, trên lý thuyết lẫn cả thực hành, về những hiện tượng huyền linh mà người đời cần phải biết trước khi bị lôi cuốn theo cái trào lưu độc hại của những người duy vật cực đoan. Nhiều người trong chúng ta có lẽ đã dùng một ngôn ngữ dè dặt cẩn thận hơn để tránh rơi vào quá nhiều những mâu thuẫn và rối rắm về sau này.

Nhưng trường hợp của bà lại hoàn toàn khác hẳn. Bà là một nhân vật độc đáo trên tất cả mọi phương diện, về trí lực và quyền năng thần bí, cũng như về khí chất và về phương pháp tranh luận.

Một trong những mục đích của tập Hồi Ký này là chỉ ra rằng, với tất cả những sự thiếu sót rất cận nhân tính và cái cố tật ngáo ngổ mà người ta có thể gán cho bà, bà vẫn là một nhân vật đặc biệt, phi phạm, một người dành trọn cuộc đời để làm một công việc vĩ đại phụng sự thế gian, nhưng lại bị người đời phê phán một cách mù quáng và vô ơn bạc nghĩa.

II.

Trong những cuộc thử nghiệm riêng tư giữa chúng tôi về các hiện tượng thần linh, bà *Blavatsky* đã chỉ dẫn cho tôi biết về sự hiện hữu của giới *ting linh ngũ hành*. Nhờ đó tôi mới biết phân biệt hai loại sinh vật khác nhau trong việc tạo nên các hiện tượng, là những tinh linh ngũ hành và những vong hồn người chết.

Vào khoảng cuối năm 1874, nhờ một dịp may hiếm có được đọc qua những quyển sách quý về khoa học Huyền môn tại thư viện *Watkinson* nên tôi được chuẩn bị khá nhiều về phần kiến thức để có thể hiểu những lời giải thích khẩu truyền của bà và những hiện tượng thông linh kỳ diệu do bà tạo ra để chứng minh cho những lời giải thích đó.

Thời kỳ học hỏi của tôi lúc ấy qua sách vở, qua lời dẫn giải khẩu truyền và sự quan sát các hiện tượng, cũng đủ chuẩn bị cho tôi một bản lĩnh khá vững vàng về khoa học Huyền môn cho đến khi bà bắt đầu công việc soạn bộ sách “*Vén màn Isis*” và mời tôi cộng tác.

Khoảng đầu năm 1875, chúng tôi bắt đầu lưu ý đến tờ “*Khoa học Tâm linh*”, một tạp chí tiên bộ và độc lập tại *Boston* do ông *Gerry Brown* làm Chủ bút kiêm Chủ nhiệm.

Nhu cầu cấp bách của thời bấy giờ là một tờ báo vừa được xem như cơ quan ngôn luận của Thần linh học, vừa có thể khuyến khích các nhà Thần linh học hãy quan sát chặt chẽ hơn tác phong, hạnh kiểm và khả năng thông linh của những đồng tử, và hãy kiên nhẫn lắng nghe những lý thuyết về các vong linh ở cõi âm cùng sự giao tiếp của họ với người sống.

Những tạp chí khác cũ kỹ hơn thuộc loại này lại quá bảo thủ, còn tờ báo của ông *Brown* dường như đang tiến bước bằng cách mạnh dạn chỉ trích những sự lạm dụng đương thời.

Bức thư chúng tôi gửi cho ông *Brown* đăng trên tạp chí ấy vào ngày 8 tháng 3 năm 1875 đã khởi đầu những mối liên hệ giữa chúng tôi, và trong vòng một tháng sau, y đã được đặt dưới sự chăm sóc biệt đãi của những thế lực hỗ trợ đứng sau bà *Blavatsky*.

Trong số tạp chí tháng 4 năm ấy, tôi có đăng một bản thông tư đặc biệt với tựa đề: “Thông tư quan trọng cho các nhà Thần linh học”. Điều quan trọng của nó đối với ông *Gerry Brown* là lời hứa trợ giúp bài vở và tài chánh, còn đối với công chúng hâm mộ phong trào Thần linh học thì nó cho biết rằng tạp chí ấy sẽ được sử dụng như cơ quan của một phong trào mới, nhằm mục đích đặt khoa Thần linh học ở Mỹ trên một nền tảng triết học và trí thức vững chãi hơn trước, thay vì chỉ chú trọng đến những thông điệp cơ bút và những hiện tượng tầm thường, không đủ thỏa mãn những bộ óc khoa học.

Chính tôi đã tự thảo ra bản thông tư đó, tự sửa chữa bản kẽm trước khi in và tự chi trả phí tổn ấn loát. Nói thế có nghĩa là ngoài tôi ra, không một ai nhúng tay vào công việc này, hoặc thêm bớt một chữ nào trong bản thảo, hoặc điều khiển hành động của tôi bằng bất cứ cách nào.

Tôi viết bản thông tư ấy để thi hành ý định của chân sư. Ngài dạy chúng tôi hãy trợ giúp vị Chủ nhiệm tờ tạp chí ấy trong giai đoạn khó khăn hiện tại bằng đủ mọi cách, về phương diện tài chánh cũng như đóng góp bài vở. Khi bản thông tư đã soạn thảo xong và đưa in, tôi viết thư hỏi bà *Blavatsky* rằng theo ý bà thì tôi có nên ký tên vào bản thông tư ấy không. Bà trả lời rằng theo ý muốn của các chân sư thì nó phải được ký tên như sau: “Thay mặt Hội Đồng Tiên Thánh, phân hội *Luxor* (Ai Cập)”. Tôi làm y theo lời bà, và bản thông tư được công bố.

Sau đó, bà giải thích rằng công việc của chúng tôi được giám sát bởi một ủy ban gồm bảy vị chân sư thuộc phân hội Ai Cập của Quân tiên hội.

Vì bà chưa đọc qua bản thông tư lần nào, lúc ấy tôi mới đưa cho bà một bản và bà bắt đầu đọc một cách chăm chú. Đọc xong, bà bắt giắc cười lớn, và bảo tôi nhìn xem những chữ cái ở đầu câu của mỗi đoạn văn trong đó. Tôi lấy làm ngạc nhiên vô cùng mà nhận thấy rằng những chữ cái đó nếu đem ghép lại thì hợp thành thánh danh của vị chân sư Ai Cập, sư phụ của tôi lúc ấy!

Sau đó ít lâu, tôi nhận được một chứng thư viết bằng mực vàng trên một tờ giấy xanh, dày, cho biết rằng tôi được chính thức liên hệ đến cơ quan này, và đặt dưới sự giám sát của ba vị chân sư.

Trong những kinh nghiệm huyền linh của tôi lúc ban đầu, không có gì gây ấn tượng sâu xa trong trí óc tôi hơn là những sự việc trên. Điều ấy chứng minh cho tôi thấy rằng sự chuyển di tư tưởng giữa vị chân sư và đệ tử vẫn là một việc xảy ra thường xuyên, mà không gian không hề làm ngăn cách, chướng ngại. Nó cũng chứng tỏ rằng trong công việc phụng sự thế gian, người đệ tử thường được các đấng cao cả dìu dắt, hướng dẫn để làm những công tác mà các ngài muốn được thực hiện, trong khi đó người đệ tử vẫn không hề hay biết chi cả.

Trong toàn bộ lịch sử hội Thông Thiên Học thế giới, ai đã biết được có bao nhiêu trường hợp mà mỗi người trong chúng ta vô tình đã làm những gì cần phải làm, nhưng những việc đó có lẽ đã không được thi hành nếu không có một ảnh hưởng nào từ bên ngoài đến thúc đẩy chúng ta? Và có bao nhiêu lỗi lầm tai hại mà mỗi người trong chúng ta đã làm, bởi vì chúng ta được tự do hành động theo những dục vọng cá nhân, kết quả của sự vô minh, hèn kém, hay thành kiến hẹp hòi riêng tư của chính mình?

Người ta thường tự hỏi tại sao những vụ tranh chấp, xung đột, những cơn biến động gây ra bao nhiêu tai tiếng, xúc phạm đến thanh danh của Hội, lại không được các chân sư tiên liệu trước và ngăn chặn? Tại sao bà *Blavatsky* không được cho biết trước về những hành động của những kẻ phản bội, và trong những cơn khủng hoảng nghiêm trọng nhất của Hội Thông Thiên Học, không hề thấy có sự trợ giúp nào, và không có một vị hướng dẫn tâm linh nào xuất hiện?

Lẽ tất nhiên, những câu hỏi đó thật rất vô lý. Các chân sư vốn đã nắm vững luật nhân quả, không thể sử dụng chúng ta như những hình nộm để cho các ngài giật dây, hoặc như những con thú nhà đã được tập luyện làm theo ý chủ. Các ngài không thể sử dụng chúng ta một cách máy móc theo những đường lối đã định sẵn, can thiệp vào nghiệp quả của mỗi người, và xâm phạm đến quyền tự do hành động của chúng ta.

Vào một thời kỳ nhất định, trong cơ tiến hóa của nhân loại, có lẽ cần có một người nào đó phải làm, phải viết hoặc nói ra một điều gì đó, mà những điều này, khi thực hiện xong sẽ đưa đến cả một loạt những hậu quả mong muốn. Nếu điều đó không tạo nên nghiệp quả bất lợi cho đương sự, thì sự thúc đẩy vô vi để làm công việc cần thiết đó sẽ được đưa đến cho y. Thí dụ, vận mạng của thế giới nằm trong tay của vài ba vị lãnh tụ hay nguyên thủ quốc gia của một vài siêu cường quốc. Nếu một biến cố nhỏ nhặt nào đó xảy ra, một quốc gia có thể bị tiêu diệt, hoặc một triều đại trở thành tai họa cho cả một dân tộc, hoặc một thời kỳ hòa bình và tiến bộ cho nhân loại có thể được mở màn. Nếu trong giai đoạn lịch sử đó, một trong những điều kể trên cần phải xảy ra vì sự lợi ích chung của toàn thể nhân loại, và nếu không có một cách nào khác để gây nên cơn khủng hoảng cần thiết, thì chừng đó sự khiến xui cho một vị lãnh tụ ra tay hành động có thể đến từ bên ngoài.

Đây là một trường hợp đơn giản hơn, đã xảy ra trong lịch sử. Trong khoa cổ học Ai Cập, người ta đã đạt tới một trình độ mà sự tiến bộ của thế giới đòi hỏi một chìa khóa tinh vi hơn để đọc những cổ tự bí mật trong các Kim tự tháp. Giờ đã điểm để tiết lộ thêm những chân lý thâm sâu và vô cùng quan trọng hàm chứa trong khoa cổ tự của nền văn minh cổ Ai Cập. Vì không có cách nào khác, một người nông dân Ả Rập được xui khiến đến đào xới một khoảnh đất nào đó, hoặc khai quật một ngôi mộ đá và cạy bật lên một nắp hòm đựng xác ướp. Người ta tìm thấy một bia đá hoặc một mớ lá chi-thảo có khắc cổ tự.

Người nông dân này sau đó đem bán cho một nhà khảo cổ, rồi sau đó được chuyển đến tay các nhà Ai Cập học uyên bác như *Champollion*¹² hay *Ebers*.¹³ Các ông này mới tìm thấy cái chìa khóa đã mất, và nhờ đó mới đọc được nhiều bản văn cổ xưa vô cùng quan trọng. Sự xui khiến tưởng chừng như tình cờ làm cho người nông dân thất học đào xới lên được những

tài liệu cổ đã bị chôn lấp từ lâu, lại do chính sự trợ giúp của các đảng vô hình, tuy ẩn tàng nhưng luôn luôn dìu dắt sự tiến bộ của nhân loại.

Xin kể ra đây một trường hợp cá nhân gần gũi với chúng ta hơn: Một ngày nọ tôi bỗng dưng cảm thấy một sự thôi thúc phải đi mua một tờ báo; trong đó tôi đọc thấy một chuyện gì đó và điều đó thúc đẩy tôi có một hành động tự nhiên; việc ấy lại làm cho tôi tiếp xúc với bà *Blavatsky* và bởi đó mới có Hội Thông Thiên Học ra đời và những hậu quả do Hội này đem đến. Khi thực hiện việc đầu tiên, tôi không tạo ra được lợi ích gì cả. Nhưng nếu việc ấy dẫn đến một kết quả tốt lành, và nếu tôi đóng góp công sức để làm việc với một tinh thần hiến dâng nhiệt thành và vị tha, thì khi ấy tôi cũng được chia sẻ những nghiệp quả tốt mà việc làm ấy mang lại cho nhân loại.

Có lần tôi thấy những người dân Tích Lan (*Sri Lanka*) ở tỉnh *Galle* tranh nhau đưa tay sờ vào những rổ thúng đựng vật thực của những nhà giàu có mang đi cúng dường cho các sư tăng. Hỏi ra mới biết là họ tin tưởng rằng, do lòng ưu ái chân thành đối với hành động bố thí của kẻ khác, họ cũng được chia sẻ một phần công đức của các thí chủ. Tôi nghiệm thấy điều ấy rất đúng, và có ghi lại ý tưởng đó trong quyển “*Phật giáo vấn đáp*” do tôi biên soạn.

CHƯƠNG NĂM -

SỰ LỢI HẠI CỦA VẤN ĐỀ ĐỒNG CỐT

I.

Mọi người đều đồng ý rằng, những người đồng cốt chuyên nghiệp, mà vấn đề cơm áo hằng ngày tùy thuộc vào khả năng tạo ra các hiện tượng thông linh khi có thân chủ đến viếng, trong những cơn nguy cấp, túng thiếu, thường buộc làm những hiện tượng giả trá để thay thế khi những hiện tượng thật không thực sự xuất hiện.

Hầu hết những người hành nghề đồng cốt đều nghèo, thường là những người phế tật, nhưng phải nuôi nấng con cái hay cha mẹ già yếu. Vấn đề sinh kế của họ thật vô cùng bấp bênh, bởi vì trạng thái đồng cốt tùy thuộc những điều kiện tâm sinh lý cũng như những điều kiện thời tiết ngoài khả năng kiểm soát của họ. Bởi vậy, không có gì lạ nếu trong những cơn túng quẫn, dưới sự thúc đẩy của những nhu cầu cấp bách, họ không còn đặt nặng vấn đề lương tâm. Lẽ tự nhiên, họ dễ bị lung lạc trước sự cám dỗ mà những thân chủ mê tín bày ra trước mắt họ. Những người này thường không đòi hỏi gì khác hơn là trả tiền để bị gạt!

Dù sao, đó là những điều mà các đồng tử chuyên nghiệp giải thích cho tôi nghe. Họ đã kể lại cho tôi nghe cuộc đời khôn khổ của họ, việc họ “*có đồng*” đã tác hại như thế nào trong thời thơ ấu, làm cho họ bị lẩn tránh và ngược đãi bởi những bạn học cùng lớp, bị theo dõi và chọc gheo bởi những kẻ tò mò, bị dùng làm một hiện tượng lạ mắt bởi những “*gánh xiếc*” lưu động trả tiền cho cha mẹ họ thụ hưởng, và mang lấy những chứng bệnh thần kinh, bệnh lao phổi, hay tràng nhạc... tàn phá sức khỏe của họ.

Bà *Hardinge Britten*, một nhà chuyên môn khảo cứu về vấn đề thông linh và có nhiều kinh nghiệm về giới đồng cốt, có nói rằng bà ít khi thấy một đồng tử nào mà không có một khí chất bệnh hoạn, thường là có bệnh tràng nhạc hay bệnh lao và sự khám nghiệm cơ thể cho thấy rằng họ cũng

thường hay có những ám tật nơi cơ quan sinh dục. Trong quyển “*Art Magic*”, bà viết:

“Một sự việc có ý nghĩa cần lưu ý các nhà sinh lý và tâm lý học là dường như những người mắc bệnh tràng nhạc và bệnh sung hạch tuyến, thường là những môi trường thuận lợi để cho các vong linh tác động trên phương diện vật chất hữu hình. Những phụ nữ hình vóc mảnh mai, yếu đuối, và những người có tính chất khiết bạch, ngây thơ, vô tội, nhưng hệ thống hạch tuyến của họ đã bị gậm nhấm bởi chứng bệnh tràng nhạc, thường dễ trở thành những khí cụ hữu hiệu cho sự tác động của các vong linh.”

Những hoạt động đồng cốt diễn ra ở những nơi công cộng là một hiểm họa trầm trọng trên phương diện sức khỏe về thể chất cũng như tinh thần. Tất cả y sĩ đều nói rằng việc ngủ trong một gian phòng không thoáng khí, chung lộn với một số đông người hèn tạp, trong số đó có những người bệnh tật, là một điều vô cùng nguy hiểm và có thể là một tai họa chết người.

Nhưng nguy cơ này không đáng vào đâu khi so với hiểm họa rình rập người đồng cốt hành nghề công cộng, phải chấp nhận sự có mặt và chịu sự xâm nhập điện từ của hết thảy mọi người, đủ các giới và đủ mọi thành phần. Trong số đó, đương nhiên có cả người tốt lẫn kẻ xấu, gồm cả những người bệnh tật về thể xác cũng như tinh thần, những kẻ thô bạo, dâm ác, tham lam, ô trược, vô đạo, vô tín ngưỡng, sa đọa, tội lỗi trong tư tưởng, lời nói, hay việc làm và trái ngược lại.

Thật tội nghiệp thay cho những người đồng cốt bất hạnh ấy; chẳng khác nào những gái làng chơi vì tiền mà cung hiến thể xác cho mọi người, để cho phần tâm linh phải chịu sự ô nhiễm, dày vò của khách bốn phương! Thật hạnh phúc thay cho những người nào có thể phát triển và thực hành khả năng thông linh của mình trong những hoàn cảnh tịnh khiết và lành mạnh, giữa một tập thể có chọn lọc gồm những người ưu tú, tốt lành. Đó là trường hợp của những nữ đồng tử và linh thị thời cổ xưa, được giữ gìn, bảo dưỡng và chăm sóc cẩn thận trong các đền thờ...

II.

Mùa hè năm 1875, có một phụ nữ tên *Youngs* hành nghề đồng tử tại *New York*. Hiện tượng chính của bà này là sai khiến âm binh nâng cao lên một cây đàn dương cầm lớn, nặng, và làm cho nó nghiêng qua nghiêng lại hai đầu theo nhịp chơi đàn của bà ấy.

Khi tôi biết được điều này liền mời bà *Blavatsky* cùng đi với tôi đến nơi để xem hiện tượng lạ ấy. Tôi mang theo ba vật đựng trong túi để thử khả năng đồng tử của bà kia. Một quả trứng gà còn sống và hai hạt hồ đào. Tôi không cần phải sử dụng trí nhớ, vì tôi còn cất giữ bài tường thuật chính xác về sự việc này đăng trên báo *New York Sun* ra ngày 4 tháng 9 năm 1875.

Hôm ấy có tất cả 15 người đến dự buổi lên đàn. Phóng viên nhật báo ấy tường thuật lại như sau:

“Cuộc biểu diễn bắt đầu bằng việc nhấc bổng cây đàn dương cầm (piano) bằng sức mạnh vô hình, trong khi bà đồng tử *Youngs* đặt nhẹ hai bàn tay lên mặt đàn. Các vong linh sẽ gõ nhịp ba cái hoặc một cái trên cây đàn để tỏ ý thuận hay không thuận làm cuộc biểu diễn. Khi đã sẵn sàng, bà ngồi xuống ghế và bắt đầu chơi vài bản nhạc, trong khi đó cây đàn tự động lên cao xuống thấp theo nhịp đàn. Kế đó, bà đứng qua một bên và gọi Đại tá *Olcott* cùng những người có mặt muốn làm cuộc thử nghiệm, mỗi người hãy đặt bàn tay trái của mình phía dưới cây đàn, còn bà cũng đặt nhẹ một bàn tay y như vậy. Xong, theo lời yêu cầu của bà đồng tử, một đầu của cây đàn dương cầm rất nặng được nhấc bổng lên khỏi sàn gạch mà không có sự dùng sức của một người nào. Đến đây, Đại tá *Olcott* yêu cầu bà đồng tử cho ông làm một thử nghiệm khác. Bà này vui lòng, Đại tá liền đưa ra một quả trứng gà đựng sẵn trong một cái hộp, và yêu cầu bà đặt quả trứng giữa bàn tay bà và mặt dưới của cây đàn, rồi yêu cầu các vong linh nâng cây đàn lên. Bà đồng tử nói rằng trong thời gian hành nghề đồng tử, bà chưa từng làm cuộc thử nghiệm như vậy bao giờ, và bà không chắc sẽ thành công, nhưng bà cũng bằng lòng làm thử. Bà cầm lấy quả trứng áp vào mặt dưới cây đàn theo lời dặn, với bàn tay kia bà vỗ vào thùng đàn và yêu cầu các vong linh hãy thử ra sức. Ngay tức khắc, cây đàn lại nâng cao lên như trước và treo lơ lửng một lúc trên không trung. Cuộc thí nghiệm độc đáo và mới lạ này đã thành công trọn vẹn. Kế đó, bà *Youngs* yêu cầu những vị nào mập mạp nặng cân nhất trong cử tọa hãy ngồi lên mặt đàn dương cầm, và sau khi có bảy người

thân hình đồ sộ vừa nam vừa nữ đã ngồi lên, bà chơi một bản nhạc hành khúc, và tất cả mọi người cùng với cây đàn đều được nhắc bổng lên một cách dễ dàng.

Đến đây, Đại tá Olcott đưa ra hai hạt hồ đào (walnut) và yêu cầu các vong linh hãy làm bể những cái vỏ cứng bên ngoài dưới chân cây đàn mà không làm giập cái nhân ở bên trong. Mục đích là để chứng minh rằng có sự tác động của một sức mạnh khác hơn là của bà đồng tử và sức mạnh ấy có sự điều khiển của một trí lực thông minh. Những vong linh tỏ ý bằng lòng, nhưng vì những chân đàn dương cầm đều đặt trên các bánh xe lăn, nên đành phải bỏ cuộc thí nghiệm vì không thể thực hiện được.

Kế đó, Đại tá Olcott yêu cầu bà đồng tử để cho ông cầm quả trứng và đặt ở mặt dưới cây đàn, còn bà đặt bàn tay dưới bàn tay ông, để chứng minh một cách tuyệt đối sự kiện rằng không có một sự dùng sức nào của bà đồng tử. Cuộc thí nghiệm này cũng được chấp thuận và thi hành ngay tức khắc. Cây đàn cũng được nâng nhẹ lên như trước.

Sau cùng, buổi lên đàn chiều hôm ấy kết thúc bằng việc nâng nhẹ cây đàn dương cầm lên không trung mà không có việc đụng chạm hay đặt nhẹ bàn tay của bà đồng tử.”

Đây hẳn là một sự biểu lộ rất độc đáo của một sức mạnh vô hình. Không những một cây đàn dương cầm cỡ lớn và rất nặng, sức một người không thể đỡ nổi một đầu lại được nâng nhẹ lên dễ dàng mà không có sự dùng sức của người đồng tử hay bất cứ ai, trong một gian phòng thấp đèn sáng, mà còn có sự tác động của một trí lực thông minh, hiểu biết và làm đúng theo mọi yêu cầu.

Việc này tuy không có bao nhiêu giá trị tâm linh, nhưng nó hàm chứa một ý nghĩa làm đảo lộn những lý thuyết của khoa vật lý học hiện đại.

III.

Một hiện tượng đồng tử khác có tính chất thi vị và hứng thú hơn nữa là của bà *Mary Baker Thayer*, ở *Boston*, mà tôi đã dành trọn 5 tuần lễ để theo dõi, cũng trong mùa hè năm ấy.

Bà này có khả năng đặc biệt là làm cho các thứ cỏ cây hoa lá rơi rụng như mưa quanh bà trong khi lên đàn, những cành lá và bông hoa này đều còn tươi tốt, dường như mới vừa được hái từ các cây lớn, có khi là những loại cây cỏ rất lạ từ phương xa đem về trồng ở xứ này.

Trong các buổi lên đàn, khi quan khách đã tụ họp đông đủ, một vị khách khả kính được mọi người đồng ý yêu cầu đứng ra xem xét các phòng và bàn ghế trong nhà, khép kín các cửa sổ và khóa chặt cửa chính rồi cất giữ chìa khóa. Người đồng tử cũng chịu để cho tôi khám xét kỹ lưỡng để biết chắc là bà không có giấu bông hoa hay bất cứ vật gì khác trong người. Có khi, bà còn để cho tôi trói và nhốt bà vào một cái bao bố để bà không thể cử động hoặc sử dụng tay chân làm bất cứ một động tác nào.

Kế đó, mọi người ngồi quanh một bàn ăn lớn, nắm tay nhau thành vòng (kể cả bà đồng tử), tắt hết đèn để trong phòng tối om và chờ đợi hiện tượng xảy ra.

Sau một lát, người ta nghe có tiếng động nhẹ của vật gì rơi trên mặt bàn trống trơn, và mùi thơm tỏa ra khắp phòng. Khi đó bà *Thayer* mới yêu cầu tắt đèn lên, thì người ta thấy trên bàn có đầy những hoa thơm cỏ lạ, đôi khi lại thấy những cành hoa cắm vào áo hay gài trên tóc của các quan khách ngồi tham dự. thỉnh thoảng có vài con bướm bướm, hoặc một con chim quỳên, chim yến, hay chim hoàng anh, hay vài loại chim nhỏ vừa kêu riu rít vừa bay lượn khắp phòng; hoặc một con cá vàng hầy còn ướt nhảy trên mặt bàn, dường như vừa mới bắt ra từ hồ nước.

Đôi khi, những người có mặt cũng thốt lên những tiếng kêu ngạc nhiên khi họ nhận thấy trong tay họ một bông hoa hay một cành cây kiểng mà họ đã nghĩ thầm trong trí và yêu cầu mang đến cho họ.

Trong một buổi lên đàn khác, có một cây thạch thảo xuất hiện trước quan khách, còn nguyên những rễ cây và đất bám vào như vừa mới được bứng lên, lại có cả ba con giun đất còn đang ngo ngoe quẩn mình giữa đám rễ!

Nhưng tôi còn chứng kiến một việc lạ hơn nữa. Một buổi trưa hè, tôi đến viếng một nghĩa địa ở ngoại ô thành phố *Boston*, và khi đi qua một vườn kiểng, tôi chú ý đến một giống cây lạ với những lá hẹp và dài, có sọc trắng

và xanh nhạt. Ngành thực vật học gọi đây là cây long huyết (*Dracaena Regina*). Tôi lấy bút chì xanh vẽ ở mặt dưới một cái lá hình ngôi sao sáu góc và âm thầm kêu gọi bằng tư tưởng các âm binh hãy đem cái lá ấy đến cho tôi tại nhà bà *Thayer* trong buổi lên đàn tối hôm sau.

Tối hôm đó, tôi ngồi bên cạnh bà đồng tử, và nắm hai bàn tay bà để chắc chắn rằng bà vẫn trung thực. Trong bóng tối, tôi cảm giác được một vật gì mát lạnh và ướt rơi trên một bàn tay tôi, và khi đèn được thắp sáng trở lại, thì thấy vật ấy chính là cái lá cây long huyết mà tôi đã làm dấu ngày hôm qua!

Để phối kiểm lại cho chắc chắn, tôi đã trở lại vườn kiếng và nhận thấy cái lá tôi làm dấu đã thật sự bị ngắt ra khỏi cành và khi tôi đem cái lá vừa nhận được ráp vào thì đúng khớp với chỗ bị ngắt!

Nhiều sự kiện tương tự cũng đã làm cho tôi tin chắc rằng bà *Thayer* là một người đồng tử chân chính.

Ngoài ra, còn có một hiện tượng sinh lý không những đã làm tăng thêm lòng tin của tôi, mà còn làm sáng tỏ thêm toàn bộ vấn đề đồng tử. Khi tôi nắm hai bàn tay bà đồng tử trong tay tôi, tôi nhận thấy đúng vào lúc mà những cỏ cây hoa lá bắt đầu rơi trên mặt bàn thì bà đồng tử chột rùng mình, thở dài, và hai bàn tay bà trở nên lạnh ngắt như đồng. Một lúc sau đó, hai bàn tay bà mới trở lại nhiệt độ bình thường. Điều đó chỉ ra rằng, dường như có một sự hoàn toàn biến đổi về nhiệt độ trong cơ thể người đồng tử trong khi thực hành các hiện tượng.

Khi bà *Blavatsky* kêu gọi một vong linh hiện nguyên hình trong phòng của bà đồng tử *Holmes* trong một cuộc biểu diễn trước đây, bà nắm chặt lấy bàn tay tôi một cách xúc động, và bàn tay bà trở nên lạnh như nước đá. Bàn tay của Signor B., nhà phù thủy Ý, cũng lạnh ngắt sau hiện tượng làm mưa; và sự chuyển biến từ trạng thái lên đồng qua trạng thái xuất thần nhập hóa và những giai đoạn thâm sâu hơn của trạng thái vô thức đều đi kèm với hiện tượng hạ thấp nhiệt độ của cơ thể một cách bình thường.

IV.

Trong một buổi lên đàn khác chỉ có 3 người tham dự là bà *Houghton* (vợ của một vị luật *Boston*), một phụ nữ khác và tôi. Chúng tôi ngồi lại một bàn, tôi nắm hai bàn tay bà đồng tử, một bà khách đi đóng các cửa trong nhà, còn một bà coi việc đèn đuốc.

Khi đèn đã tắt, chúng tôi ngồi đợi ít lâu trong bóng tối, nhưng không nghe có tiếng hoa rơi trên bàn. Bỗng nhiên, tôi có cảm giác một cánh hoa mát và ướt rơi nhẹ trên lưng bàn tay tôi. Khi đèn thấp sáng thì thấy đó là một đóa hoa hồng rất đẹp, vừa mới nở được một nửa, hãy còn đượm những giọt sương lung linh ướt.

Bà đồng tử vừa giật mình dường như có người khuất mặt nói chuyện với bà từ đằng sau, và nói: “Thưa Đại tá, những âm binh nói rằng cánh hoa này là quà tặng cho bà *Blavatsky*”.

Tôi bèn trao đóa hoa cho bà *Houghton*, rồi bà này trao lại cho bà *Blavatsky* khi chúng tôi về đến nhà. Tại đây chúng tôi thấy bà *Blavatsky* đang vừa hút thuốc lá vừa nói chuyện với luật sư *Houghton*. Bà *Blavatsky* cầm lấy đóa hoa đưa lên mũi để thưởng thức mùi thơm của nó, gương mặt đắm chiêu với một cái nhìn xa vắng trong cặp mắt, mà những bạn thân của bà thường thấy mỗi khi bà làm các hiện tượng thần thông. Con mộng mơ của bà bị gián đoạn bởi luật sư *Houghton* khi ông nói: “Thưa bà, đóa hoa này thật đẹp, bà hãy cho tôi xem một chút”.

Bà trao đóa hoa cho ông cũng vẫn với vẻ mặt đắm chiêu và với một cử chỉ hoàn toàn máy móc. Vị luật sư ngửi hoa, rồi thình lình kêu lên: “Ủa! Sao hoa nặng quá vậy? Tôi chưa hề thấy đóa hoa nào như đóa hoa này. Quý vị hãy xem, sức nặng của nó làm cong cả cuống hoa!”

Tôi mới cầm lấy đóa hoa để xem lại, vì mới lúc nãy khi nó còn ở trên tay tôi, không thấy có gì khác thường. Nhưng bây giờ thì lạ thật, nó lại rất nặng. Lúc ấy, bà *Blavatsky* mới nói: “Hãy cẩn thận, đừng làm nó gãy.”

Tôi gượng nhẹ nâng đóa hoa lên giữa ngón tay cái và ngón trỏ của bàn tay mặt và nhìn xem cho kỹ, nhưng không thấy lý do gì làm cho nó có sức nặng. Bỗng nhiên, tôi thấy có một chấm sáng nhỏ màu vàng nơi trung tâm đóa hoa, và trước khi tôi có thời giờ nhìn lại lần nữa thì một cái nhẵn vàng

nặng lớn bản và trơn bóng từ trong nụ hoa nhảy vọt ra, dường như do sức đẩy của một cái lò xo, và rơi xuống đất ngay dưới chân tôi. Đóa hoa liền đứng ngay trở lại trên cuống, không còn nặng như lúc nãy mà trở lại trạng thái bình thường.

Ông *Houghton* và tôi đều là luật sư, vốn có bản năng thận trọng của nghề nghiệp, chúng tôi bèn xem xét kỹ lại bên trong đóa hoa, nhưng không thấy có dấu vết gì khả nghi cho thấy rằng có bàn tay người sờ mó vào. Những cánh hoa được xếp lên nhau một cách đều đặn và chặt chẽ, và người ta không thể nào nhét cái nhẫn vàng vào bên trong mà không làm hỏng nụ non ở giữa. Vả lại, làm sao bà *Blavatsky* có thể giờ trò giả trá ấy ngay trước mắt chúng tôi, dưới ánh sáng của ba ngọn đèn, trong khi bà cầm cái hoa trong bàn tay mặt chỉ độ hai phút trước khi đưa nó cho ông *Houghton*?

Hiện tượng này có thể giải thích bằng khoa Huyền môn: vật chất trong chiếc nhẫn và vật chất trong những cánh hoa có thể đã được nâng cao từ chiều đo thứ ba lên chiều đo thứ tư, và phục hồi trở lại chiều đo thứ ba vào lúc chiếc nhẫn nhảy vọt ra ngoài đóa hoa.

Quả thật sự việc đã xảy ra đúng y như vậy. Cái nhẫn ấy cân nặng ba chỉ, và hiện giờ tôi vẫn đang còn đeo nó. Nó không phải được tạo ra từ hư không, mà chỉ là một vật được di chuyển xuyên qua không gian.

Một năm rưỡi sau đó, sau khi Hội Thông Thiên Học Thế Giới được thành lập được khoảng một năm, bà *Blavatsky* và tôi cư trú tại *New York* trong hai gian phòng khác nhau trong cùng một căn nhà. Một ngày nọ, cô em gái tôi là *W. H. Mitchell* đi cùng với chồng đến viếng chúng tôi, và trong câu chuyện hàn huyên tâm sự, cô yêu cầu tôi cho xem chiếc nhẫn và nói cho cô nghe câu chuyện lịch sử của nó.

Khi xem xong, cô em tôi đeo thử vào ngón tay rồi tháo ra đặt nằm trong lòng bàn tay để trả lại cho bà *Blavatsky*. Bà *Blavatsky* cứ để nó nằm y như thế mà không động đến, khép các ngón tay cô em tôi trên chiếc nhẫn, nắm bàn tay ấy trong một lúc, rồi buông ra và bảo em tôi hãy nhìn lại xem. Thì ra nó không còn là một chiếc nhẫn trơn nữa, mà chúng tôi thấy trên cái khoen vàng có đính ba hạt kim cương nhỏ xếp thành hình tam giác.

Việc ấy được thực hiện bằng cách nào? Giả thuyết ít huyền diệu nhất là bà *Blavatsky* đã cho một thợ kim hoàn đính ba hạt kim cương trên chiếc nhẫn từ trước, và dùng thuật thôi miên che mắt để chúng tôi không nhìn thấy, cho đến khi thị giác của chúng tôi được giải tỏa vào lúc cô em tôi mở bàn tay ra.

Điều này có thể hiểu như một phép thuật thôi miên; tôi đã từng thấy những hiện tượng đó, và chính tôi cũng có thể làm được như vậy. Người ta có thể làm thay đổi nhãn quang của kẻ khác, không những đối với vài hạt kim cương, mà còn có thể làm che giấu một con người, một cử tọa đông đảo, một căn nhà, một cái cây, một quả núi, hay bất cứ vật gì. Thuật thôi miên dường như có khả năng tác động vô giới hạn. Hiện tượng chiếc nhẫn đính kim cương có thể được mỗi người giải thích như thế nào tùy ý, nhưng dù sao thì đó vẫn là một sự thành công hoàn toàn.

V.

Những sự việc kể trên sẽ giúp cho độc giả có một ý niệm về những hiện tượng lạ lùng vẫn thường xảy ra vào thời đó ở các xứ phương Tây. Ở phương Đông, thỉnh thoảng người ta cũng nghe nói về những sự di chuyển đồ vật tương tự xuyên qua không gian, nhưng luôn luôn với một sự kinh khiếp, sợ hãi, và những người chứng kiến không hề nghĩ đến việc đem các hiện tượng ấy ra làm đề tài khảo cứu khoa học. Trái lại, chúng bị xem như những việc chẳng lành, do tác động của những vong linh bất hảo, thường là vong hồn đọa lạc của những bạn bè, thân quyến hãy còn bám víu cõi trần, và người ta chỉ muốn tẩy trừ những sự việc ấy như những chuyện quấy rầy, phiền nhiễu.

Đối với người phương Đông, vốn có một truyền thống tâm linh vững chắc từ lâu đời, thì sự giao tiếp giữa người sống với vong linh người chết là một bằng chứng chỉ ra rằng người chết vẫn chưa đoạn tuyệt một cách thoải mái, nhẹ nhàng với cuộc sống thế gian, và như vậy họ bị ngăn trở trên con đường tiến hóa tự nhiên để vượt lên trong cảnh giới tinh thần.

Người Á Đông xem việc biểu diễn những hiện tượng thuộc loại kể trên như những bằng chứng chỉ ra rằng các người biểu diễn ấy chỉ có những quyền năng thuộc loại thấp kém. Trong thời gian ở Ấn Độ, tôi đã từng nghe

nhiều người bản xứ nói rằng, thật là một điều đáng tiếc mà thấy bà *Blavatsky* biểu diễn các hiện tượng thần thông, bởi vì việc ấy chỉ ra rằng bà chưa đạt tới trình độ cao siêu trong pháp môn *Yoga*.

Thật vậy, đạo sư *Patanjali*, cũng như đức Phật *Thích-ca* đã từng cảnh cáo các môn đồ không nên biểu diễn phép thuật thần thông khi họ phát triển được những quyền năng thần bí trong quá trình tiến hóa tâm linh của họ. Mặc dù chính đức Phật đôi khi cũng thực hiện các hiện tượng thần thông, nhưng ngài chỉ làm điều đó khi thấy là thật sự cần thiết cho việc giáo hóa chúng sinh. Phần nhiều các bậc giáo chủ khác cũng áp dụng phương pháp đó.

Phải chăng bà *Blavatsky* cũng làm giống như vậy? Trong khi thực hiện các phép thần thông, phải chăng bà đã có cảnh giác tất cả mọi người rằng đó chỉ là những điều phụ thuộc nhỏ mọn, không đáng kể trên đường Đạo? Không ai có thể phủ nhận điều ấy; mọi người đều nhìn nhận là bà vẫn luôn luôn dạy rằng các hiện tượng thần thông chỉ có tác dụng là để thực nghiệm khoa triết học tâm linh, cũng như những cuộc thí nghiệm hóa chất đối với khoa hóa học vậy.

Bà hẳn là đã sai lầm mà phung phí thần lực trong các hiện tượng huyền linh để làm ngạc nhiên những quan khách tầm thường, không quan trọng, thần lực ấy có thể dùng một cách hữu hiệu hơn nhiều để phá hủy bức tường rào vô tín ngưỡng và độc đoán của những người duy vật phương Tây. Tuy nhiên, nhờ đó mà bà đã thuyết phục được một số người, do ảnh hưởng của bà mà đã đóng góp công lao tích cực vào phong trào Thông Thiên Học vĩ đại của chúng ta, và vài người trung kiên nhất trong số đó đã từ bỏ khoa Thần linh học của phương Tây để bước vào Huyền môn Đông phương qua chiếc cầu trung gian của những hiện tượng diệu huyền.

Về phần tôi, sự thật là những hiện tượng thần thông đa dạng mà bà *Blavatsky* thực hiện cho tôi xem đã làm cho tôi hiểu được dễ dàng những triết lý cổ truyền trong khoa học tâm linh của phương Đông. Tôi rất tiếc rằng những người khác, nhất là những bạn Đạo phương Đông của tôi, vốn có một tâm hồn đã từng được chuẩn bị hoàn toàn chu đáo, lại không có được một cơ hội may mắn như tôi.



HỌA ẢNH ĐẠI TÁ H. S. OLCOTT

THỰC HIỆN NĂM 1891

CHƯƠNG SÁU -

SỰ THÀNH LẬP HỘI THÔNG THIÊN HỌC THẾ

GIỚI

I.

Tất cả những hội viên nhiệt thành của Hội Thông Thiên Học sẽ thích thú khi biết rằng kể từ tháng 7 năm 1875, bà *Blavatsky* đã khẳng định sự hiện diện của các đấng chân sư, tuyên bố sự thật về Quân tiên hội, về kho tàng minh triết thiêng liêng do các ngài gìn giữ, và về mối liên hệ cá nhân của bà với các ngài.

Bà nêu lên vấn đề quan trọng là:

“Khoa Thần linh học trong tay của một chân sư sẽ trở thành khoa phương thuật, vì ngài đã tinh thông lão luyện về bí thuật sử dụng những định luật trong càn khôn vũ trụ mà không vi phạm một định luật nào và không hành động trái nghịch với thiên nhiên. Trong tay của một đồng tử thiếu kinh nghiệm, khoa ấy sẽ trở thành bùa mê ma thuật một cách vô ý thức, vì người ấy sẽ vô tình mở rộng cánh cửa giao thông giữa thế giới hữu hình và vô hình, giải tỏa những sức mạnh mù quáng của thiên nhiên cùng những loại âm binh và vong linh bất hảo.”

Kể từ nay, tư tưởng Huyền môn được phát động một cách rõ rệt và thường xuyên được nhắc đến trong những sách vở, báo chí và thư tín riêng tư của chúng tôi. Trong một bài báo nhan đề “*Đời sống bất tử*” đăng trên báo *Diễn Đàn New York* ngày 3 tháng 8 năm 1875, tôi có nói rõ rằng tôi đã từng tin vào các hiện tượng đồng tử từ một phần tư thế kỷ nay, nhưng tôi không bao giờ tin rằng những trí lực phía sau các hiện tượng đó quả thật là những ông nọ, bà kia như họ giả danh hay mạo nhận.

Tôi khẳng định sự tin tưởng của tôi về sự thật của khoa Huyền môn thời cổ, và nói lên sự kiện rằng tôi tình cờ được giao tiếp với những người còn

sống, họ đã từng thực hiện ngay trước mặt tôi những pháp thuật diệu huyền xứng đáng với bản lĩnh của các nhà phương thuật trừ danh thời xưa.

Khi tôi nói lên điều ấy, tôi không chỉ đề cập đến những hiện tượng thần thông của bà *Blavatsky* hay sự giao tiếp của tôi với các chân sư, mà còn muốn nhắc đến sự việc này: Đó là việc một người lạ mặt mà tôi tình cờ gặp tại *New York* đã làm cho những “*trình linh ngũ hành*” xuất hiện ngay trước mắt tôi và trong phòng ngủ của tôi, chỉ một ngày trước khi tôi viết bài báo trên.

Người lạ mặt đến nhà tôi do một sự hẹn trước. Chúng tôi mở những cửa ngăn phòng khách với buồng ngủ, ngồi trên ghế đối diện với cửa ra vào, và thành linh, dưới ảnh hưởng của một phương pháp huyền diệu để tạo ra ảo giác (*Mya*), tôi nhìn thấy phòng ngủ của tôi biến thành một khoảng không gian vuông vức. Những giường tủ, bàn ghế đã biến mất khỏi tầm mắt của tôi, và dần dần xuất hiện những cảnh trời nước mênh mông, mây mù bao phủ không gian, hang động dưới lòng đất, và một hỏa diệm sơn phun lửa. Mỗi loại trong ngũ hành đều loai ngoi như những sinh vật sống động với những hình thể, những gương mặt, ẩn hiện chập chờn khi mờ khi tỏ. Vài hình thể sinh vật đó trông thật xinh đẹp, hiền hòa; những loại khác lại có hình dạng bất hảo, dữ tợn, có loại rất hung ác và trông thật rùng rợn.

Chúng xuất hiện trước mắt tôi một cách nhẹ nhàng giống như những bọt nước trên một giòng suối, hoặc phóng nhanh xuyên qua không gian và biến mất, hoặc chơi giỡn nô đùa với nhau trong ánh lửa hồng hay trên giòng nước.

Lát sau, một quái vật hình thù dị hợm trợn mắt nhìn tôi và phóng tới trước, dường như muốn vồ lấy tôi cũng như một con cạp vồ mồi, nhưng rồi lại biến mất khi nó vừa chạm tới ranh giới của khoảng không gian vuông vức, là nơi mà hai gian phòng nối liền với nhau.

Việc ấy làm cho thần kinh tôi bị căng thẳng tột độ, nhưng sau những kinh nghiệm về hồn ma hiện hình mà tôi đã từng trải qua ở nông trại *Eddy*, tôi cố gắng giữ vững tinh thần, lòng không rúng động.

Đến đây, người lạ mặt tuyên bố hài lòng về kết quả cuộc thử thách tâm linh này, và khi chia tay từ giã, còn nói thêm rằng chúng tôi có thể sẽ gặp lại nhau.

Nhưng cho đến nay chúng tôi không hề gặp lại nhau. Người ấy có hình dáng giống như một người Đông phương, màu da nhạt, nhưng tôi không thể nhận ra được là người nước nào, tuy hỏi đó tôi nghĩ có lẽ ông ta là người Ấn Độ. Người ấy nói tiếng Anh rất thông thạo cũng như tôi.

II.

Sự dọn đường cho việc thành lập Hội Thông Thiên Học Thế Giới đã được chuẩn bị bằng sự tranh luận sôi nổi trong các giới, trước nhất là về Thần linh học và sau đó là về một vài quan niệm của Huyền môn Đông phương. Cuộc tranh luận vẫn tiếp diễn kể từ khi những bài tường thuật của tôi về các hiện tượng thần linh ở nông trại *Eddy* bắt đầu xuất hiện trên nhật báo *New York Sun* vào tháng 8 năm 1874. Nó càng trở nên sôi động thêm gấp bội phần từ khi tôi và bà *Blavatsky* gặp nhau tại *Chittenden* và sử dụng báo chí để trình bày những quan điểm mới mẻ của chúng tôi.

Những bài báo châm biếm của bà, những chuyện đồn đãi về phép thuật của bà, và sự quả quyết của chúng tôi về sự hiện diện của những chủng loại sinh vật trong cõi vô hình, đã thu hút đến với chúng tôi nhiều nhân vật có đạo tâm, trí thức, thông minh lỗi lạc. Trong số này có cả những nhà bác học, ngôn ngữ học, nhà văn, nhà khảo cổ, một vài vị linh mục có tinh thần phóng khoáng, cởi mở, các luật gia, y sĩ, vài nhà Thần linh học tên tuổi và một số nhà báo tò mò muốn tìm đề tài hấp dẫn để viết bài.

Thật là táo bạo khi dám đứng ra công khai tuyên bố nền tảng khoa học của khoa Huyền môn cổ xưa, bất chấp mọi dư luận thành kiến của người đời vào thời đại hoài nghi của khoa học vật chất ngày nay. Nhưng chính hành động táo bạo đó đã thu hút sự chú ý của quần chúng và đưa đến hậu quả tất nhiên là sau một thời gian, những người đồng quan điểm sẽ họp lại với nhau thành một Hội để khảo cứu về các vấn đề Huyền môn.

Dự tính thành lập một Câu lạc bộ Huyền linh đã thất bại vào tháng 5 năm 1875, thì nay một cơ hội khác đã đến khi một học giả chuyên ngành Ai Cập học là ông *George Felt* thuyết trình trước một nhóm bạn hữu của chúng tôi tại nhà bà *Blavatsky* vào ngày 7 tháng 9 năm 1875.

Đó là một sự thành công mỹ mãn: hạt giống của cây đại thọ bao trùm khắp thế giới đã được gieo trên mảnh đất tốt và đã nảy mầm. Tối hôm 7 tháng 9, ông *Felt* thuyết trình về đề tài “Qui tắc tỷ lệ của người Ai Cập thời cổ”. Ông là một nhà kiến trúc đồ họa rất tài tình và đã vẽ một số họa đồ rất khéo để mô tả lý thuyết của ông, cho rằng những qui tắc tỷ lệ kiến trúc của người Ai Cập thời cổ cũng như của các đại kiến trúc gia Hy Lạp hiện được gìn giữ trong những chữ viết bí mật khắc trên các đền thờ cổ của xứ Ai Cập. Ông nói rằng, bằng cách sử dụng một vài loại mật mã, người ta có thể thiết lập một đồ hình mà ông gọi là “*ngôi sao toàn mỹ*” trên vách một ngôi đền, rồi đọc trong đó toàn bộ các bí quyết của vấn đề tỷ lệ kiến trúc và hình học. Những chữ viết bí mật ở ngoài vòng cái đồ hình đặt trên vách chỉ là những chữ giả tạo để đánh lạc hướng những kẻ tò mò, bởi vì nếu ghép với những chữ ở phía trong đồ hình thì đó chỉ là những câu vô nghĩa, hoặc chỉ là một câu chuyện vô vị, tầm thường. Đồ hình này gồm một vòng tròn với một hình vuông ở trong và một ở ngoài, chứa đựng một hình tam giác thường, hai hình tam giác Ai Cập và một hình năm góc. Ông *Felt* áp dụng đồ hình ấy vào những hình ảnh, tượng điêu khắc, công đền, hình vẽ chữ viết bí mật, Kim Tự Tháp, lăng tẩm và dinh thự lâu đài của xứ cổ Ai Cập, và thấy rằng chúng hoàn toàn khớp với những tỷ lệ của đồ hình đến mức biểu lộ một qui tắc kiến trúc chung cho tất cả các công trình xây dựng của thời xưa. Quả thật, đó chính là qui tắc kiến trúc thật sự của thiên nhiên.

Tiến sĩ *Pancoast*, một nhà huyền học ưu tú có mặt trong buổi họp, lúc ấy mới hỏi ông *Felt* có thể chứng minh cụ thể sự hiểu biết của ông về những quyền năng thần bí của các nhà đạo sĩ thời xưa hay không, chẳng hạn như việc kêu gọi các vong linh khuất mặt trong cõi vô hình.

Ông *Felt* trả lời rằng: “Ông có thể làm cho xuất hiện hàng trăm những hình bóng vong linh giống như hình người, nhưng ông không thấy những dấu hiệu cho thấy rằng chúng có trí khôn.”

Trong buổi thuyết trình, ông *Felt* cho chúng tôi biết rằng trong khi khảo cứu về môn cổ học Ai Cập, ông đã phát hiện rằng những vị giáo sĩ Ai Cập thời xưa đều là những pháp sư lão luyện, tinh thông về khoa phương thuật. Họ có quyền năng kêu gọi và sai khiến những tinh linh ngũ hành và có để lại những chân ngôn thần chú để sử dụng âm binh. Ông có khám phá ra ý nghĩa ẩn giấu của những chân ngôn này, đã đem dùng thử và đã kêu gọi được các loại âm binh. Ông sẵn lòng chỉ dẫn bí thuật này cho những người có thiên chí và hứa sẽ làm cho các loại tinh linh xuất hiện trước mắt chúng tôi trong một loạt các bài diễn thuyết.

Buổi thuyết trình vô cùng hấp dẫn và lý thú hôm đó được nối tiếp bằng một cuộc thảo luận sôi nổi. Trong khi cuộc bàn cãi đang tiếp diễn, tôi bỗng có ý nghĩ rằng, có lẽ là một điều hay nếu chúng tôi thành lập một hội để khuyến khích sự học hỏi, khảo cứu về khoa huyền môn. Và sau khi đắn đo suy nghĩ, tôi mới viết trên một mảnh giấy dòng chữ sau đây:

“Phải chăng là một điều tốt nếu chúng ta thành lập một hội để khảo cứu những vấn đề này?”

Tôi đưa mảnh giấy cho ông *W. Judge*, một luật sư lúc ấy đang đứng giữa tôi và bà *Blavatsky* ngồi ở một ghế đối diện, nhờ ông chuyển cho bà. Bà đọc xong, liền gật đầu tỏ ý bằng lòng. Tôi bèn đứng dậy, và sau vài lời mở đầu, tôi đưa ra đề nghị trên.

Cử tọa lầy lăm thích thú, và khi ông *Felt*, nhân dịp trả lời một câu hỏi, nói rằng ông sẵn lòng chỉ dẫn cho chúng tôi phương pháp kêu gọi và kiểm chế các loại *tinh linh ngũ hành*, thì toàn thể hội trường đều đồng thanh chấp thuận việc thành lập Hội nói trên.

Theo lời đề nghị của ông *Judge*, tôi được bầu làm Hội trưởng, và với đề nghị của tôi, ông *Judge* được bầu làm Thư ký buổi họp. Vì lúc ấy đêm đã khuya, buổi họp được đình lại đến tối hôm sau để có một quyết định chính thức. Những quan khách tối hôm đó được yêu cầu đem theo những bạn bè thân hữu và cảm tình viên vào đêm sau để họ có thể gia nhập Hội nếu họ muốn.

Một tờ nhật báo ở *New York* có tường thuật buổi họp tối hôm đó, tóm tắt nội dung như sau:

“Một phong trào rất quan trọng vừa được khai trương tại New York dưới sự lãnh đạo của Đại Tá Henry S. Olcott, thành lập một hội gọi là Hội Thông Thiên Học Thế Giới. Đề nghị khởi xướng việc này là một điều hoàn toàn không có dự tính trước, và được phát động vào tối hôm mùng 7 tại phòng khách nhà bà Blavatsky. Cử tọa gồm 17 vị quan khách nam nữ trong giới thượng lưu trí thức, đã hội họp để nghe ông George Henry Felt thuyết trình về một vài khía cạnh của huyền môn Ai Cập vô cùng lý thú và hấp dẫn...”

“Trong cuộc thảo luận sau đó, thừa dịp thuận tiện, Đại tá Olcott đứng lên phát biểu ý kiến. Sau khi phác họa tình trạng của phong trào Thần linh học đương thời cùng sự xung đột ý kiến giữa khoa học và tôn giáo, ông nói về tính cách triết học của nền đạo lý cổ truyền và khả năng có thể dung hòa tất cả mọi lý thuyết tương phản hiện hữu; và công trình siêu việt của ông Felt đã khám phá được bí quyết cấu tạo của thiên nhiên ẩn chứa trong những tàn tích cổ xưa của khoa huyền môn Ai Cập. Ông đề nghị thành lập một hội tinh thần để qui tụ tất cả những người có khuynh hướng tâm linh, sẵn sàng làm việc chung với nhau để sưu tập và truyền bá những kiến thức Huyền môn.

“Chương trình của ông là tổ chức một Hội các nhà huyền học và bắt đầu lập ngay một thư viện, kế đó là phổ biến những giáo lý về những định luật huyền bí trong thiên nhiên mà người Ai Cập và Trung Đông thời cổ đều biết rõ, nhưng lại hoàn toàn xa lạ đối với thế giới khoa học của chúng ta hiện nay, v.v...”

Tài liệu này cho thấy tâm trạng của tôi khi đề nghị thành lập Hội Thông Thiên Học Thế Giới. Quan niệm về tình huynh đệ đại đồng trong nhân loại chưa được nêu ra và chúng tôi cũng chưa kịp nghĩ đến, bởi vì đề nghị thành lập Hội chỉ đột xuất khởi lên từ đề tài đang thảo luận. Tuy nhiên, khi vòng ảnh hưởng của Hội nói rộng để bao gồm cả những dân tộc phương Đông cùng những tôn giáo và chế độ xã hội của họ, thì tình huynh đệ đại đồng trở nên một điều cần thiết, và trên thực tế là nền tảng cho toàn thể cơ cấu xây dựng Hội.

Hội Thông Thiên Học là một công trình tuần tự phát triển và tiến hóa, chứ không phải là một sự tạo dựng có mưu tính trước (trên cõi giới hữu hình). Khi Hội đã được chấp thuận trên nguyên tắc, một phiên họp sau đó

được tổ chức để soạn thảo bản điều lệ, nội quy, và bầu một Ban chấp hành để quản trị công việc Hội.

Ngày 30 tháng 10 năm 1875, bản Điều lệ và Nội quy được thông qua, và Ban chấp hành được chính thức bầu cử. Kết quả bầu cử Ban chấp hành được công bố như sau:

Hội Trưởng: Henry S. Olcott

Phó Hội Trưởng: B. S. Pancoast và G. H. Felt

Tổng thư ký Ngoại vụ: H. P. Blavatsky Tổng thư ký Nội vụ: John S. Cobb Thủ quỹ: Henry Newton

Quản lý Thư viện: Charles Sotheran

Luật sư nhiệm cách: William Q. Judge

Ngoài ra còn có 5 vị Cố vấn.

Phiên họp tiếp theo vào ngày 17 tháng 11 năm 1875 đã công bố bản Tuyên ngôn của Hội, và Hội trưởng đọc diễn văn chính thức khai trương hoạt động của Hội.

Thế là Hội Thông Thiên Học Thế Giới được chính thức thành lập vào ngày 17 tháng 11 năm 1875.

III.

Khi đoạn hồi ký này của tôi được đăng trong tạp chí “*The Theosophist*” tháng 11 năm 1892, số tạp chí ấy cũng có đăng tiểu sử hay lý lịch của nhiều vị trong Ban chấp hành của Hội. Trong số đó có một chuyện lạ về kinh nghiệm huyền linh của ông *W. L. Alden*.

Ông *Alden* hồi đó là một biên tập viên của tờ *New York Times*, rất nổi tiếng với những bài phê bình hài hước và sắc sảo của ông về những vấn đề thời sự hằng ngày. Khi chúng tôi mới quen nhau, ông ấy có gặp một chuyện khá thú vị. Lúc ấy ông viết bài xã luận cho báo *Graphic*, còn tôi viết phóng sự về các hiện tượng huyền linh ở *Chittenden* cũng cho tờ nhật báo này.

Những chuyện hồn ma hiện hình ở nông trại *Eddy* đã hấp dẫn một số đông người hiếu kỳ hằng ngày đến tòa soạn để hỏi những chuyện băng quơ vô lý. Họ làm quấy rầy vị Chủ bút, ông *Groly*, đến mức ông này phải công bố một tấm hình lớn vẽ ông ta đứng chặn cửa vào tòa soạn, với một khẩu súng lục và một cặp kéo lớn trong tay, để tự vệ chống lại sự đột nhập của những kẻ vô tích sự làm phiền nhiễu và mất thời giờ.

Một ngày nọ, có một vị trưởng lão mặc y phục theo lối Đông phương bước vào tòa soạn, tay cầm một quyển sách hình dáng lạ kỳ, và có vẻ rất cũ. Ông ta chào các nhân viên tòa soạn một cách trang trọng, rồi bắt đầu nói chuyện về những bài phóng sự của tôi, và về khoa Thần linh học Tây phương và Đông phương. Tất cả mọi người đều rời khỏi bàn viết đến vây quanh ông lão. Khi nói về khoa phương thuật, ông lão lảng lạng quay về phía ông *Alden*, mà cho đến khi đó không ai biết gì về những sở thích Huyền môn của ông ta, và hỏi:

“Thưa ông, ông có tin sự thật của khoa phương thuật không?”

Vô cùng ngạc nhiên vì câu hỏi đột ngột này, ông *Alden* đáp:

“À, tôi có đọc quyển *Zanoni*¹⁴ và nghĩ rằng trong đó có lẽ có ít nhiều sự thật.”

Đáp lại yêu cầu của vài người, ông lão đưa quyển sách dị kỳ của ông ta cho mọi người xem. Thì ra đó là một quyển cổ thư dạy về khoa phương thuật, viết bằng chữ Ả Rập hay một thứ chữ Đông phương, có rất nhiều hình ảnh xen lẫn với chữ viết.

Tất cả mọi người đều rất thích thú, nhất là ông *Alden*, và khi chia tay từ già, ông này hỏi vị trưởng lão có thể nào họ sẽ gặp lại nhau để nói chuyện thêm. Ông lão gật đầu mỉm cười, và đưa cho ông *Alden* một địa chỉ.

Nhưng khi ông *Alden* tìm đến nơi thì đó chỉ là một địa chỉ ma, một cửa hàng bán hình tượng và kinh sách đạo Gia Tô.

Nhưng ông bạn tôi vẫn không thất vọng, và nhiều tháng sau đó, để mắt theo dõi những người mà ông tiếp xúc hay gặp gỡ ngoài đường với niềm hy vọng sẽ gặp lại ông lão bí mật.

Ông *Groly* cho tôi biết rằng người lạ mặt cũng không hề trở lại viếng thăm tòa soạn một lần nào nữa, dường như ông ta đã biến mất vào trong ruột quả địa cầu! Sự xuất hiện bất ngờ và thình lình biến mất của những người bí mật để mang những quyển sách quý đến cho người có căn duyên; hoặc để đưa ra những lời khuyên hữu ích, hoặc để chỉ đường dẫn lối cho những người tầm đạo giữa những khó khăn chướng ngại mà họ đang cố gắng vượt qua để đi đến chân lý, vốn không phải là một kinh nghiệm lạ thường.

Có nhiều trường hợp như vậy đã được ghi nhận trong lịch sử tôn giáo. Sự xuất hiện đó đôi khi xảy ra trong khi thức tỉnh, hoặc đôi khi trong những cơn linh ảnh vào những giờ ban đêm. Sự mách bảo có khi đến như những “tia sáng” xẹt qua trong trí óc, những tia sáng trực giác (*Buddhi*) rơi vào cái trí suy luận (*Manas*) đem lại những phát minh lớn lao về khoa học, chẳng hạn như ý niệm về kính quang phổ (*Spectroscope*) xẹt qua trí óc của *Fraunhofer*,¹⁵ ý niệm về tính chất của sấm sét và cột thu lôi trong trí của *Franklin*,¹⁶ ý niệm về máy điện thoại trong trí của *Edison*,¹⁷ và còn muôn nghìn sự việc vĩ đại hay định luật lớn lao khác nữa vẫn thường chiếu rọi ánh sáng vào tâm hồn những người thụ cảm sẵn sàng tiếp nhận nguồn cảm hứng thiêng liêng.

Có thể là hơi quá đáng khi nói rằng mỗi người tầm đạo đều có cơ duyên đạt tới sự hiểu biết chân lý một lần trong đời, nhưng tôi tin chắc rằng số người may mắn có được cơ duyên đó là gấp trăm lần nhiều hơn người ta vẫn tưởng. Thật là một điều bất hạnh cho ai đó nếu vì quan niệm sai lầm mà tưởng rằng vị sứ giả đem cơ duyên tới cho mình phải có một hình dạng hay cốt cách đặc biệt thế nào đó, hoặc rằng bức thông điệp gửi cho anh ta phải đi kèm với những hiện tượng huyền bí thuộc loại nào. Rồi do những thành kiến đó che lấp nên có khi anh ta giao tiếp với một vị thiên thần mà không hề hay biết, hoặc chạm trán với quý nhân ngay trên đường mà không hề cảm thấy một rung động khác lạ nào để phải chú ý. Thay vì vậy, anh ta chỉ mãi mê chăm chú nhìn xem cảnh vật chung quanh! Đó là tôi nói theo những gì tôi biết.

IV.

Theo chương trình đã định, tối hôm 18 tháng 9, ông *George H. Felt* tiếp tục cuộc thuyết trình lý thú về huyền môn Ai Cập và trình bày những đồ hình có màu để mô tả những sự khám phá của ông. Vài thính giả sau đó cho biết rằng họ nhìn thấy ánh sáng chập chờn trên những đồ hình, nhưng tôi nghĩ điều đó có lẽ một phần do sự tự kỷ ám thị, còn một phần, có thể như ông *Felt* nói, là do những đặc tính huyền diệu của các đồ hình.

Riêng tôi không nhìn thấy gì có tính chất huyền linh, cũng như những người khác trong cử tọa, trừ ra một số rất ít. Trong buổi thuyết trình, ông *Felt* khẳng định không chút do dự về sự hiện hữu của các giới *thinh linh ngũ hành*, về ảnh hưởng của chúng đối với loài vật và sự liên hệ của chúng đối với loài người.

Trong một bài báo gửi đăng trên tạp chí “*London Spiritualist*” ngày 19 tháng 6 năm 1878, ông *Felt* viết:

“...Tôi được biết chắc chắn rằng các loại tinh linh ngũ hành quả có thật, nhờ những cuộc sưu tầm của tôi về môn khảo cổ Ai Cập. Trong khi tôi vẽ họa đồ những vòng hoàng đạo Ai Cập để cố gắng tìm ra những điểm tương quan về số học giữa chúng với nhau, tôi nhận thấy đôi khi có những hiện tượng rất lạ lùng không thể giải thích. Người nhà tôi nhận thấy rằng có những lúc con chó và con mèo của tôi biểu lộ những phản ứng rất dị kỳ, và họ lưu ý tôi về chúng. Khi đó tôi mới thấy rằng mỗi khi tôi bắt đầu làm những cuộc khảo cứu về loại nào đó, thì con mèo trước hết lộ vẻ bồn chồn ray rứt, và trong một lúc con chó lại gần để trấn an nó, nhưng không bao lâu con chó cũng tỏ vẻ sợ hãi một vật gì đang đột nhiên xuất hiện trong phòng.

“Dường như con mèo có những giác quan tinh vi bén nhạy hơn, khi đó cả hai con đều muốn được tôi đưa ra khỏi phòng, và chính chúng nó cũng tự thoát ra bằng cách lao qua cửa sổ. Khi đã được thả ra ngoài, chúng còn kêu và sủa trở lại, dường như muốn gọi tôi hãy đi ra. Chúng vẫn tiếp tục kêu như thế một hồi lâu, và sau cùng tôi bắt buộc phải đi đến kết luận rằng chúng đã cảm nhận được những sự vật hay ảnh hưởng vô hình nào đó mà tôi không nhận thấy.

“Thoạt tiên, tôi cho rằng những hình thù góm ghiếc được vẽ trên các vòng hoàng đạo chỉ là do “sự tưởng tượng vô lý của những đầu óc bệnh

hoạn”, nhưng về sau tôi mới nghĩ rằng đó là cách trình bày những sự vật tự nhiên theo một công thức nhất định. Sau khi đã thực hiện một loạt những cuộc thí nghiệm về vấn đề này, tôi mới biết chắc rằng những hình vẽ trên các vòng hoàng đạo và các ngôi kiến trúc, đèn đài cổ Ai Cập là sự miêu tả những chủng loại sinh vật vô hình trong cơ sáng tạo, được trình bày dưới những nét khá chính xác, và xen lẫn với hình ảnh của những sự vật tự nhiên khác. Tôi phát hiện rằng những sinh vật đó là những thực thể có trí khôn, vài loại có vẻ hung ác và gây sợ hãi cho những thú nhà, còn những loại khác, trái lại, có vẻ hiền lành mà những thú nhà rất ưa thích và lấy làm thỏa mãn khi chúng xuất hiện.

“Tôi tin rằng chúng gồm thành phần những chủng loại sinh vật trong một hệ thống tiến hóa bắt đầu từ những hình thể vô tri bất động trong thiên nhiên, đi xuyên qua loài động vật rồi đến các cấp đẳng thiên thần là trình độ phát triển cao tột. Vài loại khôn ngoan có thể được kiềm chế khi con người dần dần quen thuộc hơn với chúng, hay khi con người sinh hoạt điều hòa hơn với thiên nhiên.

“Sự tinh khiết của tâm hồn và thể xác là yếu tố rất hữu hiệu, và tôi thấy rằng chúng đặc biệt ghê tởm sự hút thuốc, nhai thuốc lá và những thói quen bất hảo khác. Tôi nhận thấy rằng khi những tinh linh ngũ hành không bị hoàn toàn chế ngự hoàn toàn, chúng trở nên tinh quái, nguy hiểm, và có thể gây thương tổn, tác hại cho loài người...”

G. H. Felt

(London Spiritualist, 19-6-1878)

Tuy bài diễn văn khai trương của tôi được toàn thể cử tọa vỗ tay hoan nghênh, nhưng nó hơi có vẻ đại dột sau 17 năm kinh nghiệm phũ phàng. Một phần lớn những kết quả tiên liệu đã được thực hiện, nhưng nhiều dự liệu đã biến chất.

Điều mà chúng tôi tin tưởng như cái nền tảng thực nghiệm tốt đẹp cho mọi dự tính về sau, tức là sự chứng minh của ông *Felt* về sự hiện hữu của các chủng loại *tinh linh ngũ hành*, đã trở nên một sự thất vọng đau đớn hoàn toàn. Với tất cả những gì ông ta đã làm theo chiều hướng đó, ông ta

vẫn không chỉ cho chúng tôi thấy được gì cả, chỉ đến cái chót đuôi của một tinh linh nhỏ bé nhất. Ông ta làm cho chúng tôi trở thành trò cười cho giới Thần linh học và những người duy vật hoài nghi. Ông ta là người có những sở đắc phi thường, và đã thực hiện những khám phá đáng kể. Tôi tin rằng ông đã thực hiện những gì ông nói, và nếu ông bền chí theo đuổi đến cùng những gì đã khởi đầu thì có lẽ ông đã vang dội tên tuổi trong số những người nổi tiếng nhất của thời đại chúng ta.

Vì đã thường thấy bà *Blavatsky* sử dụng tinh linh ngũ hành để làm các hiện tượng, và *Signor B.* cũng đã nhiều lần làm như vậy; rồi người khách kỳ lạ làm cho chúng xuất hiện ngay trong phòng tôi, thì tại sao tôi lại không tin rằng ông *Felt* cũng có thể làm giống như thế, nhất là khi bà *Blavatsky* nói với tôi rằng ông ấy có thể?

Bởi vậy, với sự táo bạo của nhà khai sáng và sự nhiệt thành của một người lạc quan, lòng đầy hứng khởi, tôi đã để cho óc tưởng tượng của tôi tự do hoạt động, và tiên liệu trong bài diễn văn của tôi những kết quả có thể thực hiện nếu ông *Felt* làm đúng như lời hứa.

Vì nhu cầu tài chánh, ông *Felt* đã yêu cầu thủ quỹ *Newton* ứng trước cho ông một trăm đô-la để đài thọ phí tổn trong các cuộc thí nghiệm, nhưng rốt cuộc vẫn không làm xuất hiện được tinh linh ngũ hành!

Các hội viên lấy làm bất mãn. Sau cùng, ông ta ra khỏi Hội; và vì thấy không còn trông cậy được gì nữa ở nơi ông ta, một số hội viên cũng biến mất luôn, chỉ có chúng tôi còn ở lại để nỗ lực làm việc với sức cố gắng tối đa.

Đó quả là một công việc nặng nhọc, như tất cả những hội viên hoạt động vào thời kỳ đó đều nhớ rõ. Mục tiêu của chúng tôi là học hỏi, bằng cách thực nghiệm, bất cứ những gì có thể học được về những thành phần cấu tạo của con người, và vị trí của con người trong thiên nhiên. Nhất là phần *trí lực* hoạt động tích cực ở cương vị *ý chí* vẫn là một sự bí hiểm lớn đối với chúng tôi!

Nhà thuật sĩ của phương Đông cho đến nhà truyền nhân điện của phương Tây đều dùng nó. Người khai triển được nó sẽ trở thành một vị anh hùng;

người khác làm tê liệt nó, và trở thành một người đồng bóng. Công năng vô địch của nó làm cho tất cả mọi sinh vật ở các cõi giới vật chất đều phải chịu khuất phục, và khi có cả óc tưởng tượng cùng hoạt động đi kèm, thì nó *sáng tạo* bằng cách phóng ra ngoại giới những hình thù tư tưởng mới tạo nên.

Như vậy, mặc dầu ông *Felt* đã bội ước và chúng tôi không thể trông đợi một cuộc hành trình trên biển lặng sóng êm, nhưng chúng tôi vẫn còn nhiều lãnh vực cần khảo sát, và chúng tôi cũng đã thăm dò, thám hiểm những lãnh vực đó ít nhiều. Những văn khố cũ còn ghi nhận việc chúng tôi có trải nghiệm những đồng tử, thử làm những cuộc thí nghiệm về các môn cảm xạ, đọc tư tưởng, truyền nhân điện, và trao đổi thư từ với các báo chí...

Nhưng chúng tôi đã tiến bước rất chậm, vì cho dù tất cả mọi người đều đồng ý phải giữ vững tinh thần, nhưng trong thâm tâm mỗi người đều không khỏi chán nản về sự thất bại của ông *Felt*, và dường như không có triển vọng tìm người thay thế. Nhà phù thủy làm mưa, *Signor B.*, đã bị bà *Blavatsky* cấm cửa từ sau vụ mưu toan gây chia rẽ giữa chúng tôi. Người khách kỳ lạ đã kêu gọi âm binh xuất hiện trước mắt tôi không còn trở lại nữa; và bà *Blavatsky*, mà từ nay tất cả mọi người đều trông đợi sự giúp đỡ, lại từ chối không thực hiện bất cứ hiện tượng kỳ bí nhỏ nhặt nào trong những buổi họp.

Thế là số hội viên cứ thưa thớt dần cho đến khi, khoảng một năm sau đó, Hội chúng tôi rơi vào tình trạng mang hình thức của một tổ chức tốt đẹp với chương trình hoạt động phong phú và lành mạnh, có tiếng tăm vang dội gần xa, với một vài hội viên hững hờ tiêu cực và một trung tâm sinh khí dồi dào bất tận trong niềm hứng khởi cuồng nhiệt của hai người bạn đồng môn, một nam một nữ.

Chúng tôi không bao giờ có một chút may mắn nghi ngờ, dù chỉ trong chốc lát, về sự hiện hữu của các đấng chân sư, và về tính chất thiêng liêng cao quý của công việc mình được giao phó, cũng như sự thành công hoàn toàn và tối hậu của công việc ấy.

Ông *Judge* là một người bạn trung thành và sẵn sàng trợ giúp, nhưng lại quá non nớt về trình độ tâm linh để có thể được xem như một người thứ ba trên cương vị bình đẳng với chúng tôi. Sau khi chúng tôi đã thiết lập Trụ sở

Hội và ổn định nơi cư trú, mỗi buổi tối khi quan khách đã ra về, bà *Blavatsky* và tôi có thói quen ngồi mạn đàm và hút thuốc, nghỉ ngơi một lúc trước khi chia tay.

Nhiều khi chúng tôi phải bật cười mà nghĩ rằng, thật hiếm thay những người mà chúng tôi có thể trông cậy để cùng sát cánh hợp tác qua tất cả những bước thăng trầm, chìm nổi của cuộc đời. Điều duy nhất mà chúng tôi càng lúc càng cảm thấy rõ rệt hơn là hai chúng tôi tuyệt đối có thể tùy thuộc lẫn nhau vì lý tưởng phổ diễn đạo lý, dẫu cho trời long đất lở hay đến ngày tận thế.

Những kẻ thù nghịch nói rằng khi chúng tôi từ già Hoa Kỳ lên đường sang Ấn Độ thì Hội Thông Thiên Học ở Mỹ cũng không còn. Điều này cũng có phần nào đúng, vì do nhiều nguyên nhân, Hội đã không làm được gì đáng kể trong suốt khoảng thời gian sáu năm sau đó. Thành phần nòng cốt, vốn luôn luôn là yếu tố hữu hiệu nhất trong những phong trào tương tự, đã bị phân tán; không ai có thể thiết lập một thành phần cốt cán mới; người ta không thể tạo nên một *Blavatsky* thứ nhì; và ông *Judge*, lúc ấy là triển vọng tương lai duy nhất để đóng vai trò lãnh đạo và tổ chức, lại phải lên đường sang các xứ Nam Mỹ vì hoạt động nghề nghiệp.

Tuy nhiên, suốt thời gian những năm ấy, những bức thư của ông *Judge* gửi cho chúng tôi cho thấy rằng sự nhiệt thành của ông đối với Thông Thiên Học và các vấn đề Huyền môn vẫn không suy giảm. Sự mong ước lớn nhất của ông là trong tương lai ông sẽ được tự do dành hết thời giờ và sức lực vào công việc của Hội Thông Thiên Học.

Nhưng, cũng ví như hạt giống cây xa trục thảo bị vùi sâu trong lòng đất chỉ bắt đầu nảy mầm khi những người đào giếng đưa nó lên khỏi mặt đất, thì hạt giống mà chúng tôi gieo vào tâm hồn dân chúng Mỹ trong khoảng thời gian từ năm 1874 đến năm 1878 cũng bắt đầu nảy mầm khi thời giờ của nó đã điếm; và ông *Judge* chính là người có cơ duyên tiên định để gặt hái kết quả. Như vậy, luật nhân quả vẫn luôn luôn tác động âm thầm để chỉ định mỗi vai trò khai phá, gieo giống và gặt hái.

Khả năng sinh tồn của Hội Thông Thiên Học được ủy thác cho chúng tôi là những nhà sáng lập trên phương diện hữu hình, nhưng về phương diện vô

vi huyền diệu thì sự sống còn của Hội vốn đã định sẵn nơi cái lý tưởng căn bản của nó và nơi các đấng cao cả thể hiện lý tưởng ấy. Các ngài đã giáo hóa chúng tôi và gieo vào tâm trí chúng tôi ánh sáng thiện chí của các ngài.

Vì cả hai chúng tôi đã nhận thức rõ điều ấy, và vì chúng tôi được ân sủng làm việc cho Hội và hợp tác với các ngài, nên giữa hai chúng tôi có một sợi dây liên lạc chặt chẽ, mật thiết hơn bất cứ mối liên hệ thường tình nào khác của người thế gian. Điều ấy làm cho chúng tôi dung hòa với những khuyết điểm của nhau và chịu đựng tất cả những sự va chạm khổ đau đi liền với sự cộng tác giữa hai cá tính hoàn toàn tương phản, trái ngược.

Riêng phần tôi, lý tưởng này đã khiến tôi gạt bỏ tất cả những mối liên hệ trói buộc thường tình cùng những điều mong ước và tham vọng trần gian như những vật vô giá trị. Thật vậy, trong thâm tâm tôi luôn cảm thấy thà làm một người lao công giữ cửa, hay thậm chí giữ một vai trò ti tiện thấp hèn hơn nữa trong sự theo đuổi lý tưởng, còn hơn là sống vô nghĩa trên nhung lụa giữa chốn xa hoa đài các mà cuộc đời có thể cung phụng cho tôi.

Bà *Blavatsky* cũng chia sẻ những quan niệm của tôi và niềm hăng say phấn khởi vô tận của bà trong công việc đạo là một tấm gương khích lệ cho bất cứ người nào đến tiếp xúc với bà. Khi đã cảm nghĩ như thế, và sẵn sàng làm tất cả mọi sự hy sinh cho lý tưởng như trường hợp của chúng tôi, thì sự phá sản của Hội Thông Thiên Học chắc chắn là một điều không thể xảy ra.



HỌA ẢNH BÀ H. P. BLAVATSKY (1831 - 1891)

CHƯƠNG BẢY -

VÉN MÀN ISIS¹⁸

I.

Nếu một bộ sách có thể được xem là đánh dấu một giai đoạn lịch sử, thì đó hẳn là bộ sách này. Xét về một phương diện, nó đã gây những ảnh hưởng lớn lao cũng như bộ sách đầu tiên của *Darwin*.¹⁹

Trên một phương diện khác, cả hai đều là những dòng thủy triều lên cao trong trào lưu tư tưởng cận đại. Mỗi bộ sách này đều có tác dụng tảo trừ những điều dị đoan sùng sộ của khoa thần học và thay thế đức tin nơi phép lạ bằng sự tin vào định luật thiên nhiên.

Tuy vậy, trường hợp khởi đầu viết bộ sách này cũng rất đơn giản và bình thường chứ không có gì đặc biệt. Một ngày nọ, vào mùa hè năm 1875, bà *Blavatsky* đưa cho tôi xem vài tờ bản thảo và nói: “Tôi viết cái này đêm hôm qua, do một sự thôi thúc kỳ bí, nhưng dùng để làm gì thì tôi không biết. Có thể là một bài báo, có thể là một quyển sách, nhưng cũng có thể chẳng để làm gì cả. Tuy nhiên, tôi chỉ viết theo sự thôi thúc trong lòng tôi mà thôi.”

Rồi bà cất bản thảo đó vào một hộp tủ và không nói gì đến nó nữa trong một thời gian. Nhưng ít tháng sau đó, bà đi *Syracuse*²⁰ thăm hai người bạn mới là ông bà *Corson*, giáo sư trường Đại học *Cornell*, và tiếp tục công việc viết lách. Bà viết thư cho tôi biết rằng đó sẽ là quyển sách nói về lịch sử và triết học của các đạo phái phương Đông, và những mối tương quan giữa các đạo phái ấy với những môn phái của thời đại bấy giờ. Bà cho biết rằng bà viết về những vấn đề mà bà chưa bao giờ học, và chú thích bằng những quyển sách mà bà chưa từng đọc qua.

Bà cho biết thêm rằng, để kiểm chứng những điều bà viết, Giáo sư *Corson* đã so sánh những đoạn chú thích của bà với những bộ sách cổ điển trong thư viện của trường đại học thì thấy chúng hoàn toàn chính xác!

Khi bà trở về thành phố *New York*, bà không chăm chú lắm vào công việc này, mà chỉ viết một cách rời rạc, không liên tục. Nhưng độ một hay hai tháng sau việc thành lập Hội Thông Thiên Học, bà và tôi cùng thuê một ngôi nhà hai tầng ở đường *34th West*. Bà ở tầng dưới, tôi ở lầu trên, và từ đó trở đi công việc viết bộ *Vén màn Isis* mới được thực hiện liên tục không gián đoạn cho đến khi hoàn thành vào năm 1877.

Trong suốt cuộc đời bà, bà chưa từng viết văn viết sách bao giờ. Tuy thế, tôi không thấy một nhà văn hay nhà báo nào có thể làm việc một cách dẻo dai bền bỉ và hăng say như bà. Mỗi ngày, bà ngồi vào bàn viết từ sáng sớm cho đến khuya. Cả tôi và bà, không ai đi ngủ trước hai giờ sáng.

Ban ngày tôi phải làm công việc nghề nghiệp riêng của tôi, nhưng sau bữa cơm chiều là chúng tôi luôn ngồi chung lại một bàn và làm việc chẳng khác nào như người ta làm tăng giờ để kiếm sống. Cho đến khi thân xác quá mỏi mệt buộc chúng tôi phải nghỉ.

Thật là một kinh nghiệm quý báu cho tôi. Trong khoảng gần hai năm đó, tôi đã học hỏi được rất nhiều điều mà đáng lẽ người ta phải dành trọn cả một đời người để đọc sách và suy gẫm mới có thể đạt được.

Tôi không chỉ làm công việc của một người ghi chép hay sửa bài, mà bà đã biến tôi thành một cộng tác viên. Bà làm cho tôi phải sử dụng tất cả những gì tôi đã đọc và suy tư, và kích thích bộ óc của tôi làm việc để tìm lời giải đáp cho những vấn đề mới mà bà đặt ra trên địa hạt huyền môn và siêu hình. Những vấn đề này hoàn toàn vượt ngoài sự học hỏi và tầm kiến thức của tôi, và tôi chỉ có thể dần dần hiểu được khi trực giác của tôi được khai mở và phát triển trong chính thời gian làm việc đó.

Bà không viết theo một chương trình hay kế hoạch định sẵn, mà những ý tưởng cứ như từ đâu tuôn trào xuyên qua trí óc bà như một dòng suối chảy mãi không ngừng. Có khi bà đang viết về đấng Phạm Thiên (*Brahma*), một lát sau lại xoay qua vấn đề hiện tượng điện khí của *Babinet*. Trong một lúc,

bà trình trọng chú thích lời của đạo sư *Porphyry*,²¹ kể đó bà lại trích dẫn một đoạn văn rút trong một tờ báo hằng ngày, hay trong một tập văn thư mới in mà tôi vừa mang về. Có khi bà đang ca tụng những đặc tính toàn thiện của một chân sư, nhưng một lúc sau đã chuyển hết toàn lực để công kích nặng nề giáo sư *Tyndall*²² hay vài nhà học giả nào đó mà bà ghét nhất, bằng một luận điệu nảy lửa!

Nếu bà không có một kế hoạch nhất định, phải chăng điều ấy chứng tỏ rằng công việc soạn sách này không phải do bà dự định từ trước, mà bà chỉ là một phương tiện được chọn để làm cho trào lưu tư tưởng mới mẻ độc đáo này bắt đầu gây ảnh hưởng đến tình trạng ứ đọng của sinh hoạt tâm linh trong xã hội đương thời? Như một phần việc huấn luyện cho tôi, thỉnh thoảng bà yêu cầu tôi viết một đoạn về đề tài đặc biệt nào đó, và gợi ý cho tôi về những điểm quan trọng cần khai triển. Hoặc bà để cho tôi tự viết lấy với sự cố gắng tôi đã để phát triển năng khiếu trực giác của tôi. Khi tôi đã viết xong, nếu đoạn văn ấy không được bà vừa lòng, bà thường tỏ dấu bất mãn bằng cách nói nặng lời, và gọi tôi bằng những danh từ không đẹp để khích động lòng tự ái của tôi đến mức tưởng như tôi có thể làm bất cứ điều gì! Nhưng khi tôi định xé bỏ đoạn văn vô phước ấy, thì bà liền giật ngay lấy từ trên tay tôi để dùng ở một chương khác sau khi đã sửa chữa lại vài chỗ, và tôi lại bắt tay vào việc.

Kể từ ngày tên tuổi bà xuất hiện lần đầu tiên trên mặt báo *Daily Graphic* năm 1874 và suốt thời gian lưu trú tại Hoa Kỳ, bà luôn luôn có khách đến viếng. Nếu trong số quan khách ngẫu nhiên có người nào hiểu biết tình huống về một vấn đề nào đó liên quan đến ngành hoạt động của bà, bà liền tiếp xúc riêng với người ấy và nếu có thể được, bà nhờ y viết lại những quan điểm hay ký ức của y trên giấy trắng mực đen để dùng trong quyển sách của bà.

Trong số những trường hợp thuộc về loại này, có bài tường thuật của ông *O'Sullivan*²³ về cuộc biểu diễn phương thuật trong một buổi lên đàn tại *Paris*; sự diễn tả lý thú những cuộc lễ nhập môn huyền bí của thổ dân *Druses* xứ *Liban*, cùng những bài vở hấp dẫn của Bác sĩ A. Wilder và nhiều người khác nữa đã đóng góp vào, làm cho bộ sách này càng tăng thêm phần giá trị với những tài liệu vô cùng dồi dào, phong phú.

Tôi biết một vị mục sư Do Thái đã từng trải qua nhiều giờ và nhiều đêm thảo luận về Huyền môn *Kabala* với bà, và nghe chính y thú nhận rằng tuy y đã từng khảo cứu phần bí truyền của tôn giáo y trong ba mươi năm, nhưng bà đã dạy y những điều mà y chưa từng nghĩ đến, và đã làm sáng tỏ những đoạn kinh mà chính những bậc thầy của y cũng không hiểu nổi!

Vậy những kiến thức thâm sâu huyền diệu đó bà đã học được ở đâu, lúc nào, và do đâu mà có? Tất nhiên không phải do các bà quản gia đã dạy bà học hồi còn thơ ấu ở nước Nga; cũng không phải do một vị giáo sĩ hay thầy học nào quen thuộc trong gia đình; cũng không phải bà đã học trên những chuyến tàu hay xe lửa trong khi bà đi chu du thiên hạ kể từ năm mười lăm tuổi; cũng không phải ở một trường trung học hay đại học nào, vì bà không hề thi tốt nghiệp ở một trường học nào cả; cũng không phải ở những thư viện lớn trên thế giới... Nhận xét qua những cuộc đàm thoại và những thói quen của bà trước khi bà bắt tay vào công việc trước tác khổng lồ này, thì bà không hề học hỏi qua những vấn đề ấy bao giờ, dù ở bất cứ nơi đâu. Nhưng khi bà cần đến những tài liệu đó, thì bà có sẵn, và trong những lúc cảm hứng dồi dào nhất, thì bà làm cho những nhà thông thái phải khâm phục về kiến thức sâu rộng, cũng như bà làm cho cử tọa quan khách phải ngạc nhiên về tài hùng biện lưu loát cùng sự châm biếm hài hước và trí thông minh tế nhị của bà.

Trong khi chúng tôi cùng làm việc chung, tôi sửa chữa mỗi trang bản thảo viết tay của bà nhiều lần, và mỗi trang sắp chữ in; tôi viết giúp bà nhiều đoạn văn, thường là viết lại những ý tưởng của bà cho đúng văn phạm Anh ngữ; tôi giúp bà tìm những lời trích dẫn trong các sách, và làm những việc phụ khác. Còn nhìn chung thì quyển sách là công trình của bà, và bà phải nhận lãnh mọi sự khen chê về những ưu điểm hay khuyết điểm của nó.

Bộ sách “*Vén màn Isis*” đã ghi dấu một thế hệ lịch sử, và khi viết bộ sách ấy bà *Blavatsky* cũng giúp tôi học hỏi được rất nhiều giáo lý Huyền môn và chuẩn bị cho tôi có đủ khả năng để hoạt động truyền bá giáo lý Thông Thiên Học trong trên hai mươi năm.

Vậy bà *Blavatsky* đã lấy tài liệu ở đâu để viết bộ sách đó, mà phần nhiều người ta không thể tìm thấy trong những sách vở ở các thư viện? Xin nói ngay rằng đó là do sự hỗ trợ của phần vô vi, một phần do sự giao cảm

huyền diệu với các đấng chân sư, và một phần là do bà tra cứu tài liệu trong cõi vô hình, được phản ảnh trên chất *Tinh quang (Aksha)* hay *Tiên thiên khí ảnh*, tức là kho ký ức của thiên nhiên trong càn khôn vũ trụ.

Làm sao tôi biết được điều này? Đó là nhờ tôi đã cộng tác với bà trong hai năm để viết bộ “*Vén màn Isis*”, và nhiều năm sau nữa để soạn những bộ sách khác như “*Giáo lý bí truyền*”,²⁴ v.v... Theo dõi mọi động tác của bà trong khi làm việc là một kinh nghiệm hiếm có và khó quên. Chúng tôi thường ngồi đối diện nhau bên một cái bàn lớn, và tôi có thể thấy rõ mọi cử chỉ của bà. Bà viết thao thao trên một trang giấy, rồi bỗng nhiên ngừng lại, ngược mặt nhìn vào không gian với đôi mắt trống không của nhà linh thị sử dụng cặp mắt thần, rồi bà thâm ngấn tâm nhãn quang như để nhìn vào một vật vô hình trong khoảng không trước mặt, và bắt đầu ghi chép những gì bà đã thấy. Khi đã chép xong đoạn văn chú thích, đôi mắt bà trở lại khí sắc bình thường, và bà tiếp tục viết cho đến khi bà lại ngừng một lần nữa giống như trước.

Tôi còn nhớ rõ hai lần tôi được nhìn thấy và cầm trên tay những quyển sách lạ mà bà làm cho hiện hình trước mắt tôi để tôi kiểm chứng bản thảo, khi tôi từ chối không chịu phê nhận để đưa lên máy in vì có chỗ tôi còn nghi ngờ là không đúng. Tôi nói: “Tôi không thể phê nhận câu chú thích này, vì tôi chắc là bà đã chép sai.”

Bà nói: “Không sao, như vậy là đúng; hãy cứ để nguyên như thế.”

Tôi từ chối.

Sau cùng, bà nói: “Vậy ông hãy ngồi yên trong một phút, để tôi tra lại.”

Khi đó, cái nhìn trống không lại xuất hiện trên cặp mắt bà; độ một lát, bà chỉ về phía cái kệ đặt nơi góc phòng, và nói bằng một giọng trống rỗng: “Kìa, nhìn xem.”

Kế đó, bà trở lại khí sắc bình thường: “Đấy, ở chỗ ấy đấy. Ông hãy tra lại xem!”

Tôi bước lại chỗ cái kệ và thấy hai quyển sách lạ mà tôi biết chắc là trước đó không hề có trong nhà. Tôi phối kiểm câu chú thích của bà

Blavatsky với đoạn văn trong sách, chỉ cho bà thấy chỗ chép sai, sửa lại bản thảo, và theo lời bà yêu cầu, đem hai quyển sách để lại chỗ cũ. Tôi trở lại bàn ngồi làm việc, và sau đó một lúc, tôi quay lại nhìn ngay chỗ cái kệ, thì thấy hai quyển sách đã biến mất!

Sau khi tôi kể lại chuyện này, những kẻ hoài nghi ngu dốt có thể nghi ngờ sự sáng suốt lành mạnh của tôi, nhưng tôi hy vọng điều đó sẽ hữu ích cho họ.

Sự việc này lại tái diễn một lần thứ hai trong trường hợp tương tự, nhưng lần này quyển sách không biến mất mà vẫn còn ở lại với chúng tôi cho đến ngày nay.

II.

Bản nháp viết tay của bà *Blavatsky* có nhiều khi rất khác biệt nhau một cách rõ rệt. Tuồng chữ của bà có một tính cách lạ lùng đặc biệt mà người nào đã từng quen đọc tuồng chữ ấy luôn luôn có thể nhận ra ngay là chữ viết của bà. Tuy nhiên, nếu quan sát kỹ lưỡng, người ta sẽ phát hiện ra ít nhất ba hay bốn lối viết khác nhau tuy rằng của một tuồng chữ, và mỗi lối viết như thế kéo dài trên nhiều trang giấy, trước khi đổi qua lối viết khác.

Một lối viết đó của bà *Blavatsky* có nét chữ rất nhỏ nhưng đều đặn; một lối khác nét đậm và tự do phóng túng; một lối khác nữa nét vừa phải và dễ đọc; và một lối khác nữa chữ viết rất tháu và khó đọc. Về cách hành văn cũng vậy, những lối chữ khác biệt như trên cũng kèm theo với sự sai biệt về văn phạm Anh ngữ. Có khi tôi phải sửa chữa nhiều chỗ trong một dòng chữ, nhưng lại có khi tôi có thể thông qua suốt nhiều trang mà không cần sửa chữa một chữ nào. Hoàn hảo nhất là những trang bản thảo được viết thay cho bà trong khi bà ngủ.

Một thí dụ điển hình là đoạn đầu của chương nói về nền văn minh cổ Ai Cập (Quyển I, Chương 14). Đêm đó, như thường lệ chúng tôi làm việc đến hai giờ sáng và cả hai đều mệt nhoài, bèn ngưng công việc để vừa hút thuốc vừa mạn đàm trước khi chia tay. Bà thì hầu như ngủ gật ngay trên ghế bành, còn tôi chúc bà yên giấc và lui về phòng tôi trên lầu. Sáng hôm sau, khi tôi ăn điểm tâm xong và bước xuống phòng khách, bà đưa cho tôi xem một

chồng bản thảo độ ba mươi đến bốn mươi trang giấy viết tay bằng tuồng chữ của bà, mà bà nói rằng đó là của vị chân sư X... viết giúp bà đêm qua.

Tập bản thảo đó hoàn hảo về tất cả mọi phương diện, và được đưa lên khuôn mà không cần phải duyệt xét lại. Có điều lạ là mỗi lần có sự khác biệt những tuồng chữ viết như thế đều xảy ra sau khi bà *Blavatsky* rời khỏi phòng độ một lúc, hay bước vào trạng thái xuất thần. Khi đó, đôi mắt trống rỗng của bà nhìn vào cõi xa xăm nào đó và lại trở về trạng thái bình thường ngay sau đó.

Ngoài ra, còn có một sự thay đổi rõ rệt về cá tính, tác phong, giọng nói, cử chỉ, và trên hết mọi sự, về tính khí bất thường. Khi rời khỏi phòng, bà là một nhân vật như thế nào đó; một lát sau khi trở lại chỗ ngồi, bà lại là một nhân vật khác. Khác ở đây không phải nói là bà thay đổi thể xác hữu hình, mà là khác về cử chỉ, tác phong, ngôn ngữ, cung cách; cũng khác cả về sự linh mãnh của trí óc, về quan điểm đối với sự việc, cũng như khác về cách sử dụng Anh ngữ.

Và có điều này rất đặc biệt là khác hẳn về khí chất. Khi sáng sửa lành mạnh bà có vẻ từ bi, khả ái như thiên thần; và trong những cơn khủng hoảng thịnh nộ, thì lại trái ngược hẳn. Có khi tôi viết lại thành câu không đúng như ý bà muốn trình bày, bà kiên nhẫn bỏ qua một cách ưu ái, vô tư; những lúc khác, vì một lỗi lầm nhỏ nhặt không đáng kể, bà dường như nổi cơn thịnh nộ và muốn thủ tiêu tôi ngay tại chỗ! Những cơn bạo khí đó đôi khi có thể giải thích bởi tình trạng sức khỏe của bà, và đó chỉ là sự thương tình, nhưng lý do đó cũng không đủ vững để giải thích vài cơn giận dữ khác.

Bình phẩm về tính khí bất thường này của bà *Blavatsky*, ông *Sinnett* (Phó Hội trưởng) viết:

“Bà hẳn là không có những đức tính mà người ta trông đợi nơi một vị đạo sư. Làm sao bà lại vừa có tinh thần của một triết gia, từ bỏ cuộc sống thế gian để dốc lòng tầm đạo, nhưng đồng thời lại có thể rơi vào những cơn nóng giận vì những sự bực mình nhỏ nhặt không đâu? Đó là một điều bí hiểm rất khó hiểu đối với chúng ta, v.v...”

Tuy nhiên, hãy giả thiết rằng khi mà xác thân của bà được một bậc hiền giả thánh đức sử dụng, thì nó bắt buộc phải hành động với sự bình tĩnh, điềm nhiên của nhà hiền giả, còn nếu không thì không phải. Chừng đó, điều bí hiểm kia đã được giải đáp.

Chính bà đã diễn tả kinh nghiệm huyền linh này khi viết bộ “Vén màn Isis” trong một bức thư gửi về cho gia đình như sau:

“Khi tôi viết bộ Isis, tôi viết rất dễ dàng đến nỗi đó không phải là một sự khó nhọc nữa, mà là một điều vui thích thật sự. Có gì đâu mà người ta khen tặng tôi? Khi được lệnh dạy tôi viết, tôi ngồi xuống và vâng theo lời, và khi đó tôi có thể viết dễ dàng về bất cứ vấn đề gì: siêu hình học, tâm lý học, triết học, tôn giáo, vạn vật học, tự nhiên học, và v.v... Tôi không hề tự đặt nghi vấn: “Tôi có thể viết về vấn đề này chăng?”, hay là: “Tôi có đủ sức viết chăng?”, mà tôi chỉ ngồi xuống và viết, vậy thôi. Bởi vì có một đấng Toàn Thông, biết hết cả mọi sự, đọc cho tôi viết. Đó là Sư Phụ tôi, và đôi khi cũng có những vị chân sư khác nữa mà tôi được biết trong những chuyến đi ngao du thiên hạ từ nhiều năm về trước... Mỗi khi tôi viết về một đề tài mà tôi chỉ biết ít, hoặc không biết gì cả, tôi bèn kêu gọi đến các ngài, và một vị chân sư giúp nguồn cảm hứng cho tôi, nghĩa là ngài để cho tôi chép những gì tôi nhìn thấy trong các bộ sách cổ tự hay chữ in hiện ra trước mắt tôi trong không gian, trong khi đó tôi hoàn toàn thức tỉnh, và không hề mê muội, dầu chỉ trong chốc lát.”

Có lần bà viết thư cho người chị ruột ở Nga là bà *Vera* cũng về vấn đề ấy như sau:

“...Chị có thể không tin tôi, nhưng tôi cho chị biết rằng khi tôi nói điều này, tôi chỉ nói sự thật. Tôi chỉ bận rộn, không phải với bộ “Vén Màn Isis”, mà chính là với nữ thần Isis vậy. Tôi sống trong một cảnh giới mê ly trường cửu, một cuộc sống trong cảnh giới linh ảnh thường xuyên luôn luôn thức tỉnh với đôi mắt mở lớn và tuyệt nhiên không có gì làm phỉnh lừa những giác quan của tôi! Tôi ngồi và theo dõi thường xuyên vị nữ thần Ai Cập. Và trong khi nữ thần phô bày trước mắt tôi cái ý nghĩa ẩn giấu của những điều bí nhiệm đã bị mất đi từ lâu đời, và bức màn che giấu càng trở nên mỏng dần, thưa dần với giờ phút trôi qua, rồi từ từ rơi xuống trước mắt tôi. Tôi nín thở trong cơn kinh ngạc và không còn tin nơi những giác quan của tôi!...

“...Trong nhiều năm liên tiếp, để cho tôi không quên những gì tôi đã học, tôi được làm cho thấy thường xuyên ngay trước mắt tôi tất cả những gì tôi cần thấy.

“Bằng cách đó, bất cứ ngày đêm, những hình ảnh của quá khứ luôn luôn được trình diễn linh động trước nhãn quang tâm linh của tôi. Từ từ, chậm rãi và nối tiếp nhau trong im lặng, giống như những hình ảnh của một cuốn phim diêu huyền, những biến cố lịch sử từ thế kỷ này đến thế kỷ khác xuất hiện ngay trước mắt tôi... Tôi được khuyến khích nói liền những thế hệ đó với vài biến cố quan trọng khác, và tôi biết rằng không thể có sự sai lầm. Các chủng tộc và quốc gia, những xứ sở và thành phố của một thế kỷ quá khứ nào đó xuất hiện, rồi lu mờ dần và biệt tích trong một thế kỷ khác mà thời điểm chính xác được chân sư cho tôi biết...

“Dĩ vãng mập mờ của thời cổ xưa biến thành những thời kỳ lịch sử, những huyền thoại được giải thích bằng những biến cố và nhân vật thật sự đã từng sống trong các thời kỳ đó; mỗi biến cố quan trọng và thường là không quan trọng; mỗi cuộc cách mạng, một trang mới lật qua trong quyển sách của đời người và của các quốc gia trên thế giới, đều lưu lại dấu vết như chụp ảnh và dường như được khắc in trong trí tôi với những màu sắc rõ rệt không thể phai mờ...

“... Tôi nói một cách nghiêm chỉnh cho chị biết rằng, tôi được trợ giúp. Và người trợ giúp tôi chính là Sư Phụ của tôi.”

Trong một bức thư gửi về nhà cho người cô ruột, bà cho biết rằng:

“Khi Sư Phụ tôi vắng mặt vì bận rộn với những công việc khác, Ngài làm thức động chân ngã của tôi để viết thay cho Ngài... Những lúc đó, không phải là tôi viết nữa, mà chân ngã của tôi suy tư và viết thay cho tôi. Cô thử nghĩ xem, tôi đâu có học lực uyên thâm bao giờ mà viết được những vấn đề ấy. Vậy thì những kiến thức đó của tôi do đâu mà ra?...”

Trong những thư khác gửi về cho gia đình, bà cũng nhìn nhận rằng có những lúc bà được các chân sư mượn xác để viết giúp bà. Các Ngài cũng dùng phương pháp đó để dạy đạo cho tôi qua lời của bà, và đưa ra những

giáo lý thâm sâu mà bà không hề biết được mảy may trong trạng thái bình thường.

Chúng tôi đã cùng nhau làm việc trong nhiều tháng và đã hoàn tất được trên 870 trang bản thảo, thì một ngày nọ bà *Blavatsky* hỏi tôi rằng, để thi hành ý muốn của chân sư, tôi có sẵn lòng bắt đầu làm lại tất cả hay chẳng? Tôi còn nhớ rõ cơn xúc động mạnh mà việc ấy đã gây cho tôi, khi nghĩ rằng tất cả những tuần lễ nhọc nhằn lao khổ, thức đêm làm việc, với bao nhiêu cơn sóng gió ồ ạt trên phương diện tinh thần, rốt cuộc chỉ là con số không! Tuy nhiên, vì lòng kính yêu và biết ơn của tôi đối với các đấng chân sư vốn tuyệt đối và vô biên; vì các ngài đã cho tôi đặc ân cùng chia sẻ công việc của các ngài, nên tôi vui lòng chấp nhận và chúng tôi bắt đầu làm lại tất cả.

Quyết định ấy rất thuận lợi cho tôi, vì nó chứng tỏ lòng trung kiên và nhất trí của tôi với bà *Blavatsky*, nên tôi được thọ lãnh một phần thưởng tâm linh dồi dào. Những nguyên tắc Huyền môn được các ngài giải thích cho tôi biết, vô số những thí dụ điển hình được trình bày cho tôi thấy bằng những hiện tượng thần bí; tôi được trợ giúp để tự mình chứng nghiệm những điều đã học hỏi, được giao tiếp với nhiều vị chân sư; và nói chung, tôi được chuẩn bị đầy đủ cho một công việc truyền đạo lớn lao trong tương lai mà hồi ấy tôi không thể ngờ trước được, nhưng về sau đã trở thành một vấn đề lịch sử.

Người ta thường nói, thật là một điều rất lạ lùng và rất khó hiểu khi trong số tất cả những người đã trợ giúp phong trào Thông Thiên Học, thường là với những hy sinh lớn lao nhất, tôi lại là người duy nhất được ân sủng có những mối liên hệ và tiếp xúc cá nhân với các đấng chân sư, đến nỗi sự hiện diện của các ngài vốn là một vấn đề mà tôi biết rõ một cách thật sự chẳng khác nào sự hiện hữu của những người trong gia đình hay bạn bè thân quyến. Chính tôi cũng không giải thích được điều đó. Tôi biết những gì tôi biết, chứ không biết rằng tại sao nhiều bạn đồng môn của tôi lại không được như vậy.

Nhiều người nói với tôi rằng họ đặt đức tin vào các đấng chân sư qua sự chứng minh chắc chắn và không thể nghi ngờ bằng kinh nghiệm bản thân của tôi. Điều đó cũng bổ sung cho những lời tuyên bố của bà *Blavatsky*. Có lẽ tôi được đặc ân đó bởi vì tôi phải phóng con thuyền Thông Thiên Học

cùng với bà *Blavatsky* cho các đảng chân sư của bà, và lái con thuyền ấy xuyên qua bao nhiêu cơn giông tố bão bùng. Trong thực tế, chỉ có một sự hiểu biết chắc chắn về căn bản lành mạnh của phong trào này mới có thể làm cho tôi bám sát lấy nhiệm sở và giữ vững vai trò đến cùng.



ÔNG A. P. SINNETT

PHÓ HỘI TRƯỞNG HỘI THÔNG THIÊN HỌC NGƯỜI VIẾT TIỂU SỬ
BÀ H. P. BLAVATSKY

CHƯƠNG TÁM - MỘT VÀI GIẢ THUYẾT

Chúng ta hãy thử phân tích trạng thái tinh thần của bà *Blavatsky* khi bà viết bộ sách “*Vén màn Isis*” để tìm ra cách giải thích cho những sự khác biệt rõ rệt về cá tính, tuồng chữ và tâm trạng của bà như đã tường thuật ở trên.

Tôi không thể chứng minh đến mức độ nào, bà *Blavatsky* đã viết bộ sách trên qua cá tính phức tạp của bà, nhưng tôi nghĩ rằng có điều hiển nhiên và không thể chối cãi là bà đã nghiền ngẫm và tiêu hóa tất cả những tài liệu trong đó, cũng như nó là của chính bà viết ra, chứ không phải chỉ là những kiến thức vay mượn từ bên ngoài. Thật không gì dễ bằng tránh né toàn bộ việc phân tích để tìm hiểu và đồng tình với những người cho rằng bà *Blavatsky* dựa vào nguồn cảm hứng thiêng liêng nên không hề có sự lỗi lầm, mâu thuẫn, sai sót hay sơ hở nào. Nhưng tôi không thể làm như vậy, vì tôi biết bà quá rõ, và tôi chỉ muốn trình bày sự thật.

Sau khi khảo sát về trường hợp này, người ta không khỏi nhận thấy một số tối thiểu những giả thuyết sau đây được nêu ra:

- 1.- Bộ sách *Vén màn Isis* phải chăng được một vị chân sư đọc cho bà viết như một người thư ký ghi chép lại một cách tỉ mỉ, cẩn thận và công phu?
- 2.- Do chân ngã của bà viết ra trong khi cơ thể bà hoàn toàn bị chế ngự?
- 3.- Bà viết trong trạng thái một người đồng tử được các đấng chân sư mượn xác?
- 4.- Dưới ảnh hưởng một phần của những trạng thái kể trên?
- 5.- Như một đồng tử thông thường, chịu ảnh hưởng kiểm soát và chế ngự của những vong linh?
- 6.- Do nhiều cá tính tiềm ẩn và tác động luân phiên nhau của bà viết ra?

7.- Bà chỉ là một phụ nữ bình thường như mọi người, không chịu một ảnh hưởng chế ngự, ám ảnh hay một nguồn cảm hứng tâm linh nào đến từ bên ngoài, trong trạng thái tinh táo thông thường và không có gì khác biệt với bất cứ một nhà văn nào làm một công việc biên soạn.

I.

GIẢ THUYẾT THỨ BẢY

Chúng ta hãy bắt đầu với giả thuyết sau cùng. Mọi người sẽ thấy ngay rằng, xét về trình độ Blavatsky học thức và văn hóa của bà thì bà không bao giờ có thể là một học giả uyên bác, hay một “*con một sách*”. Những tập hồi ký về cuộc đời bà, do gia đình bà trao lại cho nhà viết tiểu sử bà là ông *A. P. Sinnett* và tôi, cho thấy rằng thuở thiếu thời bà là một người học trò khó dạy, không hề thích đọc những loại sách vở đứng đắn, khô khan, không thích giao du với những người học rộng, cũng không hề bước chân đến các thư viện; bà là mối hoang mang kinh khủng cho các bà quản gia, mối thất vọng cho họ hàng thân quyến, thích nổi loạn chống lại tất cả những sự gò bó chật hẹp của phong tục hay qui ước xã hội thông thường.

Trong thời thơ ấu, bà thích làm bạn với những tinh linh ngũ hành và những vong linh ở cõi âm. Bà trải qua nhiều ngày và nhiều tuần để giao tiếp với họ. Bà cũng thường hay chơi những trò ngỗ nghịch, rắc mắt đối với người lớn, và nhờ có những năng khiếu thần bí ngay từ thuở nhỏ, nên có khi bà cũng nói phăng ra những điều bí mật riêng tư của họ làm cho họ phải giật mình.

Bà không hề gia nhập một hội nghiên cứu khoa học hay khảo cứu bất cứ một ngành học thuật nào, và chưa từng viết sách. Bà chỉ đi tìm các vị pháp sư, phù thủy ở những xứ chậm tiến và bán khai, không phải để đọc sách vở (không hề có) của họ, mà để học hỏi về ngành tâm lý thực tiễn. Nói tóm lại, trước khi viết bộ *Vén màn Isis* thì bà không phải là người ưa thích văn chương.

Những sự khác biệt và tương phản rõ rệt giữa những đoạn văn có khi vụng về lủng củng và có khi hầu như tuyệt tác của bà, chứng minh rằng không phải chỉ có một trí lực duy nhất tác động để viết bộ sách này. Những

tuồng chữ khác nhau, sự sai biệt về cách suy luận, cách hành văn và những sắc thái khác biệt nhau của mỗi đoạn văn đều xác nhận điều đó.

II.

GIẢ THUYẾT THỨ SÁU

Bây giờ chúng ta hãy xét đến giả thuyết thứ sáu, cho rằng quyển sách ấy được viết ra bởi Blavatsky nhiều cá tính khác nhau của bà, hay nhiều tầng lớp tâm thức cá nhân của bà, có thể luân phiên nhau xuất hiện từ trạng thái tiềm ẩn để bước vào trạng thái hoạt động.

Về vấn đề này, những sự khảo sát tìm tòi của các ngành khoa học có liên quan đương thời vẫn chưa tiến bộ đến mức giúp chúng ta có thể kết luận dứt khoát. Trong quyển “*Những giai thoại trong cuộc đời bà Blavatsky*”, ông *Sinnett* có trích dẫn một đoạn văn của bà diễn tả một “*đời sống song đôi*” mà bà đã trải qua trong một cơn bệnh sốt khi bà còn là một thiếu nữ ở *Mingrelia*:

“Mỗi khi có người gọi tên tôi, tôi mở mắt ra và trở lại bản thể hay cá tính của chính tôi, trong từng chi tiết. Tuy nhiên, sau đó khi tôi được để yên một mình, tôi lại rơi vào trạng thái mộng mơ thường nhật của tôi, và tôi trở thành một người khác (bà Blavatsky không nói người ấy là ai)... Những khi tôi đang nói chuyện trong cuộc sống mộng mơ nói trên, nếu tôi bị gián đoạn nửa chừng vì có người gọi tên tôi, vào lúc mà tôi hay những người khuấy mặt trong lúc đó mới nói được nửa câu, và tôi mở mắt ra để đáp lời kêu gọi, thì tôi thường trả lời một cách rất sáng suốt và hiểu biết tất cả mọi sự, vì tôi không hề mê muội. Nhưng khi tôi vừa nhắm mắt lại, thì câu nói bị gián đoạn nửa chừng khi nãy, được tiếp tục bởi “cái ngã thứ nhì” của tôi, đúng vào chữ hay thậm chí đến nửa chữ mà câu nói bị ngắt ngang. Khi tôi thức tỉnh và trở về bản thể, tôi nhớ rõ rằng tôi là ai trong cái bản ngã thứ nhì, cùng tất cả những sự việc xảy ra và tôi đang làm gì lúc ấy. Khi tôi là một người khác trong trạng thái mộng mơ, thì tôi là cái nhân vật mà tôi trở thành, và tôi không hề biết H.P. Blavatsky là ai! Khi ấy tôi ở một xứ hoàn toàn xa lạ, có một cá tính hoàn toàn khác hẳn, và không có liên hệ gì đến đời sống của tôi trong hiện tại.”

Xét từ những sự việc trên, người ta có thể nói rằng nhân vật *Blavatsky* duy nhất, chính là cái thực thể tâm linh ngự trong thể xác của bà, còn cái “*người khác*” kia vốn không phải bà *Blavatsky*, mà chỉ là một thực thể khác có một mối liên quan bí ẩn không giải thích được với bà và thể xác của bà.

Thật vậy, người ta được biết có những trường hợp mà cái *ngã thứ nhì* biểu lộ những sở thích và tài năng hoàn toàn xa lạ đối với cái *ngã* bình thường của đương sự. Giáo sư *Barrett* có thuật chuyện người con trai của một vị linh mục ở khu vực bắc London, sau một cơn bệnh nặng, bèn trở nên hai nhân vật khác nhau. Cái “*ngã thứ nhì*” không biết đến cha mẹ của y, không nhớ những việc quá khứ, tự gọi mình bằng một cái tên khác, và điều đáng kể hơn nữa, là y phát triển tài năng về âm nhạc mà trước đó y không hề biết gì cả.

Có nhiều trường hợp mà cái *ngã thứ nhì* thay chôn cái *ngã* bình thường, tự gọi bằng một cái tên khác và có một trí nhớ đặc biệt về những kinh nghiệm riêng của nó. Trong trường hợp cô *Lurancy Vennum* mà mọi người đều biết, thể xác cô hoàn toàn bị chế ngự bởi linh hồn của một thiếu nữ khác tên *Mary Roff*. Cô này đã chết từ 12 năm trước. Dưới sự thay hồn đổi xác này, cá tính của cô *Vennum* hoàn toàn khác hẳn khi xưa. Cô nhớ rõ tất cả những gì đã xảy ra trong đời của cô *Mary Roff* trước khi cô này qua đời, nhưng còn chính những cha mẹ, thân quyến và bạn bè của cô lại trở nên những người hoàn toàn xa lạ. Hiện tượng này kéo dài gần bốn tháng.

Việc nhập xác này đối với cô *Mary Roff* lại rất tự nhiên đến nỗi cô không thấy gì khác biệt với cái thể xác của chính cô khi cô sinh ra gần ba mươi năm về trước.

Ngoài ra, người ta còn thuật chuyện cái “*ngã thứ nhì*” của một cô gái tên *Mary Reynold*, xuất hiện từ năm cô 18 tuổi và kéo dài đến 43 năm, khi cô trở thành bà lão 61 tuổi, trong thời gian đó có xen với những giai đoạn trung gian khi cô trở về trạng thái bình thường. Trong khoảng 25 năm cuối đời, cô hoàn toàn ở trong trạng thái bất thường của cái “*ngã thứ nhì*”, trong khi đó cái *ngã* bình thường, tức con người thật của cô, đã bị xóa bỏ. Có điều lạ lùng là tất cả những gì cô biết trong cái “*ngã thứ nhì*”, đều đã sở đắc được trong trạng thái đó. Cô bắt đầu đời sống *thứ nhì* này vào năm cô 18 tuổi (tuổi của thể xác), không hề biết tới *Mary Reynold* là ai và quên hết tất

cả quá khứ; trạng thái thứ nhì của cô chính là trạng thái của một trẻ sơ sinh. Tất cả những gì còn sót lại của dĩ vãng, là cô chỉ biết thốt ra một vài tiếng, mà cô không hiểu ý nghĩa gì cả cho đến khi cô được dạy cho biết ý nghĩa của những chữ đó.

Tôi có đọc sách và biết được ít nhiều về sự đa dạng trong con người, nhưng không thấy có trường hợp nào mà cái *ngã* hay *nhân vật thứ nhì* có thể chú thích những đoạn văn trong các sách, hay nói được những ngoại ngữ mà chính đương sự không hề biết trong trạng thái bình thường.

Tôi có biết một nhà bác học ở Anh quốc đã quên hẳn tiếng mẹ đẻ vì sống ở nước ngoài từ năm 11 tuổi mà không được nói hay nghe ai nói thứ tiếng ấy. Đến năm 29 tuổi, ông ta mới bắt đầu học lại tiếng mẹ đẻ qua sách và tự điển. Tuy nhiên, trong khi ông phải cố gắng vật lộn với những nguyên tắc sơ đẳng của ngôn ngữ ấy, thì ông lại nói được trôi chảy trong giấc ngủ. Nhưng trong trường hợp này, sự thông hiểu ngôn ngữ của ông chỉ đắm chìm trong tiềm thức, hay ký ức ẩn tàng.

Có trường hợp được nhiều người biết đến là của một người nữ tỳ ngâm thơ bằng ngoại ngữ trong trạng thái mộng du (đi trong giấc ngủ) và thốt lên những câu văn Do Thái mà cô đã nghe người chủ cũ đọc từ nhiều năm trước.

Nhưng không ai có thể đưa ra bằng chứng nào chỉ rằng bà *Blavatsky* đã từng khảo cứu về những vấn đề bà viết trong bộ sách *Vén màn Isis*. Nếu bà không cố ý “đạo văn” một cách có ý thức và cũng không hề học hỏi những vấn đề ấy bao giờ thì làm sao những kiến thức đó có thể đến với bà trên giả thuyết rằng bộ sách ấy được viết bởi một *Blavatsky* thứ nhì hay *Blavatsky* thứ ba?

Ở đây, tôi chỉ muốn tạm cứu xét sự đa dạng của con người trên giả thuyết rằng bà *Blavatsky* có thể viết bộ sách *Vén màn Isis* mà không có sự trợ giúp nào khác hơn là những cá tính riêng của bà. Bởi đó, chúng ta không cần phải đi sâu hơn vào một vấn đề mà muốn hiểu rõ người ta phải tham khảo những giáo lý Huyền môn của Ấn Độ.

Giáo lý cổ truyền của Ấn Độ dạy rằng *chân ngã* con người có khả năng thấy và biết tất cả khi người ta đã trút bỏ được gánh nặng của bức màn che ám cuối cùng thuộc tâm thức vật chất hồng trần. Và kiến thức đó sẽ đến với y một cách tuần tự khi những lớp màn xác thịt ô trược nặng nề ngày càng được vén lên.

Trường hợp giáo chủ Hồi giáo *Mahomet* vốn là một người thất học, lại có thể viết bộ Thánh kinh *Koran* bằng chữ Ả Rập thuần túy là một phép lạ lớn nhất chưa từng thấy. Đó là một bằng chứng chỉ rằng chân ngã tâm linh của ông đã biểu lộ xuyên qua những chương ngại của thể xác vật chất và trực tiếp thu nhận những kiến thức siêu việt từ nguồn gốc huyền diệu thuộc về cõi trên.

Nếu bà *Blavatsky* là một tu sĩ khổ hạnh chế phục được cái *phàm ngã* và bộ óc suy luận của bà, nếu bà có thể viết Anh ngữ thuần túy mà không hề sờ đắc nó từ trước, nếu bà soạn bộ *Vén màn Isis* theo một kế hoạch rõ ràng nhất định thay vì sắp đặt các tài liệu một cách lộn xộn thiếu trật tự như bà đã làm, thì tôi đã có thể nghĩ như trên và coi bộ sách quý giá ấy như một công trình sáng tạo bởi *chân ngã* siêu việt của bà. Nhưng trên thực tế, tôi không thể làm như vậy, và tôi phải loại trừ vấn đề ấy để xét đến những giả thuyết khác.

III.

GIẢ THUYẾT THỨ NĂM

Giả thuyết kế đó là, phải chăng bà *Blavatsky* viết bộ *Vén màn Isis* với tư cách một người đồng tử thông thường, nghĩa là dưới sự chế ngự của những vong linh?

Tôi quả quyết rằng không. Nếu quả như vậy, thì cái vong linh chế ngự thể xác của bà hẳn đã tác động một cách khác hẳn với mọi thứ quyền năng được ghi nhận trong các sách vở, mà tôi đã từng chứng kiến trong nhiều năm kinh nghiệm và khảo cứu về Thần linh học.

Tôi đã được biết nhiều đồng tử thuộc đủ mọi loại: đồng tử giảng ngôn, giảng bút, xuất thần, chữa bệnh, linh thị, làm các hiện tượng v.v... Tôi đã

theo dõi cách làm việc của họ, tham dự các buổi lên đàn và quan sát những triệu chứng nhập đồng của họ. Nhưng trường hợp của bà *Blavatsky* hoàn toàn khác hẳn. Hầu hết tất cả những gì họ đã làm, bà đều có thể làm được tùy ý muốn, bất cứ ngày đêm, không cần phải lên đàn, chọn thành phần tham dự, hay áp đặt những điều kiện thông thường.

Ngoài ra, tôi còn có bằng chứng rằng ít nhất vài nhân vật hợp tác với chúng tôi là những người còn sống, vì tôi đã nhìn thấy các Ngài trong thể xác phạm ở Ấn Độ, sau khi đã nhìn thấy các Ngài trong *thể vía* ở những nơi khác bên Âu Mỹ, và tôi cũng đã nói chuyện với các Ngài. Các Ngài cho tôi biết rằng các Ngài không phải là những vong linh, mà là những người sống cũng như tôi, và mỗi vị trong các Ngài đều có những đặc tính và khả năng riêng, nói tóm lại là có cá tính riêng. Những quyền năng mà các Ngài đã sở đắc được, có ngày tôi cũng sẽ có; sớm hay muộn là tùy ở nơi tôi. Tôi không nên trông đợi một đặc ân nào, mà cũng như các Ngài, tôi phải tiến từng bước bằng sự cố gắng cá nhân.

Một trong những vị cao cả nhất là bậc thầy của hai vị chân sư mà quần chúng đã có dịp nghe nói đến, đã dạy tôi trong một bức thư đề ngày 22 tháng 6 năm 1875 như sau:

“Thời giờ đã đến để cho con biết Ta là ai. Ta không phải là một linh hồn đã thoát xác, hơi đệ tử, mà là một người sống, có những quyền năng mà có ngày con cũng sẽ đạt tới. Ta không thể tiếp xúc với con bằng cách nào khác hơn là bằng tinh thần, vì hiện thời chúng ta ở cách xa nhau đến hàng ngàn dặm. Hãy kiên nhẫn và lạc quan, hỡi người phụng sự trung kiên của Quân Tiên Hội thiêng liêng! Con hãy tiếp tục cố gắng làm việc, vì đức tự tin là yếu tố mạnh mẽ nhất đưa đến sự thành công. Hãy giúp đỡ những kẻ thiếu thốn rồi chính con sẽ được giúp đỡ, theo sự tác động trường kỳ và bất biến của Luật Nhân Quả.”

Như độc giả nhận thấy, luật nhân quả được dạy cho tôi hầu như ngay từ lúc bắt đầu sự liên hệ giữa tôi với bà *Blavatsky* và với các bậc chân sư.

Dù vậy, trong thực tế thì chúng tôi cũng đã được sự hợp tác của ít nhất một người khuất mặt, vốn là linh hồn của một trong những triết gia lỗi lạc

nhất của thời cận đại, đã từng làm vẻ vang cho xứ sở ông và là một bông hoa ưu tú của nhân loại.

Ông ta là một tín hữu của triết phái Platon và tôi nghe nói rằng ông ta say mê học hỏi đến nỗi không thể tách rời khỏi quả địa cầu, mà ngồi trong một thư viện do ông tạo ra bằng tư tưởng trên cõi Trung giới, đắm chìm trong những cơn suy gẫm triết lý, quên hẳn dòng trôi chảy của thời gian, và chỉ nghĩ đến việc xoay chuyển trí óc con người theo chiều hướng đạo đức tâm linh. Nguyện vọng ấy không thu hút ông ta tái sinh trở lại cõi trần, mà thúc đẩy ông đi tìm những người có chí nguyện giống như các chân sư và đệ tử, muốn làm việc để truyền bá chân lý và bài trừ mê tín dị đoan.

Tôi được ông cho biết rằng ông là một người tinh khiết và vô kỷ đến nỗi ông được sự kính nể của tất cả các vị chân sư. Vì không can thiệp vào nghiệp quả của ông, nên các ngài chỉ có thể để cho ông tự lực công phu để tự giải thoát khỏi những ảo ảnh của cõi Trung giới, hầu tiến bước lên cõi tinh thần và tâm linh thuần túy theo đà tiến hóa tự nhiên. Phần trí tuệ của ông được vận dụng mãnh liệt vào việc suy luận triết lý đến nỗi phần tâm linh đã tạm thời bị tê liệt.

Ông ta đã xuất hiện, sẵn sàng cộng tác với bà *Blavatsky* để viết bộ sách lịch sử này, và đã đóng góp rất nhiều công lao vào những tiết mục có liên quan đến vấn đề triết học. Ông ta không hiện hình để ngồi vào bàn viết với chúng tôi, cũng không mượn xác bà *Blavatsky* như một đồng tử, mà chỉ nói chuyện với bà trên phương diện huyền linh, suốt nhiều giờ liên tiếp. Trong những cuộc giao tiếp đó, ông đọc cho bà viết, nhắc nhở bà về những loại sách nào cần phải chú thích, trả lời những câu hỏi của tôi về các vấn đề chi tiết, huấn dụ cho tôi về những vấn đề nguyên tắc, và đóng vai trò của một người thứ ba trong nhóm chúng tôi.

Có lần ông ta cho tôi bức chân dung của ông, một bức họa thô sơ vẽ bằng bút chì màu trên một tờ giấy mỏng, và đôi khi ông cũng gửi cho tôi một thông điệp ngắn để nhắc nhở tôi về vài việc riêng tư.

Nói chung thì mối liên hệ giữa ông với hai chúng tôi là một sự giao tiếp rất dịu dàng, thân mật như một người anh cả hay một người thầy vô cùng uyên bác. Ông không hề nói một lời nào chỉ ra rằng ông tự xem mình như

một vong linh khuất mặt, khác hơn một người sống và tôi nghe nói rằng ông ta vẫn không biết rằng mình đã chết!

Mặc dầu bác bỏ giả thuyết cho rằng bà *Blavatsky* viết bộ *Vén màn Isis* với tư cách một đồng tử “bị chế ngự”, nhưng chúng ta đã thấy rằng vài đoạn trong sách ấy thật sự đã được một vong linh khuất mặt đọc cho bà viết. Đó là một nhân vật lạ kỳ và độc đáo, nhưng vẫn là một linh hồn đã thoát xác. Phương pháp làm việc với ông ta như đã nói trên thật đúng như bà đã diễn tả trong một bức thư gửi về cho gia đình, để giải thích bằng cách nào bà viết bộ sách ấy mà không hề có sự học hỏi, đào luyện trí óc từ trước.

“Khi tôi ‘được linh’ phải viết, tôi ngồi xuống và tuân lệnh. Khi đó, tôi có thể viết dễ dàng về bất cứ vấn đề gì: siêu hình, tâm lý, triết, tôn giáo, vạn vật, v.v... Tại sao? Bởi vì có một vị biết tất cả đọc cho tôi viết. Đó là Sư Phụ tôi, và thỉnh thoảng cũng có những vị khác nữa mà tôi được biết trong những chuyến du hành từ nhiều năm về trước.”

Đó chính là những gì đã xảy ra giữa bà và vị triết gia của phái *Platon*, nhưng ông ta không phải là “*sur phụ*” bà, mà cũng không phải bà đã gặp ông ta trong những chuyến du hành trước đây, vì ông ta đã chết trước khi bà sinh ra. Như vậy, vấn đề được nêu ra là phải chăng vị triết gia nói trên quả thật là một linh hồn thoát xác, hay là một vị chân sư đã sống trong cái thể xác đó và dường như đã chết vào ngày 1 tháng 9 năm 1687 nhưng thật ra thì không?

Đó hẳn là một vấn đề khó giải đáp. Vì hoàn toàn không có những triệu chứng thông thường của sự mượn xác đồng tử và vì bà *Blavatsky* chỉ đóng vai trò của người ghi chép những gì vị triết gia đọc cho bà viết, chẳng khác nào quan hệ giữa một cô thư ký với ông chủ, trừ ra việc tôi không nhìn thấy ông chủ ấy mà chỉ có riêng bà nhìn thấy, nên có vẻ như chúng tôi đang tiếp xúc với một người sống hơn là với một linh hồn đã thoát xác.

Ông ta không hẳn là một vị chân sư, nhưng gần như thế hơn là bất cứ một vai trò nào khác. Còn nói về công việc viết sách *Vén màn Isis* thì phần việc của ông cũng giống như những phần khác khi mà người đọc, hay người viết tùy trường hợp, là một vị chân sư (*giả thuyết số một*).

Tôi nói *người đọc*, hay *người viết*, và điều này cần được giải thích thêm. Trên đây có nói rằng tuồng chữ của bà *Blavatsky* có nhiều khi khác biệt nhau, và cũng có nhiều lối viết khác nhau của một tuồng chữ duy nhất. Mỗi lần thay đổi tuồng chữ như thế đều đi kèm với một sự khác biệt rõ rệt về cử chỉ, tác phong, sắc diện và khả năng văn chương của bà *Blavatsky*.

Khi bà tự lực cố gắng làm việc với khả năng của chính mình, thì điều đó rất dễ nhận thấy, vì nó biểu lộ qua cách hành văn lúng túng, vụng về của một người mới tập sự viết lách, chưa được huấn luyện thuần thục trong công việc này. Những khi đó thì bản thảo của bà đưa qua cho tôi duyệt xét lại đây đây những lỗi lầm sai sót, và sau khi nó được biến thành những trang có đầy những chỗ gạch xóa, thêm bớt, những giòng xen kẽ, sửa chữa về chính tả và văn phạm, tôi phải đọc cho bà viết lại từ đầu (*giả thuyết số bảy*).

Không bao lâu, tôi được biết rằng thỉnh thoảng những đáng cao cả khác cũng sử dụng thẻ xác của bà *Blavatsky* để giảng ngôn, giảng bút. Mỗi lần mượn xác bà như vậy, các Ngài không hề nói rõ rằng: “*Tôi là vị nọ... hay vị kia*”, hay “*Đây là chân sư A... hay B...*”.

Điều đó không cần thiết, vì sau khi chúng tôi đã làm việc chung với nhau trong một thời gian khá lâu dài để tôi có thể trở thành quen thuộc với mỗi cử chỉ, động tác, ngôn ngữ, khí chất và xúc cảm của bà. Mỗi lần các vị luân phiên nhập xác của bà, là có sự thay đổi rõ rệt về tính khí, cử chỉ, thái độ, v.v... của bà như vừa kể trên. Mỗi lần bà rời khỏi phòng đi ra ngoài một lát rồi trở vào, tôi chỉ cần quan sát sơ qua nét mặt và tác phong, cử chỉ của bà một chút để có thể tự nhủ thầm rằng: “*Đây là chân sư X..., hay A..., hay Z...*”, và sự phỏng đoán của tôi được xác nhận bởi những sự việc xảy ra sau đó.

Một trong những vị chân sư ấy mà tôi đã có lần gặp gỡ trong xác phàm, có bộ râu cằm và râu mép dài xoắn lại với bộ ria ở hai bên má theo lối người *Rajput*.²⁵ Ngài có thói quen vuốt râu mép mỗi khi suy tư. Ngài làm như vậy một cách tự nhiên và vô ý thức.

Có những khi bà *Blavatsky* để cho cá tính của bà tan biến dần và trở thành một nhân vật khác. Khi đó, tôi ngồi trước mặt bà và nhận thấy bà đưa tay lên cằm rồi từ từ làm những động tác dường như kéo bộ râu mép (không

có thật) và xoắn tới xoắn lui trong những ngón tay của bà, với đôi mắt đăm chiêu và cái nhìn xa vắng. Một lát sau đó, đôi mắt ấy mới thâu ngấn tầm nhãn quang để lưu ý đến sự vật chung quanh. Nhân vật có râu mép ngược mặt lên, nhận thấy tôi đang chăm chú theo dõi động tác của ngài, bèn vội vàng bỏ tay xuống và tiếp tục viết.

Một nhân vật khác lại rất ghét tiếng Anh đến nỗi ngài chỉ nói chuyện với tôi bằng tiếng Pháp. Ngài có năng khiếu về nghệ thuật và rất thích thú say mê những phát minh cơ khí.

Một nhân vật khác nữa tinh thoảng cũng xuất hiện (qua thể xác bà *Blavatsky*), vẽ nguệch ngoạc những hình ảnh bằng bút chì, và giáng bút thành những bài thơ hàm súc đạo vị thanh cao.

Mỗi nhân vật đó đều có những đặc tính riêng biệt rõ rệt, và người ta có thể nhận ra ngay là vị nào mượn xác bà *Blavatsky* vào một lúc nhất định, cũng như ta có thể phân biệt những bạn bè quen thuộc của ta trong đời sống hằng ngày. Một vị hay cười nói vui vẻ, ưa thích nói những chuyện vui và hay châm biếm hài hước. Một vị khác nói năng dè dặt, nghiêm chỉnh và rất lịch lãm, uyên bác. Một vị khác có tác phong trầm tĩnh, kiên nhẫn và sẵn sàng giúp đỡ một cách đầy hảo ý. Một vị khác nữa luôn luôn thử thách và đôi khi rất khó tính.

Một nhân vật khuất mặt luôn luôn sẵn lòng đưa ra những giải thích triết lý và khoa học về những vấn đề mà tôi phải viết bằng cách làm những hiện tượng lạ lùng để chứng minh, còn đối với một nhân vật khác nữa thì thậm chí tôi không dám nêu những vấn đề ấy ra để hỏi ngài.

Một đêm nọ, tôi bị “chỉnh” một cách đau đớn. Trước đó mấy hôm, tôi có đem về hai cây bút chì loại mềm và tốt để dùng, tôi đưa một cây cho bà *Blavatsky* và giữ lại một cây. Bà *Blavatsky* có cái tật rất xấu là hay mượn những đồ dụng cụ văn phòng như bút mực, bút chì, tẩy (gôm), dao, kéo, v.v... mà quên trả lại!

Một khi bà đã dùng xong, bà bỏ vào hộc tủ của bà rồi chúng cứ nằm yên trong đó, bất chấp những lời phản đối của “nạn nhân”!

Đêm đó, nhân vật có tâm hồn nghệ sĩ “*giáng lâm*”. Ngài vừa ngồi vẽ một đầu người trên một tờ giấy vừa nói chuyện với tôi về một đề tài nào đó, rồi ngài bảo tôi đưa cho ngài mượn một cây bút chì khác. Khi ấy, một tư tưởng liền thoáng qua trong đầu tôi: “Nếu mình cho mượn cây bút chì, nó sẽ nằm gọn trong học tủ của bà, rồi mình sẽ không còn cây bút chì nào khác để dùng”.

Tôi không nói ra, mà chỉ nghĩ trong trí thôi, nhưng nhân vật *giáng lâm* nhìn tôi bằng một cái nhìn chằm biếm, đưa tay vói lấy cái giỏ đựng bút trên bàn, để cây bút chì của ngài trong đó, dùng ngón tay mân mê nó một lúc, rồi thì... ô kìa, lạ thay, đột nhiên xuất hiện trong giỏ một chục cây bút chì cùng một hiệu và cùng một phẩm chất với cây kia!

Ngài không nói một lời, cũng không thèm nhìn vào mặt tôi, nhưng việc ấy làm cho máu trong người tôi như dồn cả lên hai bên thái dương và tôi cảm thấy một trạng thái hồ thẹn chưa từng có! Dù sao đi nữa, tôi không nghĩ rằng tôi đáng bị “chơi” một vố nặng như thế, xét vì cái tật hay chiếm đoạt văn phòng phẩm bất trị của bà *Blavatsky*!

Mỗi khi một trong những nhân vật ấy “*giáng lâm*”, thì tuồng chữ viết của bà *Blavatsky* lại biểu lộ những nét đặc thù giống y như tuồng chữ của lần trước, khi mà chính nhân vật ấy đã xuống bút để góp phần vào công trình vĩ đại này. Những lần đó, khi ngài viết những tiết mục đặc biệt thuộc về những đề tài sở trường của ngài, và thay vì bà *Blavatsky* đóng vai trò một cô thư ký ghi chép thì bà lại trở nên chính nhân vật ấy (*giả thuyết số ba*).

Hồi đó, nếu có ai cầm đưa cho tôi bất cứ một trang bản thảo viết tay nào của bộ *Vén màn Isis*, tôi có thể nói ngay một cách quả quyết rằng đó là do vị nào viết ra.

Như vậy thì linh hồn bà *Blavatsky* đi đâu trong những lúc đó các ngài thay phiên nhau mượn xác của bà? Đó là một vấn đề bí ẩn mà không phải ai cũng được nói cho biết. Khoảng gần hai năm sau khi bộ sách được phát hành, bà *Blavatsky* có giải thích cho những người thân quyến trong gia đình bà biết điều bí mật ấy: những khi đó linh hồn bà không còn ở trong xác phàm, mà dường như chỉ quanh quẩn ở gần bên, hoàn toàn ý thức được mọi việc xảy ra, và theo dõi mọi động tác của các nhân vật khuất mặt đang sử

dụng thẻ xác của bà. Theo chỗ tôi hiểu, thì bà cho các vị mượn xác cũng giống như người ta cho mượn một cái máy đánh chữ, và xuất hồn đi làm công việc ở cõi trên về phần vô vi, trong khi đó một nhóm các vị chân sư luân phiên nhau sử dụng thẻ xác của bà để làm việc.

Khi biết rằng tôi có thể phân biệt các ngài (xuyên qua xác phàm của bà *Blavatsky*) và nhận ra tính chất riêng của mỗi vị, đến mức tôi đã đặt cho mỗi vị một biệt danh để dễ kêu gọi trong những cuộc nói chuyện riêng giữa chúng tôi, các ngài thường trình trọng nghiêng đầu hoặc thân mật vẫy tay từ giã tôi mỗi khi sắp rời khỏi phòng và nhường chỗ cho vị kế tiếp.

Đôi khi các ngài cũng nói chuyện với tôi về mỗi vị chân sư cũng giống như bạn bè nói chuyện với nhau về những người vắng mặt. Nhờ đó tôi được biết ít nhiều về đời tư của các ngài. Tôi cũng xin nói rõ là ngay cả những đấng chân sư cao cả nhất cũng không bao giờ muốn được suy tôn như những bậc toàn trí, toàn năng hay không có lầm lỗi. Các ngài không hề biểu lộ mảy may ý muốn được tôi tôn sùng, thờ kính, hay xem như thiêng liêng những gì các ngài viết qua thẻ xác bà *Blavatsky*, hoặc đọc cho bà viết. Tôi được khuyến khích chỉ nên xem các ngài như những người bình thường, những người tuy minh triết hơn và tiến hóa hơn tôi bội phần, nhưng đó chỉ là bởi vì các ngài đã đi trước tôi trên con đường tiến hóa tự nhiên.

Trước đây, tôi có nói về những đoạn trong bộ sách *Vén màn Isis* do chính bà *Blavatsky* tự viết ra. Những đoạn ấy đương nhiên là không xuất sắc bằng những trang do các chân sư viết thay cho bà. Điều ấy rất dễ hiểu, vì trước đó bà *Blavatsky* không hề có sự hiểu biết về các vấn đề này, làm sao bà có thể viết một cách chính xác về những vấn đề siêu hình, huyền bí, đòi hỏi một học lực uyên thâm và những kiến thức Huyền môn siêu đẳng?

Trong trạng thái bình thường, có khi bà đọc một quyển sách nào đó, đánh dấu những phần làm cho bà chú ý, viết về những đề tài tham khảo, viết sai, sửa chữa, thảo luận về những vấn đề đó với tôi, nhờ tôi viết lại, trợ giúp phần trực giác của tôi, nhờ các bạn đạo cung cấp tài liệu, và tiếp tục viết với sự cố gắng tôi đa, khi mà không có một vị chân sư nào xuất hiện để đáp ứng những kêu gọi trợ giúp tâm linh của bà.

Lẽ tất nhiên, các chân sư không phải lúc nào cũng đến với chúng tôi. Bà viết rất nhiều và đưa ra nhiều tài liệu quý giá, vì bà có một khả năng văn chương thiên phú; những trang sách bà viết không bao giờ nhàm chán hay vô vị, và bà cũng giỏi tuyệt luân về ba thứ sinh ngữ khi nào có sự trợ giúp quyền năng đầy đủ về phần thiêng liêng.

Bà viết thư cho một thân nhân biết rằng khi Sư Phụ bận rộn công việc khác, ngài để lại cho bà một vật để thay thế, và khi đó chính *chân ngã* sáng suốt của bà suy tư và viết cho bà (*giả thuyết số hai*).

Tôi không thể có ý kiến gì về vấn đề này, vì tôi chưa từng quan sát bà trong trạng thái đó. Tôi chỉ biết rõ bà dưới ba khía cạnh, tức là:

1. Trong trạng thái *phàm ngã* như một phụ nữ bình thường,
2. Khi thể xác của bà được các chân sư sử dụng;
3. Như một người ghi chép những gì các chân sư đọc cho bà viết.

Có nhiều khi bà không hề bị mượn xác, chế ngự hay được một vị chân sư nào đọc cho viết, mà chỉ là một *Blavatsky* trong trạng thái bình thường, vẫn cố gắng đến mức tối đa để thực hiện công tác được giao phó và thi hành sứ mạng.

Tuy nhiên, mặc dù có sự trợ giúp của những trí lực khác nhau tác động từ bên ngoài, bộ sách *Vén màn Isis* và những công trình khác của bà *Blavatsky* vẫn phảng phất những nét đặc thù độc đáo biểu lộ cá tính đặc biệt của bà.

CHƯƠNG CHÍN - MỘT KHÍ CỤ ĐẶC BIỆT

I.

Xét qua những gì đã trình bày trước đây, người ta phải hiểu thế nào về việc soạn bộ sách *Vén màn Isis* và về vai trò của bà *Blavatsky*? Đó hiển nhiên là một công trình tập thể, do sự đóng góp của nhiều tác giả khác nhau, chứ không chỉ có một mình bà *Blavatsky*.

Nhận xét riêng của tôi về vấn đề này cũng hoàn toàn phù hợp với sự giải thích trong những bức thư bà *Blavatsky* gửi về gia đình. Bà cho biết rằng, tất cả những đoạn sách nói về những vấn đề mà trước đây bà chưa hề quen thuộc đều được một vị chân sư đọc cho bà viết, hoặc do *chân ngữ* của bà tác động xuyên qua bộ óc và bàn tay bà để viết ra.

Vấn đề này thật vô cùng phức tạp, và người ta sẽ không bao giờ biết rõ sự thật về mức độ đóng góp nhiều ít thế nào của mỗi thành phần tham dự. Cá tính của bà *Blavatsky* là cái khuôn mà tất cả mọi chất liệu đóng góp đều được đổ vào; cái cá tính ấy do bởi những khí chất, đặc điểm và thói tật riêng của nó, tác động ảnh hưởng đến phần hình thức và sắc thái biểu lộ của những chất liệu này cả trên phương diện thể chất lẫn tinh thần.

Những vị chân sư luân phiên nhau mượn xác bà *Blavatsky* chỉ làm thay đổi tuồng chữ của bà, chứ không viết bằng tuồng chữ riêng của các ngài. Cũng như thế, khi sử dụng bộ óc của bà *Blavatsky*, các ngài bắt buộc phải để cho nó tô màu những tư tưởng của các ngài, và sắp đặt những lời lẽ ngôn từ của các ngài theo một cách thức cố định đặc biệt của nó. Cũng như ánh sáng ban ngày đi xuyên qua những cửa kiếng màu trở nên nhuộm màu của những tấm kiếng ấy, thì những tư tưởng do các chân sư chuyển đạt xuyên qua bộ óc lạ lùng của bà *Blavatsky* cũng phải thay đổi uốn nắn theo cách hành văn và cách trình bày tư tưởng quen thuộc riêng của bà.

Sự đồng thanh khí tự nhiên về phương diện tinh thần trí não giữa vị khuất mặt vô hình và người bị mượn xác càng chặt chẽ mật thiết, thì sự chế ngự càng dễ dàng hơn, văn chương lưu loát hơn, và bút pháp cũng điêu luyện hơn.

Một thí dụ điển hình là tôi nhận thấy rằng những khi bà *Blavatsky* lâm vào trạng thái nóng nảy đến cực điểm, thì các chân sư ít khi mượn xác bà để làm việc trừ ra Sư Phụ của bà, vì ý chí sắt thép của ngài còn mạnh mẽ hơn bà nhiều, còn những vị khác hiền hòa hơn thì luôn luôn tránh né chứ không lại gần.

Lẽ tự nhiên, tôi hỏi rằng tại sao các chân sư không dùng biện pháp thường xuyên chế ngự cái khí chất táo tợn của bà, để làm cho bà trở thành một nhà hiền giả điềm đạm, trầm tĩnh như những khi bà được đặt dưới sự chế ngự của vài đáng cao cả. Tôi được trả lời rằng, một biện pháp như vậy chắc chắn sẽ làm cho bà chết bất ngờ vì đứt gân máu trong óc. Thê xác của bà được sinh động bởi một tinh thần dũng mãnh, rắn rỏi, một tính khí bạo tợn không hề bị kiềm chế từ khi còn nhỏ, và nếu cái khí lực thặng dư thái quá đó không được để cho có lối thoát ra ngoài, thì điều ấy hẳn phải đưa đến một hậu quả khốc hại.

Đó là cái khí chất độc đáo của bà *Blavatsky*, và bà đã nhiều lần nói với tôi rằng bà không muốn bị chế ngự bởi bất cứ một quyền lực nào trên thế gian hay ngoài trái đất! Bà chỉ tôn kính các đáng chân sư, tuy nhiên thậm chí đối với các ngài, đôi khi bà cũng tỏ ra cương cường bất khuất đến nỗi, như đã nói ở trên, những vị có tính chất dịu dàng ôn hòa hơn không thể, hay không chịu, đến gần bà.

Bà cũng cho tôi biết rằng việc đặt mình vào một trạng thái tinh thần thích nghi để có thể giao tiếp dễ dàng và thường xuyên với các chân sư, đã đòi hỏi nơi bà một sự cố gắng tự chủ ráo riết đến mức tuyệt vọng trong nhiều năm liên tiếp. Thật không có ai đã từng bước vào đường đạo với những chướng ngại khó khăn hơn và một tinh thần khắc kỷ gian lao hơn nữa.

Lẽ tất nhiên, một bộ óc dễ bị kích động như vậy không phải là một dụng cụ thích nghi để thi hành cái sứ mạng vô cùng tinh tế được giao phó

cho bà, nhưng các chân sư cho tôi biết rằng đó là cái khí cụ tốt nhất hiện hữu, và các ngài phải tận dụng mọi khả năng của nó với sự cố gắng tối đa.

Đối với các ngài, bà là hiện thân của sự trung thành và lòng sùng tín, sẵn sàng dám làm và dám chịu tất cả vì đại nghĩa. Bẩm sinh với những quyền năng thần thông thiên phú vượt hẳn tất cả mọi người cùng thế hệ với bà, và với một tấm lòng hứng khởi nhiệt thành bốc lửa hầu như đi đến chỗ cuồng tín, bà có đủ đức tính trung kiên, bền vững, nhất tâm bất loạn. Điều này, phối hợp với một sự dẻo dai bền bỉ về thể chất đến một mức độ phi thường, làm cho bà trở thành một khí cụ vô cùng đặc lực, tuy rằng không phải dễ dạy dễ bảo, và có một khí chất bất trắc dị thường.

Có một lý do tối hậu khác vì sao các chân sư không chế ngự bà *Blavatsky* để bắt buộc tính nết bà phải trở nên thuần thực dịu dàng theo lý tưởng của một vị hiền giả điềm nhiên và trầm tĩnh. Đó là bởi vì làm như vậy là can thiệp vào nghiệp quả cá nhân của bà. Cũng như mọi người, bà có một nghiệp duyên ràng buộc riêng do hậu quả của những gì đã làm trong quá khứ. Chính cái nghiệp quả đó làm cho bà tái sinh trở lại kiếp này với một xác thân người nữ luôn luôn kích động, mạnh mẽ, và như vậy bà có cơ hội đạt tới sự tiến bộ tâm linh bằng cách phải chiến đấu trường kỳ để làm chủ lấy nó. Nếu các chân sư trực tiếp can thiệp vào tình trạng đó bằng cách kiềm hãm cái khí chất mạnh mẽ và xóa bỏ những sự thiếu sót khác trong tâm linh của bà, thì việc ấy sẽ rất tai hại cho bà mà không làm cho bà được tiến hóa thêm chút nào. Điều đó chẳng khác nào đặt một người thụ cảm dưới sự chế ngự thường xuyên bằng ý chí của một nhà thôi miên, hay đặt một người bệnh dưới ảnh hưởng tê liệt trường kỳ của chất ma túy.

Có những lúc mà thể xác của bà không được các chân sư mượn tạm để làm việc, hoặc trí óc bà không bận rộn để viết những gì các Chân Sư đọc cho bà viết. ít nhất là tôi nghĩ như vậy, nhưng đôi khi tôi cũng nghi ngờ rằng không một ai trong chúng tôi, là những người cộng sự với bà, đã từng biết rõ bà *Blavatsky* trong trạng thái bình thường! Biết đâu chúng ta chỉ tiếp xúc với một thể xác sinh động giả tạo, mà linh hồn đã thoát ly đi mất trong trận chiến *Mentana* khi bà bị thương trầm trọng do năm vết đâm hiểm nghèo bằng vũ khí sắc bén, sau đó bà được vớt xác ra khỏi một cái hố sâu và xem như đã chết?

Giả thuyết ấy không phải là hoàn toàn vô lý, bởi vì có một sự kiện lịch sử tương tự đã từng xảy ra. Đó là trường hợp của cô *Mary Reynold*, mà linh hồn đã thoát xác trong khoảng thời gian bốn mươi hai năm, trong khi đó thể xác của cô bị sử dụng bởi một nhân vật khác không hề biết gì về những kinh nghiệm và ký ức của cô trong 18 năm trước khi có sự thay hồn đổi xác này.

Còn nói về trường hợp bà *Blavatsky*, tôi không quả quyết mà chỉ lý luận thôi, vì tôi không dám nói một cách chắc chắn rằng một kỳ nữ như bà là ai. Bà thật là một nhân vật kỳ bí đầy những yếu tố mâu thuẫn trái ngược, tuyệt đối không thể xếp hạng hay phân loại như bất cứ một người nào trong chúng ta là những nhân vật thường tình, đến nỗi vì bản tính thận trọng, tôi phải dè dặt không đưa ra một lý luận nào có tính cách đề quyết, khẳng định. Bất cứ điều gì bà đã nói với tôi hay với một người nào khác, đối với tôi thật không đáng kể bao nhiêu, bởi vì đã từng sống chung và cùng đi công tác lưu động với bà trong thời gian rất lâu, và vẫn có mặt trong nhiều những cuộc hội kiến của bà với những người khác, tôi đã từng nghe bà kể những chuyện vô cùng mâu thuẫn về cuộc đời bà.

Đó là bởi vì một lý do nghiêm trọng. Một thái độ dễ dãi, cởi mở với người đối thoại có thể làm cho bà vô tình tiết lộ nơi cư trú và bản chất, cá tính của các đảng chân sư cho những kẻ thế nhân phạm tục, mà những ý đồ riêng tư, ích kỷ cùng những sự quấy rầy, phiền nhiễu của họ đã từng làm cho các nhà đạo sĩ *Yogi* phải lánh mình tìm nơi ẩn trú trên non cao rừng thẳm.

Để giải quyết sự khó khăn ấy, bà đã chọn lấy một lối thoát dễ dàng là tự phát ngôn mâu thuẫn với mình để làm cho tâm trí người đối thoại bị hoang mang mờ mịt. Xin kể một thí dụ: Bà đã có thể nói dễ dàng cho ông *Sinnett* (Phó Hội trưởng) biết rằng khi bà tìm cách đột nhập vào xứ Tây Tạng hồi năm 1854 xuyên qua xứ *Bhutan* hay *Népal*, bà đã bị Đại úy (hiện nay là Thiếu tướng) *Murray*, chỉ huy biên khu thuộc địa phận ấy, bắt lại và đem về giữ trong nhà làm bạn với vợ ông ta trong một tháng. Nhưng bà không bao giờ kể lại chuyện ấy, và không một ai trong số những bạn bè thân hữu của bà đã từng nghe nói về việc này. Mãi về sau, ông *Edge* và tôi mới được nghe câu chuyện ấy do chính Thiếu tướng *Murray* kể lại vào ngày 3 tháng 3

vừa qua trên chuyến xe lửa từ *Nalhati* đi *Calcutta*, và tôi đã cho đăng trong tạp chí của Hội.

Còn nói về tuổi tác của bà, thì bà kể đủ mọi thứ chuyện, nó làm cho bà lên đến hai mươi, bốn mươi, chí đến sáu mươi và bảy mươi tuổi cao hơn tuổi thật của bà. Chúng tôi còn giữ những thư từ văn kiện về chuyện này do những khách viếng thăm và những phóng viên các báo tường thuật lại sau những cuộc hội kiến riêng với bà, và trong nhiều buổi diện kiến mà chính tôi có tham dự. Để tự bào chữa, bà nói với tôi rằng những nhân vật giáng lâm và ngự trong thể xác của bà trong những dịp đó đều có tuổi tác y như thế, và thế là bà không có nói sai, trong khi người đối thoại chỉ nhìn thấy cái thể xác của bà và tưởng rằng câu chuyện bà nói chỉ áp dụng cho cái xác phàm đó mà thôi!

II.

Trên đây tôi có dùng chữ “*ám ảnh*” (*obsession*), nhưng tôi biết rõ sự thiếu sót ý nghĩa của nó trong trường hợp này. Cả hai danh từ “*ám ảnh*” (*obsession*) và “*chiếm hữu*” (*possession*) đều được dùng để nói lên sự quấy phá một người còn sống bởi ma quỷ hay những vong linh bất hảo. Một người bị ám ảnh là người bị khuấy phá, hay vây phủ, còn một người bị chiếm hữu là người bị tà ma quỷ mị nhập xác, chế ngự hoàn toàn. Tôi tự hỏi tại sao những vị cổ đạo thời xưa không đặt ra một danh từ tốt đẹp hơn để chỉ việc chiếm hữu, chế ngự hay nhập xác một người bởi những thần linh hay vong linh tốt lành?

Nhưng điều ấy không giúp cho chúng ta được bao nhiêu trừ phi chúng ta không biết đến những trường hợp mà đôi khi thể xác bà *Blavatsky* bị những thực thể khác chiếm lấy. Câu chuyện sau đây sẽ cho thấy điều đó là đến mức độ nào.

Một buổi chiều mùa hạ, bà *Blavatsky* và tôi cùng có mặt trong văn phòng làm việc của chúng tôi tại *New York*. Trời chưa tối nên chúng tôi chưa thắp đèn lên. Bà ngồi gần bên cửa sổ, còn tôi đứng. Bỗng nhiên tôi nghe bà nói: “Hãy nhìn xem để học.”

Tôi quay đầu nhìn lại và thấy một đám mây mù bốc lên từ đầu và vai của bà. Trong chốc lát, nó tượng hình một vị chân sư, vị này về sau đã cho tôi cái khăn bịt đầu lịch sử của ngài, nhưng lúc ấy thì chỉ là một hình bóng như sương mờ. Mãi chăm chú nhìn hiện tượng ấy, tôi đứng yên không cử động. Cái bóng chỉ tượng hình có nửa phần trên thân mình, rồi lu mờ dần và biến mất. Nó có được thu hồi trở về bên trong thể xác bà *Blavatsky* hay không thì tôi không biết. Bà ngồi yên như pho tượng trong đôi ba phút, sau đó bà thở dài một cái, trở lại trạng thái bình thường, và hỏi tôi có thấy gì không.

Khi tôi yêu cầu bà giải thích hiện tượng ấy, thì bà từ chối và nói rằng tôi phải khai mở trực giác để tìm hiểu những hiện tượng của thế giới mà tôi đang sống. Bà chỉ có thể giúp đỡ bằng cách cho tôi xem thấy những hiện tượng nọ kia, rồi để cho tôi tự tìm hiểu lấy tùy khả năng của mình.

Nhiều nhân chứng đã thấy một hiện tượng khác nữa, và điều đó cũng có thể chứng minh rằng những thực thể khác đôi khi nhập xác bà *Blavatsky*. Trong năm lần khác nhau, một lần để làm vui lòng một vị nữ khách, và một lần cho em gái tôi là *Mitchell*, bà *Blavatsky* đã gom trên đầu một lợn tóc mịn màu nâu lợt và dợn sóng của bà, rồi lấy kéo cắt và đưa cho một người trong chúng tôi. Nhưng lợn tóc ấy khi cắt ra thì nó lại thô cứng, thẳng tuột và đen như huyền chứ không còn dợn sóng hay quăn chút nào, tức là tóc của người phương Đông hay người châu Á chứ không giống chút nào như những lợn tóc mịn như tơ, màu nâu lợt và dợn sóng của bà. Tôi còn cắt giữ hai lợn tóc cắt ra từ trên đầu bà, cả hai đều đen huyền và thô cứng hơn tóc bà rất nhiều, nhưng có một lợn lại thô cứng hơn lợn kia một cách rõ rệt. Lợn trước là tóc của người Ai Cập, còn lợn sau là tóc của người Ấn Độ.

Hiện tượng này còn có cách giải thích nào khác hơn là giả thiết rằng những người đàn ông có hai lợn tóc đó đã thật sự nhập xác bà *Blavatsky* trong hai lần khác nhau khi mà những lợn tóc ấy được cắt ra? Vấn đề nhập xác một người còn sống, bởi những người cũng còn sống, tuy là một việc hoàn toàn xa lạ đối với người Tây phương đến nỗi họ không có một danh từ nào trong ngôn ngữ của họ để chỉ việc đó, vốn đã được biết rõ và định nghĩa ở Ấn Độ.

Người Ấn gọi hiện tượng đó là *vesa*, tức là việc chiếm hữu, nhập xác, ngự trị xác thân của một người sống. Hiện tượng đó có hai loại: khi người

đạo sĩ xuất vía ra khỏi thể xác mình và nhập vào xác một người khác, đó gọi là *svarupvesa*; còn khi người đạo sĩ dùng ý chí của mình để tác động, ảnh hưởng hoặc chế ngự thể xác của người khác để làm những việc hoàn toàn vượt ra ngoài khả năng của người kia, thí dụ như nói một thứ ngoại ngữ chưa từng học, hiểu được những ngành học thuật không hề quen biết, đột nhiên tàng hình trước mắt mọi người, biến thành một vật hình thù đáng sợ, chẳng hạn như một con rắn hay một thú dữ, v.v..., thì đó gọi là *saktyvesa*.

Quyền năng đó chỉ áp dụng cho sự tác động tâm linh giữa hai người còn sống, hay sự “nhiếp” tư tưởng và gây nguồn cảm hứng cho một người sống bởi một thực thể tâm linh có trình độ cao hơn, chứ không nên bị hạ thấp ý nghĩa để chỉ việc nhập xác một đồng tử bởi một vong hồn người chết để tạo nên các hiện tượng. Trường hợp sau này gọi là *grhana* và vong hồn người chết được gọi là *grham*. Danh từ này cũng được dùng để chỉ việc nhập xác một người sống bởi một tinh linh ngũ hành. Hiện tượng này cũng có hai trường hợp khác nhau. Sự nhập xác ấy có thể: a) Tác động tự nhiên, do sự thu hút, hấp dẫn một tinh linh đến với người đồng tử. b) Tác động cưỡng chế, do sự cưỡng ép bằng ý chí của một vị thuật sĩ hay phù thủy biết rõ những chân ngôn thần chú để sai khiến các loại âm binh.

Chúng tôi thấy trong Thánh kinh *Pnchartra Pdmahamhita Charypada* của Ấn Độ, chương 24, có những huấn thị đầy đủ về sự thực hành thuật nhập xác (*vesa*) như sau:

“Nay ta dạy cho người biết, hồi hành giả, phương pháp nhập xác một người khác... Thể xác ấy phải được tinh khiết, tươi tốt, độ trung niên, có tất cả những tính chất tốt và không bị những chứng ác bệnh do tội lỗi gây ra (như bệnh cùi, bệnh phong tình, v.v...). Xác thân ấy phải là của người Bà-la-môn hay người Kshatriya (thuộc giai cấp quý tộc). Nó phải được đặt ở một nơi vắng vẻ, (để tránh nguy cơ bị gián đoạn trong khi thực hành các nghi thức), mặt ngửa lên trời và hai chân duỗi thẳng. Ngồi một bên, người phải giữ tư thế *Yogasana!* (một tư thế của pháp môn Yoga), nhưng trước khi đó, hồi hành giả, người phải đã có tập luyện quyền năng tập trung tư tưởng vào một mục tiêu nhất định. Thần thức (*jiva*) vốn ngự ở chỗ vĩ luân quan tức là luân xa nơi rốn (*nbhichakra*), nó sáng rực như mặt trời, có hình dáng như

con hạc (hamsa) và di chuyển dọc theo những đường vận hà Idâ và Pingala. Sau khi nó đã được tượng hình con hạc bằng cách tập trung tư tưởng theo pháp môn Yoga, nó sẽ thoát ra do hai lỗ mũi, và như một con chim, nó sẽ phóng ra ngoài không gian. Người phải tập cho quen phép này, là phóng luồng sinh khí (Prâna) cho bay lên tới ngọn cây, đưa nó đi xa một dặm, hay năm dặm, hay hơn nữa, rồi thu hồi nó trở về thể xác người xuyên qua hai lỗ mũi, và trả nó lại vị trí cũ ở luân xa nơi rốn. Phép này phải được tập luyện hằng ngày cho đến khi đạt tới mức hoàn hảo.”

Kể đó, sau khi đã sở đắc được bí thuật đó rồi, người đạo sĩ có thể thực nghiệm phép nhập xác. Khi đã ngồi theo tư thế nói trên, ông ta mới rút luồng sinh khí (*Prâna-jiva*) ra khỏi thể xác, và đem nó vào một thể xác đã chọn làm mục tiêu do nơi hai lỗ mũi, dẫn nó đi xuống mãi cho đến khi nó lọt vào bí huyết *vĩ lu quan* hãy còn bỏ trống, rồi trụ nó vào *luân xa* nơi rốn, để cho người chết được phục hồi sinh khí và làm cho người ta thấy rằng y đã sống lại.

Mọi người đều biết câu chuyện nhà hiền giả *Sankarâ* đã phục sinh cho xác chết của vua *Amaraka* ở thành *Amritapura*, do *Mâdhava*, nhà chép tiểu sử của ông thuật lại. Để trả lời những câu hỏi của phu nhân *Mandana Misra* về khoa học ái tình, mà ông hoàn toàn mù tịt vì ông vẫn sống độc thân từ khi còn nhỏ, nhà hiền giả hẹn sẽ giải đáp trong vòng một tháng. Kể đó, trong một chuyến đi ngao du với các đệ tử đến gần thành *Amritapura*, ông nhìn thấy cái xác chết của nhà vua đặt nằm dưới gốc cây, giữa một đám thần dân vây quanh đang than khóc. Nghĩ rằng đây là một cơ hội tốt để thâm thập những kiến thức về tình dục mà ông còn thiếu sót, Đạo sư *Shankara* bèn giao thể xác của ông cho các đệ tử coi sóc, rồi xuất vía và nhập vào xác chết của vua, làm cho nó hồi sinh trở lại giữa sự reo mừng của nhóm cận thần chung quanh. Kể đó, Đạo Sư được đưa trở về kinh đô, và trong một thời gian đã trải qua cuộc sống bình thường của một ông vua giữa những phi tần cung nữ trong tam cung lục viện, và sau cùng ông đã giải đáp được những câu hỏi về ái tình.

Bộ sách *Sankaravijaya* của nhà chép tiểu sử *Mâdhava* viết như sau:

“Sau khi rút luồng sinh khí (*Prâna-jiva*) từ đầu các ngón chân trở lên cho thoát ra ngoài xuyên qua *nê hoàn cung*, tức *luân xa* trên đỉnh đầu

(*Brahmarândhra*), Đạo Sư *Shankara* mới từ từ, từng giai đoạn chậm rãi, nhập vào xác chết của nhà vua do *nê hoàn cung* và chiếm đóng trọn vẹn từ đầu đến chân.”

Nhân dịp soạn lại tập hồ sơ cũ, tôi đã tìm thấy một trang nhật ký cũ trong đó có ghi lại một cuộc đối thoại giữa tôi với một vị chân sư có quốc tịch *Hungary*, đã mượn xác bà *Blavatsky* buổi tối hôm đó.

Trang nhật ký ấy viết như sau:

“Ngài lấy tay che mặt và hạ thấp bấc đèn đặt trên bàn. Tôi hỏi ngài tại sao? Ngài nói rằng ánh sáng là một mảnh lực vật chất, nếu để lọt vào mắt của một thể xác bị mượn tạm, sẽ va chạm đến thể vía của người mượn xác, gây cho nó một sự kích động mạnh và một sức đẩy đột ngột đến mức làm cho vía người mượn xác có thể bị đẩy bật ra ngoài. Thậm chí nó còn có thể làm cho cái thể xác kia bị tê liệt.

“Khi nhập xác một người khác, phải vô cùng thận trọng. Người ta không thể tự đồng hóa với cái thể xác ấy một cách hoàn toàn cho đến khi nào những sự vận động tự nhiên vô thức của những bộ máy tuần hoàn, hô hấp, v.v..., đã được điều chỉnh cho thật ăn khớp với những động tác trong cơ thể của người mượn xác, mà cái thể xác của người này, dù ở cách đó bao xa đến đâu, vẫn có liên hệ vô cùng mật thiết đến cái thể vía đã xuất ra.

“Khi đó, tôi mới thấp sáng ngọn đèn treo lủng lẳng trên trần nhà, nhưng chân sư liền cầm lấy một tờ nhật báo che trên đỉnh đầu. Tôi ngạc nhiên và yêu cầu ngài giải thích lý do, thì ngài cho biết rằng để ánh sáng từ trên cao rọi xuống đỉnh đầu lại còn nguy hiểm hơn là để ánh sáng rọi vào mắt.”

Hồi đó, tôi chưa biết gì về sáu bí huyết hay *luân xa* trong cơ thể con người. Tôi cũng không biết rằng *luân xa* quan trọng nhất trong những bí huyết đó, tức *nê hoàn cung* (*brahmarândhra*), nằm ở dưới những xương sọ trên đỉnh đầu, và ở Ấn Độ, người ta có tục lệ chọc thủng cái xương sọ ở chỗ ấy khi đem hỏa táng xác chết để cho vía người chết xuất ra được dễ dàng. Hơn nữa, lúc đó tôi cũng chưa đọc câu chuyện Đạo sư *Shankara* xuất vía và nhập vào xác chết của ông vua xuyên qua *nê hoàn cung* là cửa ngõ của linh

hồn. Tôi chỉ nhìn thấy những động tác của vị chân sư, và cũng chưa hiểu rõ những lời giải thích của ngài tối hôm đó.

Nhưng bây giờ, với thời gian qua, điều bí hiểm đó đã được soi sáng và cả hai sự việc xảy ra ở *New York* và *Amritapura* đều có liên hệ hỗ tương với nhau. Qua sự việc sau này, và những giáo lý của Huyền học Ấn Độ, người ta có thể hiểu dễ dàng hơn điều bí mật của sự việc trước.

Trước kia thì mọi sự có vẻ tối tăm mờ mịt, và thậm chí người ta cũng không có đến một danh từ để giải thích sự việc ấy, nhưng nay người ta có thể thấy rằng bất cứ người nào tinh thông pháp môn *Yoga* đều có thể nhập xác một người khác còn sống, khi mà thể vía của người này đã xuất ra và cái thể xác trống trơn đang nằm đó đợi bạn bè thân hữu đến viếng.

Tầm mức quan hệ của vấn đề này đối với việc mượn xác bà *Blavatsky* thật đã hiển nhiên, như tôi sẽ cố gắng trình bày trong phần kế tiếp.

III.

Đến đây xin trở lại vấn đề mượn xác của bà *Blavatsky*, trong đó có một bằng chứng luôn luôn xuất hiện làm người ta phải chú ý. Hãy xét trường hợp vị chân sư A hay B đã “*giáng lâm*” qua thể xác bà *Blavatsky* độ một giờ hay lâu hơn, đã viết vài đoạn trong quyển *Vén màn Isis*, hoặc đơn phương hoặc với sự cộng tác của tôi, và vào một lúc nhất định, đã nói một điều gì đó với tôi hoặc với một trong những vị khách có mặt.

Thình lình, bà (hay ngài?) ngừng nói chuyện, đứng dậy và, với một lời xin lỗi khách vì một lý do nào đó, bèn rời khỏi phòng trong giây lát. Sau đó bà trở lại, dáo dác nhìn quanh với đôi mắt bờ ngỡ như một người lạ vừa bước vào một gian phòng có đông người, vẫn một điệu thuốc hút, và thốt ra những lời không liên quan gì đến câu chuyện đã nói lúc nãy. Bà tỏ vẻ lúng túng, không thể nối tiếp câu chuyện đang bỏ dở, hoặc nói vài câu trái ngược hẳn với những gì bà vừa mới khẳng định, và khi có người nhắc lại cho bà biết việc ấy, bà lấy làm bực mình và thốt lên những lời lẽ nặng nề. Hoặc khi được nhắc lại rằng hồi nãy bà đã nói như vậy... như vậy..., thì bà có vẻ trầm

ngâm nghĩ ngợi giây lát và nói: “Ừ nhỉ, xin lỗi ông...”, rồi tiếp tục nói về đề tài đang bỏ dở.

Đôi khi bà có những sự thay đổi ý kiến như vậy mau như chớp, và vì quên đi cái cá tính đa dạng của bà, chính tôi cũng lăm khi bực mình về sự lý luận không nhất quán đó, khi bà mạnh dạn lên tiếng phủ nhận những điều mà bà đã tuyên bố một cách chắc chắn và rõ ràng chỉ một lúc trước đó.

Dần dần, tôi được giải thích cho biết rằng, sau khi nhập xác một người khác (còn sống), cần phải có một thời gian ngắn để nối liền tâm thức của mình với ký ức của nhân vật vừa xuất ra trước đó, vì nếu tiếp tục câu chuyện trước khi có sự điều chỉnh thì những sự lệch lạc như trên vẫn có thể xảy ra.

Điều này phù hợp với những gì chân sư đã nói với tôi tại *New York* về vấn đề nhập xác, và với sự diễn tả cách thức mà Đạo sư *Shankara* nhập vào cái xác chết của vua *Amaraka* như đã nói trong bộ sách *Shakaravijaya*:²⁶

“... Đạo sư *Shankara* mới từ từ, từng giai đoạn chậm rãi, nhập vào xác chết của nhà vua và chiếm đóng trọn vẹn từ đầu đến chân.”

Sự giải thích về việc điều chỉnh từ từ từng giai đoạn những động tác sinh lý trong hai cơ thể cho điều hòa tiết điệu và ăn khớp với nhau còn nói rộng đến sự điều chỉnh của hai tâm thức, và khi nào chưa có sự hòa hợp hoàn toàn, thì đương nhiên phải có sự lộn xộn về tư tưởng, lý luận và ký ức như tôi đã diễn tả ở trên, và như phần nhiều những vị quan khách đến viếng bà *Blavatsky* đã phải lấy làm vô cùng ngạc nhiên sững sốt.

Thỉnh thoảng, khi chỉ có hai chúng tôi trong phòng, thì hoặc nhân vật sắp “thăng”, nói: “*Ta phải giữ điều này lại trong óc để cho vị đến sau Ta có thể theo dõi...*”, hoặc nhân vật vừa giáng lâm, sau khi chào hỏi tôi bằng một lời thân mật, bèn hỏi tôi vấn đề đang thảo luận là vấn đề gì trước khi có sự “*thuyên chuyển*”.

Trong những bức thư của các chân sư viết cho tôi về bà *Blavatsky*, các ngài thường đề cập đến cái xác phàm của bà như một khí cụ mà một trong các ngài đang sở hữu và dùng tạm. Trong quyển nhật ký của tôi năm 1878,

tôi nhận thấy một đoạn ký sự đề ngày 12 tháng 10 do bút tích của chân sư M. viết qua tuồng chữ của bà *Blavatsky* như sau:

“Blavatsky mạn đàm với W. đến hai giờ sáng. W. tâm sự rằng ông ta nhìn thấy nơi bà có đến ba cá tính rõ rệt. Ông biết chắc như vậy, nhưng không muốn nói với Olcott về việc ấy, vì ông sợ rằng H. S. Olcott sẽ chế giễu ông!!!”

Những chữ gạch chân và những chấm than đều chép lại đúng y nguyên văn. Chữ “W.” là chỉ ông *Wimbridge*, lúc đó là khách của chúng tôi.

Sở dĩ có đoạn văn do tay người khác viết trong tập nhật ký riêng của tôi, là vì khi tôi rời khỏi *New York* vì hoạt động nghề nghiệp, mà trong năm đó tôi phải đi vắng nhà nhiều lần, thì bà *Blavatsky* viết nhật ký thay cho tôi. Cái tên “*Blavatsky*” cũng phải được hiểu là những nhân vật mượn xác của bà trong mỗi lần nhất định.

Trong đoạn nhật ký ngày hôm sau (13 tháng 10), cũng do một bàn tay ấy viết, sau khi điểm danh bảy người khách đến viếng đêm hôm đó, có sự ghi nhận như sau về một vị khách có mặt:

“Tiến Sĩ Pike nhìn thẳng vào mặt Blavatsky nhiều lần, bèn giật mình và nói rằng trên đời không có ai đã gây cho y một ấn tượng lạ lùng như thế. Có khi y nhận thấy nơi Blavatsky một thiếu nữ độ mười sáu tuổi, có khi đó là một bà già trăm tuổi, một lần khác đó lại là một người đàn ông có râu!”

Ngày 22 tháng 10, cũng một bàn tay ấy viết:

“N. (một vị chân sư) thăng, nhường chỗ cho S. (một vị chân sư khác) nhập vào (thể xác bà Blavatsky). Vị sau này đến với mật lệnh của chư tiên thánh, dạy rằng phải hoàn thành tất cả vào ngày mùng 1 tháng 12.” (để chúng tôi lên đường sang Ấn Độ).

Đoạn nhật ký ngày 14 tháng 11, cũng một tuồng chữ ấy viết:

“N. xuất ra, và M. giảng lâm với linh tối hậu của chư tiên thánh, dạy rằng phải lên đường (sang Ấn Độ) từ ngày 15 đến 20 tháng 12 là trễ nhất”.

Tôi cũng có nhận được nhiều thư của các chân sư nói về bà *Blavatsky* với tư cách cá nhân của bà, đôi khi nói rất thành thật về những đặc điểm của bà, cả tốt lẫn xấu. Có một lần, tôi được các chân sư, với những huấn lệnh viết tay, giao sứ mạng kín cho tôi đi đến một thành phố khác để tạo nên một vài diễn biến cần thiết cho sự tiến hóa tâm linh của bà. Tôi vẫn còn giữ bức văn kiện đó.

Khi tôi đến tỉnh *Rajputana* năm 1879, tôi có nhận được một bức thư rất dài của các chân sư. Đó là một thông điệp đầy lòng ưu ái, nhân từ, và nếu nó có liên quan đến vấn đề chúng ta đang nói thì có lẽ tôi đã công bố trong sách này để chứng minh tính chất cao siêu của sự trao đổi thư từ giữa các chân sư với tôi trong nhiều năm liên tiếp. Chính trong bức thư đặc biệt đó, chân sư đã giải đáp thắc mắc khi tôi bày tỏ ước muốn rút lui ra khỏi cuộc đời thế tục và đi theo các ngài.

Tôi được trả lời rằng:

“Phương tiện duy nhất hiện có sẵn và ở trong tầm tay con để bước đến gần chúng ta là thông qua Hội Thông Thiên Học.”

Tức là cơ quan mà tôi được lệnh phải xây dựng, củng cố và phát triển. Tôi phải tập sống hoàn toàn vô kỷ, vị tha. Chân sư nói thêm:

“Không một ai trong chúng ta sống cho riêng mình, mà tất cả đều sống cho nhân loại.”

Đó là tinh thần rất ráo, tối hậu, chứa đựng trong tất cả những lời giảng dạy của chân sư gửi cho tôi, và đó cũng là cái lý tưởng xuất hiện bàng bạc khắp nơi trong bộ sách *Vén màn Isis*.

Giáo lý chứa đựng trong bộ sách này có thể tóm tắt đại lược như sau:

“Con người có một tính chất phức tạp, gồm cả hai phương diện cực đoan, một đằng là những thú tính thấp hèn, một đằng là tính chất thiêng liêng cao quý. Sự sống duy nhất chân thật và toàn mỹ, thoát ly khỏi mọi ảo giác, ngoài vòng tục lụy, khổ đau, bởi vì nơi đó không có sự vô minh, đó là sự sinh hoạt tinh thần, tức của Chân Ngã.”

Bộ sách ấy giúp cho con người có một đời sống trong sạch, cao thượng; nó giúp cho sự mở trí và khai mở lòng từ bi bác ái đối với muôn loài vạn vật; nó chỉ cho người đời thấy con đường đạo diệu huyền. Con đường đạo ấy luôn luôn mở rộng cho những người thiện chí, khôn ngoan và dũng cảm. Bộ sách ấy cũng truy nguyên tất cả kiến thức và hiểu biết của chúng ta hiện nay đến những nguồn gốc xa xưa của thời thái cổ; nó cũng khẳng định sự hiện diện thường hằng từ xưa đến nay của các đấng chân sư và của khoa học huyền môn; nó còn đem đến cho chúng ta một nguồn khích lệ và một lý tưởng cao siêu để chúng ta cố gắng đạt tới, ngõ hầu có thể thực hiện sự tiến hóa tâm linh của mình.

Khi bộ sách *Vén màn Isis* vừa xuất bản, nó thu hút sự chú ý trong quần chúng đến mức bản in đầu tiên 5.000 cuốn đã bán hết sạch trong vòng 10 ngày.

Tiến sĩ *Shelton Mackenzie*, một trong những nhà phê bình tài ba nhất thời đó, viết rằng:

“Đó là một trong những công trình đáng kể nhất về tư tưởng xuất chúng, công phu sưu tầm tỉ mỉ, và cách trình bày đạo lý, triết học bao gồm một học lực uyên thâm, quảng bác chưa từng thấy từ nhiều năm nay.”

(Phila. Press, 9.1.1887) Người phụ trách mục phê bình văn học của nhật báo *New York Herald*, trong số ra ngày 30 tháng 9 năm 1877, nói rằng:

“Những tâm hồn tự do, độc lập sẽ hoan nghênh công trình mới xuất bản này như một sự đóng góp sáng giá nhất vào nền văn chương đạo lý.”

Ông viết tiếp:

“Với những đặc điểm lạ lùng, những luận điệu phong phú, táo bạo, và những đề mục dồi dào bất tận mà tác giả đã triển khai một cách vô cùng linh hoạt và hấp dẫn, bộ sách này là một trong những công trình sáng tạo độc đáo phi thường của thế hệ.”

Một sự kiện cụ thể là bộ sách *Vén màn Isis* nay đã trở thành một tác phẩm cổ điển khuôn mẫu. Nó đã được tái bản nhiều lần, và hiện nay, sau 17 năm trôi qua, vẫn đang được nhiều người tìm đọc ở khắp nơi trên thế giới.

Một nhà văn Mỹ đã phát biểu ý kiến mà tôi cho là đúng nhất, rằng: *“Đó là một bộ sách bao gồm trong đó cả một cuộc cách mạng tư tưởng.”*

CHƯƠNG MƯỜI -

NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐỐI NGHỊCH

I.

Như đã kể trước đây, trong giai đoạn ban đầu của Hội Thông Thiên Học, chúng tôi có trao đổi thư từ với những nhà trí thức trên thế giới. Trong số đó có hai người đã trở nên bạn thân của chúng tôi, là *C. C. Massey* và *Stainton Moses*. Chúng tôi vẫn còn lưu giữ nhiều kỷ niệm đẹp về họ.

Stainton Moses là một nhà Thần Linh Học tiến bộ và có trình độ văn hóa cao. Ông bắt đầu khảo cứu về các hiện tượng đồng tử với mục đích tìm hiểu sự thật, nhưng không bao lâu ông nhận biết điều không ngờ là chính ông lại là một đồng tử và có những hiện tượng thuộc về loại kỳ lạ nhất.

Những hiện tượng ấy xảy ra bất cứ ngày hay đêm, dù trong lúc ông chỉ có một mình hay có người chung quanh. Thế là không bao lâu, tất cả những sở đắc về khoa học và triết lý mà ông đã thâm nhập được ở trường đại học *Oxford* đã tan tành như mây khói, và ông đành chấp nhận những lý thuyết mới về vật chất và sức mạnh, về cõi thiên nhiên cũng như về con người.

Những hiện tượng xảy ra với ông ta thật vô cùng phong phú và lạ lùng, cả về phương diện vật chất cũng như tâm linh. Chúng phản ảnh phẩm chất thanh cao của những giáo lý mà ông tiếp nhận được, và vì thế ông quyết định không tin vào bất cứ giáo điều nào được chuyển đạt bởi những thần linh trong cõi vô hình mà tự ông không hiểu được một cách hoàn toàn rõ rệt.

Phần lớn những giáo lý ấy, *S. Moses* nhận được bằng những cơn giáng bút tự động viết qua chính bàn tay của ông. Trong khi ông đang chăm chú đọc sách hay nói chuyện, thì bàn tay mặt của ông tự động viết liên tục trong độ nửa giờ hay một giờ, và khi ông nhìn vào những trang giấy đã viết đầy chữ, thì thấy đó là những tư tưởng độc đáo, mới lạ, hoàn toàn khác hẳn với

những gì ông đã tin tưởng từ trước đến nay, hoặc giải đáp thỏa đáng những câu hỏi hay nghi vấn ông đã đưa ra trong một lần trước.

Ông luôn luôn tin tưởng và tuyên bố một cách hào hứng trong những bức thư gửi cho chúng tôi, rằng cái trí lực điều khiển bàn tay của ông để giáng bút vốn không phải là của ông, cũng không phải là cái tâm thức của ông, dù ở dạng bộc lộ hay tiềm ẩn, mà chỉ là trí lực của những thực thể tâm linh hay một đấng vô hình nào đó. Ông còn nói rằng ông biết rõ những đấng ấy qua hình dáng (bằng thần nhãn), qua giọng nói (bằng thần nhĩ), và tuồng chữ viết một cách rõ ràng không thể làm lẫn, cũng giống như ông rõ biết về những người còn sống.

Trong số những hiện tượng chung của cả hai người, có việc làm cho những tiếng “*chuông thần*” reo nhẹ trong không gian; việc tạo ra hương thơm phảng phất trong không khí; những ánh sáng chập chờn bay lượn trên không trung, việc phóng xuất ra chữ viết trên mặt giấy ngoài tầm tay của đương sự; việc tạo ra những loại đá quý và những vật thể khác; âm nhạc reo trong không khí; những mùi hương lạ của Đông phương thơm nức mỗi khi có sự hiện diện vô hình của những đấng cao cả hay bậc đạo gia ưu tú ở gần bên; việc *S. Moses* nhìn thấy trong chất *tinh quang* những điểm ánh sáng có màu xếp theo hình tam giác; và sau cùng, là quyền năng xuất vía một cách có ý thức và trở về tái nhập vào thể xác sau một chuyến ngao du trong cõi vô hình.

Sự giống nhau mật thiết như vậy về những kinh nghiệm huyền linh đương nhiên là tạo nên một sự thích thú hỗ tương mạnh mẽ giữa hai nhà thông linh ưu tú. Tự nhiên là *S. Moses* rất ước mong tiếp nhận được mọi sự chỉ dẫn hay huấn thị mà bà *Blavatsky* có thể đưa ra để giúp đỡ y hiểu biết thêm về thế giới vô hình và hoàn toàn làm chủ tính chất thông linh của ông, điều mà sự huấn luyện tâm linh hoàn bị trên đường đạo bắt buộc phải có.

II.

Thật không có gì trái ngược nhau hơn là những quan điểm của các nhà Thần linh học Tây phương và của người Đông phương nói chung về vấn đề giao tiếp với người đã chết.

Người Tây phương khuyến khích những việc đó, và thường cố gắng phát triển khả năng đồng tử của chính họ hay của những người trong gia đình họ để làm trò tiêu khiển mua vui. Họ ủng hộ nhiều tạp chí thần linh học và xuất bản nhiều sách vở để trình bày và lý luận về những hiện tượng của họ, và dẫn chứng những hiện tượng này như là nền tảng khoa học của lý thuyết về một kiếp sau.

Người Đông phương, trái lại, coi việc giao tiếp với người đã chết như một sự đọa lạc của linh hồn, có tác dụng vô cùng tai hại đối với người chết lẫn người sống, làm ngăn trở sự tiến hóa tự nhiên của linh hồn và làm trì hoãn sự giác ngộ tâm linh.

Ở các nước Âu Mỹ, người ta thường gặp trong những buổi lên đàn những người thuộc đủ mọi thành phần: những người có học thức, thanh cao, sang trọng, tinh khiết, cũng như những đối tượng trái ngược lại. Ở phương Đông, chẳng hạn như ở xứ Ấn Độ, nói chung những người đồng tử và các nhà phù thủy chỉ được sự bảo trợ của những người thuộc giai cấp hạ tiện (*pariah*) và không thể tiếp xúc.

Ở phương Tây vào thời hiện đại, người ta thường tỏ vẻ vui mừng thay vì lo buồn khi họ phát hiện ra một đồng tử trong gia đình họ, còn ở Ấn Độ thì việc ấy được xem như một điều ô nhục, một tai họa, một điều bi thảm và cần được giải trừ càng sớm càng tốt.

Tất cả các tôn giáo Đông phương, bao gồm cả Ấn giáo, Phật giáo, Bái hỏa giáo, Hồi giáo... đều có cùng một quan niệm về vấn đề này, do ảnh hưởng của truyền thống tổ tiên cũng như do những giáo lý chứa đựng trong các Thánh kinh của tôn giáo họ.

Không phải chỉ có sự giao tiếp với người chết mới bị ngăn cấm mà thôi, ngay cả việc phô trương những phép màu do sở đắc tự nhiên hay do sự phát triển nhờ công phu tu luyện. Bởi vậy, người Bà-la-môn Ấn Độ sẽ nhìn bằng cặp mắt không tán thành những hiện tượng kỳ lạ của *Stainton Moses*, nhà đồng tử trí thức, cũng như của *Blavatsky*, nhà phương sĩ có bản lĩnh cao cường.

Không cần biết đến sự tìm tòi khảo cứu các vấn đề thông linh như một nhu cầu thúc đẩy trên phương diện tri thức và vốn có những hình thức tôn

giáo dựa trên căn bản tinh thần, người phương Đông không đặt vấn đề lấy những hiện tượng thần thông làm bằng chứng cho sự bất tử của linh hồn. Trái lại, họ ghê tởm người đồng tử bị ám ảnh như một sự ô uế tâm linh, và giảm bớt sự kính trọng đối với những người có quyền năng thần bí nhưng lại đem ra phô trương, biểu diễn trước mắt mọi người.

Sự phát triển những quyền năng thần bí là kết quả tự nhiên của công phu tu luyện. Có 8 thứ quyền năng loại cao (*Ashta Siddhis*) thuộc về trình độ tâm linh siêu đẳng, là sở đắc của các vị đạo sĩ chân tu theo Chánh đạo. Ngoài ra, còn có 18 thứ quyền năng (hay nhiều hơn nữa) thuộc về cõi trung giới và hạ giới, là sở đắc của những thuật sĩ hay phù thủy theo bàng môn tả đạo.

Như vậy, người ta sẽ nhận thấy rằng trong khi những hiện tượng thần thông của bà *Blavatsky* làm cho những đệ tử và bạn bè thân hữu Tây phương của bà thán phục và tôn sùng, và gây nên sự hoài nghi lẫn ác ý của những kẻ đối nghịch, thì chính những sự biểu diễn đó hạ thấp bà trong dư luận của những đạo gia và học giả chính thống Ấn Độ và Tích Lan, như là dấu hiệu của một trình độ tâm linh thấp kém. Đối với họ, không hề có nghi vấn nêu ra về sự thật của các hiện tượng, vì tất cả những sự huyền linh ấy đều đã được thừa nhận và ghi chép trong các Thánh kinh của họ. Đồng thời, trong khi sự biểu diễn những hiện tượng thần thông trước công chúng bị chỉ trích, lên án, thì một mặt khác, khi người ta được biết rằng một vị đạo sư có những quyền năng thần bí, điều ấy lại càng làm tăng thêm giá trị của ông ta như dấu hiệu của sự phát triển tâm linh thật sự. Nhưng qui luật chung vẫn là một bậc đạo sư không nên phô trương những quyền năng của mình, dẫn cho trước mặt các đệ tử, trừ phi họ đã đạt tới một trình độ tâm linh vững chắc để có thể hiểu được mọi điều lợi hại của vấn đề.

Một vị phú thương ở thành Vương Xá cho người treo một cái chén đeo bằng cây mộc hương trên ngọn tre để làm giải thưởng cho vị sa-môn hay bà-la-môn nào có khả năng bay lên cao lấy được cái chén ấy xuống. Một vị tăng tên là *Pindala Bharadvaga* nhận cuộc thử thách, chuyển mình bay lên không trung, bay lượn ba vòng trên thành Vương Xá rồi gỡ lấy cái chén từ trên ngọn tre đem xuống. Công chúng đứng xem reo hò thán phục. Việc ấy

đến tai đức Phật, ngài bèn triệu tập một buổi hội họp riêng với các đệ tử và quở trách vị tăng *Pindala* như sau:

“Người đã làm một việc vi phạm vào giáo pháp. Đó là một hành động bỉ ổi, bất nhã, không xứng đáng với một vị sa-môn. Như một gái điếm bán mình vì đồng tiền xấu xa như nhớp, người phô trương thần thông cũng chỉ vì một cái chén gỗ bần thiêu. Việc người làm chẳng những không cải hóa được những kẻ chưa qui y Phật pháp, hay khiến cho những kẻ đã qui y Phật pháp càng tăng thêm; mà trái lại còn làm cho những kẻ chưa qui y không chịu qui y, còn những kẻ đã qui y thì trở lại thế tục!”

Sau đó, đức Phật đưa ra một huấn thị nghiêm khắc rằng:

“Hỡi các tỳ-kheo, các người đừng bao giờ biểu diễn phép thần thông trước công chúng.”

Trong kinh cũng nói rằng vị tăng *Devadutta* bị ngăn trở trên đường tu tập, không đạt tới quả vị A-la-hán vì ông ta đạt được một vài năng lực siêu nhiên rồi lấy làm mãn nguyện và tưởng rằng mình đã đạt đạo.

Trong bản luận *Yoga Sutra* của Patanjali, nói về sự phát triển năng lực thần bí, tiên sĩ *R. Mitra* viết:

“Những phép thần thông diễn tả trong kinh ấy đều là những điều phạm tục, chúng được cần đến vì mục đích thỏa mãn những ước vọng phạm tục, nhưng lại hoàn toàn vô ích cho sự công phu thiền định ở bậc thượng thừa, vì hành giả nhắm đến sự cô lập làm mục tiêu. Những phép tu luyện ấy không những là vô ích, mà còn là những chướng ngại thật sự, vì chúng làm quấy động sự yên lặng tĩnh mịch trong thiền định.”

Người ta thường không hiểu rằng sự phát triển những năng lực thần thông có một mối quan hệ đối với *chân ngã* cũng giống như sự liên hệ của các giác quan đối với *phàm ngã*. Người ta phải tập chế ngự giác quan để giảm thiểu sự loạn động vì trần cảnh, và cũng giống như thế, để tập trung tư tưởng vào một vấn đề khoa học hay triết học sâu xa thì người hành giả theo pháp môn tu huệ để đạt tới sự minh triết phải kiểm soát và chế ngự được những tác động của các năng lực thần thông, để giữ được trạng thái nhất tâm bất loạn và thẳng tiến đến mục đích, thay vì để tư tưởng vẫn vơ đi lạc

vào những lối rẽ, khúc quanh của chốn mê đồ mờ mịt do những năng lực thần thông ấy vừa hé mở.

Xưa nay tôi chưa hề thấy điểm ấy được vạch rõ bao giờ, tuy vậy đó là một điều tối quan trọng mà người ta phải biết. Vì không biết cái định luật tâm linh đó, nên các nhà linh thị như *Swedenborg*, *Davis*, các vị Thánh Gia Tô và các nhà thông linh của tất cả các môn phái khác đều đã bị kinh ngạc, sửng sốt, lao đảo, ngây ngất như điên như dại khi những linh ảnh xuất hiện và diễn ra trước mắt họ như cuốn phim. Những sự vật mà họ nhìn thấy trong cõi vô hình thật khó phân biệt thực hư, chân giả; thường thì họ lấy giả làm chân, lấy hư làm thực, rồi họ nói ra những lời tiên tri vụn vặt về thời thế, những mặc khải giả tưởng về tương lai, đưa ra những lời khuyên cáo sai lầm, những pháp môn giả tạo và những giáo điều lệch lạc làm mê hoặc lòng người.

Người đời thường tụ tập quanh một người được tin là có phép thuật thần thông với những mục đích thật ích kỷ: muốn có con cầu tự; muốn được chữa khỏi bệnh, thường là do hậu quả của những thói hư tật xấu; mong tìm lại được tài sản đã mất; muốn được sự ưu đãi, thuận lợi trong công việc; và muốn biết việc tương lai. Họ gọi những việc ấy là “*cầu xin đức thánh ban phước lành*”, nhưng không một vị chân tu nào bị phỉnh lừa bởi những ngôn từ giả trá ấy, và có đến chín mươi chín phần trăm trường hợp tín chủ phải ra về trong sự thất vọng.

Với kinh nghiệm của riêng tôi, tôi cũng đã có dịp biết qua tinh thần thấp kém của hạng người này. Vì trong số hàng nghìn bệnh nhân đau khổ rên xiết mà tôi đã chữa khỏi hoặc làm cho bệnh được thuyên giảm trong những cuộc khảo sát thực nghiệm phép truyền nhân điện hồi năm 1881, tôi tự hỏi không biết có được chừng trăm người thật sự biết ơn hay chẳng? Trước khi năm ấy kết thúc, tôi đã do kinh nghiệm thực tế mà biết rõ tâm trạng của người đạo sĩ và những cảm tưởng khi biểu diễn phép thần thông.

Thật vậy, kinh *Sambita* của Ấn Độ nói rằng vị đạo sư chân chính không phải là người dạy ta khoa học vật lý, đem cho ta những khoái lạc trần gian, huấn luyện cho ta có những năng lực thần bí, vì tất cả những thứ đó đều là những nguồn gốc sinh ra đau khổ, phiền não. Trái lại, bậc đạo sư chân chính là người chỉ dẫn cho ta thấu triệt chân lý (*Brahman*).

Các thánh kinh khác của Ấn Độ như kinh *Upanishad* cũng dạy rằng, tuy người đạo sĩ Yoga có thể dùng năng lực của ý chí để sáng tạo hay hủy diệt các thế giới, kêu gọi các bậc thần tiên ở cõi trời đến với ông ta, tận hưởng niềm phúc lạc yên tĩnh của Thượng Đế không hề suy giảm, nhưng vị này phải tránh tất cả những việc vô nghĩa đó vì chúng có khuynh hướng làm tăng thêm sự cách biệt (với tha nhân) và làm ngăn trở, chướng ngại sự giác ngộ tâm linh.

Còn nói về việc tự nguyện giao tiếp với những vong linh ở cõi trung giới, kêu gọi sự giúp đỡ và chịu khuất phục dưới mệnh lệnh của chúng, thì không một người Đông phương nào có trí óc lạnh mạnh và kiến thức sâu xa lại để tâm nghĩ đến.

Trong cuốn cổ thư “Chí Tôn Ca” (*Bhagavad Gita*), đức *Krishna* nói:

“Những kẻ nào tôn sùng các vị thần linh, sau khi chết sẽ về cõi giới thần linh; kẻ thờ cúng tổ tiên sẽ về với tổ tiên; kẻ thờ cúng ma quỷ sẽ đi theo ma quỷ. Chỉ có những kẻ nào tôn sùng Ta (tức là những người tâm đạo, hướng về sự giác ngộ tâm linh cao cả) mới trở về với Ta.”

Như thế, chúng ta thấy rằng theo quan niệm người Ấn Độ, một người như bà *Blavatsky* sẽ được kính nể vì có năng lực siêu nhiên, nhưng lại bị chê trách về việc biểu diễn các phép thuật thần thông. Còn một người như *Stainton Moses* thì bị họ khinh rẻ như một đồng cốt của các loại vong linh thấp kém, dù cho ông ta có năng lực trí thức tốt, có văn hóa cao ở bậc đại học, và dù cho y có những ý đồ trong sạch và vô tư đến đâu.

Trên đây là quan điểm của người phương Đông nói chung. Riêng phần tôi, tôi vẫn giữ cách nhận thức của một người phương Tây về những hiện tượng nhiệm mầu của bà *Blavatsky* và *Stainton Moses*. Đối với tôi, những sự việc ấy vô cùng quan trọng, như những bằng chứng của sinh hoạt tâm linh và như những vấn đề khoa học còn cần phải giải đáp. Tuy tôi không thể giải đáp sự bí hiểm về tính chất phức tạp đa diện của bà *Blavatsky*, nhưng tôi tin chắc rằng những sức mạnh tác động trong người bà và hỗ trợ cho bà thực hiện các hiện tượng, vốn được sử dụng khéo léo bởi những người còn sống biết rõ khoa tâm linh, và cả khoa học thực dụng các chủng loại tinh linh ngũ hành.

Nói về trường hợp của *Stainton Moses*, cũng có một sự bí hiểm tương tự. Ông ta tin chắc rằng tất cả những vị danh sư khuất mặt của ông mệnh danh là “*Imperator*”, v.v... đều là những linh hồn đã bỏ xác, trong số đó có vài người của những thế hệ rất cổ xưa, có người của thế hệ tương đối ít xưa hơn, nhưng tất cả đều là những bậc hiền minh, thánh triết. Những vị ấy không những cho phép, mà còn khuyến khích ông ta nên sử dụng lý trí để tự vạch ra con đường tiến bộ tâm linh của mình. Với một sự kiên nhẫn vô biên, họ trả lời những câu hỏi và giải đáp những điều thắc mắc nghi ngờ, giúp ông phát triển trực giác tâm linh và trợ giúp ông xuất vía được dễ dàng. Bằng vô số những hiện tượng lạ lùng, họ chứng minh cho ông thấy rõ đặc tính của vật chất và sức mạnh, và khả năng kiểm soát các hiện tượng thiên nhiên. Hơn nữa, họ còn dạy cho ông biết rằng việc truyền đạo giữa đạo sư và đệ tử vẫn từng có ở khắp nơi trong càn khôn vũ trụ, trong những giai đoạn tuần tự phát triển trí tuệ và tâm linh, cũng giống như cách giáo dục ở các nhà trường v.v...

III.

Theo huyền học Ấn Độ, người hành giả muốn thực hành pháp môn thiền định phải áp dụng một phương pháp chuẩn bị gồm có ba nghi thức: tẩy trần; gián đoạn mọi sự liên lạc điện từ với cõi trung giới; và cô lập hóa các loại âm binh lớn vốn ở nơi ấy.

1. Trước hết là nghi thức tẩy trần: chỗ ngồi phải được dọn rửa sạch, và rải lên trên một lớp cỏ *Kusa*, một loại cỏ có tác dụng hấp dẫn những tinh linh tốt lành và xua đuổi ảnh hưởng xấu của những vong linh bất hảo. Trong những loại cây có ảnh hưởng xấu mà người ta tin rằng thường hay qui tụ những vong linh và tinh linh bất hảo, có cây me và cây đa. Những âm binh bất hảo này cũng thường hay tụ tập ở những nơi giếng cũ, nhà hoang, các nghĩa địa, nơi thiêu xác, bãi chiến trường, lò sát sinh, nơi hành quyết và những nơi xảy ra án mạng giết người hay những vụ đổ máu. Đó là theo sự tin tưởng của người Ấn Độ.

2. Nghi thức kế đó là niệm thần chú để xua đuổi các loại âm binh lánh đi nơi khác. Trong khi niệm chú, hành giả dùng bàn tay khoát nhiều lần trên

đầu, để tạo một vòng rào điện từ quanh mình, có tác dụng bảo vệ chống lại mọi sự xâm nhập của những ảnh hưởng bất hảo.

2. Sau khi đã thi hành một cách cẩn thận và nghiêm túc hai nghi thức tối cần kể trên, hành giả mới bắt đầu đọc những chân ngôn có tác dụng thanh lọc thể xác lẫn tinh thần, và chuẩn bị cho sự nhập thiền nhằm mục đích khơi dậy những năng lực tâm linh và đạt tới sự giác ngộ. Chỗ ngồi thanh tịnh, không khí trong sạch, tránh xa những người nhiều tham dục, ô uế, những kẻ vô luân, vô đạo đức, nhiều ác cảm, tất cả đều là những điều kiện cần thiết cho người tầm đạo.

Những lời khuyên cáo của “*Imperator*” (vị hướng dẫn tâm linh của *S. Moses*) và của các vị thần linh hộ trì cho những đàn cơ chọn lọc ở khắp nơi trên thế giới, cũng đều phù hợp với những qui luật Đông phương kể trên. Nói tóm lại, những qui luật phòng vệ ấy càng được áp dụng chặt chẽ, thì những lời giảng ngôn tiếp nhận được càng thanh cao siêu việt hơn. Những cử chỉ và ngôn ngữ thô tục, khả ố cùng những thông điệp có lời lẽ xấu xa bỉ ổi thường diễn ra trong nhiều đàn cơ với những đồng tử thiếu sự che chở và thiếu chuẩn bị, giữa những cử tọa gồm những thành phần hỗn tạp, xấu tốt lẫn lộn, đều có thể truy nguyên từ việc xao lãng, không áp dụng cẩn mật, chặt chẽ những qui luật bảo vệ nói trên.

Tình trạng này đã được cải tiến dần trong vòng 17 năm qua. Những đồng tử kém cỏi và những hiện tượng thiên về vật chất đang dần dần nhường chỗ cho những hình thức sinh hoạt thông linh cao siêu hơn. Những quan điểm của “*Imperator*” về những họa hoạn của các đàn cơ ô trược, hỗn tạp, đã được phản ánh trong những tác phẩm của *Stainton Moses*. Ông thừa hiểu rằng những kinh nghiệm thu thập được trải qua nhiều thế kỷ hẳn đã giúp cho người Đông phương biết được chân lý này: luồng điện từ trong sạch thiêng liêng không thể đi xuyên qua một đồng tử thấp hèn và một vòng cử tọa ô trược mà không bị ô nhiễm, cũng như dòng nước suối trong lành chảy qua một vùng đất dơ bẩn sẽ không còn tinh khiết như lúc ban đầu. Bởi đó, họ áp dụng những qui luật nghiêm khắc và chặt chẽ để cô lập hóa người đồng tử khỏi mọi ảnh hưởng xấu xa tai hại, và để chuẩn bị cho sự tinh luyện cá nhân của y đến mức hoàn hảo.

Vì không biết gì về những điều lợi hại trên đây, người Tây phương thường mang theo cả những đứa con non nớt và nhạy cảm của họ đến những nơi lên đàn bao phủ trong một bầu không khí hắc ám ô trọc và sặc mùi tội lỗi. Khi nhìn thấy cái hiểm họa đó, người ta có thể thấy rằng lời khuyến cáo và chỉ trích nghiêm khắc của *Imperator*, vị hướng dẫn vô hình của *S. Moses*, thật đúng biết bao khi ông nói về sự khờ dại của người Tây phương trong việc giao tiếp với những vong linh người chết.

Tình trạng cải tiến nói trên chính là do kết quả tốt lành mà những sách vở và giáo lý của Hội Thông thiên học đã tạo ra trong các giới đồng tử và các điểm lên đàn, hơn là do ảnh hưởng trực tiếp của các diễn giả, tác giả và chủ bút của các báo chí. Chúng ta hãy hy vọng rằng không bao lâu, những quan điểm Thông thiên học về các giới tinh linh ngũ hành và vong linh người chết sẽ có được một sự lưu ý và quan tâm xứng đáng.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT -

HỘI QUÁN THÔNG THIÊN HỌC TẠI NEW YORK

I.

Lịch sử ban đầu của Hội Thông thiên học đã được tường thuật khá đầy đủ. Tôi không thấy có gì cần nói thêm trừ ra việc hoàn chỉnh lại những ký ức đã qua với vài mẫu chuyện nhỏ về đời sống xã hội của chúng tôi tại *New York* cho đến ngày chúng tôi lên đường sang Ấn Độ.

Trong thời gian từ khoảng cuối năm 1876 cho đến cuối năm 1878, Hội Thông thiên học có vẻ tương đối bất động. Những điều lệ của Hội trở nên vô hiệu lực, những buổi họp hầu như không còn tiếp tục. Những buổi sinh hoạt ít oi của Hội trước công chúng đã được diễn tả trên đây, và những dấu hiệu gia tăng ảnh hưởng của Hội được phản ánh qua sự gia tăng số lượng thư từ giao dịch của hai nhà sáng lập với các giới trong nước và ngoài nước, những bài vở tranh luận đăng trên báo chí, sự thành lập các phân hội ở *London* và *Corfu*, và việc mở đầu các mối liên hệ với những cảm tình viên ở Ấn Độ và Tích Lan.

Những nhà thần linh học ưu tú gia nhập Hội ngay từ đầu nay đã rút lui; những cuộc họp của Hội đã chấm dứt; khoản tiền Hội phí mà hội viên phải đóng góp khi vào Hội đã bị hủy bỏ, và sự bảo tồn hoạt động của Hội hoàn toàn đè nặng lên hai vai chúng tôi.

Tuy nhiên, lý tưởng của Hội chưa bao giờ mạnh mẽ hơn, và chưa bao giờ phong trào Thông thiên học tràn đầy sinh khí hơn khi nó cởi bỏ cái hình thức bên ngoài, và tinh thần của nó được tập trung vào tim óc và tâm hồn của chúng tôi.

Đời sống tại Hội quán²⁷ thật tốt đẹp trong những năm đó. Họp nhất trong sự trung thành vì một lý tưởng chung, trong sự giao tiếp hằng ngày với các đáng chân sư, đắm mình trong những tư tưởng, ước vọng và hành động vị tha, hai chúng tôi sống giữa thành phố náo nhiệt ồn ào đó mà không

bị ô nhiễm bởi những sinh hoạt cạnh tranh ồn ào, những tham vọng ích kỷ thấp hèn của người đời. Dường như chúng tôi chỉ sống một cuộc đời ẩn dật trên non cao hay trong rừng thẳm. Thật không phải là quá đáng khi nói rằng một bầu không khí thanh cao thoát tục hơn khó mà tìm thấy ở một nơi nào khác tại *New York*.

Những địa vị xã hội và danh vọng quyền thế của những quan khách đến viếng đều bị bỏ lại ngoài cửa khi họ bước vào Hội Quán. Giàu hay nghèo, sang hay hèn, trí thức hay dốt nát, tín ngưỡng hay vô thần, những quan khách của chúng tôi đều được dành cho một sự đón tiếp nồng hậu và một sự chăm sóc kiên nhẫn như nhau đối với những thắc mắc của họ về mọi vấn đề tôn giáo cũng như các vấn đề khác.

Bà *Blavatsky* vốn giọng dõng dạc nên bà có thể hòa mình một cách dễ dàng với giới thượng lưu sang trọng nhất, và là một người phụng sự vị tha có tinh thần dân chủ cao độ để có thể dành một sự tiếp xúc cởi mở nhiệt thành đối với người khách khiêm tốn nhất.

Một trong những người khách của chúng tôi lúc ấy rất sành sỏi về môn triết học Hy Lạp. Ông ta làm công việc quét vôi, sơn nhà vì sinh kế. Tôi còn nhớ rõ bà *Blavatsky* và tôi đều rất hoan hỉ khi chúng tôi ký tên vào đơn xin gia nhập của ông như những người bảo trợ tinh thần và hoan nghênh đón nhận ông vào hàng hội viên.

Một số người đến viếng thăm Hội quán, mà chúng tôi thường gọi đùa là “*Lat-ma Viện*”, khi trở về có viết bài đăng báo tường thuật lại những cảm tưởng của họ, và nói rằng họ có được một kinh nghiệm mới mẻ khác thường. Phần nhiều trong số đó viết về bà *Blavatsky* với những lời lẽ ca tụng, tán dương và suy tôn quá đáng. Về hình dáng bên ngoài, bà không có chút gì giống như một nhà tu khổ hạnh. Bà không tham thiền trong phòng kín, không ăn uống khác khổ đạm bạc, không tránh né những người trí óc nông cạn, phù phiếm hay những kẻ phàm tục, cũng không chọn lọc bạn bè để kết giao. Bà mở rộng cửa cho tất cả mọi người, thậm chí đến những kẻ mà bà biết là sẽ viết về bà với ngòi bút xuyên tạc đầy ác ý. Họ thường mạt sát, công kích bà thậm tệ, nhưng nếu những bài vở ấy có tính cách ý nhị, hài hước, thì bà thường cùng tôi đem ra làm đề tài để cười đùa vui vẻ, thoải mái như một trò tiêu khiển.

Trong số quan khách quen đến thường ngày, có ông *Curtis*, một trong những phóng viên tài giỏi nhất của báo chí *New York*, và về sau trở nên một hội viên Hội Thông thiên học. Ông đã viết những bài báo rất dài về “*Lạt-ma viện*”. Những bài báo của ông có khi nghiêm chỉnh, có khi hài hước vui nhộn, nhưng luôn luôn sống động, duyên dáng và hấp dẫn.

Một buổi tối, ông ta đưa chúng tôi vào một rạp bầy. Một gánh xiếc mà ông nói rằng có hai người thuật sĩ Ai Cập đang biểu diễn vài phép thuật dường như chứng tỏ họ có hiểu biết về khoa phù thủy. Dầu sao, ông muốn chúng tôi đến xem tận mắt và nhận xét sự việc với tư cách là những chuyên gia đã am tường và thông hiểu về khoa pháp môn huyền bí. Chúng tôi nghe theo và cùng đi thử xem sao. Hóa ra màn trình diễn rất đổi tầm thường, và hai người Ai Cập đó thật ra chỉ là hai người Pháp chính cống; chúng tôi đã có dịp nói chuyện dài với họ trong văn phòng của ông giám đốc vào những giờ nghỉ ngơi giữa các màn biểu diễn. Khi ra về, chúng tôi có than phiền với ông *Curtis* về sự nhận xét sai lầm của ông, nhưng ông làm cho chúng tôi bất giác cười lớn khi trả lời rằng trái lại, bây giờ ông đã được tự do xoay trở và có thể đưa ra tất cả mọi dữ kiện cần thiết để viết một bài phóng sự “*giật gân*”. Quả thật, nhật báo “*The World*” số ra sáng ngày hôm sau có đăng một bài tường thuật nhan đề: “*Các nhà Thông thiên học đi xem xiếc!*”, trong đó câu chuyện khô khan vô vị của chúng tôi với hai người Pháp được biến thành một cuộc đối thoại có tính chất thần bí cao siêu với hai nhà đạo sĩ Ai Cập, kèm theo với vô số những phép thuật dị kỳ, những hồn ma hiện hình, những đồ vật đột nhiên xuất hiện và biến mất, v.v... Toàn thể sự việc diễn tả trong bài báo đã chứng minh, nếu không phải là sự nhận xét chính xác thì ít nhất cũng là một năng khiếu tưởng tượng vô cùng phong phú của người viết!

Một lần khác, ông *Curtis* lại đem đến cho chúng tôi xem một bài tường thuật trên báo về sự xuất hiện trong đêm khuya của vong hồn một người gác đêm đã chết, dọc theo những bến tàu ở một vùng phía đông thành phố, và yêu cầu chúng tôi nên đi xem con ma ấy. Ông nói rằng cảnh sát đã được lệnh báo động, và viên thanh tra cảnh sát địa phương đã chuẩn bị kế hoạch để bắt con ma trong đêm ấy.

Quên hẳn kinh nghiệm mắc lừa trước đây về vụ gánh xiếc, chúng tôi lại nhận lời ra đi. Đó là một đêm âm đạm, xấu trời, chúng tôi khoác áo mưa ngồi suốt hàng giờ trên một đống cây gỗ bên bờ sông, và giết thời giờ bằng cách vừa hút thuốc vừa đàm luận với độ hai chục phóng viên các báo được gửi đến để viết bài tường thuật những sự việc xảy ra trong đêm ấy.

Nhưng vong hồn lão *Shep* (lão già gác đêm) không thấy xuất hiện lần đó, và sau cùng chúng tôi đành trở về “Lạt-ma Viện” trong tâm trạng bực bội vì đã lãng phí suốt cả buổi tối.

Sáng hôm sau, chúng tôi vô cùng bực tức khi thấy các báo đều “triển lãm” chúng tôi như những người loạn óc trông đợi những sự việc không thể có, và còn ngầm ngụ ý rằng chúng tôi đã đuổi lão già *Shep* đi mất để làm cho các phóng viên lỡ mất cơ hội trong cuộc săn mồi! Thậm chí các tạp chí có hình ảnh còn đăng một bức ảnh của hai chúng tôi đứng chung với phóng viên các báo, với lời chú thích “*Các hội viên Hội thông thiên học đang chờ đợi bóng ma của ông già Shep!*” Nhưng cũng may là chân dung của bà *Blavatsky* và tôi trong tấm ảnh đó lại giống với người trên mặt trăng hơn là những người bình thường!

Một buổi tối, phóng viên *Curtis* cũng có mặt khi nữ bá tước *Paschkoff* kể một chuyện phiêu lưu mà bà với bà *Blavatsky* đã cùng trải qua ở xứ *Liban*. Bà nói tiếng Pháp và tôi dịch sang tiếng Anh. Câu chuyện rất lạ kỳ và thú vị đến nỗi ông ta xin phép được đăng lại, và sau khi được chấp thuận, nó được đăng trên tờ báo của ông. Vì câu chuyện này giải thích lý thuyết về tiềm năng của chất *tiên thiên khí* (*Aksha*) có thể giữ gìn ký ức của mọi sự diễn biến trong lịch sử loài người, và người ta có thể sử dụng năng lực làm xuất hiện trở lại những ký ức đó từ trong cõi thiên nhiên, nên tôi ghi chép lại một đoạn dưới đây và giao trách nhiệm cho người kể:

“...Nữ bá tước *Paschkoff* nói qua lời thông dịch của Đại tá *Olcott*: ‘Có lần tôi du hành trên vùng sa mạc xứ *Liban* (Cận Đông), và trên đồng cát tôi gặp một đoàn lạc đà. Đó là đoàn du hành của bà *Blavatsky*. Chúng tôi cùng cắm trại chung với nhau, ở đó có một ngôi kiến trúc lớn tọa lạc gần làng El Marsum, giữa hai dãy núi của xứ *Liban*. Trên vách đá có khắc những dòng cổ tự mà không ai đọc được. Tôi biết bà *Blavatsky* có thể làm những việc lạ lùng với thần linh, nên tôi yêu cầu bà thử truy nguyên tung tích của tòa lâu

đài này. Chúng tôi đợi cho đến nửa đêm, khi đó bà mới vẽ một cái vòng tròn lớn dưới đất và bảo chúng tôi hãy bước vào đó. Chúng tôi đốt lửa và rắc hương trầm lên. Kế đó, bà *Blavatsky* thốt lên nhiều câu chân ngôn bí mật nghe rất lạ tai. Chúng tôi rắc thêm hương trầm vào đồng lửa. Khi đó, bà cầm cây gậy phép chỉ vào tòa lâu đài, và chúng tôi thấy trên đó có một khối lửa tròn như một quả cầu lớn và sắc trắng. Gần bên đó có một cây sung lớn, chúng tôi thấy có nhiều ngọn lửa nhỏ chập chờn trên các cành cây. Những con chó sói tru lên trong đêm tối cách đó một quãng không xa. Chúng tôi lại đốt thêm hương trầm. Khi đó, bà *Blavatsky* truyền lệnh cho vị thần linh nào tọa trấn tại ngôi nhà lâu kia hãy xuất hiện. Không bao lâu, một khối mây mù bốc lên và che khuất ánh trăng non mờ ảo. Chúng tôi lại rắc thêm bột hương trầm lên đồng củi đang cháy. Đám mây mù tượng hình một vị lão trượng có chòm râu bạc. Khi ấy, chúng tôi nghe một giọng nói vọng lại từ đằng xa, và phát âm xuyên qua cái hình ảnh mờ mờ vừa xuất hiện. Ông lão nói ngôi kiến trúc này xưa kia là tòa linh điện của một ngôi đền đã biến mất từ lâu. Ngôi đền cổ này được dựng lên để thờ một vị thần, nhưng vị thần này từ đó đến nay đã chuyển sang một thế giới khác. Bà *Blavatsky* hỏi: ‘Lão trượng là ai?’ Giọng nói kia đáp: ‘Tôi là *Hiero*, một trong những vị tư tế của ngôi đền.’ Khi đó bà *Blavatsky* truyền lệnh cho ông lão hãy chỉ cho chúng tôi thấy địa điểm tọa lạc của ngôi đền như thời trước. Ông lão cúi đầu tuân theo, và trong một lúc chúng tôi thấy xuất hiện hình dáng lung linh huyền ảo của ngôi đền cổ và cảnh tượng một thành phố cổ xưa rộng lớn mọc lên tràn khắp cánh đồng, đến tận chân trời. Sau đó một lát, linh ảnh đó biến mất và hình ảnh ông lão cũng tan mờ dần.”

(Câu chuyện này đã được đăng trên nhật báo *New York World*, số ra ngày 21 tháng 4 năm 1878, với tựa đề: “*Những chuyện huyền linh*”.)

II.

Tuy những kinh nghiệm phũ phàng của quá khứ đã dạy cho chúng tôi biết rằng những hiện tượng thần bí chỉ là điều mông manh, không đủ sức làm nền tảng vững chắc để xây dựng cả một phong trào tâm linh vĩ đại, nhưng dù sao thì chúng cũng có một giá trị rõ rệt nếu được đặt đúng chỗ và kiểm soát chặt chẽ. Điều đó nằm trong phạm vi Mục đích thứ ba, trong Ba mục đích của Hội Thông thiên học.

Những hiện tượng thần bí có một tầm quan trọng như những bằng chứng sơ đẳng của năng lực ý chí con người đối với những sức mạnh vật chất thô kệch trong thiên nhiên. Trên địa hạt này, chúng có liên hệ đến vấn đề bí hiểm của trí lực thông minh tác động trong những hiện tượng đồng cốt.

Tôi nghĩ rằng những hiện tượng của bà *Blavatsky* đã thực hiện trong giai đoạn khởi đầu của Hội Thông thiên học đã đập một vố nặng nề và rõ rệt vào cái lý thuyết mà mọi người đều tin tưởng cho đến khi đó, rằng những thông điệp cơ bút nhận được qua các đồng tử đều là của vong hồn người chết. Những hiện tượng bà *Blavatsky* đã thực hiện đều không đi kèm với những điều kiện được xem là cần thiết, mà có khi còn bất chấp cả những qui luật thông thường.

Những tài liệu ghi chép về các hiện tượng đó nay chỉ còn tồn tại trong những bài tường thuật đăng trên báo chí đương thời mà chúng tôi đã cắt để dành, và trong ký ức của những nhân chứng hiện còn sống. Họ có thể xác nhận hoặc sửa sai những chuyện do tôi thuật lại về các sự việc xảy ra mà chúng tôi đã cùng chứng kiến trước sự có mặt của bà *Blavatsky*.

Trong những cuộc hội họp quan khách, chúng tôi không hề có dụng ý lái câu chuyện đến việc thực hiện các hiện tượng nhiệm màu. Khi chúng tôi chỉ có hai người, bà *Blavatsky* có thể thực hiện một vài hiện tượng nào đó để dẫn chứng cho một bài học mà bà dạy tôi; hoặc để đáp lại một câu hỏi của tôi về tác dụng của một sức mạnh đặc biệt nào đó. Thường thì bà thực hiện các phép thuật đó trong những cơn ngẫu hứng bất thần và không do sự gọi ý của một người nào đang có mặt tại chỗ. Tôi xin kể một vài thí dụ trong số rất nhiều sự việc như thế.

Một ngày nọ, một nhà thần linh học người Anh đi với con trai, một đứa bé độ mười tuổi, cùng với một người bạn đến viếng chúng tôi. Đứa bé chơi một mình và đi quanh khắp phòng, lục lạo trong các sách vở, xem xét những món vật lạ và đồ cổ, đánh thử trên đàn dương cầm, và làm những động tác tò mò khác.

Kế đó, nó bắt đầu nhàm chán và đòi về, kéo tay áo cha nó và làm cho ông ta gián đoạn một câu chuyện rất lý thú với bà *Blavatsky*. Người cha

không hề ngăn chặn sự quá rỗi của nó và sửa soạn đứng dậy ra về thì bà *Blavatsky* nói:

“Không sao, nó chỉ muốn có một vật gì để chơi thôi. Để tôi xem có thể nào tìm cho nó một món đồ chơi không.”

Nói xong, bà đứng dậy, đưa tay sờ soạng vào một cánh cửa phía sau lưng bà và kéo ra một con cừu nhồi bông rất lớn dưới chân có gắn bánh xe lăn, mà tôi biết chắc là trước đó không hề có trong nhà!

Trước ngày lễ Giáng sinh, cô em gái tôi ở tầng lầu trên của “*Lạt-ma Viện*” đi xuống chỗ chúng tôi, mời chúng tôi lên xem cây giáng sinh mà cô đã chuẩn bị cho mấy đứa con cô lúc ấy còn ngủ trên giường. Chúng tôi nhìn qua một lượt các món quà, bà *Blavatsky* bày tỏ sự hối tiếc rằng bà không có tiền để mua quà tặng và đóng góp vào cái cây cho các cháu. Bà hỏi cô em tôi đứa con trai cưng của cô ấy thích món gì, và khi được trả lời là một cái còi kiêu lớn, bà nói: “Được rồi, hãy đợi một lát”.

Rồi bà lấy xâu chìa khóa từ trong túi áo ra, nắm chặt lấy ba cái chìa khóa trong một bàn tay, và một lúc sau đó bà cho chúng tôi xem một cái còi lớn bằng sắt có khoen đính vào xâu chìa khóa thay vào chỗ của ba cái chìa khóa lúc nãy. Để tạo ra cái còi này, bà đã dùng hết chất sắt của ba cái chìa khóa, và hôm sau bà phải nhờ thợ khóa làm lại ba cái chìa khóa khác.

Đây là một chuyện khác nữa. Trong khoảng một năm sau khi chúng tôi định cư tại “*Lạt-ma Viện*”, bộ đồ dọn ăn bằng bạc của gia đình tôi được mang ra dùng, nhưng sau cùng nó được gửi đến cho gia đình thân quyến, và bà *Blavatsky* đã giúp tôi một tay để gói lại tất cả và cho vào thùng. Cùng ngày hôm đó, sau bữa ăn trưa, đến lúc dùng cà phê, vì không có cái kẹp để gấp những viên đường nên khi đưa hũ đường cho bà *Blavatsky* tôi để thay vào đó một cái muỗng. Bà liền hỏi cái kẹp gấp đường ở đâu, và tôi trả lời rằng ban nãy tôi đã gói chung với các đồ bằng bạc kia để gửi đi. Bà nói: “*Nhưng rồi chúng ta cũng phải có một cái để dùng chứ, phải không?*”

Nói xong, bà đưa tay xuống một bên ghế chỗ bà ngồi, rồi cầm lên một cái kẹp bạc có hình dáng lạ kỳ mà chưa ai từng thấy bán ở các tiệm. Cái kẹp ấy có hai nhánh dài hơn kẹp thường, và hai đầu nhánh lại có răng dài và

nhọn giống như hai cái nĩa; bên trong chỗ tay cầm có khắc mặt tự ám chỉ thánh danh của chân sư “M”. Tôi vẫn còn cất giữ cái kẹp này tại Adyar.

Trong hiện tượng này, có sự tác động của một định luật quan trọng. Muốn tạo ra một vật cụ thể từ chất liệu trong không gian, bước đầu tiên là nghĩ đến vật thể mình mong muốn, với tất cả mọi chi tiết như hình dáng, kiểu mẫu, màu sắc, chất liệu, trọng lượng và những đặc điểm khác. Hình ảnh hiện lên trong trí phải dứt khoát rõ ràng từng chi tiết. Giai đoạn kế đó là vận dụng ý chí đã được tập luyện thuần thục, sử dụng kiến thức về những định luật điều khiển vật chất và phương pháp kết hợp các nguyên tử. Sau cùng là sai khiến các tinh linh ngũ hành dùng chất liệu ấy để tạo ra vật thể mà mình muốn.

Nếu hành giả thiếu sót bất cứ điều gì trong những giai đoạn kể trên thì kết quả sẽ không được hoàn toàn như ý muốn. Trong trường hợp vừa kể, rõ ràng bà *Blavatsky* đã lẫn lộn trong ký ức của bà những hình dáng khác nhau của cái kẹp gấp đường và cái nĩa, và bà đã hỗn hợp cả hai thứ với nhau thành một vật dị hình, khó tả và không thể tìm thấy ở bất cứ đâu!

Lẽ tất nhiên, việc này lại là một bằng chứng thuyết phục hơn về tính cách chân thật của hiện tượng do bà thực hiện so với việc tạo ra một cái kẹp đường toàn hảo, vì một vật như thế có thể tìm thấy ở bất cứ nơi đâu.

Một đêm nọ, khi phòng làm việc của chúng tôi có đầy khách đến viếng, bà *Blavatsky* và tôi ngồi đối diện nhau ở hai bên phòng, bà ra hiệu bảo tôi cho bà mượn cái khoen có mặt ấn lớn tròn và chạm lõm sâu mà tôi đeo tối hôm ấy để buộc cái khăn choàng cổ. Bà cầm lấy nó giữa hai bàn tay nắm chặt, không nói với ai một lời hay làm cho ai chú ý – chỉ trừ tôi, và xoa hai bàn tay độ một hay hai phút, kế đó tôi nghe có tiếng va chạm của hai vật bằng kim loại. Bà nhìn tôi mỉm cười và xòe hai bàn tay ra cho tôi thấy cái khoen ấn của tôi cùng với một cái khác cũng lớn bằng nhưng lại có một kiểu khác: mặt ấn này làm bằng cẩm thạch màu xanh lục, còn cái của tôi làm bằng loại đá hồng màu mã não. Cái khoen ấy được bà đeo luôn cho đến khi bà từ trần, và sau đó nó qua tay bà *Annie Besant*, đã được hàng nghìn người nhìn thấy quen mắt. Mặt đá của nó bị vỡ trong chuyến hành trình của chúng tôi sang Ấn Độ, và sau đó được thay một mặt đá khác ở *Bombay*.

Trong trường hợp này cũng vậy, không một lời nào trong câu chuyện giữa các quan khách đã dẫn đến hiện tượng này; trái lại, ngoài tôi ra không một ai biết việc ấy đã xảy ra! Mãi về sau này mọi người mới được tôi kể lại cho biết.

III.

Ông *Sinnett* (Phó Hội trưởng) có ghi lại trong quyển “Những ngẫu sự trong cuộc đời bà *Blavatsky*” một câu chuyện do ông *Judge* kể về việc bà *Blavatsky* đã tạo ra những ống màu nước cho ông dùng để vẽ một bức họa Ai Cập.

Tôi cũng có mặt trong dịp đó, và có thể xác nhận như một nhân chứng. Việc ấy xảy ra vào một buổi trưa tại “*Lạt-ma Viện*”. Ông *Judge* đang vẽ cho bà *Blavatsky* một bức tranh về một chuyện thần thoại Ai Cập, nhưng không thể hoàn tất công việc vì thiếu màu. Bà *Blavatsky* hỏi ông cần những màu gì, và sau khi ông trả lời, bà bèn bước đến gần cây đàn dương cầm đặt ở sát vách tường, rồi hai tay nâng vạt áo lên dường như để hứng một vật gì. Kế đó, bà buông vạt áo và trút lên trên bàn ngay trước mặt ông *Judge* mười ba lọ bột màu khô hiệu *Winsor* và *Newton*, trong số đó có những màu mà ông cần dùng.

Một lúc sau đó, ông *Judge* nói ông muốn có một ít sơn vàng thật. Bà *Blavatsky* bảo ông hãy đi lấy một cái đĩa trong phòng ăn. Ông làm theo, khi ấy bà mới bảo ông đưa cho bà cái chìa khóa cửa bằng đồng, rồi bà cọ mạnh cái chìa khóa lên mặt đĩa. Sau đó một lát, chúng tôi thấy trên mặt đĩa có phủ một lớp sơn vàng thật bằng kim loại thuần túy.

Tôi hỏi bà về tác dụng của cái chìa khóa trong cuộc thí nghiệm này, bà nói rằng tinh hoa hay linh hồn của chất đồng được cần dùng như một trung tâm hạt nhân để qui tụ từ trong *tiên thiên khí* (*Aksha*) những nguyên tử của bất kỳ chất kim loại nào mà bà muốn phóng xuất. Cũng vì lý do đó, bà đã cần dùng đến cái khoen đồng có cần mặt đá của tôi làm khí cụ để tạo nên một cái khoen khác cho bà dùng trong dịp trước đây.

Phải chăng đó chính là nguyên tắc được áp dụng trong thuật luyện chì thành vàng và chuyển hóa kim loại của các nhà luyện kim thuật thời xưa mà người ta thường nói đến?

Tôi nghĩ như vậy, vì có truyền thuyết cho rằng thuật đó vẫn được biết rõ trong các giới đạo sĩ, thuật sĩ hiện còn sống ở Ấn Độ ngày nay. Hơn nữa, những khám phá gần đây của nhà bác học *William Crookes* về sự cấu tạo của các nguyên tố (*element*) phải chăng đã đưa khoa học hiện đại đến một điểm cận kề với lý thuyết âm dương từ ngàn xưa của phương Đông? (cũng tương đương với *purusha* và *prakriti* của triết học Ấn Độ). Và phải chăng theo lý thuyết âm dương thì những nguyên tố của một kim loại có thể được chuyển sang những cách kết hợp mới để tạo thành một kim loại khác, và điều này có thể thực hiện bằng cách sử dụng năng lực mạnh mẽ của ý chí?

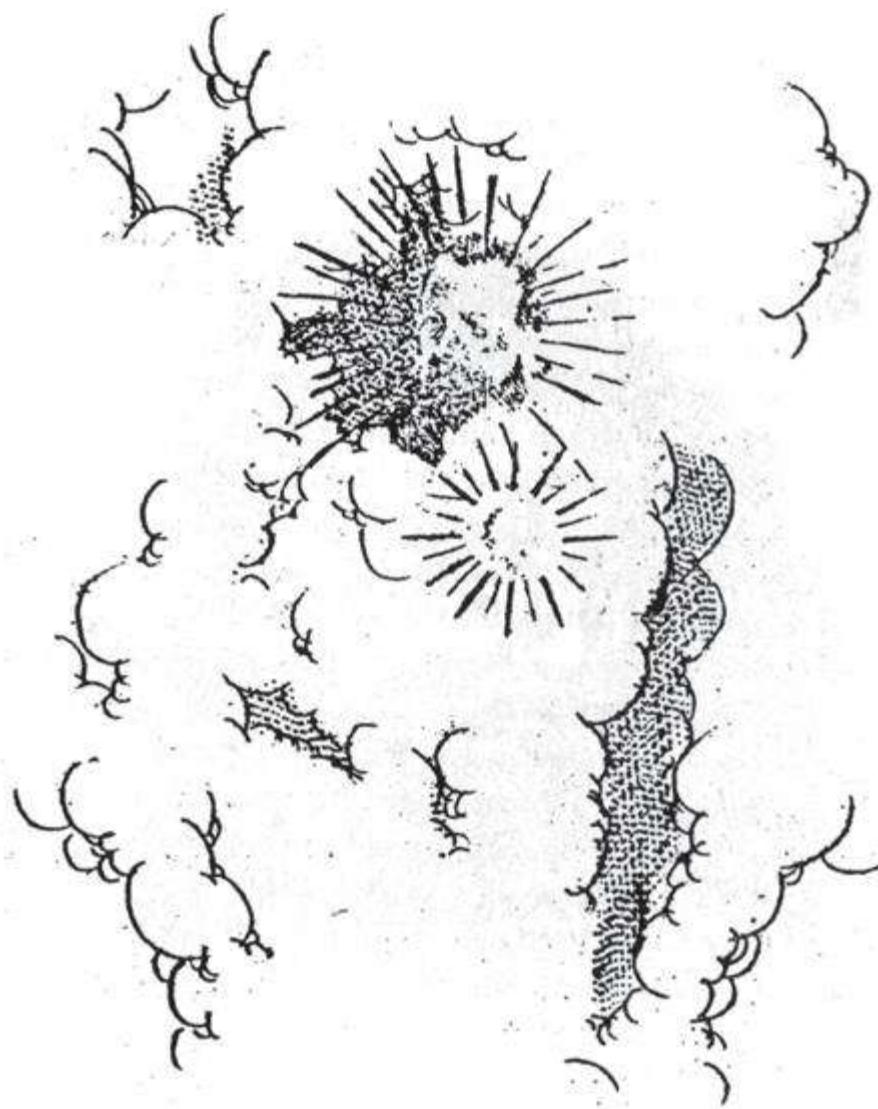
Khoa học vật lý vẫn chưa thực hiện được điều này, dù rằng bằng cách sử dụng những năng lực vô cùng lớn lao của dòng điện. Nhưng điều vô cùng khó khăn đối với các nhà bác học, hoàn toàn tùy thuộc nơi tác động của những sức mạnh *vật chất* thô kệch, lại có thể rất dễ dàng đối với bậc đạo gia biết sử dụng khả năng của *tinh thần* như một khí cụ tác động hữu hiệu.

Thật vậy, đó chính là cái quyền năng sáng tạo nên vũ trụ. Giáo sư *Crookes* nói: “Tôi tin chắc rằng sự khảo cứu sưu tầm ráo riết không gián đoạn sẽ được đền bù xứng đáng bằng một tia sáng chiếu rọi và những điều huyền bí của thiên nhiên mà hiện nay không ai có thể hình dung được.”

Lời nói này như một dự báo về một ngày mai tươi sáng hơn, khi các nhà bác học sẽ thấy rằng phương pháp qui nạp của họ làm tăng thêm gấp trăm lần những sự khó khăn trong việc tìm hiểu những điều huyền bí của thiên nhiên. Họ sẽ thấy rằng điểm then chốt của mọi điều huyền bí đều nằm trong sự hiểu biết về *tinh thần*, và con đường đưa đến sự hiểu biết đó không phải là vượt qua các phòng thí nghiệm, mà phải vượt qua những khó khăn trở ngại nhiều hơn nữa, được dựng lên bởi lòng tham lam, ích kỷ, được duy trì bằng năng lượng của sự đam mê, và bộc phát dữ dội do dục vọng.

Chỉ khi nào *tinh thần* được nhìn nhận như yếu tố tối thượng trong sự cấu tạo các nguyên tố và trong sự sáng tạo vũ trụ thì những hiện tượng kỳ bí như của bà *Blavatsky* mới được xem là quan trọng và chính xác như những

sự kiện khoa học, chứ không chỉ là những trò ảo thuật dối trá hay những phép lạ để làm mê hoặc những kẻ khờ dại dễ tin!



BỨC PHÓNG HỌA THỂ VÍA CỦA S. MOSES (1831 - 1891)

CHƯƠNG MƯỜI HAI -

PHÓNG ẢNH

Trong quyển “*Modern Egyptians*”, tác giả *Lane* có thuật chuyện một thanh niên đến viếng một đạo sĩ Ai Cập và được chứng kiến những năng lực thần bí của vị này. Lúc ấy, người cha của anh ta ở xa và đang đau yếu, anh ta bèn yêu cầu vị đạo sĩ làm cách nào để anh ta có thể nhận được tin tức của người cha. Vị đạo sĩ bằng lòng, bảo anh ta viết thư cho cha để hỏi thăm tin tức. Khi người thanh niên viết thư xong và trao cho vị đạo sĩ, ông liền để bức thư ấy dưới cái gối dựa lưng của ông. Độ một lát, vị đạo sĩ thò tay dưới gối cũng ở ngay chỗ ấy, lấy ra một bức thư trả lời, do chính tay của người cha viết và niêm phong bằng con dấu riêng của ông ấy.

Cũng do lời yêu cầu của người thanh niên, vị đạo sĩ mời những quan khách có mặt lúc ấy dùng cà phê. Khi dọn ra thì cà phê được đựng trong những chén nhỏ loại đặc biệt của cha y thường dùng hằng ngày, ở một làng hẻo lánh cách đó rất xa!

Một buổi tối nọ, bà *Blavatsky* cũng đã thực hiện một việc tương tự như thế. Lúc ấy, tôi đang muốn thỉnh ý một vị chân sư về một vấn đề. Bà bảo tôi viết những gì tôi muốn hỏi, bỏ vào một bao thư dán kín, và để bao thư ấy ở một chỗ mà tôi có thể nhìn thấy. Điều này có vẻ như còn cao tay hơn cả vị đạo sĩ Ai Cập, vì ông ta đã giấu bức thư dưới gối, người thanh niên kia không nhìn thấy được.

Tôi đặt bức thư lên cái kệ phía trên lò sưởi, phía sau cái đồng hồ, một nửa bao thư nhô ra để tôi có thể nhìn thấy.

Bà *Blavatsky* và tôi tiếp tục nói chuyện về nhiều vấn đề trong khoảng chừng một tiếng đồng hồ, kể đó bà nói rằng thư trả lời cho tôi đã đến. Tôi bèn lấy cái bao thư trên kệ, nhận thấy cái bao vẫn dán kín và còn nguyên niêm, nhưng trong đó là bức thư tôi viết lúc nãy kèm theo thư trả lời của chân sư với tuồng chữ quen thuộc của ngài. Bức thư trả lời được viết trên một loại giấy màu xanh rất lạ mà tôi biết chắc là không hề có ở trong nhà.

Lúc ấy, chúng tôi đang ở *New York*, còn chân sự thì ở tận bên châu Á. Hiện tượng này thuộc về một loại mà tôi nhìn nhận rằng không thể có sự giả trá, phỉnh lừa.

Một buổi tối, vào mùa thu năm 1876, bà *Blavatsky* và tôi đang ngồi đối diện nhau nơi bàn làm việc như thường lệ để soạn bộ “*Vén màn Isis*”. Chúng tôi bàn về vấn đề xuất vĩa, xuất hồn. Hồi đó, vì chưa quen thuộc với những danh từ chuyên môn, nên sự giải thích của bà về những vấn đề khoa học không được rõ ràng, chính xác lắm, và tôi thấy rất khó hiểu. Sau cùng, bà lấy thí dụ của *Stainton Moses*, người bạn của chúng tôi lúc ấy đang luyện phép xuất hồn bằng cách dùng sức mạnh của ý chí. Bà đề nghị sẽ chỉ cho tôi thấy trong một bức ảnh kết quả công phu tu luyện của *Stainton Moses*, và nói rồi bắt tay ngay vào việc.

Bà đứng dậy kéo trong một hộp tủe lấy ra một cuộn vải *satın* trắng, đặt trên bàn và cắt lấy một miếng khoảng bằng trang giấy. Kế đó, bà cắt cuộn vải vào chỗ cũ và ngồi lại bàn. Bà đặt bề mặt mảnh vải *satın* úp xuống bàn, lấy một tờ giấy thấm còn nguyên vẹn phủ lên trên, và chống khuỷu tay lên đó. Rồi bà vắn một điều thuốc lá và bật diêm quẹt hút thuốc.

Độ một lát, bà yêu cầu tôi đem cho bà một ly nước. Tôi tỏ ý sẵn lòng, nhưng còn đưa ra một câu hỏi để làm trì hoãn thời giờ. Trong khi đó, tôi vẫn chăm chú nhìn miếng vải lộ ra dưới tờ giấy thấm. Thấy tôi vẫn đứng yên một chỗ, bà hỏi sao tôi không lấy cho bà ly nước lạnh mà còn đợi gì nữa? Tôi nói: “Tôi còn đợi xem bà sắp làm gì với miếng vải đó.” Bà nhìn tôi với cái nhìn trách móc, dường như bà thấy rằng tôi còn nghi nan, không trọn tin để bà ngồi một mình với miếng vải *satın*.

Kế đó, bà để hai tay xuống tờ giấy thấm và nói: “Tôi sẽ có ngay, ngay bây giờ!” Nói xong, bà lấy tờ giấy thấm ra, lật miếng vải *satın* lên và đưa cho tôi.

Bạn đọc hãy thử tưởng tượng sự ngạc nhiên của tôi khi ấy! Trên bề mặt miếng vải, tôi thấy một bức ảnh màu thật là độc đáo, phi thường. Đó là một bức chân dung rất khéo của *Stainton Moses*, gương mặt rất giống như bức hình chụp của y đang treo trên tường. Từ trên đỉnh đầu tỏa ra những tia sáng như lửa có ánh vàng, ở những nơi bí huyết tim và rốn, cũng xẹt ra

những tia lửa đỏ vàng giống như vậy, nhìn giống như những hỏa diệm sơn đang phun lửa. Phần đầu và ngực bao phủ trong một vàng hào quang giống như đám mây trôi màu xanh dương, rải rác lấm tấm những vệt nhỏ màu vàng ánh. Còn phần dưới thân mình bao phủ cũng những đám mây trôi màu hồng và xám đục, tức là những hào quang có tính chất nặng trọc, thấp kém hơn phần trên.

Hồi đó tôi chưa biết gì về những *luân xa (chakram)*, hay bí huyết trong cơ thể con người, được đề cập đến trong kinh *Yoga Shastras* của Ấn Độ, một vấn đề quen thuộc đối với các môn đệ của Đạo sư *Patanjali*. Bởi vậy, tôi không hiểu ý nghĩa của hai con trốt xoáy bốc lửa trên chỗ tim và rốn; nhưng về sau khi tôi đã hiểu biết về vấn đề này thì bức ảnh trên vải *satin* này càng tăng thêm giá trị đối với tôi, vì nó chỉ ra rằng nhà huyền học tạo ra nó đã biết rằng trong phép xuất vía ra khỏi xác thân, hành giả phải tập trung ý chí lần lượt nơi các luân xa hay bí huyết, và sự tách rời thể vía được hoàn thành với sự luân phiên thức động mỗi luân xa theo thứ tự trước sau.

Theo chỗ tôi hiểu thì *Stainton Moses* đã làm thí nghiệm này như một cuộc khảo sát thuộc về lý trí hơn là một phép tu luyện tâm linh, vì phần hào quang trên đầu y có hình dáng rõ rệt còn những phần khác trong thể vía của y hãy còn trong trạng thái lu mờ, hỗn độn chứ chưa ổn định để tượng hình một cách rõ ràng. Những đám mây màu xanh dương chỉ tính chất tịnh khiết chứ không có sự long lanh chói rạng như hào quang của một người tiến bộ tâm linh, thường được diễn tả là chiếu sáng rạng ngời như ánh bạc.

Tuy nhiên, những điểm nhỏ màu vàng ánh xuất hiện rải rác trên màu xanh dương là những điểm linh quang của tinh thần, biểu lộ những hoài bão tâm linh; còn những đám mây mờ màu hồng và xám của hào quang ở phần dưới thân mình biểu lộ tính chất nặng nề ô trọc thuộc về phần thú tính của con người. Màu xám này càng trở nên đục ngầu, u tối và xám xịt khi phần thú tính của con người phát triển trội hơn phần trí tuệ, tinh thần và tâm linh, còn trong những người hoàn toàn sa đọa vào tội lỗi, trụy lạc đến cực điểm, thì theo nhận xét của những vị có thần nhãn, nó trở nên sậm đen như mực...

Dưới đây là một trường hợp phóng ảnh khác do bà *Blavatsky* thực hiện.

Một buổi tối, bà *Blavatsky* tiếp hai người khách ở lại dùng cơm chiều. Sau bữa ăn, chúng tôi sang phòng khách và câu chuyện xoay qua vấn đề phóng bút, phóng ảnh. Một người khách yêu cầu bà *Blavatsky* phóng ảnh cho chúng tôi xem. Bà hỏi vị ấy muốn có ảnh của ai, người khách đáp rằng y muốn có bức ảnh của một vị đạo sĩ *Yoga Ấn Độ* mà chúng tôi đều biết tên và được các chân sư rất kính nể. Bà *Blavatsky* bước lại bàn giấy của tôi, lấy một tờ giấy xé làm hai phần và giữ lấy một phần rồi để nó xuống mặt bàn có lót một tờ giấy thấm. Kế đó, bà lấy con dao gọt lấy một ít bột viết chì để trên tờ giấy, rồi lấy tay xoa theo hình tròn trên mặt giấy độ chừng một phút, rồi bà đưa kết quả cho chúng tôi xem.

Trên tờ giấy là bức chân dung mong ước của người khách, ngoài tính cách phóng ảnh kỳ diệu, nó còn là một tác phẩm mỹ thuật rất thần tình.

Họa sĩ vẽ chân dung nổi tiếng ở Mỹ là *Le Clear* đã đánh giá rằng bức ảnh này thật độc đáo, với một nghệ thuật siêu đẳng mà không một họa sĩ nào trong giới quen biết của ông có thể thực hiện...

Vị *Yogi* được trình bày đang trong đại định (*samādhi*), đầu hơi nghiêng sang một bên, đôi mắt không nhìn ra ngoại cảnh mà như hướng vào nội tâm, toàn thân dường như không còn tri giác...

Vị này tên là *Tiravala*, vốn là một triết gia rất được quý trọng ở *Mylapore*, một làng ở ngoại thành *Madras*, và là vị bảo trợ tinh thần của những người nghèo khổ, hạ tiện, thuộc giai cấp “*bất khả tiếp xúc*” (*Pariah*). Về vấn đề ông ta có còn ở trong xác thân hay không, tôi không thể biết chắc, nhưng theo lời bà *Blavatsky* thường nói về ông ta, thì tôi đoán rằng ông ta còn sống.

Tuy nhiên, điều này có vẻ khó tin đối với tất cả mọi người, trừ ra đối với người Ấn Độ, vì người ta nói rằng nhà *Yogi* này đã từng viết ra bộ Kinh “*Kural*” bất hủ cách đây khoảng một ngàn năm! Ở miền Nam Ấn, ông ta được xem như một trong những vị đạo sĩ đã phát huệ và đắc pháp thần thông, và cùng với mười bảy vị đạo sĩ đắc đạo khác hiện đang còn sống trên các vùng núi *Tirupati* và *Nilgiri* với sứ mạng bảo trợ, chăm sóc về phần tâm linh cho con người. Tuy mai danh ẩn tích, các vị ấy vẫn sử dụng quyền

năng ý chí mạnh mẽ của mình để trợ giúp những tu sĩ chân chính và những người phụng sự vị tha, vì tình thương nhân loại.

Khi tôi nhớ lại việc cũ để viết tập hồi ký này, tôi ghi nhận là trên đầu vị đạo sĩ không thấy có hào quang tâm linh, tuy rằng những giai thoại do bà *Blavatsky* kể lại về nhà đạo sĩ đã xác nhận quan niệm của những người Ấn Độ ái mộ ông rằng nhà Yogi này là một vị chân tu có trình độ tâm linh cao cả và đạo hạnh rất tinh thâm. Điều ghi nhận trên cũng đúng với bức chân dung đầu tiên của chân sư do họa sĩ *Harrisse* vẽ tại *New York*, trong đó cũng không thấy hào quang. Ít nhất trong trường hợp này, tôi có thể chứng minh là bức ảnh giống như thật, cũng như những người khác đã từng có điểm phúc nhìn thấy ngài.

Từ lâu, tôi vẫn mong ước có một bức ảnh của Sư Phụ tôi để treo trong phòng và chiêm ngưỡng nếu tôi không có điểm phúc được hội kiến với ngài trong kiếp này. Bởi vậy, tôi đã yêu cầu bà *Blavatsky* phóng họa cho tôi một bức ảnh của chân sư và bà hứa sẽ làm khi có dịp thuận tiện.

Trong trường hợp này, bà không được phép trực tiếp phóng ảnh cho tôi, mà một phương pháp gián dị hơn và rất lý thú được áp dụng: một người họa sĩ thường, không phải là đồng tử hay đạo sinh Huyền môn, được yêu cầu họa bức chân dung của ngài cho tôi nhưng ông ta không biết mình đang làm gì.

Đó là một họa sĩ tài tử, ông *Harrisse*, một người Pháp và là bạn của chúng tôi. Một buổi tối, khi chúng tôi đang trò chuyện xoay quanh vấn đề Ấn Độ và lòng dũng cảm của những người dân *Rajput*, bà *Blavatsky* nói nhỏ với tôi rằng bà sẽ yêu cầu họa sĩ này vẽ chân dung Sư Phụ chúng tôi nếu tôi có thể cung ứng vật liệu.

Trong nhà không có sẵn đồ họa cụ, tôi liền đến tiệm tạp hóa gần bên và mua một tờ giấy loại đặc biệt cùng với vài cây viết chì. Người chủ tiệm gói chung các món lại thành một gói đưa cho tôi qua quầy hàng, tôi trả y một đồng tiền trị giá năm mươi xu và bước ra. Khi về tới nhà, tôi vừa mở gói ra thì có hai đồng tiền, mỗi đồng hai mươi lăm xu, từ trong gói rơi xuống sàn gạch! Thật rõ ràng là chân sư cố ý tặng tôi bức chân dung của ngài mà khỏi phải tốn tiền!

Khi đó, bà *Blavatsky* yêu cầu họa sĩ *Harrisse* hãy vẽ diện mạo của một vị tù trưởng Ấn Độ, tùy theo quan niệm của ông ta. Người họa sĩ nói y không hình dung được trong trí là phải vẽ như thế nào, và muốn đổi qua một đề tài khác. Nhưng thấy tôi cứ khăng khăng một mực đòi hỏi, ông ta mới vẽ thử một đầu người Ấn Độ. Bà *Blavatsky* ra dấu cho tôi hãy ngồi yên ở phía bên kia gian phòng, còn bà đến ngồi gần bên người họa sĩ và lẳng lặng hút thuốc lá. Thỉnh thoảng, bà rón rén đi đến sau lưng người họa sĩ dường như để xem ông ta làm việc, nhưng vẫn im lặng không nói gì cho đến độ một giờ sau, khi bức họa đã vẽ xong. Tôi cảm ơn nhà họa sĩ khi nhận bức chân dung, đem lộng khuôn và treo trong phòng ngủ của tôi.

Nhưng một việc lạ lùng đã xảy ra. Sau khi chúng tôi ngắm nhìn lần cuối cùng và bà *Blavatsky* cầm lấy để đưa cho tôi, thì chữ ký bằng ám hiệu của chân sư đột nhiên hiện trên bức ảnh. Đó là một cách biểu thị sự có mặt và bút tích của ngài trên bức họa, và điều này càng làm tăng thêm giá trị món quà quý báu mà ngài tặng cho tôi.

Nhưng hồi đó tôi không biết là bức chân dung có giống Sư Phụ tôi hay không, vì tôi chưa từng nhìn thấy ngài bao giờ. Về sau, khi tôi được gặp ngài, tôi mới nhận thấy rằng bức họa ấy thật giống, và hơn nữa tôi còn được ngài tặng cho cái khăn vấn đầu mà nhà họa sĩ tài tử đã vẽ trong bức họa.

Đây quả là một trường hợp chuyển di tư tưởng, do đó hình ảnh của một người vắng mặt được đưa vào tâm thức của một người hoàn toàn xa lạ. Hình ảnh đó có đi xuyên qua tư tưởng của bà *Blavatsky* hay không? Tôi nghĩ rằng có. Tuy nhiên, với sự khác biệt là trí nhớ của bà *Blavatsky* cũng ứng bức chân dung cần được chuyển đi qua tâm trí của ông *Harrisse*, và nhờ một khả năng kỳ diệu, bà đã làm điều này một cách trực tiếp mà không cần phải qua một vật trung gian, nghĩa là không cần vẽ trước hình mẫu trên một tấm bìa, để cho bà hình dung trong trí rồi mới chuyển qua tâm trí người họa sĩ.

CHƯƠNG MƯỜI BA -

XUẤT HỒN

Tất cả những lý thuyết và suy luận về tính chất lưỡng thể của con người, nghĩa là cho rằng ngoài cái thể xác vật chất hữu hình này còn có một thể vía, lẽ tất nhiên phải đòi hỏi bằng chứng cụ thể trước khi có thể đưa vấn đề đi xa hơn. Đối với những đầu óc duy vật, đây là một vấn đề bất thường và khó tin đến nỗi hầu như bị gạt phăng đi như một việc hão huyền, thay vì tạm chấp nhận như một giả thuyết để tiếp tục khảo cứu.

Thật vậy, đó là thái độ của các nhà khoa học thông thường, và khi một nhà khảo cứu can đảm hơn người bình thường khẳng định điều đó như sự tin tưởng của ông ta thì thường bị xem là thiếu sự dè dặt, thậm trọng của một nhà khoa học chân chính, chưa kể đến việc có thể làm trò cười cho mọi người như kẻ chủ trương một lý thuyết bấp bênh, mơ hồ.

Tuy nhiên, có nhiều tác phẩm rõ ràng chính xác như của *D'Assier* và của các tác giả khác đã được công bố vào những thời gian khác nhau, trình bày những sự kiện vững chắc không thể chối cãi, dù nghe qua có vẻ rất khó tin. Vấn đề này hiện nay đã được chứng minh trên một qui mô rộng lớn bởi sự sưu tập hàng nghìn hiện tượng đã được quan sát kỹ lưỡng; và nay dường như đã đến lúc mà nhà siêu hình học nào không biết đến những sự kiện đó thì không thể được xem là bậc thầy đáng tin cậy của nhân loại.

Nhưng cho dù có rất nhiều bằng chứng dồn dập kể trên làm thỏa mãn lý trí, nhưng sự thật về thể vía và khả năng tách rời nó ra khỏi thể xác chỉ có thể biết được bằng một trong hai cách: hoặc nhìn thấy thể vía của người khác, hoặc tự mình xuất vía và ngắm nhìn thể xác của chính mình như một đối tượng khách quan.

Chỉ với một trong hai loại kinh nghiệm đó người ta mới có thể nói rằng mình *biết*, và khi có đủ cả hai thì sự hiểu biết ấy mới thật là tuyệt đối và không thể lay chuyển.

Tôi có đủ cả hai loại kinh nghiệm trên, vì thế tôi có thể làm nhân chứng và chứng minh sự thật để giúp đỡ cho sự hiểu biết của các bạn đồng môn. Tôi chỉ kể sơ qua những trường hợp mà tôi đã nhìn thấy bà *Blavatsky* trong thể vía trên một đường phố *New York*, trong khi cái xác phàm của bà đang ở *Philadelphia*. Tôi cũng nhìn thấy một người bạn khác trong thể vía ở *New York* trong khi thân xác anh ta đang ở một tiểu bang thuộc miền Nam, cách đó nhiều trăm dặm.

Những lần khác, tôi nhìn thấy một vị chân sư trong một chuyến xe lửa và trên một chiếc tàu ở Mỹ, mà thật sự lúc ấy thân xác ngài đang ở tận bên châu Á.

Có lần tại *Jummu* tôi nhận được một bức điện tín của bà *Blavatsky* gửi từ *Madras*,²³ và do một vị chân sư đích thân đưa cho tôi. Khi đó ngài hóa thân trong bộ trang phục một người đưa thư của Bưu điện tỉnh *Kashmir*, và một lúc sau ngài đột nhiên mất dạng dưới ánh trăng rằm khi tôi bước ra cửa để nhìn theo ngài.

Một lần khác, trên cầu *Worli* ở *Bombay* tôi được gặp một vị chân sư vào buổi chiều nóng bức, khi bà *Blavatsky* với một người bạn là *Damodar* và tôi đang ngồi trên xe ngựa đi dọc theo bờ biển để hóng mát. Khi đó, tôi thấy ngài từ xa đi về phía chúng tôi, đến gần một bên chiếc xe, đặt bàn tay ngài trên bàn tay bà *Blavatsky*, rồi quay lưng bước đi và thành linh biến mất khỏi tầm mắt chúng tôi giữa con đường lát đá, chung quanh không hề có một gốc cây, bụi rậm hay chướng ngại vật nào có thể làm che khuất hình dạng của ngài.

²³ *Madras* hay *Chennai*, một thành phố ở miền đông nam Ấn Độ, thủ phủ của bang *Tamil Ndu*.

Tôi xin thông qua những sự việc kể trên và những kinh nghiệm khác nữa để bắt đầu kể một chuyện rất quan trọng, có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời tôi.

Chuyện này đã được kể lại ở nơi khác, nhưng cần được nhắc lại ở đây, vì nó là một trong những nguyên nhân chính đã làm tôi từ bỏ cuộc sống thế gian để tìm thấy quê hương tinh thần của tôi bên xứ Ấn Độ. Bởi đó, nó

cũng là một trong những yếu tố chính của việc xây dựng Hội Thông thiên học Thế giới. Tôi không nói rằng nếu không có việc này thì tôi đã không sang Ấn Độ, vì thật ra là trong thâm tâm tôi đã muốn sang đó từ lâu, kể từ khi tôi được biết về ảnh hưởng tinh thần của Ấn Độ đối với thế giới, và triển vọng tâm linh của xứ ấy trong tương lai.

Một niềm mong ước cuồng nhiệt không thể dập tắt đã chiếm lấy tôi và thúc đẩy tôi đi đến giải đất lạnh của các chân sư và chư Phật, tức là nơi thánh địa của thế giới. Nhưng tôi vẫn chưa thấy rõ con đường vạch sẵn để cắt đứt mọi mối liên hệ trói buộc với nước Mỹ, và do đó tôi đành phải tạm gác mọi dự tính để chờ đến khi có một “dịp thuận tiện”. Nhưng điều này lại thường không bao giờ đến với những người trì trệ, do dự và chỉ biết chờ đợi thời cơ.

Tuy nhiên, sự việc quan trọng nói trên đã giải quyết định mệnh của tôi. Trong khoảnh khắc, mọi sự nghi ngờ đều tiêu tan như mây khói, một viễn ảnh xuất hiện rõ ràng đã chỉ đường cho tôi, và trước khi trời sáng sau một đêm không ngủ, tôi bắt đầu thảo kế hoạch cụ thể và thu xếp mọi việc.

Việc ấy xảy ra như sau: Công việc soạn bộ “*Vén màn Isis*” đêm hôm ấy đã xong, tôi chúc bà *Blavatsky* ngủ ngon giấc và trở về phòng riêng. Tôi đóng cửa cẩn thận như thường lệ và còn ngồi xem sách đến khuya. Quyển sách tôi xem, nếu tôi nhớ không nhầm thì là quyển “*Du lịch xứ Yucatan*” của *Stephens*. Dầu sao, đó chắc chắn không phải là sách nói về chuyện liêu trai hay loại sách có tác dụng khuấy gợi trí tưởng tượng của độc giả khiến người ta phải nhìn thấy ma quái hiện hình.

Tôi đang chăm chú đọc sách trong bầu không khí im lặng. Không có việc gì xảy ra lúc ban chiều làm cho tôi nghĩ đến việc nhìn thấy một vị chân sư trong thể vía; tôi không mong muốn hoặc tưởng tượng đến việc ấy, cũng không hề có ý mong đợi việc ấy xảy ra. Thành linh, trong khi tôi vẫn đang nhìn vào quyển sách, tôi chợt thoáng thấy một ánh sáng nơi khóe mắt bên phải của tôi. Tôi quay đầu lại và làm rơi quyển sách trong sự ngạc nhiên khi nhìn thấy đứng sừng sững giữa phòng một người phương Đông cao lớn, mình mặc áo rộng trắng, đầu bịt một chiếc khăn bằng lụa trắng có sọc màu vàng lợt. Một mái tóc dài và đen huyền thòng xuống dưới chiếc khăn chằm

đến hai vai, một chòm râu đen chẻ hai ở phía dưới cằm theo kiểu người *Rajput*.

Đôi mắt ngài linh động và sáng ngời, cái nhìn vừa hiền lành vừa như soi thấu tâm hồn tôi. Đó vừa là đôi mắt nghiêm nghị của một người dẫn đạo và một vị quan tòa, nhưng lại thoáng nét dịu hiền và tình thương của một người cha đang nhìn đứa con đang cần sự hướng dẫn và khuyến bảo.

Ngài có một phong độ hùng tráng oai nghi, toàn thân ngài toát ra một sức sống tâm linh cao cả và một sức mạnh huyền bí phi thường, làm cho tôi cảm thấy mát bình tĩnh trước mặt ngài. Tôi cúi đầu quì xuống đất đánh lễ một cách tự nhiên như người ta chiêm bái một vị thần thánh hay một đấng thiêng liêng cao cả. Ngài đặt nhẹ một bàn tay trên đầu tôi, một giọng nói vừa êm dịu vừa hùng tráng bảo tôi hãy ngồi dậy, và khi tôi ngẩng mặt nhìn lên, thì ngài đã an tọa trên một chiếc ghế ở bên kia bàn.

Ngài nói rằng ngài đến đây trong khi tôi đang gặp cơn khủng hoảng và cần đến ngài; rằng những việc làm của tôi đã đưa tôi đến điểm đó; rằng tôi có trọn quyền tự do quyết định việc ngài với tôi sẽ thường gặp nhau trong kiếp hiện tại để cùng hợp tác vì sự lợi ích cho nhân loại; rằng một công trình lớn lao vĩ đại sẽ phải được thực hiện cho nhân loại, và tôi có quyền tham dự vào công việc đó nếu tôi muốn; rằng một sợi dây nhân duyên huyền bí, mà ngài không thể giải thích cho tôi biết ngay lúc này, đã làm cho bà *Blavatsky* và tôi gặp gỡ và hợp tác chặt chẽ với nhau trong kiếp này, một sợi dây nhân duyên vô cùng bền chặt không thể nào cắt đứt, dù đôi khi nó có bị căng thẳng đến mức độ nào.

Ngài cũng nói cho tôi biết nhiều điều về bà *Blavatsky* mà tôi không tiện nói ra đây, cùng những chuyện có liên hệ đến riêng tôi, nhưng không can dự gì đến người khác. Ngài ngồi đó đã bao lâu, tôi cũng không thể nói được: có thể là nửa giờ hoặc một giờ; nhưng xem dường như chỉ có một phút, trước mặt ngài, tôi đã mất cả ý thức về thời gian.

Sau cùng, ngài đứng dậy; tôi còn đang ngạc nhiên về dáng vóc cao lớn lạ thường và chiêm ngưỡng cái phong độ huy hoàng cao cả của ngài, thì thành linh một tư tưởng thoáng qua đầu tôi: “Phải chăng đây chỉ là một ảo ảnh do bà *Blavatsky* dùng thuật thôi miên tạo ra để đánh lừa mình?” Tôi ước mong

rằng tôi nắm được một vật cụ thể nào đó để chứng tỏ rằng ngài đã thật sự đến đây, một vật mà tôi có thể cầm trên tay làm bằng chứng sau khi ngài đã đi rồi.

Chân sư mỉm cười một cách khoan dung, dường như ngài đã đọc được tư tưởng của tôi. Ngài bèn tháo chiếc khăn bịt trên đầu để lên bàn, chào từ giả tôi một cách dịu dàng khả ái và rồi... biến mất!

Chiếc ghế ngài ngồi lúc nãy đã trống trơn, bỏ tôi ngồi lại một mình với những cảm xúc của tôi! Tuy vậy, tôi không phải chỉ có một mình, vì bên cạnh tôi là chiếc khăn lụa mà chân sư vừa để lại trên bàn, một bằng chứng cụ thể và chắc chắn rằng tôi không phải đã bị ảo ảnh hay thôi miên, mà tôi đã gặp gỡ tận mặt một trong những bậc Thánh của nhân loại, một vị chân sư cao cả.

Phản ứng tự nhiên trước hết của tôi là chạy sang đập cửa phòng bà *Blavatsky* và thuật cho bà nghe kinh nghiệm huyền diệu của tôi. Bà rất lấy làm vui mừng mà nghe câu chuyện cũng như tôi đã rất sung sướng mà thuật lại.

Tôi trở về phòng ngồi suy nghĩ triền miên và thức luôn tới sáng. Đêm đó tôi đã suy nghĩ rất nhiều và có những quyết định quan trọng. Những tư tưởng và quyết định của tôi trong đêm đó đã đưa tôi đến với những hoạt động Hội Thông thiên học trong suốt quãng đời còn lại, và một lòng trung thành đối với các đấng chân sư đã nâng đỡ phong trào Thông thiên học với những bàn tay vô hình, một lòng trung kiên như sắt đá mà những sự va chạm phũ phàng và thất vọng đáng cay, đau khổ nhất cũng không bao giờ làm lung lạc được.

Từ đó về sau, tôi đã có diễm phúc được hội ngộ nhiều lần với đấng chân sư trên và những vị chân sư khác nữa. Nhưng thật không ích gì mà lặp lại những kinh nghiệm khác tương tự, tôi nghĩ rằng câu chuyện trên đây là một thí dụ điển hình và đã quá đủ. Những người kém may mắn hơn tôi có thể nghi ngờ chuyện này, nhưng thật sự là nhờ đó mà tôi đã *biết*.

Với lý tưởng thành thật trong mọi chuyện, tôi phải kể lại cả một sự nghi ngờ về lời kể của tôi như một nhân chứng của hiện tượng kể trên. Hồi năm

1884, tôi được mời làm nhân chứng trước một phiên họp Ủy ban đặc biệt của Hội Khảo cứu tâm linh (Society for Psychical Research) tại *London*, và đã thuật lại câu chuyện trên trong số những sự việc khác.

Trong cuộc thẩm vấn, một nhân viên của Ủy ban đã đưa ra câu hỏi: Làm sao tôi có thể chắc rằng bà *Blavatsky* đã không sử dụng một người Ấn Độ cao lớn để thực hiện trò đùa đó đối với tôi? Còn những chi tiết có vẻ huyền bí khác thì biết đâu óc tưởng tượng của tôi đã chẳng làm cho tôi tưởng là sự thật?

Khi đó, tôi có cảm giác chán ngấy về sự nghi ngờ độc ác của họ đối với bà *Blavatsky*, và sự tránh né có vẻ hèn nhát, thiếu tinh thần danh dự của họ đối với những sự kiện tâm linh hiển nhiên không thể chối cãi, khi họ núp dưới bức màn che của một thái độ khôn ngoan cẩn trọng giả tạo.

Tôi bèn trả lời mau chóng, giữa những lý luận khác, rằng cho đến khi đó tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người Ấn Độ nào!

Bây giờ, tôi xin nói về những kinh nghiệm bản thân trong vấn đề xuất vía. Trước hết, tôi có lời cảnh giác các bạn sơ cơ trên đường đạo: Khả năng xuất vía ra ngoài thể xác không nhất thiết là bằng chứng của sự phát triển tâm linh.

Phần đông những kẻ mới chập chững bước vào đường đạo thường nghĩ ngược lại, nhưng họ đã lầm. Một bằng chứng đầu tiên và đầy đủ là sự xuất vía rất thường xảy ra với những người không hề có thời giờ để khảo cứu về khoa huyền môn, không tu luyện theo một pháp môn Yoga nào, cũng không hề thử tập phép xuất vía. Họ thường sợ hãi hay xấu hổ, bất bình khi bị cho là đã tập luyện phép ấy. Họ cũng không có chút gì trội hơn những người thường về sự tinh khiết trong tư tưởng và trong đời sống hằng ngày, hoặc về lý tưởng tâm linh hay những khả năng tinh thần, mà thường là trái ngược hẳn lại.

Mặt khác, sử liệu ghi nhận về khoa hắc thuật (bàn môn tả đạo) có đầy đầy những trường hợp xuất vía của những kẻ sa đọa, tội lỗi, thường dùng phép thuật ấy để hãm hại người khác; những trường hợp phân thân, ám ảnh những nạn nhân thù địch, biến hình thành chó sói và những ma thuật tà đạo

khác. Ngoài ra còn có đến hàng nghìn trường hợp xuất vía của những người thuộc đủ mọi thành phần, thường là những loại người bất hảo, nếu không muốn nói là sa đọa, đã được Hội khảo cứu tâm linh xem xét kỹ lưỡng và ghi nhận vào hồ sơ tài liệu của họ, và hàng nghìn trường hợp khác nữa đang xem xét chưa được ghi vào sổ.

Tất cả những sự việc kể trên kết hợp lại đã chứng minh cho lời cảnh giác của tôi rằng khả năng xuất vía của một người, dù hữu thức hay vô thức, không phải là bằng chứng chỉ rằng người ấy tốt lành hơn, khôn ngoan hơn, tiến bộ tâm linh hơn, hay có đủ tư cách làm một bậc đạo sư hơn mọi người thường. Nó chỉ là một dấu hiệu chỉ rằng người ấy do bẩm sinh hoặc do công phu cố gắng, đã làm tách rời được thể vía ra khỏi xác thịt. Người như vậy thường có thể xuất vía ra và nhập trở về dễ dàng hơn người khác, vì thể xác của họ không gây chướng ngại cho việc này, và họ có thể xuất vía trong giấc ngủ tự nhiên hay trong giấc ngủ thôi miên.

Về vấn đề này, độc giả có thể nhớ lại bức họa phóng ảnh trên mảnh vải *satın* mô tả những trạng thái tâm linh qua thể vía của *Stainston Moses* mà bà *Blavatsky* đã thực hiện trước đây. Vì nhiều nguyên do, tôi không hề có thời giờ tu luyện theo pháp môn *Yoga* từ khi tôi bắt đầu hoạt động thực tế trong phong trào Thông thiên học. Dường như không bao giờ tôi nghĩ đến việc mình có thể sở đắc phép màu, tôi không hề mong ước làm một vị đạo sư, cũng không màng đến việc đạt tới sự giải thoát hay không trong kiếp này. Đối với tôi, phụng sự nhân loại là pháp môn cao quý nhất, và nếu tôi có thể làm một ít việc nhỏ nhoi khiêm tốn nào để truyền bá đạo lý và làm giảm thiểu sự vô minh, thì đó cũng là một phần thưởng lớn lao dành cho tôi.

Trong giai đoạn ban đầu của Hội Thông thiên học, không bao giờ thoáng qua trong đầu óc tôi ý nghĩ rằng tôi có thể luyện mình để trở thành một nhà linh thị hay một người có phép màu, một đạo gia hay một nhà huyền học. Tôi vẫn tiếp tục làm việc theo chỉ thị của chân sư, ngài dạy tôi rằng con đường tốt nhất để tìm các ngài là thông qua Hội Thông thiên học. Đó có lẽ là một môi trường hoạt động khiêm tốn, nhưng thích hợp với khả năng hữu hạn của tôi, một việc làm đầy hứng thú và đồng thời cũng rất hữu ích. Bởi vậy, khi tôi kể những chuyện xuất vía của tôi, xin quý độc giả đừng làm

tưởng rằng tôi có ý phô trương sự phát triển tâm linh hay tự hào về sự khôn ngoan của mình như một nhà thông linh lỗi lạc.

Sự thật là, theo tôi nghĩ, tôi được trợ giúp cho có được khả năng đó cùng với nhiều kinh nghiệm huyền linh khác chỉ để làm nền tảng huấn luyện cần thiết cho một người được giao phó công tác đặc biệt.

Dưới đây là một trường hợp: Một đêm nọ, bà *Blavatsky* và tôi đã viết xong một chương của bộ sách “*Vén màn Isis*” và chia tay để lui về phòng riêng ngơi nghỉ. Chúng tôi xếp chồng bản thảo lên một cái khay gỗ, trang đầu ở trên hết và trang cuối ở dưới đáy. Sau khi về phòng, chúng tôi mỗi người đều khóa cửa phòng mình trước khi đi ngủ để đề phòng kẻ trộm.

Trong khi thay đồ để mặc quần áo ngủ, tôi mới nghĩ rằng nếu tôi thêm ba chữ nữa vào câu cuối cùng của đoạn chót thì ý nghĩa của đoạn văn ấy sẽ trở nên mạnh mẽ và súc tích hơn. Sợ rằng nếu để đến sáng mai sẽ có thể quên đi, tôi mới có ý nghĩ bồng đùa là thử xuất vía xuống phòng làm việc ở tầng dưới và viết thêm ba chữ nữa bằng thể vía của tôi.

Tôi chưa từng di chuyển bằng thể vía một cách có ý thức như vậy bao giờ, nhưng tôi biết phương pháp thực hiện điều đó, tức là tập trung ý muốn xuất vía một cách mãnh liệt trong trí trước khi ngủ, và tôi bèn làm như vậy.

Tôi không biết gì nữa cho đến sáng hôm sau, khi đã thay y phục và ăn điểm tâm xong, tôi mới ngừng trước cửa phòng bà *Blavatsky* ở tầng dưới để chào hỏi bà một câu trước khi ra đi đến văn phòng Luật của tôi. Bà nói: “Ô kìa! Ông hãy nói cho tôi biết ông đã làm gì ở đây đêm qua sau khi ông đã đi ngủ?”

Tôi đáp: “Làm gì à? Bà muốn nói điều gì?”

Bà nói tiếp: “Tôi đang nằm trên giường còn chưa ngủ thì bỗng nhiên tôi nhìn thấy thể vía của ông vọt ra xuyên qua vách tường! Trông ông có vẻ đờ đẫn và buồn ngủ nữa đấy! Tôi có hỏi chuyện ông, nhưng ông không trả lời. Kế đó ông bước qua phòng viết, tôi nghe tiếng động của ông lục lạo trong đồng giấy tờ, rồi thể là hết. Ông đã làm gì vậy?”

Khi đó, tôi mới nói cho bà biết sự thí nghiệm của tôi. Rồi chúng tôi cùng đến phòng làm việc, lật chồng giấy bản thảo xem lại, thì thấy nơi trang cuối cùng, ở câu chót của đoạn kết luận, có hai trong số ba chữ định thêm vào được viết bằng tuồng chữ của tôi, và chữ thứ ba chỉ mới bắt đầu nhưng viết chưa hết: khả năng tập trung tư tưởng dường như đã kiệt quệ, và chữ ấy chỉ viết được có nửa phần đầu, còn nửa phần sau chỉ là một vết nguệch ngoạc!

Tôi đã sử dụng cây bút chì như thế nào? Tôi có cầm nó trên tay không? Và làm sao tôi viết được mà không cầm lấy cây viết? Tôi cũng không biết được. Có lẽ chỉ một lần đó tôi đã phóng bút với sự trợ giúp của một trong những tinh linh có hảo ý của bà *Blavatsky*, bằng cách sử dụng những nguyên tử chì trong ruột những cây bút chì để trên bàn cùng với xấp giấy bản thảo.

Dù sao đó cũng là một kinh nghiệm hữu ích cho tôi. Độc giả hãy ghi nhận sự kiện này: sự phóng bút bằng phương pháp huyền linh của tôi bị gián đoạn ở một điểm mà, do sự thiếu kinh nghiệm, tôi đã để cho ý chí của tôi phân tán và tách rời khỏi việc đang làm. Tập trung ý chí một cách vững chắc không thể lay chuyển là điều cần thiết để thành công trong những hiện tượng thuộc loại này, cũng như trong mọi việc khác trên bình diện trí năng thông thường.

Trong một bài tường thuật nhan đề “Hiện tượng phóng ảnh” của tôi đăng trên tạp chí *Theosophist* tháng 7 năm 1888, tôi có giải thích mối tương quan ảnh hưởng giữa sự tập trung ý chí đã được huấn luyện thành thực và tính chất lâu bền của những tác phẩm phóng bút, phóng ảnh, cùng những tác phẩm tương tự khác do việc sử dụng năng lực sáng tạo của ý chí. Tôi có nêu ra những chi tiết vô cùng lý thú và gợi ý về vấn đề *xuất vía* và *phóng bút* mà ông *Wilkie Collins* đã diễn tả trong quyển *Hai định mệnh*. Đó là một quyển sách mà mọi sinh viên huyền môn đều nên đọc, cũng như những cuốn *Zanoni*, *Một chuyện lạ lùng*, hay *Chúng tộc tương lai*.

Tuy nhiên, dù có đọc sách và học hỏi kinh nghiệm của người khác nhiều đến bao nhiêu về các vấn đề này cũng không thể so sánh với một kinh nghiệm bản thân dù nhỏ bé như chuyện của tôi vừa kể trên, bởi vì nó làm cho người ta nhận thức được sự thật của định luật “*tư tưởng sáng tạo hình thể*”, một định luật vẫn tác động luôn luôn trong vũ trụ.

Kinh *Upanishad* của Ấn Độ có đoạn viết: “Phạm Thiên (*Brahma*) muốn: ‘Ta hãy sinh sôi nảy nở, Ta hãy biến thành thiên hình vạn trạng. Ta hãy tăng trưởng...’ Rồi ngài đắm chìm trong cơn suy tư trầm lặng... Sau khi ngài đã suy tư, ngài bèn phóng xuất ra muôn nghìn sắc tướng, muôn loài vạn vật trên thế gian. Sau khi đã phóng xuất ra mọi hình thể sắc tướng, ngài bèn thể nhập vào mỗi hình sắc, mỗi sinh vật...”

Đoạn kinh ấy có ý nghĩa rất sâu xa đối với tôi. Ý nghĩa của nó còn cực kỳ sâu xa hơn, chắc thật hơn đối với người nào đã tự mình có kinh nghiệm suy tư rồi sáng tạo nên một hình thể, hơn là đối với những người chỉ học qua sách vở mà không cảm nhận được sự thật vang dội từ sâu thẳm trong tâm hồn.

Tôi còn nhớ một trường hợp xuất vĩa khác nữa của tôi, nó giải thích một định luật gọi là “*luật hệ quả tương ứng*”. Độc giả có thể tìm thấy rất nhiều tài liệu dồi dào phong phú về vấn đề này trong các sách vở nói về khoa phù thủy và phương thuật. Cách nói “*hệ quả tương ứng*” (*repercussion*) ở đây có nghĩa là những hệ quả tương ứng xảy ra trên thể xác khi thể vĩa phải nhận lãnh những cú đấm, vết đâm chém hay những vết thương khác trong khi nó phóng xuất ra ngoài và di chuyển như một thực thể cá biệt. Còn cách nói “*phân thân*” có nghĩa là sự xuất hiện của một người ở hai nơi trong cùng một lúc; ở một nơi là thể xác, và ở một nơi khác là thể vĩa.

Trong quyển “*Humanité Posthume*”, ông *D’Assier* có đề cập đến cả hai vấn đề này. Nói về việc gây thương tích cho các nạn nhân do các nhà phù thủy xuất vĩa để tác hại cho họ, tác giả viết: “Bà phù thủy xuất vĩa đi vào nhà của một người mà bà có việc muốn trả thù, và khuấy phá người ấy bằng đủ mọi cách. Nếu người này cương quyết tự vệ, và nếu ông ta có sẵn một thứ khí giới nào đó, ông ta có thể chém vài nhát vào cái bóng ma. Khi bà phù thủy nhập xác và trở lại trạng thái bình thường, bà ta sẽ thấy xuất hiện trên thể xác mình những vết thương tương ứng với những vết thương mà bà đã nhận chịu trong cơn xung đột bằng thể vĩa với người kia.”

Những văn khố lưu trữ của Bộ Tư pháp Anh có ghi nhận trường hợp mù phù thủy *Jane Brooks* xuất vĩa đến khuấy phá một đứa trẻ tên *Richard Jones* một cách rất độc ác. Trong một lần, đứa trẻ la lên rằng mù *Jane* đang có mặt trong nhà, và đưa ngón tay lên chỉ vào cái bóng đó. Lúc ấy một nhân chứng

có mặt tên là *Gilson* bèn phóng tới chỗ đó và cầm dao chém đũa vào khoảng không, tuy rằng ông không nhìn thấy gì cả, vì cái bóng ma ấy chỉ duy có đũa trẻ nhìn thấy được.

Ngay lập tức sau đó, *Gilson* cùng với người cha đũa trẻ và một người cảnh binh đi đến nhà mẹ *Jane*, và thấy mẹ ấy đang ngồi trên ghế, một bàn tay đỡ lấy cái bàn tay kia. Trước sự thẩm vấn, mẹ ấy nói là không có gì xảy ra, nhưng khi người ta kéo tay mẹ ra thì thấy bàn tay kia dính đầy máu và bị một vết chém đúng vào chỗ như đũa trẻ đã nhìn thấy lưỡi dao của *Gilson* chém vào bàn tay của bóng ma.

Rất nhiều trường hợp tương tự đã được ghi nhận, tất cả đều chứng tỏ rằng một vết thương gây trên thể vía đã phóng xuất ra ngoài, sẽ tạo ra hệ quả tương ứng trên thể xác.

Dưới đây là kinh nghiệm cá nhân của tôi. Trong phòng làm việc của chúng tôi tại “*Lạt-ma Viện*”, bên cạnh lò sưởi có treo trên tường một cái đồng hồ lớn mà tôi có thói quen lên dây cót mỗi đêm trước khi đi ngủ. Một buổi sáng, sau khi rửa mặt, tôi nhìn vào tấm kiếng thì thấy mắt bên phải bầm đen và tím lại, dường như tôi đã bị một cú đâm vào mắt. Tôi không biết lý do tại sao, và càng ngạc nhiên hơn khi thấy rằng chỗ bị thương lại không đau nhức chi cả. Tôi cố nhớ lại xem việc gì đã xảy ra để tìm nguyên nhân của sự việc ấy, nhưng vẫn vô hiệu. Trong buồng ngủ của tôi, không có cột đứng, góc cạnh tường, hay chướng ngại vật nào có thể làm cho tôi va đầu vào để nhận lấy vết thương, nếu giả thiết rằng tôi đã đi trong giấc ngủ, nhưng thật ra tôi không hề có tật đó. Lại nữa, một sự va chạm khá mạnh để làm cho mắt tôi bầm đen như vậy, đương nhiên là phải làm cho tôi thức giấc ngay tức khắc lúc đó, nhưng trái lại, như thường lệ tôi đã ngủ thẳng giấc suốt đêm cho đến sáng. Thế là tôi vẫn tiếp tục hoang mang, cho đến lúc tôi ngồi lại bàn ăn điểm tâm cùng với bà *Blavatsky* và một bà bạn của bà đã đến chơi từ hôm qua và ngủ lại trên giường bà *Blavatsky* đêm ấy. Bà bạn này đã đem lại đáp số cho điều bí hiểm kia. Bà ấy nói, khi bà nhìn thấy con mắt tím bầm của tôi: “Ồ, ông đại tá, chắc ông đã đụng nhầm vật gì đêm qua khi ông xuống đây để lên dây cót đồng hồ!”

Tôi đáp: “Lên dây cót đồng hồ ư? Bà muốn nói gì vậy? Chẳng phải bà đã khóa cửa phòng cẩn thận khi tôi đi lên phòng của tôi?”

Bà ấy nói: “Phải, chính tôi đã khóa cửa, nhưng làm sao ông có thể xuống đây? Tuy vậy, bà *Blavatsky* và tôi đều nhìn thấy ông đi xuyên qua vách tường và cửa buồng chúng tôi qua phòng bên kia, và nghe tiếng động của ông lên dây cót đồng hồ. Tôi gọi ông, nhưng ông không trả lời, và tôi không thấy gì nữa.”

Khi ấy tôi mới nghĩ rằng nếu tôi đã đi vào phòng làm việc bằng thể vía và lên dây cót đồng hồ, thì có hai việc tất nhiên phải xảy ra: a) Cái đồng hồ đã được lên dây cót đêm qua và không chết; b) Từ cửa phòng đến chỗ lò sưởi bên cạnh đồng hồ chắc phải có một chương ngại vật nào đó đã chạm vào mắt tôi.

Chúng tôi xem xét qua một lượt và nhận thấy rằng:

1. Cái đồng hồ vẫn còn chạy, dường như nó đã được lên giây vào đúng giờ như mọi khi.

2. Gần cửa phòng có một kệ sách nhỏ đóng vào tường, một góc kệ nhô ra ngoài, chiều cao vừa tầm con mắt tôi và tôi có thể đụng vào nếu sơ ý.

Kế đó, tôi mới nhớ lại mang máng rằng tôi đã đi từ phía bên kia phòng đến gần cánh cửa, với bàn tay mặt đưa thẳng ra trước dường như để dò đường trong đêm tối, thỉnh thoảng tôi đụng đầu vào một vật gì làm cho tôi “tá hỏa tam tinh”, “nhìn thấy ba mươi sáu ông sao sáng” như người ta thường nói, rồi kể đó thì... tôi không còn nhớ gì nữa cho đến sáng.

Đó là một điều rất lạ lùng! Vì một cái chạm mạnh trên đầu đáng lẽ phải làm cho một người thức giấc trong trường hợp bình thường, nhưng khi nó chạm vào thể vía đã xuất ra, thì do hiện tượng *hệ quả tương ứng*, nó chỉ để lại dấu vết rõ ràng trên thể xác mà không làm cho tôi thức giấc!

Trường hợp này còn có những khía cạnh lý thú khác nữa. Nó chỉ rằng, với những điều kiện thuận lợi để cho thể vía ra khỏi thể xác một cách nhẹ nhàng êm thấm, thì sự xuất vía có thể xảy ra dưới sự thúc đẩy của một ý định cố hữu, chẳng hạn như thói quen làm một việc gì mỗi ngày vào một giờ nhất định. Còn nếu gặp những điều kiện không thuận lợi cho sự xuất vía, mà bị đặt dưới một loạt những điều kiện khác hẳn, thì đương sự sẽ trở nên một người “mộng du”, sẽ đứng dậy trong giấc ngủ, rồi đi làm những

việc gì còn lớn vớn trong tâm trí vào lúc đó, và trở về giường ngủ say mà không nhớ được việc gì đã xảy ra.

Một trong những kinh nghiệm lý thú nhất của tôi là gặp gỡ những người chưa hề quen biết ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới. Họ quả quyết rằng đã nhìn thấy tôi ở những nơi công cộng, rằng tôi đã đến viếng họ bằng thẻ vĩa, đôi khi đã nói chuyện với họ về những vấn đề huyền môn, hoặc đã chữa họ khỏi bệnh, thậm chí cũng có khi cùng đi với họ lên cõi Trung giới để viếng các đấng chân sư... Nhưng tôi không nhớ được gì cả về những sự việc này!

Tuy nhiên, nếu suy nghĩ kỹ thì điều ấy cũng không lạ gì. Xét vì một người mà trọn cuộc đời, và mỗi tư tưởng, nguyện vọng, ước mơ khi thức tỉnh trong đời sống hằng ngày đều có liên quan mật thiết đến một phong trào tâm linh vĩ đại như của chúng tôi, người ấy không có ước muốn nào khác hơn là sự thành công của nó, không có tham vọng nào khác hơn là thúc đẩy nó tiến tới mục đích tối hậu đã vạch sẵn. Một người như thế đương nhiên là phải chuyển di đời sống nội tâm hữu thức của mình sang qua cõi vô thức tiềm ẩn trong giấc ngủ, và tiêu diêu phảng phất theo những luồng sóng điện của *chất tinh quang* để qui tụ với những linh hồn đồng thanh khí, theo luật “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN - MỘT ĐỊNH LUẬT HUYỀN BÍ

Ít lâu trước khi chúng tôi rời *New York*, vào một buổi tối bà *Blavatsky* cùng tôi ra phố để mua sắm vài món đồ cần dùng cho bà. Những phẩm vật mua sắm trị giá đến năm mươi đô-la, và vì lúc ấy bà không có tiền, nên tôi trả tiền thay cho bà và nhận biên lai.

Khi về, lúc chúng tôi sắp bước vào nhà, bà nắm lấy bàn tay tôi, nhét vào đó hai tờ giấy bạc và nói: “Đây là năm mươi đô-la của ông!”

Tôi xin lặp lại rằng bà không có tiền riêng, và không có người khách nào đến nhà trước khi đó để bà có thể mượn tiền. Khi chúng tôi từ nhà ra đi, bà cũng không biết rằng bà sẽ mua những gì, và sẽ phải tiêu xài bao nhiêu tiền. Tiền luôn luôn đến với bà khi bà cần dùng, và khi đó là một nhu cầu chính đáng.

Có lần tôi được yêu cầu đi đến một thành phố nọ để làm một vài công việc rất quan trọng cho các chân sư. Tôi phỏng định rằng làm công việc đó phải mất ít nhất là một hay hai tháng, và vì tôi là người đài thọ mọi khoản chi phí của Hội quán cùng những khoản chi tiêu lớn khác nữa, tôi mới nói với bà *Blavatsky* rằng thật tình tôi không thể rời khỏi *New York*.

Bà nói: “Được rồi, ông hãy làm những gì ông nghĩ là đúng. Ông chưa phải một đệ tử đã tuyên thệ, và các chân sư không có quyền bắt ông phải gián đoạn công việc nghề nghiệp của ông.”

Tuy vậy, tôi không thể chịu đựng nổi cái ý nghĩ từ chối bất cứ một việc nhỏ nhặt nào khi các chân sư cần đến tôi, và tuy tôi không biết rõ làm sao tôi có đủ thu nhập để đài thọ mọi nhu cầu khi tôi vắng mặt, cuối cùng tôi vẫn nói rằng tôi sẽ đi với bất cứ giá nào.

Bà *Blavatsky* hỏi tôi sẽ tổn thất khoảng bao nhiêu bởi chuyến đi này, tôi liền trả lời rằng ít nhất tôi cũng phải mất không dưới năm trăm đô-la mỗi tháng.

Thế rồi tôi đi, và chỉ trở về hai tháng sau đó. Khi tôi đến ngân hàng để xem trong tài khoản của tôi còn bao nhiêu tiền, thì tôi vô cùng ngạc nhiên khi người ta cho biết rằng tôi có đến một ngàn đô-la trội hơn số tiền mà tôi đã gửi! Hay là người tính toán sổ sách đã làm? Nhưng không, sự thật quả đúng như vậy. Khi đó tôi mới hỏi nhân viên ngân hàng xem có nhớ rõ hình dáng của người đến gửi thêm tiền vào tài khoản của tôi hay không, vì anh ta bảo đã có người đến gửi hai lần, mỗi lần năm trăm đô-la. Cũng may mà anh ta còn nhớ, vì người đến gửi tiền có một hình dáng lạ kỳ: đó là một người phương Đông, vóc dáng rất cao lớn, có những lọn tóc đen và dài phủ đến tận vai, đôi mắt đen rất tinh anh như soi thấu lòng người, mình mặc áo rộng trắng, nước da màu nâu sậm. Cũng một người ấy đến luôn hai lần, chỉ đưa tiền và yêu cầu chuyển vào tài khoản của tôi. Người ấy không có sổ gửi tiền của tôi và đã yêu cầu nhân viên ngân hàng hãy điền giúp vào những mẫu giấy in sẵn để làm thủ tục gửi tiền, vì người ấy “*không biết Anh ngữ*”.

Khi chúng tôi sang Ấn Độ, bà *Blavatsky* luôn nhận được tiền trong những lúc nhu cầu cấp bách. Khi vừa đến *Bombay*, chúng tôi chỉ còn vừa đủ tiền để trang trải những nhu cầu thiết yếu thường nhật trong khoảng vài tháng, đừng nói chi đến việc mua sắm những đồ xa xỉ phẩm. Tuy vậy, chúng tôi cũng đã đi đến tỉnh *Punjab* cùng với hai người bạn Ấn Độ trong một chuyến hành trình đáng ghi nhớ, mà bà *Blavatsky* đã viết thành một cuốn du ký nhan đề: “Non cao rừng thẳm của Ấn Độ huyền bí”, và chúng tôi đã chi tiêu hết chừng hai ngàn *ru-pi* mà vẫn không hề thiếu!

Những nhu cầu thiết yếu của chúng tôi luôn luôn được đáp ứng, cơm gạo, thực phẩm không bao giờ khô cạn, bởi vì đã có các chân sư cung ứng khi chúng tôi làm công việc của các ngài. Khi tôi hỏi làm sao có thể như vậy, vì các chân sư là những vị sống ngoài vòng tục lụy của thế giới tiền bạc vật chất, thì bà *Blavatsky* cho tôi biết rằng các ngài là những đấng giữ gìn, bảo quản rất nhiều những kho tàng, hầm báu vật và của cải chôn giấu. Những tài vật ấy, tùy theo nghiệp quả gắn liền với chúng mà có thể được sử dụng vì sự lợi ích của nhân loại theo những cách khác nhau.

Tuy nhiên, có một số kho tàng của cải đó đã bị ô nhiễm bởi một thứ hào quang sắt máu, tội lỗi, đến nỗi nếu được đào xới lên để đem ra sử dụng trước khi những nghiệp quả báo ứng đã được thanh toán xong thì chúng có

thể làm nảy sinh thêm những tội lỗi mới và làm cho những nỗi khổ đau của nhân loại càng tăng thêm.

Mặt khác, nghiệp quả của một vài người có thể khiến cho họ sẽ phát hiện, dường như do sự ngẫu nhiên tình cờ, những hũ vàng bạc hay bảo vật chôn giấu; hoặc tạo nên của cải tiền bạc dễ dàng bằng con đường kinh doanh sự nghiệp. Những nghiệp quả báo ứng đó được thực hiện qua sự trung gian của những tinh linh loài kim thạch, mà theo sự tin tưởng của người phương Đông, những người được ân sủng của “*thần tài*” có liên hệ mật thiết do ảnh hưởng của

“*hành kim*” ngự trị trong khí chất của họ.

Nói tóm lại, những người thuộc loại kể trên dường như rất thường gặp những sự may mắn lạ lùng về phương diện tiền tài, làm cho họ “sờ vào đâu cũng hóa ra vàng”. Cho dù cho họ có thể ngu dại đến đâu trong các vấn đề thế sự, sự may mắn vẫn luôn đi kèm với họ.

Cũng thế, những người có khí chất trội hẳn về “*hành thủy*” sẽ có khuynh hướng hoạt động trên mặt nước và sống cuộc đời phiêu lưu trên sông hồ. Họ rất thích thú với nghề thủy thủ và sẽ theo đuổi nghề nghiệp ấy đến cùng, bất chấp mọi nỗi gian nguy hay đau khổ.

Người nào có sự tương quan thích hợp với những tinh linh của không khí trong bản chất tự nhiên của họ, lúc nhỏ thường thích trèo cao, leo cây; và khi lớn lên, họ sẽ thích leo núi, ngồi trên khinh khí cầu, lái máy bay, hoặc theo đuổi những nghề nghiệp làm cho họ tách rời khỏi mặt đất.

Bà *Blavatsky* có kể cho tôi nghe nhiều chuyện để giải thích nguyên tắc đó, và đòi người có vô số những trường hợp lạ lùng khó hiểu chỉ có thể giải thích được bằng định luật tương quan về khí chất với các chủng loại tinh linh ngũ hành như đã nói ở trên.

Còn nói về Hội Thông thiên học, tôi có thể nói rằng trong khi bà *Blavatsky* và tôi không ai được phép tiêu xài hoang phí, nhưng chúng tôi không bao giờ bị để cho phải khổ sở thiếu thốn về những nhu cầu cần thiết cho đời sống và công việc làm của mình. Đã có biết bao lần chúng tôi bị cạn tiền, triển vọng về tài chánh vô cùng bấp bênh và chán nản đến mức

xuống tinh thần, nhưng rốt cuộc tôi luôn luôn nhận được vào giờ chót, bằng cách này hay cách khác, những món tiền đủ để trang trải mọi chi phí cần thiết, và công việc của chúng tôi không hề bị ngưng trệ một ngày nào vì lý do thiếu phương tiện để xúc tiến các hoạt động của Hội.

Người đệ tử của chân sư thường không đủ tư cách xét đoán xem lúc nào là cần thiết để nhận được tiền khi thừa hành lệnh trên để hoàn thành công tác. Khi bà *Blavatsky* được lệnh đi từ *Paris* sang *New York* hồi năm 1873, không bao lâu bà đã bị túng quẫn, thiếu thốn đến cùng cực, và đã phải nấu lại xác cà phê cũ để uống nhiều lần vì không có tiền mua cà phê mới; và vì sinh kế bà đã phải làm nghề may thuê vá mướn cho một lão chủ tiệm tạp hóa. Bà không hề nhận được những món quà bất ngờ, và không đá nhằm một túi bạc dưới chân giường khi thức giấc! Đó là vì thời giờ chưa đến.

Tuy nhiên, mặc dù phải sống trong cơn túng thiếu, ít lâu sau khi đến *New York* bà đã cất dưới đáy rương một số tiền lớn (khoảng hai mươi ba ngàn quan) mà Sư Phụ bà giao cho bà cất giữ. Sau cùng, bà được lệnh đi đến *Buffalo*. Thành phố này ở đâu, và đi đến đó bằng cách nào, bà cũng không biết gì cả, cho đến khi bà hỏi: “Con phải làm gì ở *Buffalo*?”, Ngài đáp: “Không cần biết. Hãy cứ đem số tiền kia theo.” Khi đến nơi, bà được lệnh hãy kêu một chiếc xe ngựa rồi đi đến một địa chỉ, và đưa số tiền ấy cho một người nào đó. Bà sẽ không cần giải thích gì cả, mà chỉ lấy biên nhận rồi ra đi. Bà làm theo lời dặn: người kia có ở tại địa chỉ nói trên, và đang ở trong một tình trạng bi đát. Ông ta đang viết một lá thư từ biệt cho gia đình, với một khẩu súng lắp đạn để trên bàn, và sẽ tự bắn vào đầu trong vòng nửa giờ nếu không có bà *Blavatsky* đến giải cứu!

Sau đó, bà có kể cho tôi biết rằng đó là một người rất cao quý, tốt lành nhưng đã bị lừa gạt mất hai mươi ba ngàn quan, và vì những biến cố sắp xảy ra như một hậu quả (những biến cố có tầm mức quan trọng cho thế giới), nên y cần được nhận lại số tiền đã mất trong một cơn khủng hoảng đặc biệt, và bà *Blavatsky* là người được chỉ định làm công tác cứu trợ đó.

Khi chúng tôi gặp nhau, bà đã hoàn toàn quên mất tên họ và địa chỉ của người kia. Đây là một trường hợp mà người được chọn làm sứ giả đem tiền cho người khác lại là bà *Blavatsky* trong cơn quẫn bách cùng cực, nhưng

không được phép tiêu xài một quan tiền nào trong số tiền được giao phó cho bà cất giữ, dù chỉ để mua lấy cho mình một gói cà phê!

Tôi còn nhớ một trường hợp khác nữa mà bà *Blavatsky* được chỉ định để “*ban phát ân huệ của thần tài*”, nói theo ngôn ngữ bình dân. Cũng may mà người nhận tiền đã ghi lại câu chuyện này trên giấy trắng mực đen.

Dường như trong một buổi họp của vài nhà Thần linh học danh tiếng ở *Boston*, có người nói chuyện tờ tạp chí *Spiritual Scientist* có thể phải đình bản vì thiếu sự bảo trợ tài chánh. Ông *Charles Foster*, một nhà đồng tử nổi tiếng đang có mặt lúc ấy, mới phát ngôn trong trạng thái nhập đồng và tuyên bố quả quyết rằng sự đình bản chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi.

Thật vậy, cơn khủng hoảng tài chánh quả là đang đe dọa sự sống còn của tờ tạp chí, vì vị Chủ nhiệm tờ báo là ông *Gerry Brown* sắp phải chi trả một khoản tiền lớn mà ông hoàn toàn không đủ sức thanh toán!

Về sau, những sự kiện trên được công bố trên tờ tạp chí cùng với mẫu đối thoại dưới đây. Rất may là tôi có cất ra để lưu giữ:

“Vài ngày trước đây, vị Chủ nhiệm tờ *Spiritual Scientist* nhận được giấy báo đến nhận tiền tại Bưu điện do một bưu phiếu điện tín gửi cho ông. Ông đi đến nơi và sự việc đã diễn ra như sau đây:

“*Địa điểm*: Bưu điện Thành phố.

“*Thời gian*: Giữa trưa.

“Ngồi bên trái là nhân viên Bưu điện. Từ cửa bên mặt, bước vào một người đưa ra tờ giấy báo nhận tiền.

“*Người thư ký*: Ông có biết ai gửi tiền cho ông không?

“*Người đến nhận tiền*: Đúng là tên họ và địa chỉ của tôi trên giấy báo mà Bưu Điện đã gửi đến cho tôi. Tuy nhiên, tôi cũng không biết người gửi tiền cho tôi là ai.

“*Người thư ký*: Ông có quen biết người nào tên *Sir Henry de Morgan* không?

“*Người kia*: (phá lên cười thật lớn) À, tôi có nghe nói đó là vong hồn của một hiệp sĩ đã sống cách đây trên hai trăm năm mươi năm. Người ấy chăm sóc đặc biệt đến tiện nghi cuộc sống của tôi. Tôi sẵn lòng ký tên nhận tiền.

“*Người thư ký*: (Bật ngửa người và đổi giọng) Ông có quen biết ai ở đây có thể xác nhận nhân thân của ông không?”

“*Người kia*: Có.

“Đến đây, một nhân viên Bru điện được mời đến để nhận điện người kia và sau đó ông ta được nhận đủ số tiền ghi trên giấy báo.

“Một giờ sau đó, một bức điện tín được gửi đến với lời lẽ như sau:

“Tôi đóng góp số tiền X... đô-la để trả khoản chi phí phải thanh toán vào ngày 19 tháng 6, và thách thức ông Charles Foster thực hiện lời tiên tri của ông ta. Tôi yêu cầu công bố lời thách thức này. Hãy đến Bru điện nhận tiền và gửi điện tín cho biết đã nhận.

Ký tên

Sir Henry de Morgan”

“Số tiền ấy được gửi đến từ một thành phố cách đây rất xa. Theo yêu cầu của người gửi, chúng tôi đã công bố nội dung bức điện văn trên. Chúng tôi không có ý kiến gì về việc này. Chúng tôi đã đưa bức điện văn cho nhiều nhà Thần linh học tên tuổi xem và một người trong bọn họ có ý kiến rằng, có lẽ một người nào trong giới đồng tử đã đùa ghẹo chúng tôi. À, ra thế đấy! Chúng tôi sẵn lòng muốn bị đùa ghẹo càng nhiều lần càng hay, miễn là vẫn còn có người muốn đùa ghẹo chúng tôi bằng cách đó!”

Lẽ tất nhiên, “thành phố cách đây rất xa” đó là *Philadelphia*, và người gửi là bà *Blavatsky*, vì như đã nói trước đây, chúng tôi muốn giúp đỡ vị Chủ nhiệm tờ tạp chí ấy vượt qua cơn khủng hoảng tài chánh.

Nhưng tôi hoàn toàn biết rõ tình hình tài chánh của bà *Blavatsky* lúc ấy, và tôi chắc chắn rằng bà không có khả năng gửi tiền, dù nhiều hay ít, cho bất cứ một người nào!

Hẳn là bà đã nhận được tiền, cũng như bà đã nhận được để mua sắm phẩm vật ở *New York* hoặc để chi tiêu trong chuyến du hành ở Ấn Độ. Cái tên *Henry de Morgan* trong bức điện tín tức là *John King*, một vong linh mà bà *Blavatsky* thường dùng để sai khiến và thực hiện các hiện tượng kỳ bí.

PHỤ LỤC

Để độc giả có một cái nhìn khách quan về bà Blavatsky, nhân vật chính trong quyển hồi ký này, chúng tôi xin trích dịch dưới đây một đoạn nói về bà được chính thức ghi trong Từ điển Bách khoa Funk& Wagnalls (Funk & Wagnalls New Encyclopedia):

“Bà Helena Petrovna Blavatsky sinh năm 1831 và mất năm 1891, là một người Mỹ gốc Nga, lãnh đạo của một phong trào tín ngưỡng tâm linh hiện đại được biết đến với tên gọi là Thông thiên học.

“Thuở nhỏ bà có tên là Helena Hahn. Cha mẹ bà là người Đức và bà được sinh ra ở Ekaterinoslav (ngày nay là Dnipropetrovs’k, thuộc Ukraine). Về sau, bà được biết đến nhiều hơn với tên gọi Madame Blavatsky.

“Năm 16 tuổi bà đã kết hôn với một người lớn tuổi hơn bà rất nhiều, nhưng chỉ sau vài tháng thì cuộc hôn nhân đó tan vỡ. Trong khoảng 20 năm tiếp theo sau đó, bà đi khắp các vùng thuộc châu Âu, châu Á và Hoa Kỳ. Bà cũng cho biết là đã dành 7 năm theo học với các bậc thầy Hindu (Hindu mahatmas) ở phương Đông. Sau lần suýt chết trong một vụ đắm tàu trên biển, bà hầu như quay sang theo đuổi đời sống tâm linh và tuyên bố đã đạt được nhiều năng lực thần bí.

“Bà đến thành phố New York vào năm 1873. Chỉ trong vòng 2 năm sau đó, bà trở thành một trong những người sáng lập – và rồi trở thành nhân vật trung tâm – của Hội Thông thiên học (Theosophical Society). Đây là một tổ chức không lớn lắm nhưng có hoạt động và tạo được ảnh hưởng hầu như trên toàn thế giới.

“Bà Blavatsky đã nhập tịch Hoa Kỳ, nhưng vào năm 1878 bà lại sang Ấn Độ và thiết lập tại đó một trụ sở chính của Hội Thông thiên học. Không bao lâu sau, bà phải đối mặt với sự chia rẽ trong nội bộ và những lời buộc tội là ngụy biện, dối trá. Trong thời gian này, thanh danh của bà bị tổn hại nghiêm trọng. Tuy nhiên, từ đó cho đến cuối đời bà vẫn luôn khẳng định rằng các vị chân sư (mahatma) quả thật đã trao truyền cho bà những thành tựu tiến triển về mặt tâm linh của họ.

“Những tác phẩm chính của bà Blavatsky gồm có bộ sách Isis Unveiled (Vén màn Isis - 1877) và The Secret Doctrine (Giáo lý bí truyền - 1888), đều đã trở thành những quyển sách kinh điển của Hội Thông thiên học.”

(**Blavatsky**, Helena Petrovna; Funk & Wagnalls New Encyclopedia, Volume 4, page 149)

Ghi chú

¹ *New York Sun*: Tờ báo do Benjamin Henry Day (1810-1889) sáng lập vào năm 1833, là tờ báo thuộc loại giá rẻ đầu tiên ở Hoa Kỳ, nhằm đến phục vụ đại đa số công chúng bình dân thay vì chỉ là giới thượng lưu trí thức như các tờ báo trước đó. Sáng kiến của Benjamin Henry Day đã khai sinh ra một ngành báo chí hiện đại, theo gót ông trong việc phục vụ đông đảo quần chúng.

² Nhà ái quốc Ý đấu tranh cho sự thống nhất của nước Ý (1807-1882) chống lại sự phân chia nước Ý do các nước Áo, Pháp và Tòa Thánh La Mã chủ trương.

³ Một ngôi làng gần La Mã, nơi nghĩa quân Ý của Giuseppe Garibaldi bị quân đội liên minh của Pháp và Tòa thánh La Mã đánh bại vào ngày 3 tháng 11 năm 1867. Bà *Blavatsky* bị thương nặng trong trận này khi bà được 37 tuổi.

⁴ Cả hai loại trên đều được gọi chung là âm binh.

⁵ Isis là tên một vị nữ thần Ai Cập, tượng trưng cho sự minh triết thiêng liêng. Tựa sách ấy ngụ ý là: vén màn bí mật của thiên cơ.

⁶ Tức *ruble*, đơn vị tiền tệ của Nga.

⁷ Tức Robert Dale Owen (1801-1877), người Mỹ gốc Anh, học giả, tác giả của nhiều quyển sách nổi tiếng. Ông sinh ở Glasgow, Scotland, là con trai trưởng của nhà cải cách xã hội nổi tiếng Robert Owen. Cuộc đời ông dành nhiều thời gian cho các phong trào hoạt động xã hội, theo hướng của cha ông. Tuy nhiên, đến gần cuối đời ông chuyển sang tin nhận triết học tâm linh và có xuất bản quyển *The Debatable Land Between This World and the Next* (1872) (Cánh giới đáng tranh biện giữa kiếp này và kiếp sau).

⁸ William Crookes sinh năm 1832, mất năm 1919, là nhà hóa học và vật lý học nổi tiếng thời đó. Ông sinh tại London và tốt nghiệp trường Royal College of Chemistry. Năm 1859 ông thành lập tạp chí *Chemical News*.

Năm 1864, ông làm Chủ bút tạp chí Journal of Science. Ông được phong tước hiệp sĩ năm 1897 và nhận huân chương Order of Merit vào năm 1910.

9 Alfred Wallace (1823-1913), nhà tự nhiên học người Anh và là người sưu tập động vật hoang dã. Ông là người đầu tiên thành lập những nền tảng của thuyết tiến hóa qua sự chọn lọc trong tự nhiên. Lý thuyết của ông được công bố cùng lúc với Charles Robert Darwin. Tuy hai người làm việc riêng biệt và hoàn toàn không biết gì về nhau, nhưng lý thuyết của họ hầu như hoàn toàn giống nhau về cơ bản.

10 Camille Flammarion (1842 - 1925), nhà thiên văn học nổi danh người Pháp.

11 Năm 1872, ông William Stainton Moses trở thành Chủ bút của báo Light và đã viết nhiều quyển sách nói về đề tài tâm linh.

12 Tức Jean François Champollion (1790-1832), nhà Ai Cập học người Pháp, là người đặt nền móng cho khoa Ai Cập học hiện đại. Ông để lại một số tác phẩm nổi tiếng, trong đó có quyển Summary of the Hieroglyphic System of the Ancient Egyptians – 1824) (Hệ thống cổ tự Ai Cập cương yếu), Egyptian Grammar – 1836-1841 (Ngữ pháp Ai Cập) và Egyptian Dictionary – 1842-1843 (Từ điển Tiếng Ai Cập). Hai tác phẩm sau chỉ được xuất bản sau khi ông đã qua đời.

13 Tức Georg Moritz Ebers (1837-1898), nhà Ai Cập học kiêm tiểu thuyết gia người Đức, sinh tại Berlin và tốt nghiệp các trường Đại học Gottingen, Berlin, and Jena. Năm 1865, ông là giảng viên bộ môn Ai Cập học ở trường Đại học Jena và năm 1870 chuyển đến làm giáo sư trường Đại học Leipzig cho đến năm 1889. Từ năm 1869 đến 1873 ông đã 2 lần đến Ai Cập và trong chuyến đi thứ nhì ông phát hiện bộ sách viết trên chỉ thảo nổi tiếng được mang tên ông. Vào năm 1874 ông thực hiện công trình chỉnh lý bộ sách cổ này. Hiện nay nó vẫn còn được lưu giữ tại thư viện trường Đại học Leipzig. Công trình nghiên cứu khoa học quan trọng đầu tiên của ông được công bố trong quyển sách Egypt and the Books of Moses – 1867-1868 (Ai Cập và bộ sách của Moses). Ngoài việc nghiên cứu học thuật, ông cũng viết tiểu thuyết lịch sử với bối cảnh Ai Cập, nhằm phổ biến những hiểu biết

về đất nước này. Tiểu thuyết thành công nhất của ông là bộ Công chúa Ai Cập, gồm 3 quyển, xuất bản năm 1864.

14Tác phẩm Zanoni đã được Nguyễn Hữu Kiệt dịch sang tiếng Việt, nhan đề “Tây Phương huyền bí”

15 Túc Joseph von Fraunhofer (1787-1826), một nhà quang phổ học và vật lý học người Đức, sinh ở Straubing. Chính những kết quả nghiên cứu đầu tiên của ông đã dẫn đến sự phát minh ra kính quang phổ.

16 Túc Benjamin Franklin, nhà khoa học nổi tiếng người Mỹ, sinh ngày 17 tháng 1 năm 1706 tại Boston, Massachusetts và mất ngày 17 tháng 4 năm 1790. Ông có rất nhiều phát minh quan trọng trong việc sử dụng dòng điện và cũng là người phát minh ra việc sử dụng cột thu lôi.

17Túc Thomas Edison (1847-1931), nhà phát minh vĩ đại người Mỹ, bắt đầu sự nghiệp từ khá sớm, nhận bằng sáng chế đầu tiên vào năm 1869 (22 tuổi) và tiếp tục làm việc không ngừng cho đến khi chết, đạt được hơn 1.000 bằng sáng chế với đủ mọi phát minh quan trọng, trong đó gồm cả bóng đèn điện, máy điện thoại, máy hát, máy chiếu phim...

18 Tên nguyên tác là Isis Unveiled. Đây là bộ sách đầu tiên của bà *Blavatsky*, được trích dịch một vài đoạn có nhan đề “Thiên nhiên huyền bí”. Sách được xuất bản lần đầu tiên năm 1877.

19 Chỉ tác phẩm “On the Origin of Species” của Charles Darwin (1809-1882), được xuất bản năm 1859, thiết lập nền móng đầu tiên cho Thuyết tiến hóa trong tự nhiên của ông.

20 Syracuse là một thành phố nằm ở giữa tiểu bang *New York*, thuộc Onondaga County.

21 Porphyry: triết gia thời cổ đại La Mã, là thầy của triết gia Iamblichus, người có niên đại không xác định trong khoảng năm 250-330.

22 Túc John Tyndall (1820-1893), nhà vật lý học nổi tiếng của Anh quốc, sinh ra tại Leighlinbridge, Carlow, Ireland, du học và tốt nghiệp trường Đại học Marburg ở Đức.

23 Tác Timothy O’Sullivan (1840-1882), nhiếp ảnh gia người Mỹ, nổi tiếng trong thế kỷ 19 với những bức ảnh phong cảnh và cả ảnh chiến trường được thực hiện trong cuộc nội chiến của nước Mỹ (1861-1865). O’Sullivan sinh ra tại Staten Island, *New York* và làm việc ở Ảnh viện Mathew Brady trong thành phố *New York*.

24The Secret Doctrine, được xuất bản năm 1888.

25 Người Rajput: một trong các tộc người Hindu sống ở vùng tây bắc Ấn Độ. Phần lớn người Rajput hiện nay sống ở bang Rājāsthān.

26 Các nhà Đông Phương học ưu tú nhất đều coi bộ sách này như một ngụy thư thời cổ. Tôi chú thích sách ấy ở đây chỉ với ý định diễn tả phương pháp nhập xác mà thôi.

27 Vào lúc đó, trụ sở Hội Thông Thiên Học được đặt tại tư gia của hai nhà sáng lập, số 302 đường West 47th.